

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP CÁC
LOẠI, CÔNG SUẤT 3.000.000 ĐÔI/NĂM”**

**ĐỊA CHỈ: 108 NGUYỄN ẨM THỦ, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12,
TP. HỒ CHÍ MINH**

Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP CÁC
LOẠI, CÔNG SUẤT 3.000.000 ĐÔI/NĂM”**

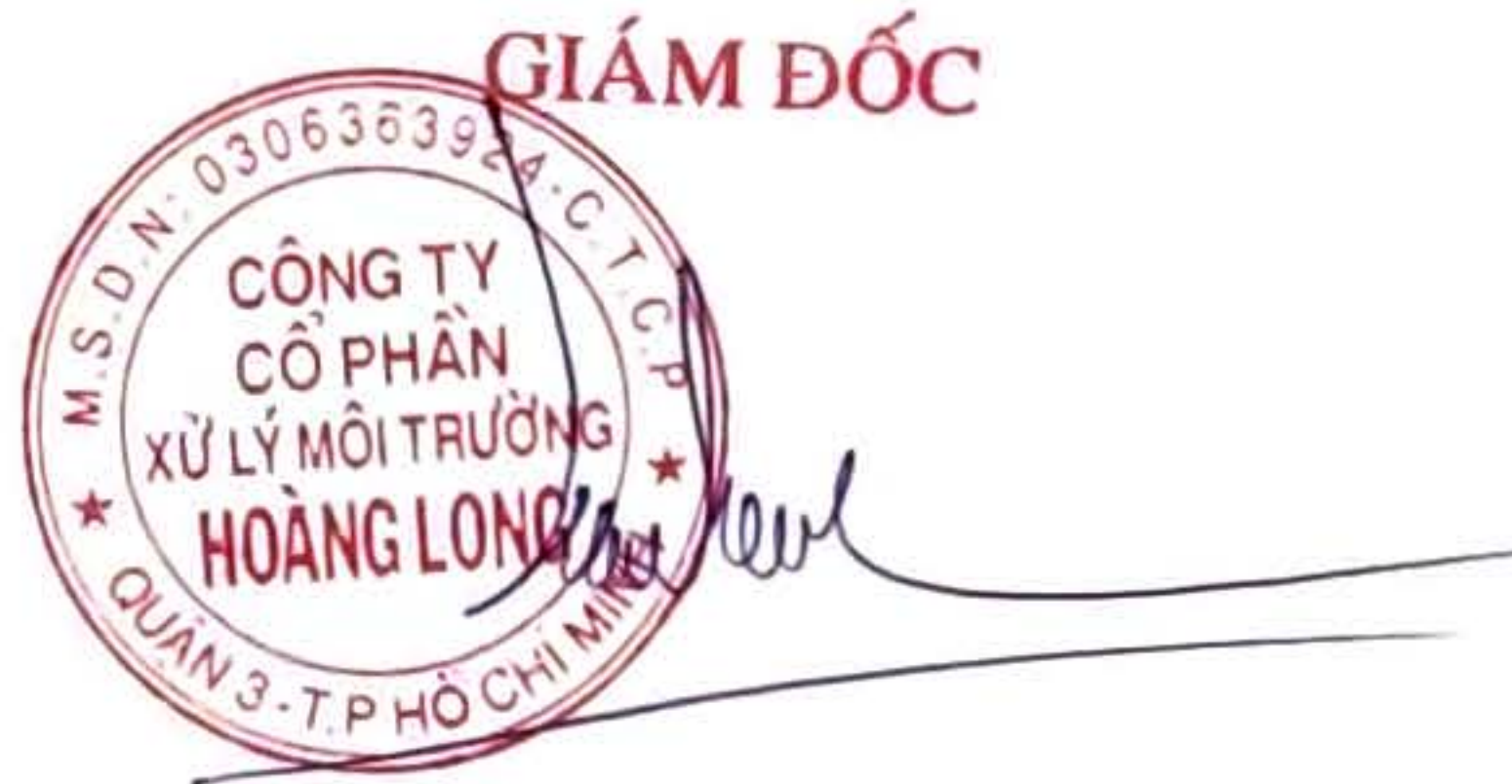
**ĐỊA CHỈ: 108 NGUYỄN ẨM THỦ, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12,
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CHỦ CƠ SỞ:
CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÀY THIÊN LỘC**



**Giám Đốc
Phạm Quang Chánh**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN XLMT
HOÀNG LONG**



Phú Trần Liêm

Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh, Tháng.....Năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH SÁCH BẢNG	5
DANH SÁCH HÌNH	6
CHƯƠNG 1:MÔ TẢ TÓM TẮT CƠ SỞ	8
1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc	9
2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất giày dép các loại, công suất 3.000.000 đôi/năm	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	14
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	14
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	15
3.2.1. Quy trình xử lý, hoàn thiện đế giày dép.....	16
3.2.2. Quy trình sản xuất giày dép các loại.....	18
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	19
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	20
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu sử dụng của cơ sở.....	20
4.1.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở giai đoạn vận hành	20
4.1.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu của cơ sở.....	20
4.1.1.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở.....	23
4.1.1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước của cơ sở.....	35
4.1.2. Điện năng sử dụng của cơ sở.....	37
4.1.3. Hóa chất sử dụng của cơ sở.....	37
5. Các hạng mục công trình khác của cơ sở	37
5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở.....	37
5.2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng của cơ sở.....	45
CHƯƠNG II:SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	53
CHƯƠNG III:KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	56
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	56
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	56
1.2. Thu gom, thoát nước thải	57
1.3. Xử lý nước thải.....	61
1.3.1 Các hạng mục công trình xây dựng.....	65
1.3.2. Các hạng mục thiết bị, công nghệ	66
1.3.3. Quy trình vận hành	69
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	74
2.1. HTXL bụi mài để 1 (Line 1, Line 2), công suất 15.000 m ³ /h	75

2.1.1. Công trình thu gom trước xử lý.....	75
2.1.2. Công trình xử lý.....	76
2.2. HTXL bụi mài đế 2 (Line 3, Line 4, Line 5), công suất 15.000 m ³ /h.....	77
2.2.1. Công trình thu gom trước xử lý.....	77
2.2.2. Công trình xử lý.....	78
2.3. HTXL bụi mài đế 3 (Line 6, Line 7), công suất 15.000 m ³ /h.....	79
2.3.1. Công trình thu gom trước xử lý.....	79
2.3.2. Công trình xử lý.....	80
2.4. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền rửa đế, công suất 12.000 m ³ /h.....	80
2.5. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1 (Line 1, Line 2), công suất 12.000 m ³ /h.....	81
2.6. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 2 (Line 3), công suất 12.000 m ³ /h.....	82
2.7. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 3 (Line 4), công suất 12.000 m ³ /h.....	83
2.8. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 4 (Line 5), công suất 12.000 m ³ /h.....	84
3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ máy phát điện.....	87
4. Công trình, biện pháp thông thoáng nhà xưởng của cơ sở.....	88
4.1. Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	88
4.2. Chất thải rắn công nghiệp (CTRCN) không nguy hại.....	91
5. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	92
6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	97
7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	97
7.1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.....	97
7.2. Biện pháp về an toàn hóa chất, ứng phó sự cố do hóa chất.....	104
7.3. Quy tắc an toàn làm việc với hệ thống khí nén.....	109
7.4. Biện pháp khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải.....	110
7.4.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn tiếp nhận.....	110
7.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành.....	111
7.5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, bể đường ống cấp thoát nước.....	117
7.6. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố HTXL khí thải.....	118
8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở.....	120
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	124
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	124
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	124
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:.....	124
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	125

3. Nội dung đề nghị cấp phép về tiếng ồn, độ rung:.....	128
4. Nội dung đề nghị cấp phép về chất thải nguy hại.....	129
5. Nội dung đề nghị cấp phép về chất thải rắn.....	130
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	132
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ...	134
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải	134
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	134
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	134
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	135
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	135
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	137
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	139
PHỤ LỤC	141
PHỤ LỤC 1	142
PHỤ LỤC 2	143
PHỤ LỤC 3	144

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BOD ₅	Nhu cầu oxy hóa sinh học (5 ngày)
BTNMT	Bộ Tài nguyên môi trường
BYT	Bộ Y tế
BXD	Bộ Xây dựng
COD	Nhu cầu oxy hóa hóa học
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1. 1. Vị trí tọa độ của cơ sở	9
Bảng 1. 2. Công suất hoạt động của cơ sở	14
Bảng 1. 3. Công suất hoạt động của cơ sở	19
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hóa chất của cơ sở	20
Bảng 1. 5. Danh mục các loại hóa sử dụng của cơ sở	23
Bảng 1. 6: Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước giai đoạn vận hành Cơ sở.....	35
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở.....	35
Bảng 1. 8. Bảng thống kê lượng nước cấp sử dụng tối đa của cơ sở	35
Bảng 1. 9. Ước tính lượng nước cấp cho phòng cháy chữa cháy.....	36
Bảng 1. 11. Diện tích đất của cơ sở trước và sau khi thu hồi đất.....	37
Bảng 1. 10. Cơ cấu sử dụng đất.....	37
Bảng 1. 12. Các hạng mục công trình thuộc công trình thu hồi và các công trình dự kiến cải tạo mới của cơ sở.....	39
Bảng 1. 14. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	45
Bảng 3. 1. Hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở.....	57
Bảng 3. 2. Thông số, kích thước các bể tự hoại của cơ sở.....	58
Bảng 3. 3. Hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở.....	60
Bảng 3. 4. Các hạng mục công trình xây dựng của HTXL nước thải	65
Bảng 3. 5. Các hạng mục thiết bị, công nghệ.....	66
Bảng 3. 6. Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng cho HTXL nước thải của cơ sở.....	72
Bảng 3. 7. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của cơ sở	73
Bảng 3. 8. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của cơ sở	74
Bảng 3. 9. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài 1	75
Bảng 3. 10. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài để 1	76
Bảng 3. 11. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài để 2	77
Bảng 3. 12. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài để 2	78
Bảng 3. 13. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài để 3	79
Bảng 3. 14. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài để 3	80
Bảng 3. 15. Các hạng mục công trình thu gom hơi hóa chất dây chuyền rửa để.....	81
Bảng 3. 16. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 1	82
Bảng 3. 17. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 2	83
Bảng 3. 18. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 3	83
Bảng 3. 19. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 4	84
Bảng 3. 20. Quy chuẩn xả thải đối với các nguồn khí thải phát sinh tại Cơ sở	85
Bảng 3. 21. Kết quả quan trắc bụi, khí thải của Cơ sở	86
Bảng 3. 22. Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa tại cơ sở.....	90
Bảng 3. 23. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tối đa tại cơ sở.....	91
Bảng 3. 24. Thành phần và khối lượng chất thải phát sinh tối đa tại cơ sở.....	93
Bảng 3. 25. Công trình, phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	101
Bảng 3. 26. Thiết bị, phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....	109
Bảng 3. 27. Một số sự cố thường gặp về máy móc thiết bị và cách khắc phục	112
Bảng 3. 28. Thống kê một số sự cố, nguyên nhân và cách khắc phục trong quá trình vận hành TXLNT	113
Bảng 3. 29. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL bụi.....	118

Bảng 3. 30. Những thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường và giấy XNHT Đề án bảo vệ môi trường của cơ sở.....	120
Bảng 4. 1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.....	125
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giới hạn theo dòng khí thải 01→12.....	128
Bảng 4. 3. Giới hạn về tiếng ồn.....	129
Bảng 4. 4. Giới hạn về độ rung.....	129
Bảng 4. 5. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại lớn nhất.....	129
Bảng 4. 6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lớn nhất.....	130
Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	131
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của cơ sở	132
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	134
Bảng 6. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	134

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí cơ sở.....	11
Hình 1. 2. Sơ đồ vị trí khu đất thu hồi và khu đất dự kiến cải tạo lại của cơ sở	12
Hình 1. 3. Mặt bằng quy hoạch khu đất của cơ sở	13
Hình 1. 4: Quy trình xử lý, hoàn thiện để giày dép	16
Hình 1. 5. Quy trình sản xuất giày, dép các loại	18
Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất 120 m ³ /ngày.đêm	43
Hình 1. 7. HTXL bụi mài 01, 02, 03.....	44
Hình 1. 8. HTXL hơi hóa chất từ dây chuyền dán keo đế 01, 02, 03, 04, 05	44
Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở	56
Hình 3. 2. Hình ảnh hố ga thu gom thoát nước mưa bên trong cơ sở	57
Hình 3. 3. Sơ đồ thoát nước thải của cơ sở	59
Hình 3. 4. Hình ảnh đường ống thoát nước thải sau xử lý và hố ga thoát nước bên trong cơ sở	59
Hình 3. 5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải công suất 120 m ³ /ngày.đêm của cơ sở.....	61
Hình 3. 6. Hình ảnh các công trình phụ trợ xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối	65
Hình 3. 7. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài 1.....	75
Hình 3. 8. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 1	76
Hình 3. 9. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài đế 2.....	77
Hình 3. 10. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 2.....	78
Hình 3. 11. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài đế 3	79
Hình 3. 12. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 3.....	80
Hình 3. 13. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền rửa đế.....	81
Hình 3. 14. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1	82
Hình 3. 15. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 2	82

Hình 3. 16. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 3	83
Hình 3. 17. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 4	84
Hình 3. 18: Minh họa cấu trúc phòng đặt máy phát điện dự phòng và biện pháp chống ồn, chống rung	87
Hình 3. 19. Hình ảnh khu vực máy phát điện dự phòng	88
Hình 3. 20. Sơ đồ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn	89
Hình 3. 21. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	92
Hình 3. 22. Hình ảnh khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và bồn chứa nước thải từ quá trình rửa bản in, khuôn in	95
Hình 3. 23. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại của nhà máy.....	96
Hình 3. 24. Các bước ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất	108

CHƯƠNG 1

MÔ TẢ TÓM TẮT CƠ SỞ

Cơ sở “Nhà máy sản xuất giày dép các loại, công suất 3.000.000 đôi/năm” do Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0301454896, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với mục tiêu: Sản xuất giày dép các loại.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

Ngày 22 tháng 04 năm 2013, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy xác nhận số 2225/GXN-TNMT-CCBVMT về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Nhà máy giày Thiên Lộc – Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, Cơ sở đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1625/GP-STNMT-TNNKS do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 07 tháng 04 năm 2021, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc có nộp hồ sơ đề nghị cấp phép xả thải vào nguồn nước theo biên nhận số 20210800108 vào Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh để được xem xét, cấp phép.

Ngày 07 tháng 05 năm 2021, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc có nhận được văn bản số 3309/STNMT-TNNKS của Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc có nộp hồ sơ đề nghị cấp phép xả thải vào nguồn nước theo biên nhận số 202100800478 vào Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh để được xem xét, cấp phép.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, Cơ sở đã nhận được văn bản số 264/STNMT-TNNKS của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc làm rõ hồ sơ đề nghị xả thải vào nguồn nước. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan Cơ sở đã chưa có những phản hồi theo ý kiến của văn bản này.

Ngày 29 tháng 04 năm 2022, Cơ sở đã nhận được văn bản số 3302/STNMT-TNNKS của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc trả hồ sơ đề nghị xả thải vào nguồn nước và hướng dẫn nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường gửi lên Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh để được cấp phép theo đúng quy định.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, cơ sở có nhận được Công văn số 839/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thẩm quyền cấp phép môi trường của cơ sở thì cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp huyện do UBND Quận 12 cấp.

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc

- Địa chỉ văn phòng: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp, Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

Ông Phạm Quang Chánh Chức vụ: Giám đốc

Sinh ngày: 10/01/1956

CCCD: 049056000144 Ngày cấp:22/12/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Đăng ký thường trú: Số 55 Phan Xích Long, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 55 Phan Xích Long, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0837175424-37175421

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0301454896, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất giày dép các loại, công suất 3.000.000 đôi/năm

Địa điểm thực hiện cơ sở đầu tư: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp, Hồ Chí Minh với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc: Giáp khu dân cư;
- Phía Tây và Tây Bắc: Giáp đất trống;
- Phía Nam và Tây Nam: Giáp khu dân cư;
- Phía Đông và Đông Nam: Giáp đường Nguyễn Ảnh Thủ.

Vị trí giới hạn cơ sở theo hệ tọa độ VN2000 được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 1. 1. Vị trí tọa độ của cơ sở

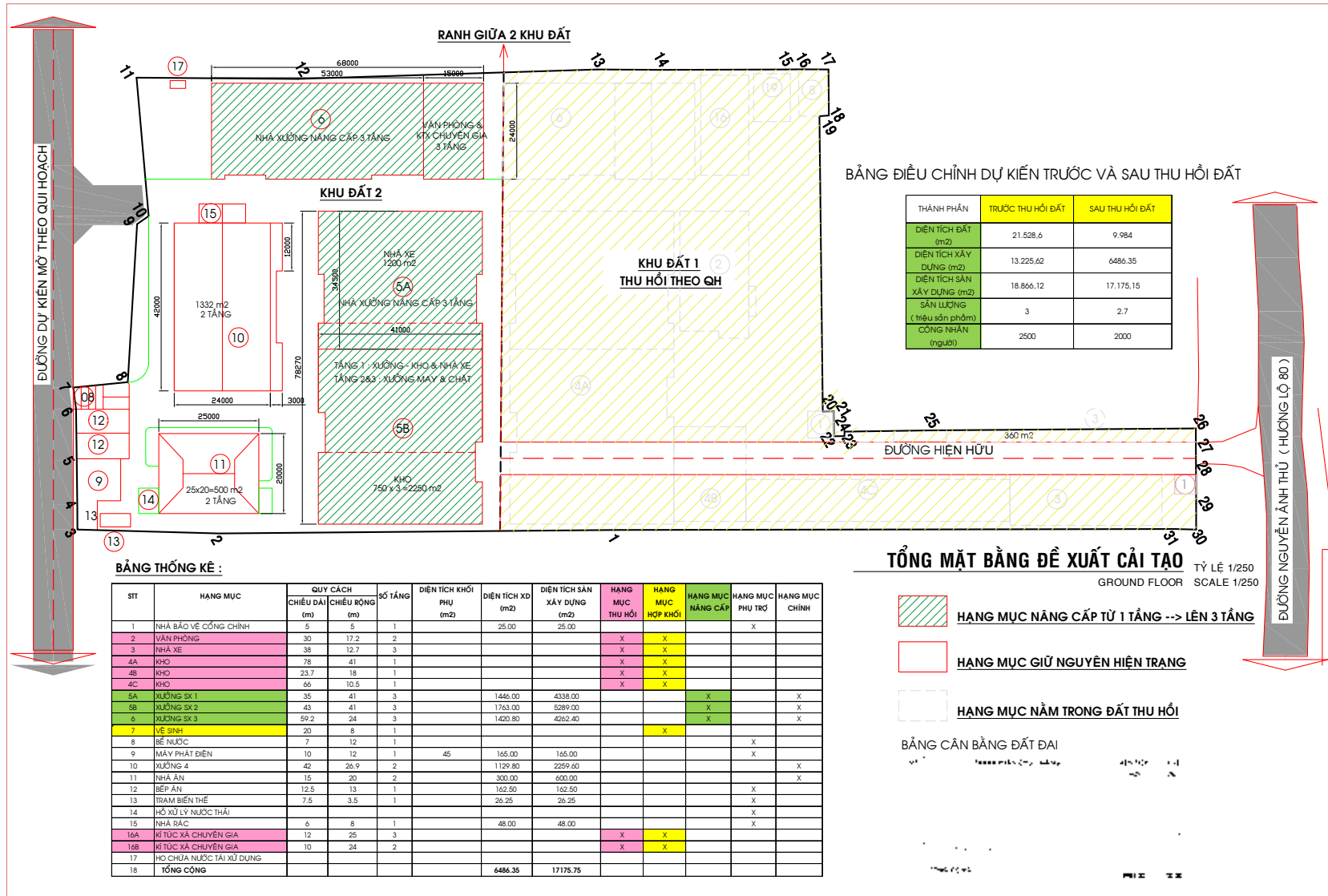
Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1202956.42	596854.40	44.22
2	1202917.68	596833.08	35.72
3	1202887.08	596814.65	34.57
4	1202868.14	596843.57	3.55
5	1202864.60	596843.84	39.58

6	1202842.47	596876.66	14.58
7	1202827.91	596875.81	2.77
8	1202826.54	596878.22	10.05
9	1202821.54	596886.94	11.16
10	1202815.96	596896.61	6.18
11	1202812.84	596901.95	35.34
12	1202842.74	596920.78	22.60
13	1202862.28	596932.13	40.48
14	1202903.57	596956.11	114.51
15	1202956.42	596854.40	

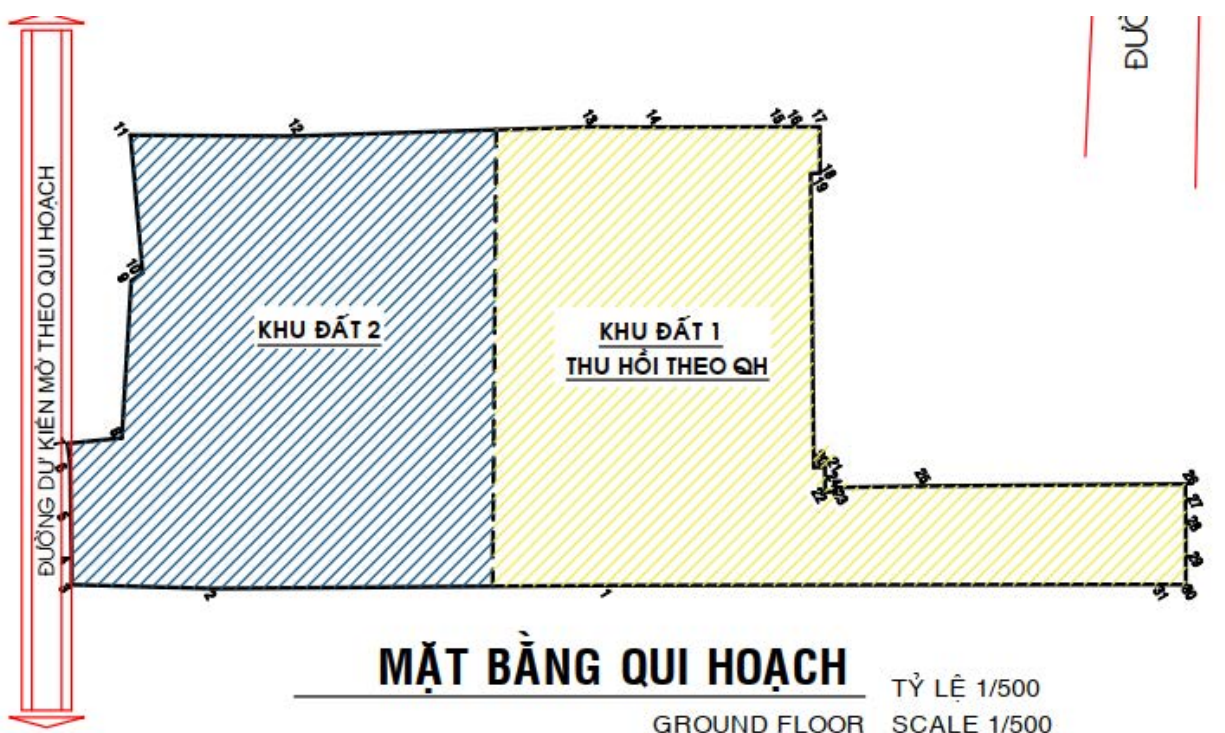


Hình 1. 1. Vị trí cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường



Hình 1. 2. Sơ đồ vị trí khu đất thu hồi và khu đất dự kiến cải tạo lại của cơ sở



Hình 1. 3. Mặt bằng quy hoạch khu đất của cơ sở

- Giấy tờ pháp lý về đất đai, xây dựng của cơ sở:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 2/1a/QSDD/524/UB ngày 21 tháng 3 năm 1998 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- + Hợp đồng thuê đất số 304/HĐ-TĐ ngày 17 tháng 03 năm 1998 giữa Sở Địa Chính Tp. Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Giày Thiên Lộc về việc thuê lại lô đất có diện tích 9.984 m².
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số vào sổ cấp GCN: CT00332 ngày 13 tháng 4 năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
- + Giấy phép xây dựng số 3905/GPXD ngày 21 tháng 07 năm 1994 do Kiến trúc sư trưởng Thành phố cấp.
- + Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 766/BBHC ngày 4 tháng 1 năm 1995 do Kiến trúc sư trưởng Thành phố kiểm tra và xác nhận.
- + Giấy phép xây dựng số 142/GPXD ngày 12 tháng 5 năm 1998 do Kiến trúc sư trưởng Thành phố cấp.
- + Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 924/BBHC ngày 7 tháng 4 năm 1998 do Kiến trúc sư trưởng Thành phố kiểm tra và xác nhận.
- + Giấy phép xây dựng số 17/GPXD ngày 21 tháng 01 năm 2003 do Sở xây dựng Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- + Giấy xác nhận số 05/GPXD-GXN ngày 03 tháng 03 năm 2003 do Sở xây dựng Tp. Hồ Chí Minh cấp về việc hiệu đính nội dung giấy phép xây dựng.
- + Giấy phép xây dựng tạm số 3352/GPXD-T-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 do UBND Quận 12 cấp.

- + Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình số 3473/GPCT-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 do UBND Quận 12 cấp.
- Các giấy tờ pháp lý về môi trường đã được cấp của cơ sở:
- + Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- + Giấy xác nhận số 2225/GXN-TNMT-CCBVMT về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Nhà máy giày Thiên Lộc – Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1625/GP-STNMT-TNNKS ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.001462.T ngày 26 tháng 02 năm 2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
- + Vốn đầu tư thực hiện cơ sở: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỉ đồng) thuộc cơ sở nhóm B được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của cơ sở

Căn cứ khoản 2 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, đối với các Doanh nghiệp đang hoạt động có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải thì thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Công văn số 839/STNMT-CCBVMT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp huyện do UBND Quận 12 cấp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Nhà máy sản xuất giày dép các loại công suất 3.000.000 đôi/năm. Sản phẩm và công suất cụ thể được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1. 2. Công suất hoạt động của cơ sở

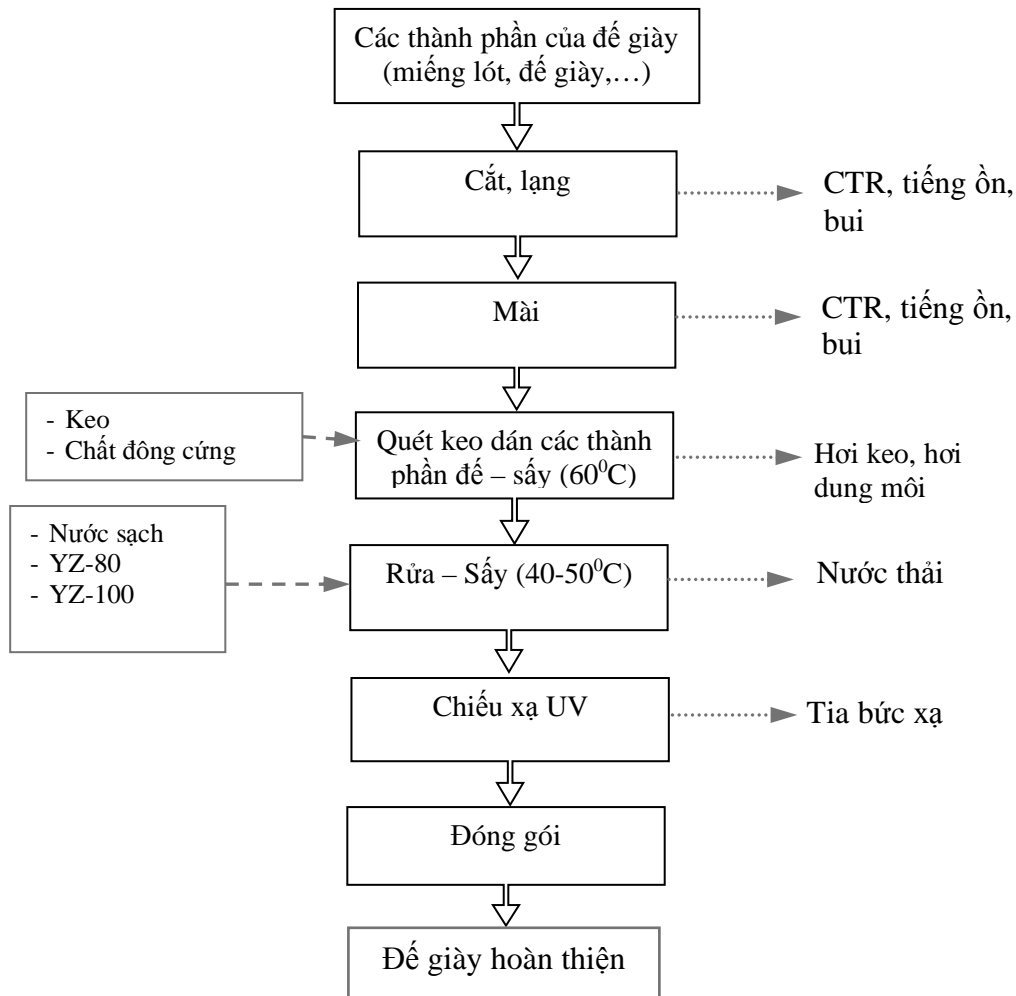
STT	Tên sản phẩm	Công suất (đôi/năm)	Tỷ lệ (%)
1	Giày thể thao hiệu Puma	2.400.000	80
2	Giày thể thao hiệu khác	600.000	20
Tổng cộng		3.000.000	100

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ sản xuất giày dép của cơ sở là công nghệ khá hiện đại. Đây là công nghệ sản xuất phổ biến tại các nhà máy sản xuất giày dép lớn, nhỏ tại Việt Nam và trên thế giới vận hành.

Tất cả máy móc đều trong tình trạng hoạt động tốt và đảm bảo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường theo quy định. Cơ sở không thay đổi công suất sản xuất.

3.2.1. Quy trình xử lý, hoàn thiện đế giày dép



Hình 1. 4: Quy trình xử lý, hoàn thiện đế giày dép

Thuyết minh quy trình

Các thành phần tạo nên đế giày, dép (đế EVA, TPU đệm gót, DNA, đế trung,...) được đưa qua các công đoạn cát, lạng, mài để tạo hình, tạo điều kiện để các thành phần của đế giày kết dính vào nhau tốt hơn. Tùy vào loại đế và các thành phần cần dán thì cơ sở sử dụng các loại keo dán khác nhau để kết dính tạo thành đế giày, dép. Sau quá trình quét keo, chất đông cứng, các đế giày, dép sẽ được đưa qua chuyền sấy. Công đoạn sấy và quét keo được thực hiện trên 1 dây chuyền, sau mỗi lần quét keo, lao động sẽ đưa đế vừa quét keo, quét chất đông cứng lên băng chuyền đang di chuyền. Sau đó băng chuyền sẽ di chuyền qua các buồng sấy ở nhiệt độ dao động khoảng 50-58°C để sấy khô keo vừa quét.

Sau khi dán keo, các đế giày, dép sẽ được đưa qua công đoạn rửa sạch bằng nước có sử dụng hóa chất làm sạch YZ-80 và YZ-100. Hỗn hợp nước và hóa chất rửa được tuần hoàn trong chuyền rửa, định kỳ xả ra 1 lần/tuần với lưu lượng xả khoảng 0,5 m³/tuần.

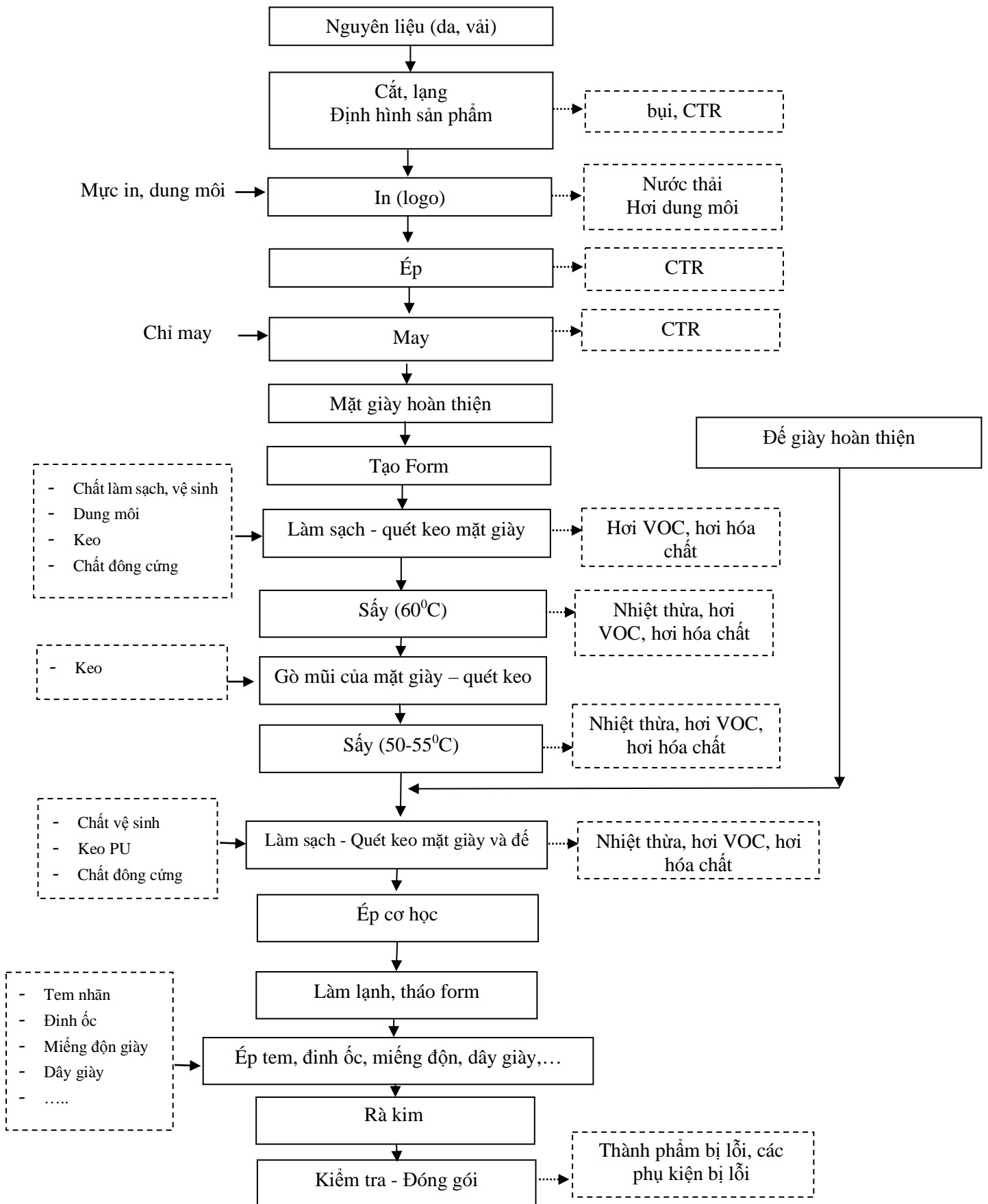
Quá trình rửa, sấy khô được thực hiện trong 1 dây chuyền được vận hành tự động, nước sạch và hỗn hợp hóa chất rửa sau khi pha trộn sẽ được đưa qua điện trở gia nhiệt để gia nhiệt lên nhiệt độ khoảng 50°C để tăng hiệu quả rửa, tại chuyền rửa được bố trí

rất nhiều các đầu phun nước áp lực để phun xịt trực tiếp vào bán thành phẩm để loại bỏ hoàn toàn những vết bẩn bám trên bán thành phẩm (thời gian rửa khoảng 10 phút). Lượng nước này sẽ được thu gom và đưa qua hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất 120 m³/ngày để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực.

Sau khi rửa, các bán thành phẩm được đưa qua giai đoạn sấy khô (trên cùng dây chuyền với công đoạn rửa), tại đây được bố trí hệ thống thổi khí nóng nhờ điện trở gia nhiệt ở nhiệt độ 40 -45 °C để sấy khô nước trên các bán thành phẩm, thời gian sấy khô khoảng 5 – 10 phút.

Cuối cùng đế giày được đưa qua máy chiếu tia UV để làm mất tia năng lượng còn lại trong đế giày, giúp keo dán dính chặt hơn trước khi đưa đế giày nhập kho chuẩn bị cho quy trình sản xuất giày.

3.2.2. Quy trình sản xuất giày dép các loại



Hình 1. 5. Quy trình sản xuất giày, dép các loại

Thuyết minh quy trình:

Sản xuất mặt giày: Nguyên vật liệu để sản xuất mặt giày là vải, da được cắt theo kích cỡ quy định và chuẩn bị đưa vào sản xuất. Đối với những loại giày có in logo thì trước tiên vật liệu được đặt lên mặt bàn, bên trên là một miếng vải làm bằng vật liệu không thấm nước, chỉ có hình logo là mực có thể thấm qua. Ở công đoạn in logo, người ta cho mực chảy vào tấm lưới đó và sẽ tạo hình logo trên miếng vật liệu. Ngoài ra, mặt giày còn có một số chi tiết, hoa văn tùy thuộc vào kiểu mẫu giày sản xuất thì được ấn các chi tiết này trên mặt giày. Tiếp theo, nguyên vật liệu sẽ may kết nối tạo thành 1 mặt giày. Tại công đoạn in logo sẽ phát sinh nước thải rửa bản in, khung in sau mỗi lần in.

Mặt giày hoàn thiện tiếp tục được đưa qua công đoạn tạo form (sử dụng form giày bằng gỗ để tạo form cho mặt giày) để tạo hình cho mặt giày. Tại đây, mặt giày tiếp tục được đưa qua công đoạn làm sạch bằng khăn nhúng vào dung dịch làm sạch và tiến hành quét keo lên mặt giày và đưa qua máy sấy ở nhiệt độ 60°C để tạo độ bền chặt cho các chi tiết trên mặt giày.

Sau đó, các mặt giày sẽ được đưa qua công đoạn gò mũi mặt giày (máy gò mũi) để tạo dấu trên mặt giày (quét keo vào vị trí này) và tạo một lớp xơ trên mặt giày nhằm tạo độ kết dính với đế giày trong công đoạn dán mặt giày và đế giày. Các mặt giày sau khi được gò mũi sẽ được đưa qua máy hấp (sử dụng điện) để tạo sự ổn định cho mặt giày và sự bền chặt của mặt giày.

Sản xuất giày thành phẩm: Sau khi tạo thành mặt giày và xử lý đế giày, tiến hành vệ sinh các bề mặt bằng chất vệ sinh (sử dụng khăn nhúng vào chất vệ sinh và lau vào các bề mặt) và quét keo đế giày và mặt giày và dán chúng lại với nhau để tạo độ kết dính giữa đế và mặt giày. Tiếp đến, chúng sẽ được đưa vào máy ép để làm tăng độ bền và độ co chặt của giày, tránh bị giãn nở. Sau đó giày bán thành phẩm sẽ được làm lạnh, tháo form ra khỏi giày và ép tem vào lòng giày trước khi kiểm tra để lựa chọn ra sản phẩm giày hoàn thiện.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1. 3. Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Công suất (đôi/năm)	Tỷ lệ (%)
1	Giày thể thao hiệu Puma	2.400.000	80
2	Giày thể thao hiệu Hitech	600.000	20
Tổng cộng		3.000.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu sử dụng của cơ sở

4.1.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở giai đoạn vận hành

4.1.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu của cơ sở

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hóa chất của cơ sở

STT	Danh mục nguyên liệu, phụ liệu, hóa chất	ĐVT	Nhu cầu sử dụng/tháng	Quy đổi ra khối lượng (tấn/năm)
I	Nguyên liệu, phụ liệu sử dụng của cơ sở			
1	Da giả PU	m ²	200.000	300
2	Vải dệt kim đan	m ²	200.000	10
3	Vải canvas	m ²	200.000	14
4	Tấm lót giày	m ²	200.000	25
5	Dây băng viền	Yard	1.800.000	4,5
6	Viền lót chỉ	Yard	3.000.000	5,2
7	Chỉ may	m	40.000.000	3
8	Nhãn phụ	cái	4.000.000	45
9	Tấm lót (K44 x 54)	tấm	46.000	33
10	Dây giày	cái	600.000	12
11	Miếng đệm trợ	đôi	2.060.000	75
12	Đệm giữa EVA	đôi	824.000	60
13	Miếng lót giày	đôi	412.000	120
14	Miếng trang trí	cái	12.360.000	42
15	Khoan ôđê	bộ	7.416.000	32
16	Đinh tán	cái	3.296.000	15
17	Giấy mỏng	kg	10.400	124,8

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

18	Băng thun	Yard	16.400	21
19	Băng dính	Yard	124.000	42
20	Keo	kg	16.400	170
21	Sơn in	kg	2.000	24
22	Nút chặn	cái	824.000	4,8
23	Đế giày	đôi	412.000	600
24	Dây treo nhãn	cái	824.000	25
25	Băng keo	cuộn	10.000	5
26	Dây kéo	cái	412.000	12
27	Bao nylon	cái	206.000	30
28	Miếng chống ẩm	cái	412.000	36
29	Mút xốp	m ²	124.000	55
30	Đinh ốc đế	cái	4.944.000	48
31	Khóa van ốc đế	cái	400.000	12
32	Miếng độn giày	đôi	206.000	26
33	Da bò thuộc	m ²	928.000	800
34	Da dê thuộc	m ²	300.000	200
35	Da heo thuộc	m ²	300.000	200
36	Da Kangaru thuộc	m ²	300.000	250
37	Thùng carton	cái	10.000	120
II	Hóa chất sử dụng của nhà máy			
1	Keo-6607VN1	Kg	1.634	19,61
2	Keo-577NT3	Kg	96	1,15
3	Keo PU-98NH1	Kg	850	10,20
4	Chất đông cứng-367S1	Kg	88	1,06







Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5	Chất vệ sinh - 202A	Kg	252	3,02
6	258H1-1	Kg	61	0,73
7	Keo-312PM	Kg	2.048	24,58
8	Keo-320NUV	Kg	274	3,29
9	348N	Kg	123	1,48
10	Keo-258H1-1	Kg	61	0,73
11	320NUV	Kg	274	3,29
12	Keo-311BS	Kg	35	0,42
13	Chất đông cứng-348N	Kg	123	1,48
14	Keo PU-VNP-585	Kg	637	7,64
15	Keo PU-VNP-72KMN	Kg	1.271	15,25
16	Chất vệ sinh VNP-256	Kg	174	2,09
17	Dung môi vệ sinh-NO.29	Kg	94	1,13
18	Chất đông cứng-CL-16	Kg	33	0,40
19	VNP-RN	Kg	82	0,98
20	Chất xử lý cao su-1015F	Kg	341	4,09
21	Chất xử lý EVA-NUV-24N	Kg	318	3,82
22	Keo-UV-33	Kg	170	2,04
23	Keo-VNP-1041	Kg	31	0,37
24	Dung môi-111T	Kg	406	4,87
25	Chất vệ sinh-VNP-P116	Kg	687	8,24
26	Chất rửa đế-YZ-80	Kg	5	0,06
27	Chất rửa đế -YZ-100	Kg	5	0,06
	Tổng cộng			3.723,4



Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

4.1.1.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở



Bảng 1. 5. Danh mục các loại hóa sử dụng của cơ sở

STT	Tên	Công thức hóa học/Thành phần	Nhãn cảnh báo/ Mức độ độc hại	Đặc tính hóa lý/tác động đến sức khỏe
1	Keo PU	Methyl Ethyl Ketone: 16-52% Polyurethane Resin: 14-18% Ethyl acetate: 8-20% Methyl acetate: 0-30%	 Ngọn lửa  Dấu nguy hại  Nguy hại sức khỏe Chất ít độc, độc nhẹ với các thành phần có chỉ số LD ₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) 2.193-5.600 mg/kg	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng dạng gel có mùi hăng đặc trưng - Điểm nóng chảy: 83⁰C - Nhiệt độ tự bốc cháy: 404⁰C - Chất lỏng và hơi dễ cháy cao. - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
2	Dung môi pha keo - 111T	Tetrahydrofuran: 28-32% Methyl Ethyl Ketone: 68-72%	 Ngọn lửa  Dấu nguy hại  Nguy hại sức khỏe Chất độc vừa với thành phần Tetrahydrofuran có chỉ số LD ₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) 325 mg/kg, chất ít độc với chỉ số LD ₅₀ Methyl Ethyl Ketone tiếp xúc qua da (trên thỏ-mg/kg) là 6.480 mg/kg.	<ul style="list-style-type: none"> - Là dung dịch màu vàng nhạt, mùi hăng - Điểm sôi: 75,1⁰C - Mức độ bay hơi: 2,5 (không khí = 1) - Chất lỏng và hơi dễ cháy cao. - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng, kích ứng da. - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Có thể gây kích ứng đường hô hấp - Có hại nếu nuốt phải



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3	Chất làm sạch, vệ sinh – 202A	Methyl cyclohexane: 65-85% Methyl acetate: 15-35%	 <p>Chất độc nhẹ với thành phần Methyl cyclohexane có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) 1.200 mg/kg, chất ít độc với chỉ số LD₅₀ Methyl acetate tiếp xúc qua da (trên thỏ-mg/kg) là 3.705 mg/kg.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng dạng dung dịch trong suốt, có mùi hăng nồng đặc trưng của dung môi - Điểm sôi: 95-100⁰C - Độ bay hơi: nặng hơn không khí - Chất lỏng và hơi dễ cháy cao. - Có hại nếu nuốt phải. - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường thở. - Gây kích ứng da. - Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt. - Độc đối với đời sống thủy sinh với tác dụng kéo dài. - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
4	Chất vệ sinh – VNP256	Methyl Cyclohexane: 70-80% Methyl Ethyl Ketone: 10-15% Ethyl Acetate: 10-15%	 <p>Chất độc nhẹ với thành phần Methyl cyclohexane có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên thỏ-mg/kg) 2.250 mg/kg, chất độc nhẹ với chỉ số LD₅₀ Methyl Ethyl Ketone qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 2.740 mg/kg. LD₅₀ đường miệng – chuột là 5.600 mg/kg – chất ít độc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là dung dịch trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng, không tan trong nước - Nhiệt độ tự bốc cháy: 291⁰C - Độ bay hơi: 3.22 (không khí =1) - Dung dịch dễ bắt lửa - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp - Gây kích ứng cho da - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

				<ul style="list-style-type: none"> - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại - Độc với động vật sống dưới nước và ảnh hưởng lâu dài
5	Keo UV – 258H1-1	<p>Methyl Cyclohexane: 38-42%</p> <p>Methyl Ethyl Ketone: 50-58%</p> <p>UV curable resin: 4-10%</p>	 <p>Chất độc nhẹ với thành phần Methyl cyclohexane có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chột-mg/kg) 1.200 mg/kg, chất độc nhẹ với chỉ số LD₅₀ UV curable resin qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 2.000 mg/kg. Methyl Ethyl Ketone LD₅₀ đường miệng – chuột là 2.740 mg/kg – chất độc nhẹ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng, không màu, có mùi dung môi đặc trưng - Điểm sôi: 77⁰C - Độ bay hơi: Nặng hơn không khí - Ít tan trong nước. - Dung dịch dễ bắt lửa - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp - Gây kích ứng cho da - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại - Độc với động vật sống dưới nước và ảnh hưởng lâu dài
6	Keo PU gốc nước - 6607VN1	<p>Polyurethane: 45-55%</p> <p>Nước: 45-55%</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng có màu trắng sữa, mùi đặc trưng - Nhiệt độ sôi: 100⁰C







Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			Là chất độc nhẹ với thành phần Polyurethane có chỉ số LD ₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) 2.193 mg/kg.	<ul style="list-style-type: none"> - Hòa tan hoàn toàn trong nước - Có thể gây dị ứng với da - Có thể gây dị ứng mắt nghiêm trọng.
7	Keo Polychloropren – 577NT3	<p>Methyl cyclohexane: 22-28%</p> <p>Chloroprene rubber: 14-18%</p> <p>Methyl Methacrylate: 3-7%</p> <p>Synthetic Resin: 6-12%</p> <p>Methyl Ethyl Ketone: 40-50%</p>	 <p>Là chất độc nhẹ với các thành phần có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) dao động từ 1.200-7.872 mg/kg.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng màu vàng, có vị hăng nồng đặc trưng của MEK - Nhiệt độ sôi: 80°C - Chất lỏng dễ cháy, nhiệt độ tự bốc cháy: 404°C - Ít tan trong nước, nặng hơn không khí - Là chất gây phản ứng dị ứng da, gây kích ứng mắt, có thể gây buồn ngủ và chóng mặt. - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. - Gây độc cho đời sống thủy sinh
8	Nước vệ sinh để - YZ-80	<p>Chất làm ẩm: 5%</p> <p>Axit oxalic: 10%</p> <p>Nước: 85%</p>	 <p>Là chất ít độc với thành phần Axit oxalic có chỉ số LD₅₀ quan đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 7.500mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng trong suốt, - Chất dễ cháy, nhiệt độ sôi 100°C - Gây kích ứng cho da sung đỏ - Gây kích ứng cho mắt, đau rát, đỏ bóng



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

				<ul style="list-style-type: none"> - Nuốt phải: gây bỏng miệng và cổ họng - Chất có tính axit, độ pH = 2,5±0,5.
9	Nước vệ sinh để -YZ100	<p>Chất làm ẩm. 2% Chất hoạt tính bề mặt 3% Axit hữu cơ 5% Xút 10% Nước 80%</p>	 <p>Là chất độc mạnh với thành phần xút có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 40mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng trong suốt, - Chất dễ cháy, nhiệt độ sôi 100⁰C - Gây kích ứng cho da sung đỏ - Gây kích ứng cho mắt, đau rát , đỏ bóng - Nuốt phải: gây bỏng miệng và cổ họng - Chất có tính bazơ, độ pH = 11±0,5.
10	Chất đông cứng 348N	<p>Ethyl acetate: 75-80% Aromatic polyisocyanate: 20-30%</p>	 <p>Ngon lửa Dấu nguy hại Nguy hại sức khỏe</p> <p>Chất ít độc, độc nhẹ với thành phần Ethyl acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) 5.600 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng dễ cháy có mùi dung môi đặc trưng - Điểm nóng chảy: -83⁰C - Gây hại nếu hít phải với nồng độ cao - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn khó thở nếu hít phải - Có thể gây phản ứng dị ứng da



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

11	<p>Chất đông cứng hệ nước – 367S1</p>	<p>Ethyl acetate (EAC): 14-18% Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer: 82-86%</p>	<div style="text-align: center;">   </div> <p style="text-align: center;">Ngon lửa Dấu nguy hại</p> <p>Chất ít độc với thành phần Ethyl Acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 5.600 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng và hơi dễ cháy, không màu, có mùi trái cây - Nhiệt độ sôi: 79°C - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây hại cho thủy sinh với tác động kéo dài
12	<p>Keo thuốc polychloropren không toluene – 577NT3</p>	<p>Methyl cyclohexane: 22-28% Chloroprene rubber: 14-18% Methyl Methacrylate: 3-7% Synthetic Resin: 6-12% Methyl Ethyl Ketone (MEK): 40-5%</p>	<div style="text-align: center;">     </div> <p style="text-align: center;">Ngon lửa Dấu nguy hại Nguy hại sức khỏe Nguy hại môi trường</p> <p>Chất độc nhẹ với các thành phần Methyl cyclohexane và Methyl Ethyl Ketone có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) lần lượt là 1.200 và 2.740 mg/kg</p> <p>Chất ít độc với thành phần Methyl methacrylate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 7.872 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng và hơi dễ cháy cao, dung dịch màu vàng nhạt và có mùi dung môi hăng nồng - Nặng hơn không khí - Nhiệt độ sôi: 80°C - Gây kích ứng da - Có thể gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Có thể gây phản ứng dị ứng da - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. - Độc hại đối với thủy sản có ảnh hưởng lâu dài.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

13	1015F chất xử lý cao su – VNP-105F	Aceton: 97-98% Trichloroisocyanuric Acid: 2-3%	 <p>Chất ít độc với thành phần Aceton có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 5.800 mg/kg</p> <p>Chất độc nhẹ đến vừa với thành phần Trichloroisocyanuric Acid có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 406-750 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch không màu trong suốt, có mùi ketone - Nhiệt độ sôi: 56⁰C - Dung dịch dễ bay hơi và dễ bắt lửa - Chất oxy hóa có thể tăng cường độ đám cháy - Chất gây hại nếu nuốt phải. - Gây kích ứng da.. - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt. - Có thể gây kích ứng đường hô hấp - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt. - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại. - Rất độc cho sinh vật thủy sinh. - Rất độc cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài
14	Chất xử lý hệ dầu – VNP-1041	Methyl Ethyl Ketone: 35-45% Methyl acetate: 20-30% Acetone: 25-35% Resin: 4-10%	 <p>Chất độc nhẹ với các thành phần Methyl Ethyl Ketone và Methyl acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) lần lượt là 2.740 và 3.705 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch không màu đến màu vàng nhạt, có mùi ketone - Dung dịch và hơi dễ bắt lửa - Nhiệt độ sôi: 56-80⁰C - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp


Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			<p>Chất ít độc với thành thành phần Aceton có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 5.800 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gây kích ứng nhẹ cho da - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại
15	Keo PU hệ nước - 6607VN1	<p>Polyurethane: 45-55% Water: 45-55%</p>	<p style="text-align: center;"> Dấu nguy hại</p> <p>Chất độc nhẹ với thành thành phần Polyurethane có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 2.163 mg/kg</p> <p>Tương đối vô hại với thành phần Water chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 90.000 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng có màu trắng sữa - Nhiệt độ sôi: 100⁰C - Có thể gây phản ứng dị ứng da - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Độ PH: 6-8
16	Chất đông cứng - CL-16	<p>Hydrophilic aliphatic polyisocyanate: 78-82% Ethyl acetate: 18-22%</p>	<p style="text-align: center;"> Dễ cháy Nguy hại</p> <p>Chất độc nhẹ với thành thành phần Ethyl acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 4.934 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch không màu đến màu vàng dạ quang nhạt, có mùi ester - Nhiệt độ sôi: 77⁰C - Dung dịch và hơi có khả năng bắt lửa cao - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt









Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

17	Nước rửa mặt dày – VNP-29	Methyl Ethyl Ketone: 99% Acetone: 0.5% Ethyl Acetate: 0.5%	 <p>Chất độc nhẹ với thành phần Methyl Ethyl Ketone có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 2.740 mg/kg</p> <p>Chất ít độc với các thành phần Acetone và Ethyl Acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) lần lượt là 5.800 và 5.600 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch không màu trong suốt, có mùi ketone - Nhiệt độ sôi: 57-82^oC - Dung dịch và hơi dễ bắt lửa - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp - Gây kích ứng nhẹ cho da - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại
18	Keo PU – VNP-72KMN	Methyl Ethyl Ketone: 8-18% Acetone: 10-20% Ethyl Acetate: 32- 42% Methyl Acetate: 16- 26%	 <p>Chất độc nhẹ với thành phần Methyl Ethyl Ketone có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 2.740 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch trong suốt không màu, có mùi ketone - Nhiệt độ sôi: 56-82^oC - Dung dịch và hơi dễ bắt lửa - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp - Gây kích ứng nhẹ cho da


Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			<p>Chất ít độc với các thành phần Acetone và Ethyl Acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) lần lượt là 5.800 và 5.600 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại
19	Keo PU – NP-585	Nước: 47-55% Nhựa PU: 47-51%		<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch không mùi - Nhiệt độ sôi: 100°C - Gây kích ứng nhẹ cho da - Độ PH: 7-9
20	Chất xử lý EVA – VNP-NUV-24N	Methyl Cyclohexane: 65-70% Methyl Ethyl Ketone: 15-20% Ethyl Acetate: 8-10% Modified-EVA Resin: 1,5-3.5%	<div style="text-align: center;">  </div> <p>Chất độc nhẹ với các thành phần Methyl Ethyl Ketone và Methyl Cyclohexane có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) lần lượt là 2.740 và 2.250 mg/kg</p> <p>Chất ít độc với thành phần Ethyl Acetate có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 5.600 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch màu vàng, có mùi khó chịu, không tan trong nước - - Dung dịch và hơi dễ bắt lửa - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp - Nhiệt độ sôi: 77-101°C - Gây kích ứng nhẹ cho da - Kích ứng nghiêm trọng cho mắt - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt - Gây tổn hại đến các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài và lặp lại

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

				- Ảnh hưởng độc hại lâu dài đến sinh vật thủy sinh
21	Chất đông cứng VNP-RN	Ethyl acetate: 66-78% Polyisocyanate: 25-33%	 Ngon lửa  Dấu nguy hại  Nguy hại sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch có màu vàng nhạt, có mùi ester - Nhiệt độ sôi: 77⁰C - Dung dịch và hơi có khả năng bắt lửa cao - Gây dị ứng da - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
22	Nước tẩy rửa – YZ-80	Chất làm ẩm: 5% Axit oxalic: 10% Nước: 85%	    	<ul style="list-style-type: none"> - Là dịch thể trong suốt, mùi nhẹ - Nhiệt độ sôi: 100⁰C - Độ PH: 2.5±0.5 - Chất dễ cháy và dễ bay hơi - Gây kích ứng cho da sừng đỏ - Gây kích ứng cho mắt, đau rát, đỏ bóng - Nuốt phải: gây bỏng miệng và cổ họng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

23	Nước tẩy rửa – YZ-100	Chất làm ẩm: 2% Chất hoạt tính bề mặt: 3% Axit hữu cơ: 5% Xút: 10% Nước: 80%	 <p>Chất độc mạnh với thành phần Xút có chỉ số LD₅₀ qua đường miệng (trên chuột-mg/kg) là 40 mg/kg</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là dịch thể trong suốt - Độ PH: 11.0±0.5 - Chất dễ cháy và dễ bay hơi - Gây kích ứng cho da sừng đỏ - Gây kích ứng cho mắt, đau rát, đỏ bóng - Nuốt phải: gây bỏng miệng và cổ họng
----	-----------------------	--	---	--

Ghi chú: Cơ sở đánh giá mức độ độc của hóa chất dựa trên chỉ số LD₅₀ qua đường miệng, tiếp xúc qua da (trên chuột, thỏ-mg/kg) dựa trên Quyết định số 588/QĐ-TCMT ngày 18/06/2014 của Tổng cục Môi trường về việc ban hành các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm soát phát thải hóa chất nguy hại vào môi trường.

4.1.1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước của cơ sở

✚ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện tại cơ sở

Bảng 1. 6: Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước giai đoạn vận hành Cơ sở

TT	Các loại nhiên liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Điện	KWh/tháng	620.000
2	Dầu DO	Kg/năm	1.000
3	Dầu bôi trơn tổng hợp	Kg/năm	300

Ghi chú :

✚ Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

- **Nguồn cung cấp** : Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH Một thành viên
- **Mục đích sử dụng** : Sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt

Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại cơ sở được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở

TT	Tháng	Đơn vị tính	Lượng nước sử dụng
1	1	m ³ /tháng	2.100
2	2	m ³ /tháng	1.776
3	3	m ³ /tháng	1.702
4	4	m ³ /tháng	2.357
Trung bình		m³/tháng	1.984

Bảng 1. 8. Bảng thống kê lượng nước cấp sử dụng tối đa của cơ sở

TT	Công đoạn phát sinh	Đơn vị	Lượng nước sử dụng	Nước thải phát sinh	Ghi chú
1	Sinh hoạt	m ³ /ngày	90 (2.000 x 45 lít/người/ngày)	90	Tính bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước nấu ăn cho lao động	m ³ /ngày	14 (2.000 suất ăn x 7 lít/suất ăn)	14	Tính bằng 100% lượng nước cấp
3	Nước vệ sinh đế	m ³ /ngày	0,5	0,5	Tính bằng 100% lượng nước cấp (tối đa 2-3 tuần xả 1 lần, lưu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

					lượng xả (0,5m ³)
4	Nước bổ sung thất thoát cho dây chuyền rửa đế	m ³ /ngày	0,1	-	Không phát thải
5	Nước vệ sinh khuôn in, bản in từ khu vực in lụa	m ³ /ngày	0,1	0,1	Tính bằng 100% lượng nước cấp tại thời điểm thay thế và cấp mới
6	Nước tưới cây, sân bãi	m ³ /ngày	1,15	-	-
	Tổng cộng	m ³ /ngày	105,85	104,6	

Nguồn: Số liệu được lấy từ thực tế hoạt động sản xuất của cơ sở, 2024

Ghi chú:

- Số lao động làm việc tại cơ sở hiện nay là 2.000 lao động.
- Lượng nước cấp và nước thải phát sinh được tính toán tối đa tại một thời điểm.
- Định mức nước sử dụng tại cơ sở được tính toán tương đối dựa trên số lao động thực tế và lượng nước tiêu thụ trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Ngoài ra, nước cấp còn phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy. Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy bao gồm lượng nước cấp cho: khu vực có nguy cơ cháy cao (nhà kho), hệ thống chữa cháy bên ngoài, hệ thống chữa cháy bên trong. Ước tính lượng nước cấp cho phòng cháy chữa cháy là 270 m³, được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1. 9. Ước tính lượng nước cấp cho phòng cháy chữa cháy

Stt	Phân loại	Tiêu chuẩn thiết kế	Lượng nước chữa cháy (m ³)
1	Hệ thống chữa cháy bên ngoài	- Số họng chữa cháy: 1 - Lượng nước tính cho mỗi họng: 20 l/s - Thời gian phun chữa cháy: 180 phút	216,0
2	Hệ thống chữa cháy bên trong	- Số họng chữa cháy: 2 - Lượng nước tính cho mỗi họng: 2,5 l/s - Thời gian phun chữa cháy: 180 phút	54,0
Tổng cộng			270

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

5. Các hạng mục công trình khác của cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

Hiện nay, cơ sở đang hoạt động tại 02 khu đất có tổng diện tích 21.528,6 m² bao gồm khu đất tại thửa đất số 74 tờ bản đồ số 5 với diện tích 9.984m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 2/1a/QSDD/524/UB ngày 21 tháng 3 năm 1998 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp (phù hợp với quy hoạch sử dụng đất) và thửa đất số 113 tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số vào sổ cấp GCN: CT00332 ngày 13 tháng 4 năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp với diện tích 11.544,6 m² (không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và dự kiến thu hồi theo quy hoạch).

Hiện tại trên khu đất 1 (đất thuộc diện thu hồi) đang có các công trình nhà xưởng, nhà kho, văn phòng,... phục vụ sản xuất của cơ sở. Để đảm bảo bàn giao đất khi thu hồi phục vụ xây dựng các công trình theo quy hoạch, cơ sở dự kiến sẽ tiến hành thực hiện tháo dỡ các công trình hiện hữu nằm trên khu đất 1 để trao trả mặt bằng và tiến hành cải tạo lại nhà xưởng sản xuất hiện hữu trên khu đất 2 (khu đất phù hợp với quy hoạch) để tiếp tục vận hành sản xuất, đóng góp vào sự phát triển của địa phương, tạo công ăn việc làm cho khoảng 2.000 lao động.

Diện tích dự kiến của cơ sở trước và sau khi thu hồi được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 1. 10. Diện tích đất của cơ sở trước và sau khi thu hồi

THÀNH PHẦN	TRƯỚC THU HỒI ĐẤT	SAU THU HỒI ĐẤT
DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	21.528,6	9.984
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	13.225,62	6486.35
DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	18.866,12	17.175,15

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Tổng diện tích khu đất thực hiện vận hành sản xuất phù hợp với quy hoạch của cơ sở là **9.984** m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 2/1a/QSDD/524/UB ngày 21 tháng 3 năm 1998.

Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở và các hạng mục công trình của Cơ sở được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 1. 11. Cơ cấu sử dụng đất

STT	THÀNH PHẦN CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	PHỤ TRỢ - HTKT	426,75	4,27

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH	6.059,60	60,69
3	CÂY XANH	2.250,00	22,54
4	GIAO THÔNG - SÂN BÃI	1.247,65	12,50
5	TỔNG CỘNG	9.984,00	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Bảng quy hoạch các hạng mục công trình thuộc khu đất 1 (thu hồi) và khu đất 2 dự kiến cải tạo được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 1. 12. Các hạng mục công trình thuộc công trình thu hồi và các công trình dự kiến cải tạo mới của cơ sở

STT	HẠNG MỤC	QUY CÁCH		SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH KHỐI PHỤ (m ²)	DIỆN TÍCH XD (m ²)	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	HẠNG MỤC THU HỒI	HẠNG MỤC HỢP KHỐI	HẠNG MỤC NÂNG CẤP	HẠNG MỤC PHỤ TRỢ	HẠNG MỤC CHÍNH
		CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (m)									
1	NHÀ BẢO VỆ CỐNG CHÍNH	5	5	1		25.00	25.00				X	
2	VĂN PHÒNG	30	17.2	2				X	X			
3	NHÀ XE	38	12.7	3				X	X			
4A	KHO	78	41	1				X	X			
4B	KHO	23.7	18	1				X	X			
4C	KHO	66	10.5	1				X	X			
5A	XUỐNG SX 1	35	41	3		1446.00	4338.00			X		X
5B	XUỐNG SX 2	43	41	3		1763.00	5289.00			X		X
6	XUỐNG SX 3	59.2	24	3		1420.80	4262.40			X		X
7	VỆ SINH	20	8	1					X			
8	BỂ NƯỚC	7	12	1							X	
9	MÁY PHÁT ĐIỆN	10	12	1	45	165.00	165.00				X	
10	XUỐNG 4	42	26.9	2		1129.80	2259.60					X
11	NHÀ ĂN	15	20	2		300.00	600.00					X
12	BẾP ĂN	12.5	13	1		162.50	162.50				X	
13	TRẠM BIẾN THÉ	7.5	3.5	1		26.25	26.25				X	
14	HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI										X	
15	NHÀ RÁC	6	8	1		48.00	48.00				X	
16A	KÍ TỨC XÁ CHUYÊN GIA	12	25	3				X	X			
16B	KÍ TỨC XÁ CHUYÊN GIA	10	24	2				X	X			
17	HỒ CHỨA NƯỚC TÁI XỬ DỤNG											
18	TỔNG CỘNG					6486.35	17175.75					

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Ghi chú: Toàn bộ các hạng mục công trình xử lý chất thải (khí thải, nước thải, nhà rác) đều nằm tại khu đất 2 (khu đất phù hợp với quy hoạch)

✚ Các hạng mục công trình chính của cơ sở hiện hữu và dự kiến cải tạo

Nhà xưởng được xây dựng và bố trí với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hoàn chỉnh, đảm bảo phù hợp quy hoạch phát triển chung. Đáp ứng nhu cầu văn phòng làm việc và sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc.

Các hạng mục công trình chính hiện hữu như: Xưởng sản xuất 1 (Nhà xưởng may, chắt và nhà xe - 5A); Xưởng sản xuất 2 (Xưởng may, chắt và kho - 5B); Xưởng sản xuất 3 (Xưởng Gò ráp, văn phòng, ký túc xá chuyên gia - 6) được cải tạo nâng từ 1 tầng lên 3 tầng để đảm bảo diện tích sản xuất và các hạng mục phụ trợ khi khu đất 1 thu hồi.

(1). Xưởng sản xuất 1 (Nhà xưởng may, chắt và nhà xe - 5A)

- Diện tích xây dựng: 1.446 m².
- Chiều cao: 10 m, số tầng: 01.
- Cốt xây dựng: 0,3 m.
- Kết cấu chính: móng đơn bê tông cốt thép, cột, dầm, sàn bằng bê tông. Tường xây gạch 1m, tô vữa sơn nước hoàn thiện, trên vách tole, mái tole.

Dự kiến cải tạo từ 1 tầng lên thành 3 tầng, diện tích xây dựng không thay đổi, diện tích sàn 4.338 m².

(2). Xưởng sản xuất 2 (Xưởng may, chắt và kho - 5B)

- Tổng diện tích xây dựng: 1.763 m².
- Chiều cao: 10 m, số tầng: 01 trệt
- Cốt xây dựng: 0,3 m.
- Kết cấu chính: móng đơn bê tông cốt thép, cột, dầm, sàn bằng bê tông. Tường xây gạch 1m, tô vữa sơn nước hoàn thiện, trên vách tole, mái tole.

Dự kiến cải tạo từ 1 tầng lên thành 3 tầng, diện tích xây dựng không thay đổi, diện tích sàn 5.289 m².

(3). Xưởng sản xuất 3 (Xưởng Gò ráp, văn phòng, Ký túc xá chuyên gia - 6)

- Tổng diện tích xây dựng: 1.420,8 m².
- Chiều cao: 10 m, số tầng: 01 trệt.
- Cốt xây dựng: 0,3 m.

Kết cấu chính: móng đơn bê tông cốt thép, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch 1m, tô vữa sơn nước hoàn thiện, trên vách tole, mái tole.

Dự kiến cải tạo từ 1 tầng lên thành 3 tầng, diện tích xây dựng không thay đổi, diện tích sàn 4.262,4 m².

✚ Các hạng mục công trình phụ trợ

- **Nhà ăn công nhân:** Gồm 01 nhà có diện tích xây dựng là 300 m², 2 tầng. Kết cấu khung chịu lực, mái lợp tôn.

- **Bếp ăn:** Gồm 01 nhà có diện tích xây dựng là 162,5 m², 1 tầng. Kết cấu khung chịu lực, mái lợp tôn.

✚ Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật:

✓ **Hệ thống giao thông:**

1. Phương án 1:

Sau khi thu hồi đất, Công ty vẫn được phép sử dụng đường giao thông hiện hữu kết nối ra đường Nguyễn Ảnh Thủ.

+ Giao thông bên ngoài: giáp đường Nguyễn Ảnh Thủ.

+ Giao thông nội bộ: Kết cấu cát lu nền chặt $K = 0,95$, đá cộn lu nền dày 15 cm, trên đổ bê tông # 200 dày 20 cm. Dọc hai bên đường nội bộ có các cột điện chiếu sáng.

2. Phương án 2:

Nếu phương án 1 không được duyệt, Công ty sẽ sử dụng đường giao thông dự kiến theo Quy hoạch của UBND Tp. HCM về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12. Đường giao thông này nằm ở phía sau lưng khu 2 kết nối đường Trần Thị Bảy và đường Dương Thị Mười.

✓ **Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc:**

Dự án sử dụng nguồn điện lấy từ lưới điện của thành phố. Hệ thống điện của toàn Nhà máy được chia làm 2 hệ thống riêng biệt, toàn bộ hệ thống điện cấp cho sản xuất và sinh hoạt, chiếu sáng bên trong nhà máy được đi bằng hệ thống cáp ngầm.

+ Hệ thống dẫn điện từ trạm biến áp đến các nhà xưởng và các công trình phụ dùng loại cáp 1 lõi và nhiều lõi. Hệ thống dây điện được luồn trong ống sắt.

+ Các thiết bị điện như cầu dao, ổ cắm, công tắc, role, cầu chì... được nhập từ các hãng sản xuất có uy tín để đảm bảo việc cung cấp điện cho sản xuất.

+ Các nhà xưởng được đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng đủ để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân.

+ Cơ sở sử dụng 04 máy phát điện dự phòng có công suất lần lượt là 750KVA/350 KVA/450 KVA/500KVA.

Hệ thống thông tin liên lạc gồm có: Điện thoại, fax, e-mail. Khu vực văn phòng và các bộ phận làm việc có số điện thoại riêng.

✓ **Hệ thống cấp nước:** Nước cấp cho Nhà máy chủ yếu phục vụ vào mục đích sản xuất, sinh hoạt, PCCC, vệ sinh đường, tưới cây...

+ Nước cấp cho Công ty là nguồn nước cấp của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Nước sạch qua đồng hồ đo, chảy vào bể chứa nước của Nhà máy và được bơm lên các bồn chứa nước inox cấp cho các khu vực sử dụng.

+ Nước cấp cho sản xuất: Nước sử dụng trong hoạt động sản xuất là nước giải nhiệt gián tiếp vào sản phẩm.

✓ **Hệ thống thông gió:**

Để đảm bảo môi trường làm việc trong quá trình sản xuất, Công ty lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cho nhà văn phòng, nhà điều hành (nhà văn phòng làm việc). Các xưởng sản xuất được thiết kế thông gió tự nhiên.

Trên mái nhà xưởng được bố trí nóc gió tôn mạ màu dày 0,5mm để thông thoáng nhà xưởng.

2 bên tường theo chiều dài nhà xưởng được bố trí các cửa sổ bằng tole dạng khe hút gió và cửa sổ bằng kính, 2 bên tường nhà xưởng theo chiều ngang được bố trí các cửa sổ bằng tole dạng khe hút gió và cửa sổ bằng kính để thông thoáng nhà xưởng.

✓ **Hệ thống PCCC:**

Thiết kế và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy, bao gồm hệ thống phòng cháy chữa cháy ban đầu; hệ thống chữa cháy họng nước vách tường và hệ thống báo cháy tự động theo quy định PCCC của Bộ Công an.

+ Hệ thống chữa cháy ban đầu: Trong trường hợp đám cháy mới phát sinh với diện tích nhỏ có thể sử dụng các bình chữa cháy xách tay để chữa. Bình chữa cháy cầm tay trang bị cho công trình là loại bình bột MFZ4, CO₂, MT3.

+ Hệ thống báo cháy tự động: Các đầu báo cháy được lắp đặt trên trần, đảm bảo khi có bất kỳ đám cháy mới bắt đầu hình thành thì hệ thống đều có thể phát hiện ra được.

+ Trụ cứu hỏa: 4 trụ

✓ **Hệ thống chống sét:**

Hệ thống chống sét cho các nhà xưởng và nhà điều hành như sau:

- Bộ phận thu sét: Là các kim thu sét được làm bằng (đồng, đồng phủ thiếc, thép mạ kẽm, thép không gỉ) có tiết diện tối thiểu 200 mm².

- Bộ phận dây xuống: Chức năng của dây xuống là tạo ra một nhánh có điện trở thấp từ bộ phận thu sét xuống cực nối đất sao cho dòng điện sét được dẫn xuống đất một cách an toàn. Dây xuống có tiết diện tối thiểu 50 mm².

- Hệ thống tiếp đất: Dùng để tản dòng điện sét trong đất.

+ *Cực nối đất*: Là các cọc tiếp địa thường dài từ 2,4 m - 3 m, đường kính tối thiểu là 16 mm, được chôn thẳng đứng và cách mặt đất từ 0,5 m - 1 m. Khoảng cách cọc với cọc từ 3 m- 15 mét. Cực nối đất được kết nối với mỗi dây xuống. Mỗi cực có điện trở (đo bằng Ω) ≤10 nhân với số cực nối đất được bố trí. Tất cả hệ thống tiếp đất có điện trở nối đất tổng hợp ≤10 Ω và không kể đến bất kỳ một liên kết nào với các thiết bị khác.

+ *Dây nối đất*: Thường là cáp đồng trần có tiết diện tối thiểu 50 mm² dùng để liên kết các cực nối đất lại với nhau. Cáp này nằm âm dưới mặt đất từ 0,5 m - 1 m

Chống sét cho hệ thống điện: Bao gồm thiết bị cắt lọc sét dùng để cắt xả xung điện sét lan truyền trên lưới hạ thế xuống đất và lọc các sóng hài các nhiễu tần số cao trước khi chúng có thể theo nguồn điện đi vào phụ tải; Dây dẫn sét dùng để dẫn dòng sét từ thiết bị cắt lọc sét đến hệ thống tiếp đất; Hệ thống tiếp đất dùng để tản dòng điện sét trong đất (bao gồm cực nối đất và dây nối đất).

✚ **Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hữu**

✓ **Hệ thống thoát nước thải:**

Nước thải sinh hoạt của Nhà máy bao gồm nước thải từ các khu vệ sinh, căn tin. Nước thải từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ căn tin được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ. Nước thải từ khu nhà vệ sinh, khu vực nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống nhựa PVC D200mm, độ dốc I = 0,25% nối vào đường cống thoát nước thải chung BTCT D400mm, I = 0,25% của nhà xưởng và dẫn về HTXL nước thải công suất 120m³/ngày.đêm để xử lý đạt Quy chuẩn quy định trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải của Thành phố trên đường Nguyễn Ảnh Thủ.

Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa để được thu gom vào bồn chứa chuyên dụng có dung tích 2m³ bố trí trong 1 bể chứa được xây dựng âm,

được tráng lớp chống thấm có kích thước Dài x rộng x cao = 1,5x1,5x1,7m và định kỳ giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với nước thải từ quá trình rửa các khung in, khuôn in lụa sẽ được thu gom và đưa vào bồn chứa chuyên dụng và chuyển giao cho Công ty TNHH Thương mại – Xử lý Môi trường Thành Lập để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

✓ **Hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy bao gồm:**

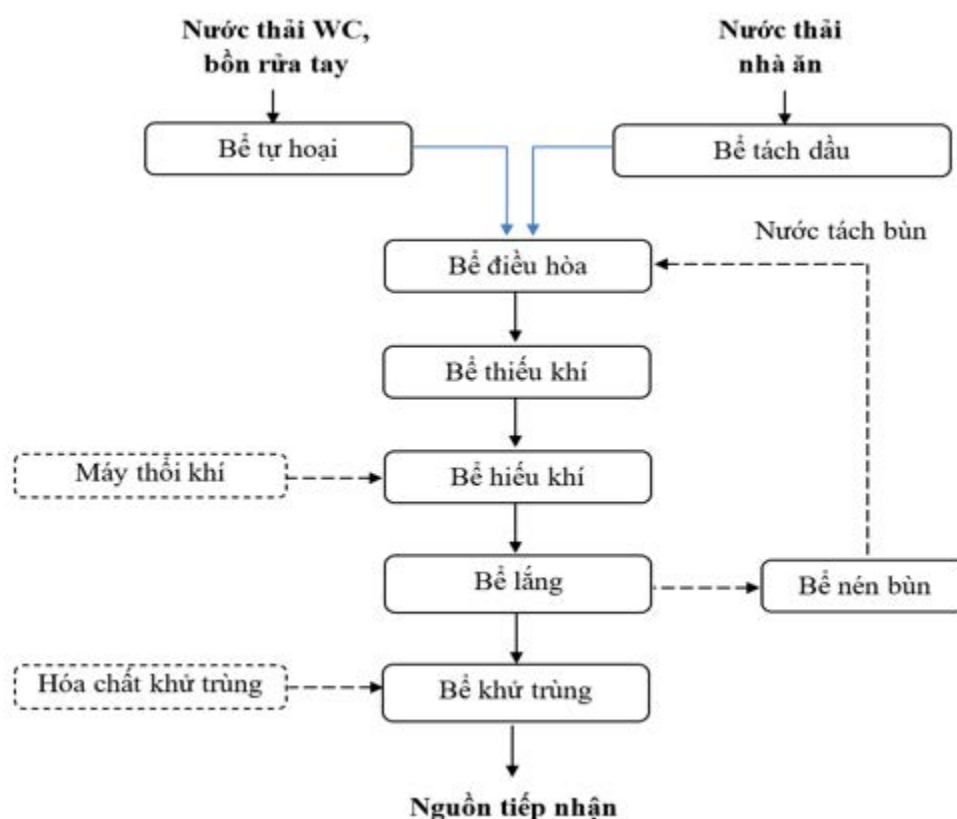
Hệ thống thoát nước mưa thuộc cơ sở là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom vào hệ thống cống ngầm bằng bê tông cốt thép có kích thước D300 mm, 15 hố ga thu gom nước mưa có kích thước D_xR_xC = 1m x 1m x 1m độ dốc 0,33% có tổng chiều dài khoảng 450m và đầu nối vào 01 điểm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ. Nước mưa từ đường cống nội bộ sẽ dẫn đến hố ga nằm bên ngoài hàng rào của cơ sở và đầu nối vào cống thu gom nước chung trên đường Nguyễn Ảnh Thủ qua đường ống BTCT D500 mm, I = 0,2% và xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là kênh Trần Quang Cơ.

✓ **Khu vực chứa chất thải:**

Công trình thu gom và lưu chứa chất rắn và chất thải nguy hại của cơ sở Có tổng diện tích 48 m², trong đó có 01 khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 13 m² và 01 khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 35 m². Kho chứa CTNH được xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép như: Đảm bảo PCCC, chống thấm, chống mưa nắng và lắp đặt các biển báo, ký hiệu theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

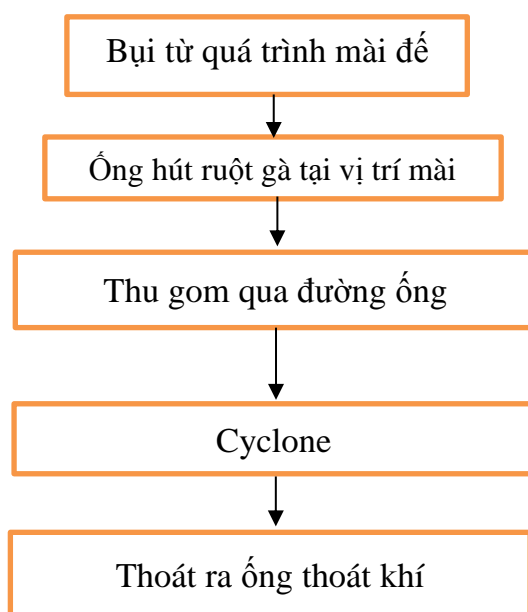
✓ **Công trình, biện pháp xử lý nước thải**

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 120 m³/ngày.đêm như sau:



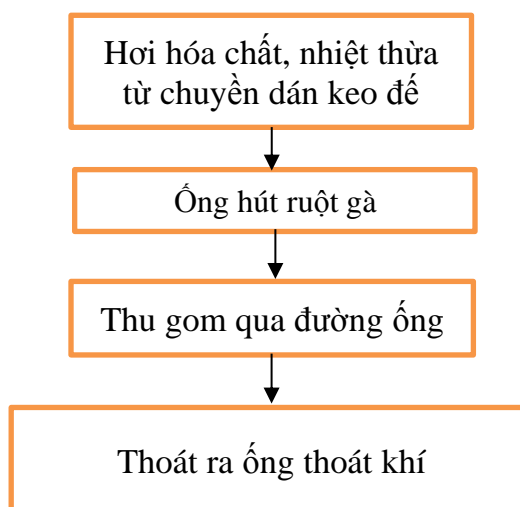
Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất 120 m³/ngày.đêm

✓ Hệ thống xử lý bụi mài 01, 02, 03



Hình 1. 7. HTXL bụi mài 01, 02, 03

✓ Hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất từ dây chuyền dán keo đế 01, 02, 03, 04, 05



Hình 1. 8. HTXL hơi hóa chất từ dây chuyền dán keo đế 01, 02, 03, 04, 05

5.2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng của cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở được trình bày bảng sau:

Bảng 1. 13. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

TT	TÊN MÁY	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT (Kw)	Tình trạng hoạt động	Nguồn gốc
I	CHUYỀN MAY				
1	MÁY ĐẦU BẠC	87	0,25	80%	Đài Loan
2	TỰ ĐỘNG CẮT	80	0,6	80%	Đài Loan
3	ĐẦU BẠC 2 KIM	66	0,25	80%	Đài Loan
4	2 KIM TỰ ĐỘNG CẮT	53	0,6	80%	Đài Loan
5	MÁY ĐẦU BẠC TRỤ NHỎ	5	0,25	80%	Đài Loan
6	MÁY TRỤ 1 KIM	20	0,25	80%	Đài Loan
7	MÁY TRỤ 2 KIM	20	0,25	80%	Đài Loan
8	MÁY TRỤ BINDING	20	0,25	80%	Đài Loan
9	MÁY ĐIỆN TỬ	83	0,4	80%	Đài Loan
1	MÁY BÀN	9	0,25	80%	Đài Loan
11	MÁY BÀN 2 KIM	20	0,25	80%	Đài Loan
12	MÁY ZIGZAG 3 KIM	23	0,6	80%	Đài Loan
13	MÁY ZIGZAG	42	0,25	80%	Đài Loan
14	MÁY TRỤ BINDING ZIGZAG	34	0,6	80%	Đài Loan
15	MÁY BAN 4 KIM	28	0,75	80%	Đài Loan
16	XỊT KEO	47	0,1875	80%	Đài Loan
17	MÁY RÀ KEO LỚN	18	0,1875	80%	Đài Loan
18	MÁY RÀ KEO NHỎ	60	0,05	80%	Đài Loan
19	MÁY CÁN, TÁCH CÓ KEO	29	0,25	90%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

20	MÁY CÁN, BỂ KHÔNG KEO	6	0,1875	90%	Đài Loan
21	MÁY CÁN, BỂ CÓ KEO			90%	Đài Loan
22	MÁY DẬP NÚT 1 CỐI	18	0,25	80%	Đài Loan
23	MÁY DẬP NÚT 2 CỐI	15	0,25	90%	Đài Loan
24	ĐỤC LỖ	18	0,25	90%	Đài Loan
25	LỒNG SẤY NHỎ	17	1	90%	Việt Nam
26	LỒNG SẤY LỚN	16	1,2	80%	Việt Nam
27	MÁY ÉP GÓT	24	0,2	80%	Đài Loan
28	MÁY ÉP LƯỖI GÀ	13	0,25	80%	Đài Loan
30	MÁY ÉP BẰNG	5	2,25	80%	Đài Loan
31	MÁY ÉP VAMP 1246	9	3	80%	Đài Loan
32	MÁY ÉP MŨI	4	0,4	80%	Đài Loan
33	MÁY LỘN LƯỖI GÀ	14	0,25	80%	Đài Loan
35	MÁY CÁN	14	0,25	80%	Đài Loan
36	MÁY CÁN NÓNG	10	0,1875	80%	Đài Loan
37	MÁY DAN DÂY	5	0	80%	Đài Loan
38	MÁY VI TÍNH (4530)	32	0,55	80%	Đài Loan
39	MÁY VI TÍNH (3020)	4	0,55	80%	Đài Loan
40	MÁY VI TÍNH NHỎ (311)	11	0,4	80%	Đài Loan
41	BÀN	150	0	80%	Việt Nam
42	BÀN NHỎ		0	80%	Việt Nam
43	BÀN GIỰT DÂY	10	0	80%	Đài Loan
45	MÁY THỬ NƯỚC	2	0	80%	Đài Loan
46	MÁY BẮN SÚNG	45	0,3	80%	Đài Loan
47	MÁY TRU 4 KIM	18	0,75	80%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

48	MÁY LẠNG	30	0,25	80%	Đài Loan
CHUYỀN ĐÉ					
1	MÁY HẤP GÓT	8	8	85%	Đài Loan
2	MÁY ÉP GÓT LẠNH LỚN	8	2,4	85%	Đài Loan
3	MÁY ÉP GÓT	5	0,5	85%	Đài Loan
4	MÁY CuỐN BIÊN	34	1	85%	Đài Loan
6	LÔNG SẤY	6	6	85%	Đài Loan
7	GÒ MŨI	16	2	85%	Đài Loan
8	MÁY HẤP MŨI	12	2,8	85%	Đài Loan
9	MÁY GÒ GÓT	8	1,2	85%	Đài Loan
10	MÁY GÒ HÔNG	6	1	85%	Đài Loan
11	MÁY HÚT BỤI	3	2	85%	Đài Loan
12	MÁY MÀI TAY	2	1	85%	Đài Loan
13	MÁY MÀI BẰNG	8	2	85%	Đài Loan
15	MÁY LẠNH	8	9,5	85%	Đài Loan
16	MÁY MAY ĐÉ	4	1	85%	Đài Loan
17	MÁY PHA KEO	8	63	85%	Đài Loan
18	MÁY ĐÁNH BÓNG	1	1	85%	Đài Loan
19	BẰNG CHUYỀN	28	1	85%	Đài Loan
20	MÁY ÉP MŨI GÓT	3	2	85%	Đài Loan
22	MÁY ÉP HÔNG	3	2	80%	Đài Loan
24	MÁY ÉP ĐỨNG	14	2		Đài Loan
25	MÁY ÉP ĐỨNG NÓNG	4	5	80%	Đài Loan
26	MÁY XỊT INSOLE	4	1,2	80%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

27	MÁY MÀI	14	1	80%	Đài Loan
29	MÁY ÉP TOÀN PHẦN	8	3	80%	Đài Loan
31	MÁY LĂN KEO NÓNG	6	0,2	80%	Đài Loan
32	MÁY ÉP SOCKLINING	8	0,1	80%	Đài Loan
33	MÁY HƠ CHỈ	12	1	80%	Đài Loan
34	MÁY LƯU HÓA CHÂN KHÔNG	8	16	80%	Đài Loan
35	MÁY ÉP GÓT LẠNH NHỎ	3	1,4	80%	Đài Loan
36	MÁY XỊT KEO	14	0,25	80%	Đài Loan
38	MÁY MÀI HAI BUỒNG	3	2	80%	Đài Loan
39	MÁY UV	2	10	80%	Đài Loan
40	MÁY RÀ KIM	8	0,1	80%	Đài Loan
41	MÁY ÉP GÓT NGƯỢC	3	0,4	80%	Đài Loan
42	MÁY DẬP NÚT	4	0,1	80%	Đài Loan
43	MÁY ÉP TỔNG HỢP CAO SU	7	5,5	80%	Đài Loan
II	CHUYÊN ÉP				
1	MÁY ÉP CHẢO	3	2,2	85%	Đài Loan
2	MÁY ÉP TỔNG HỢP	3	2,2	85%	Đài Loan
3	MÁY ÉP ĐÚNG	8	1,5	85%	Đài Loan
4	MÁY ÉP GÓT	3	1,5	85%	Đài Loan
5	MÁY UV	1	12	85%	Đài Loan
6	MÁY RỬA NƯỚC	2	46	85%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

7	MÀY MÀI 2 BUỒNG	16	24	85%	Đài Loan
8	MÀY MÀI LEO KEO	5	1,5	85%	Đài Loan
9	MÀY CHẶT EVA	2	1,5	85%	Đài Loan
10	MÀY MAY ĐẾ	8	0,75	85%	Đài Loan
11	MÀY MÀI TAY	4	1	85%	Đài Loan
12	BĂNG CHUYỀN	5	0,7	85%	Đài Loan
13	MÀY PHA KEO	1		85%	Đài Loan
14	MÀY CHẶT NHỎ	7	1,5	85%	Đài Loan
15	MÀY ÉP MŨ GÓT	3	1,5	85%	Đài Loan
16	MÀY ÉP HÔNG	4	2	85%	Đài Loan
17	MÀY HÚT BỤI LỚN	4	14,92	85%	Đài Loan
18	MÀY HÚT BỤI NHỎ	4	11,19	85%	Đài Loan
19	MÀY MAY ĐẾ LỚN	8	11	85%	Đài Loan
20	MÀY HỒ CHỈ	2	1	85%	Đài Loan
21	DÀN LẠNH	1	5	85%	Đài Loan
22	MÀY RÀ KIM	4	0,06	85%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

23	BĂNG CHUYỀN NHANH	4	0,75	85%	Đài Loan
III	CHUYỀN CẮT, CHẶT				
1	MÁY CHẶT TAY SBC-1	5	1,49	85%	Đài Loan
2	MÁY CHẶT LỚN CF-526	35	2,24	85%	Đài Loan
3	BEAM RCSY-525	24	2,24	85%	Đài Loan
4	ARM CLICKER VS-922	4	1,49	85%	Đài Loan
5	BEAM PM-325S	6	2,24	85%	Đài Loan
6	CẮT LASER	1	2,7	85%	Đài Loan
7	CHẶT TỰ ĐỘNG LX-112H	1	7,46	85%	Đài Loan
8	GANTRY LX-125	1	2,24	85%	Đài Loan
9	GANTRY A-250	6	10	85%	Đài Loan
10	CẮT LASER GH1610T-AT-CCD	1	2,7	85%	Đài Loan
11	CHẶT COMELZ	3		85%	Đài Loan
12	CHẶT EMMA	1		85%	Đài Loan
13	CHẶT ĐỂ YM-7002-3B	2	1,49	85%	Đài Loan
14	CHẶT ĐỂ YM-LA66-3-F	7	1,49	85%	Đài Loan
IV	CHUYỀN ÉP TEM NHÃN				
1	Máy ép size tem	2	0,50	85%	Đài Loan
2	Máy ép size tem	2	0,42	85%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3	Máy ép sock	3	0,40	85%	Đài Loan
4	Máy ủi vamp 2h	1	3,00	85%	Đài Loan
5	Máy ủi vamp 1h	1	2,80	85%	Đài Loan
6	Máy ép nhiệt nhỏ	7	15,00	85%	Đài Loan
7	Máy ép nhiệt nhỏ	8	4,00	85%	Đài Loan
9	Máy ép nhiệt nhỏ	2	8,00	85%	Đài Loan
14	Máy ép nhiệt nhỏ	12	12,00	85%	Đài Loan
15	Máy ủi băng chuyền	1	6,20	85%	Đài Loan
16	Máy ép lạnh	2	3,00	85%	Đài Loan
17	Máy ép nhiệt trung	4	10,80	85%	Đài Loan
20	Máy ép nhiệt nhỏ	1	1,20	85%	Đài Loan
21	Máy mài insole	5	1,12	85%	Đài Loan
22	Máy lạng	41	0,25	85%	Đài Loan
23	Máy mài collarfoam	1	0,83	85%	Đài Loan
24	Máy cắt da	2	2,70	85%	Đài Loan
25	Máy hơ chỉ	4	0,60	85%	Đài Loan
-		1	5,60	85%	Đài Loan
26	Ép đứng	1	1,49	85%	Đài Loan
-		1	1,49	85%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

27	Xịt keo nóng	8	0,05	85%	Đài Loan
28	Lăn keo	2	0,10	85%	Đài Loan
29	Lăn keo	1	0,18	85%	Đài Loan
30	Máy cắt dây	1	0,80	85%	Đài Loan
31	Súng bắn keo	9	0,30	85%	Đài Loan

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

✚ Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Hiện nay Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch tại Quyết định số 274/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 18/02/2020, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia chưa được lập, thẩm định và phê duyệt nên Cơ sở chưa có căn cứ để đánh giá.

✚ Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, quy hoạch phân vùng môi trường

❖ Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận

Theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của UBND Tp.HCM về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Tp.HCM thì khu vực nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở là kênh Trần Quang Cơ thuộc kênh rạch vùng phía Bắc Thành phố có Q_{tb} (m^3/s) < 50 , hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$; chất lượng nguồn nước xả vào kênh đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Việc xả nước thải nguồn nước có những tác động đến chế độ thủy văn dòng chảy của nguồn tiếp nhận như sau:

Tác động đến vận tốc, lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của hệ thống XLNT của cơ sở là $120 m^3/ngày$ đêm xả ra cống thoát nước thải trên đường Nguyễn Anh Thủ và thoát ra kênh Trần Quang Cơ. Như vậy, lưu lượng xả thải của cơ sở là rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy của kênh Trần Quang Cơ tại khu vực xả nước thải. Do đó việc xả thải vào nguồn nước của cơ sở không làm ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của Kênh Trần Quang Cơ.

Kênh Trần Quang Cơ với chiều dài 4.000m, có chiều rộng đáy kênh $b=3m$, là nơi tiếp nhận và tiêu thoát nước thải của toàn bộ khu dân cư và các doanh nghiệp sản xuất tại phường Hiệp Thành và xã Đông Thạnh. Trên thực tế, kênh Trần Quang Cơ luôn đáp ứng tốt nhu cầu tiêu thoát nước cho khu vực trên, không xảy ra ngập úng các khu vực xung quanh. Như vậy, có thể kết luận rằng kênh Trần Quang Cơ có khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải sau xử lý từ cơ sở.

Ngoài ra, nước thải sau xử lý của cơ sở có lưu lượng nhỏ, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy của các tuyến kênh lân cận trong khu vực.

Vì thế, hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, quy hoạch phân vùng môi trường cũng như phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành cũng như chủ trương

phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

❖ Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước:

Theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của Ủy ban nhân dân Tp.HCM về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Tp.HCM thì khu vực nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở là kênh Trần Quang Cơ – thuộc kênh rạch vùng phía Bắc Thành phố có Q_{tb} (m^3/s) < 50, hệ số $K_q = 0,9$; chất lượng nguồn nước xả vào kênh đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Cho nên, nước thải sau xử lý của cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$ ra nguồn tiếp nhận là phù hợp. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B không làm tăng các chất ô nhiễm của nguồn nước tiếp nhận. Do đó, quá trình xả thải của cơ sở không làm thay đổi hay tác động đến chất lượng nguồn nước.

❖ Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sản:

Việc xả nước thải vào kênh Trần Quang Cơ sẽ góp phần làm tăng hàm lượng các chất ô nhiễm trong nguồn nước mặt kênh, gây ảnh hưởng đến môi trường đất, nước, không khí, sinh thái và đặc biệt là ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sử dụng nguồn nước sông kênh cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Tuy nhiên, nguồn nước kênh Trần Quang Cơ chỉ có tác dụng tiêu thoát nước, không cấp nước sinh hoạt.

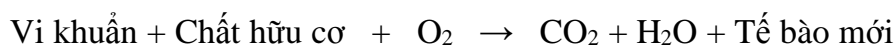
Nước thải từ hoạt động xả thải của cơ sở nói chung là một trong những tác nhân có khả năng gây ô nhiễm nước mặt. Ô nhiễm xảy ra khi có sự thay đổi các tính chất vật lý, hóa học, sinh học của nước theo chiều hướng xấu đi, cùng với sự xuất hiện của các chất lạ ở thể lỏng, rắn làm cho nguồn nước trở nên độc hại với con người, sinh vật và làm giảm mức độ đa dạng sinh học của hệ thủy sinh. Do đó, việc xả nước thải vào nguồn nước mặt dù ít hay nhiều cũng sẽ làm giảm chất lượng nguồn nước, đặc biệt là trong trường hợp nước thải không được xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Việc xả thải này sẽ làm cho hàm lượng oxy hòa tan trong nước giảm đột ngột, các khí độc tăng lên, tăng độ đục của nước, từ đó làm suy thoái chất lượng nguồn nước tại thủy vực.

Khi môi trường sống bị thay đổi, cụ thể là chất lượng nguồn nước biến đổi xấu đi, các loài thủy sinh sẽ có những phản ứng thích nghi để phù hợp với điều kiện sống mới. Tuy nhiên, sự thích nghi này chỉ nằm trong một giới hạn chịu đựng nhất định. Nếu hàm lượng chất ô nhiễm đưa vào môi trường với nồng độ cao, vượt quá khả năng chịu đựng của các loài sinh vật sẽ dẫn tới hiện tượng mất cân bằng hệ sinh thái thủy sinh của nguồn tiếp nhận ở những mức độ khác nhau.

Các thành phần ô nhiễm trong nước thải của cơ sở có một số tác động như sau:

Đối với các chất hữu cơ:

Chỉ tiêu BOD₅ thể hiện đặc trưng ô nhiễm các chất hữu cơ. Quá trình này có thể được mô tả như sau:



Khi hàm lượng chất hữu cơ trong nước tăng cao sẽ làm suy giảm hàm lượng oxy hòa tan trong nước, nguyên nhân do các loài vi sinh sử dụng oxy hòa tan để phân hủy chất hữu cơ. Quá trình phân hủy này làm tăng sinh khối của vi sinh vật và giảm lượng oxy hòa tan, đe dọa đến sự sống của tôm cá và các loài thủy sinh bậc cao khác. Ở mức độ nghiêm trọng, quá trình này có thể làm xáo trộn hệ sinh thái thủy sinh tại khu vực xả thải.

Đối với các chất dinh dưỡng (hợp chất Nitơ và Photpho)

Việc xả nước thải chưa qua xử lý của trạm XLNT tập trung vào nguồn tiếp nhận có thể gây ra một số tác động như sau:

– Tăng tải lượng các chất dinh dưỡng trong nước, đặc trưng ở chỉ tiêu Nitơ tổng, Photpho tổng. Khi tải lượng ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép P: N > 1: 16 kết hợp sự yếm khí và môi trường khử của lớp nước đáy thủy vực sẽ gây ra hiện tượng phú dưỡng hóa. Sau thời kỳ nở rộ này, một lượng sinh khối lớn của tảo sẽ chết đi hàng loạt gây mùi khó chịu, tăng độ đục trong nước. Tảo chết chìm xuống đáy sông suối gây ra hiện tượng yếm khí, phát sinh những sản phẩm độc hại như khí H₂S, khí CH₄... làm chết tôm, cá và các loài thủy sinh khác.

– Làm giảm khả năng chịu tải và khả năng tự làm sạch của sông suối do tải lượng ô nhiễm đưa vào nguồn tiếp nhận vượt quá khả năng chịu tải. Khả năng chịu tải và tự làm sạch của sông suối phụ thuộc vào lưu lượng, mức độ xáo trộn, tải lượng ô nhiễm đưa vào... Khi sông suối không còn khả năng tự làm sạch thì ô nhiễm nước do chất hữu cơ, vi sinh... có thể xảy ra và gây tác động lớn đến đời sống thủy sinh, gây suy giảm đa dạng sinh học tại khu vực xả thải.

Đối với vi sinh vật gây bệnh

Chỉ tiêu coliforms cao sẽ làm tăng lượng vi sinh gây bệnh trong nguồn nước, làm giảm chất lượng nguồn nước mặt. Tuy nhiên, khu vực tiếp nhận nước thải không được sử dụng vào mục đích cấp nước sinh hoạt trực tiếp cho người dân cũng như cung cấp cho các nhà máy xử lý nước sạch.

Đối với chỉ tiêu kim loại nặng

Qua các kết quả phân tích quan trắc định kỳ nước thải của cơ sở, nồng độ kim loại nặng trong nước thải sau xử lý thấp hơn giới hạn cho phép nhiều lần. Chính vì vậy, việc tiếp nhận nước thải sau xử lý từ trạm XLNT tập trung cơ sở không làm xáo trộn nhiều đến hàm lượng kim loại nặng có trong nguồn nước tiếp nhận kênh Trần Quang Cơ

Đối với chỉ tiêu dầu mỡ khoáng và các chất hoạt động bề mặt.

Việc ô nhiễm các chỉ tiêu này sẽ ngăn cản quá trình hòa tan của ôxy không khí vào nước, gây cản trở đến quá trình hô hấp của vi sinh vật, thực vật, động vật sống trong nước. Chỉ tiêu này cần được giám sát chặt chẽ, tránh gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái thủy sinh của nguồn tiếp nhận.

❖ Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước:

Hiện nay, thực tế vị trí đầu nối nước thải của cơ sở là vào tuyến cống thoát nước chung nằm trên đường Nguyễn Ánh Thủ. Tại tuyến cống này sẽ tập hợp các nguồn thải của các hộ dân, các cơ sở dịch vụ,... và dẫn ra kênh Trần Quang Cơ nên báo cáo chưa có cơ sở để đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước theo hướng dẫn Thông tư 02/2022/TT – BTNMT.

Đường thoát nước thải của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc được xác định từ vị trí xả thải của Công ty → Cống thoát nước chung của Tp. Hồ Chí Minh → Kênh Trần Quang Cơ. Do vị trí nguồn tiếp nhận trực tiếp là cống thoát nước chung của Tp. HCM, với nhiều nguồn thải khác nhau và không có ý nghĩa về mặt đánh giá mức độ tiếp nhận nồng độ ô nhiễm nên không tiến hành lấy mẫu, đánh giá hiện trạng chất lượng của nguồn nước tiếp nhận.

CHƯƠNG III

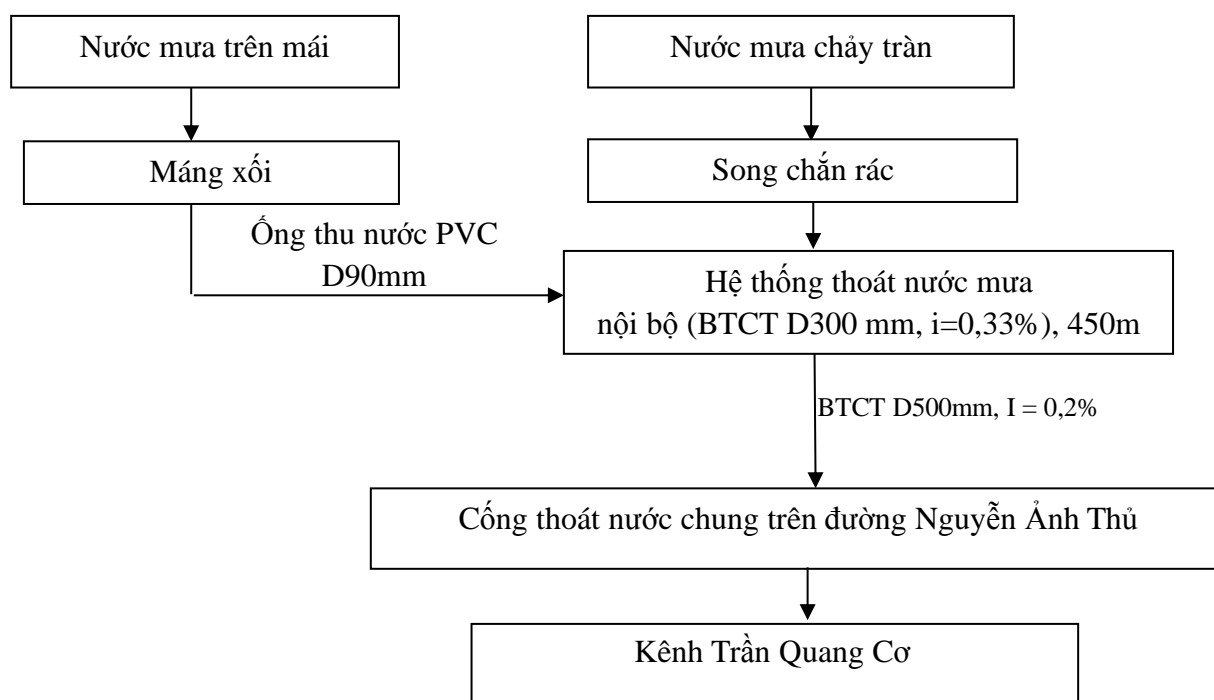
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa thuộc cơ sở là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom vào hệ thống cống ngầm bằng bê tông cốt thép có kích thước D300 mm, 15 hố ga thu gom nước mưa có kích thước $D \times R \times C = 1 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ độ dốc từ 0,33% có tổng chiều dài khoảng 450m và đầu nối vào 01 điểm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ. Nước mưa từ đường cống nội bộ sẽ dẫn đến hố ga nằm bên ngoài hàng rào của cơ sở và đầu nối vào cống thu gom nước chung trên đường Nguyễn Ảnh Thủ qua đường ống BTCT D500 mm, $I = 0,2\%$ và xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là kênh Trần Quang Cơ.
- Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được đính kèm trong Phụ lục báo cáo.

Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở:



Hình 3. 1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở



Hình 3. 2. Hình ảnh hố ga thu gom thoát nước mưa bên trong cơ sở

Bảng 3. 1. Hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở

Stt	Hạng mục	Thông số
1	Ống PVC D90	320m
2	Cống BTCT D300	450m
3	Cống BTCT D500	20m
4	Hố ga (1x1x1m)	15 hố ga
5	Điểm đầu nối nước mưa	1 điểm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Tọa độ đầu nối nước mưa của cơ sở vào hố ga thoát nước mưa của khu vực trên đường Nguyễn Ảnh Thủ: X = 1.203.155; Y = 596.974;

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hiện nay, nước thải phát sinh tại Nhà máy từ các nguồn sau: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; nước thải sinh hoạt từ nhà nghỉ chuyên gia, từ nhà ăn, nước thải từ công đoạn rửa đế, nước thải từ vệ sinh bản in lụa.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải được thiết kế gồm hệ thống ống ngầm PVC D200mm và BTCT D300mm, độ dốc 0,25%, cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

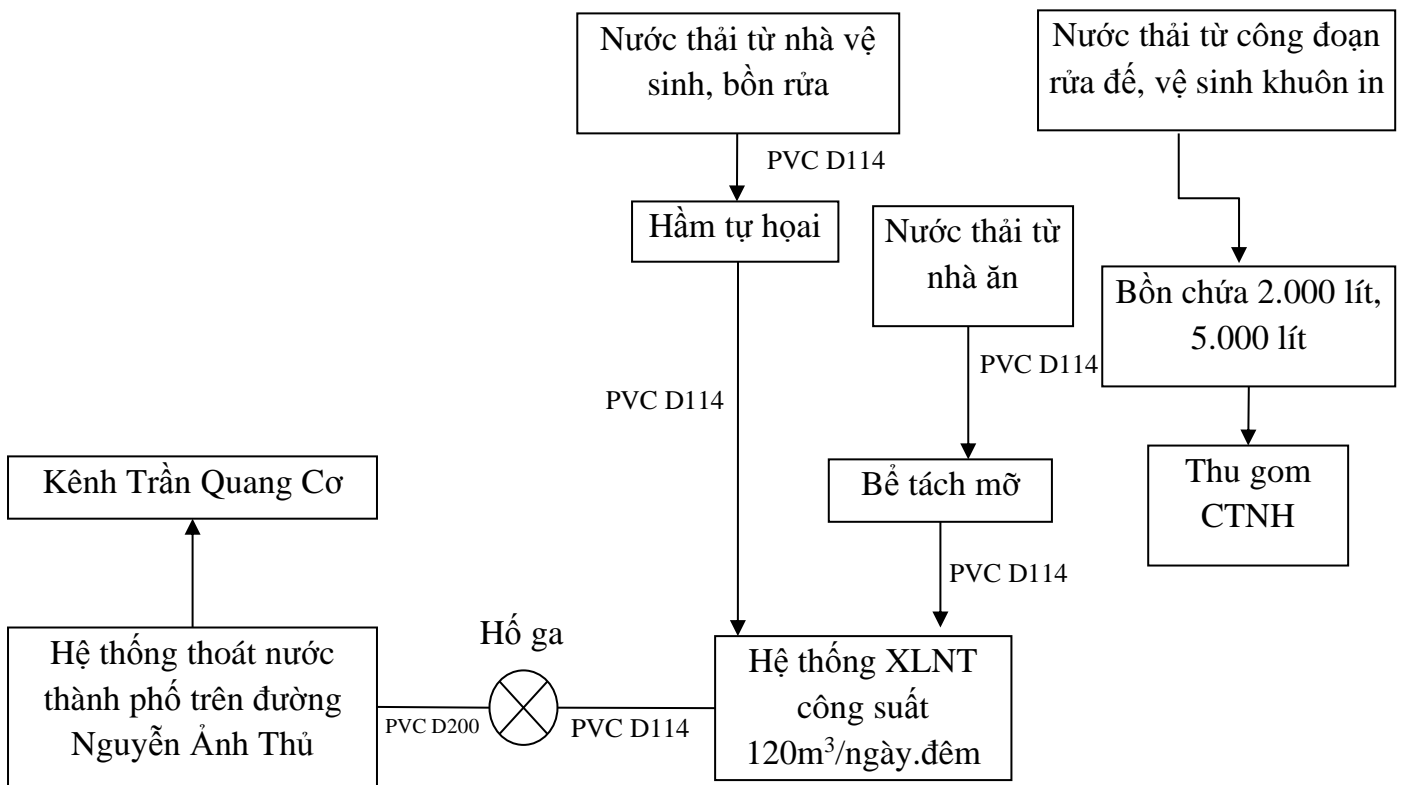
- Nước thải sinh hoạt của Nhà máy bao gồm nước thải từ các khu vệ sinh, căn tin. Nước thải từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ căn tin được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ. Nước thải từ khu nhà vệ sinh, khu vực nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống nhựa PVC D114mm, độ dốc I = 0,25% nối vào đường cống thoát nước thải chung PVC D200mm, I = 0,25% của nhà xưởng và dẫn về HTXL nước thải công suất 120m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý đạt Quy chuẩn quy định trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải của Thành phố trên đường Nguyễn Ảnh Thủ.

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ bồn cầu, âu tiêu; nước từ lavabo, rửa sàn của nhà vệ sinh và từ căn tin. Trong đó, nước thải từ bồn cầu, âu tiêu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại ba ngăn trước dẫn về HTXL nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý đạt Quy chuẩn quy định đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực. Hiện nay, nhà máy có tổng cộng có 03 bể tự hoại, kích thước cụ thể như sau.

Bảng 3. 2. Thông số, kích thước các bể tự hoại của cơ sở

Vị trí bể phốt	Số lượng	Chiều dài	Chiều rộng	Chiều sâu	Tổng thể tích hữu dụng
Bể tự hoại khu văn phòng	2	4 m	1,58 m	2,4 m	20 m ³
Bể tự hoại khu nhà vệ sinh	1	10 m	3 m	2,4 m	72 m ³
Bể tách mỡ	1	7,2 m	4,6 m	4,6 m	152,3 m ³
Tổng thể tích các bể		-	-	-	164 m ³
Kết cấu các bể		Bể tự hoại được xây bằng gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75# vữa trát bể dùng vữa xi măng mác 50# thành trong đáy, tấm đan, giằng dầm bê BTCT			

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của cơ sở như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ thoát nước thải của cơ sở



Hình 3. 4. Hình ảnh đường ống thoát nước thải sau xử lý và hồ ga thoát nước bên trong cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Điểm xả nước thải sau xử lý: 01 điểm tại cống thu gom nước thải của Thành phố trên đường Nguyễn Ảnh Thủ, tọa độ: X = 1.203.155, Y = 596.974

- Phương thức xả thải: Tự chảy, xả liên tục 24 giờ.

Bảng 3. 3. Hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở

Stt	Hạng mục	Thông số
1	Ống nhựa PVC D200mm	45m
2	Đường ống nhựa PVC114mm	450m
3	Đường ống nhựa PVC90mm	50m
4	Bồn nhựa PVC chứa nước rửa khuôn in lụa	5.000 lít, số lượng 1 bồn
5	Bồn nhựa PVC chứa nước rửa đế	2.000 lít, số lượng 1 bồn (đặt âm)
6	Bể âm lát gạch	Kích thước: Dài x rộng x cao = 1,5mx1,5mx1,7m, 1 bể (đặt bồn nhựa PVC 2.000 lít chứa nước rửa đế)
7	Hố ga BTCT (1mx1mx1m)	19 hố ga
8	Điểm đầu nổi nước thải	01 điểm trên Nguyễn Ảnh Thủ

Vị trí xả thải tọa độ: VN2000, múi 3⁰: X = 1.203.155; Y = 596.974;

Phương thức xả nước thải:
Phương thức xả thải: tự chảy

Chế độ xả nước thải:
Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

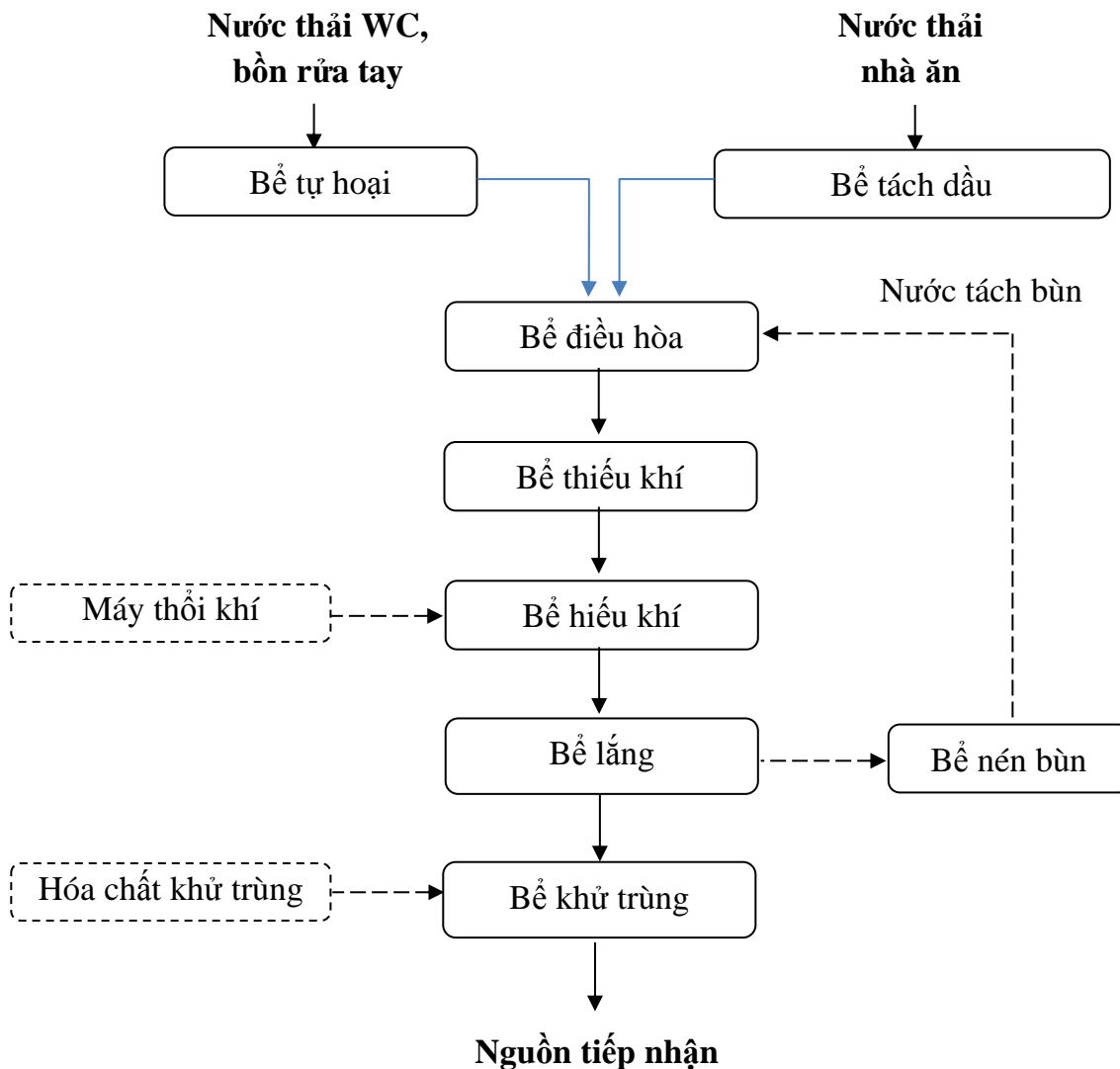
Lưu lượng xả thải công suất thiết kế hệ thống: 120 m³/ngày đêm tương đương 5 m³/giờ.

Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa đế được thu gom vào bồn chứa chuyên dụng bằng nhựa có dung tích 2m³ đặt âm tại khu vực có diện tích Dài x rộng x cao = 1,5x1,5x1,7m và định kỳ giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa khuôn in lụa được thu gom vào bồn chứa bằng nhựa có dung tích 5 m³ đặt nổi, định kỳ được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

1.3. Xử lý nước thải



Hình 3. 5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm của cơ sở

✚ Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải từ WC, bồn rửa tay sẽ được dẫn qua Bể tự hoại từ đó đưa về Bể điều hòa; nước thải từ nhà ăn sẽ qua Bể tách dầu 5 ngăn sau đó cũng được dẫn về Bể điều hòa.

a. Bể điều hòa

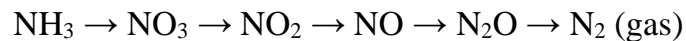
Lưu lượng và nồng độ nước thải làm thay đổi chế độ làm việc của hệ thống xử lý gây tình trạng mất ổn định vì chúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: thời gian thải, lưu lượng thải cũng như tải trọng chất bẩn có trong nước thải. Cụ thể như khi nồng độ hoặc lưu lượng tăng lên đột ngột, các công trình đơn vị hóa lý sẽ làm việc kém hiệu quả đi và nếu muốn ổn định được cần phải thay đổi lượng hóa chất thường xuyên điều này gây khó khăn cho quá trình vận hành, còn đối với các công trình đơn vị xử lý sinh học, nếu lưu lượng và nồng độ thay đổi đột

ngột sẽ gây sốc tải trọng đối với vi sinh vật thậm chí gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt, làm cho công trình mất hẳn tác dụng.

Tóm lại, điều hòa và ổn định lưu lượng và nồng độ là công trình không thể thiếu trong bất kỳ hệ thống xử lý nước thải nào vì việc điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ sẽ giúp đơn giản hóa công nghệ xử lý, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể.

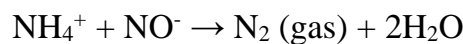
b. Bể thiếu khí Anoxic

Cơ chế chính của bể anoxic là các vi sinh vật dị dưỡng hoạt động trong môi trường tùy nghi chuyển hóa N theo phương trình sau.



Phản ứng sơ cấp thông qua sự đồng hóa (sự phát triển của sinh khối) N được chuyển hóa rất ít khoảng 12-14% trong lượng sinh khối làm nhiệm vụ này.

Chủng vi sinh hoạt động chủ yếu là Anammox



Nước sau khi ra khỏi bể anoxic sẽ tự chảy theo sự chênh lệch áp sang bể hiếu khí để tiếp tục quá trình xử lý.

c. Bể hiếu khí

Bể xử lý sinh học hiếu khí bằng bùn hoạt tính dính bám (Biofor) là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vì phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải là những chất hữu cơ dễ bị phân huỷ sinh học.

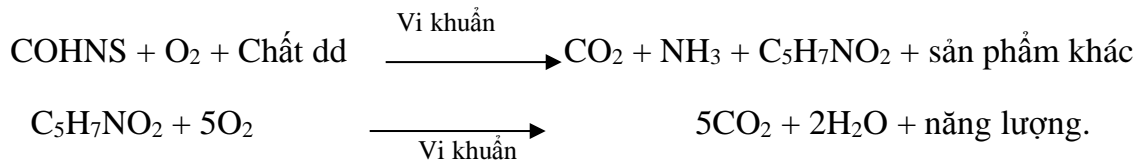
Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng dính bám. Các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hoá chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí (nhờ O₂ sục vào), vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

Ngoài ra, để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đủ cho vi sinh vật tồn tại, phát triển - oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24 (nồng độ oxy hòa tan trong nước thải ra khỏi bể lắng không được nhỏ hơn 2mg/l) còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ. Nước sau khi ra khỏi bể này, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%.

Cơ chế quá trình chuyển hóa chất hữu cơ (chất gây ô nhiễm) thành chất vô cơ (chất không gây ô nhiễm):

Lọc qua khe: Hạt có kích thước lớn hơn kích thước khe sẽ được giữ lại.

Lọc dính bám: Vi sinh vật hiếu khí, tùy tiện và kỵ khí sống trên bề mặt vật liệu sẽ lấy chất hữu cơ trong nước thải làm thức ăn, quá trình này đồng nghĩa với việc chất gây ô nhiễm đã được chuyển hóa thành chất không gây ô nhiễm.



Ghi chú: Vì bùn sau bể xử lý sinh học hiếu khí Biofor phần lớn là xác chết vi sinh vật nên việc bố trí đường tuần hoàn bùn từ bể lắng nhằm để ổn định mật độ vi sinh ở bể trong thời gian nuôi cấy.

Nước sau khi ra khỏi bể BIOFOR sẽ tự chảy theo sự chênh lệch áp sang bể lắng để tiếp tục quá trình xử lý.

d. Bể Lắng

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi thiết bị lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến 60%. Bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng.

Phần bùn dư sẽ được chuyển định kỳ về bể chứa bùn, còn nước trong trên mặt bể sẽ chảy tràn sang bể khử trùng.

e. Bể Khử trùng

Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 103 – 105 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Khi cho Chlorine vào nước, dưới tác dụng chảy rối do cấu tạo vách ngăn của bể - hóa chất Chlorine có tính oxi hóa mạnh sẽ khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật và gây phản ứng với men bên trong của tế bào, làm phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn nguồn xả: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

f. Bể chứa bùn

Trong thời gian đầu khi vi sinh chưa ổn định được mật độ hoặc trong quá trình vận hành có cây lại vi sinh thì lượng bùn lắng ở đáy bể sẽ được tuần hoàn gần

như 100% về bể xử lý sinh học hiếu khí. Còn trong những thời điểm đã ổn định thì tất cả bùn lắng ở đáy bể sẽ được chuyển hết về bể nén bùn vì bùn trong bể lắng phần lớn là xác chết vi sinh vật sau quá trình phân hủy nội bào.

Tại công trình đơn vị này, bùn lắng ở đáy bể theo định kỳ sẽ được xe hút bùn mang thải bỏ. Riêng nước tách ra từ bề mặt bể sẽ chuyển về lại bể điều hòa hoặc hồ thu để tiếp tục quá trình xử lý.



Hình ảnh HTXL nước thải của cơ sở



Hình ảnh đường ống thoát nước thải sau xử lý và hố ga thoát nước bên trong cơ sở

Hình 3. 6. Hình ảnh các công trình phụ trợ xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối

1.3.1 Các hạng mục công trình xây dựng

Bảng 3. 4. Các hạng mục công trình xây dựng của HTXL nước thải

TT	HẠNG MỤC XÂY DỰNG - GIA CÔNG	VẬT LIỆU	ĐVT	SL
1	Bể tách mỡ Kích thước: D x R x C = 7,2 x 4,6 x 4,6m; V = 152,3 m ³			
2	Bể điều hòa Kích thước: D x R x C = 5,0 x 5,0 x 2,5m; V = 62,5 m ³	Đáy, nắp BTCT	BỂ	1
3	Bể thiếu khí Kích thước: D x R x C = 4 x 1,5 x 2,5m; V = 15 m ³		BỂ	1
4	Bể trung gian Kích thước: D x R x C = 1,5 x 0,8 x 2,5m; V = 3 m ³		BỂ	1
5	Bể sinh học hiếu khí Kích thước: D x R x C = 8,34 x 4,8 x 2,4m; V = 96,1 m ³		BỂ	1
6	Bể lắng Kích thước: D x R x C = 2,4 x 1,8 x 2,4m; V = 10,37 m ³		BỂ	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

7	Bể khử trùng		Bể	1
	Kích thước ngăn: D x R x C = 1 x 0,75 x 2,4m; V = 1,8m ³			
8	Bể chứa bùn		Bể	1
	Kích thước: D x R x C = 1 x 0,75 x 2,4m; V = 1,8m ³			
9	Nắp đan bê tông		Bể	1
	Kích thước: D x R x C = 7,5 x 7,6 x 0,2m;			
10	Khu vực điều hành	Xây gạch	Cái	1
	Kích thước: D x R x C = 3 x 2 x 2,5m; S = 9 m ²	Mái lợp tôn		

1.3.2. Các hạng mục thiết bị, công nghệ

Bảng 3. 5. Các hạng mục thiết bị, công nghệ

STT	TÊN SẢN PHẨM - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐVT	Tổng
A	NGĂN ĐIỀU HOÀ			
1	Bơm điều hoà			
	Kiểu bơm: bơm chìm	Đài Loan	cái	2
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 1 pha / 220V / 50 Hz			
	Lưu lượng: 5-10 m ³ /h			
	Công suất: 0,5Hp			
2	Song chắn rác			
	Vật liệu: inox 304	Việt Nam	cái	1
	Kích thước khe chắn: 5mm			
B	NGĂN THIẾU KHÍ			
1	My khuấy chìm			
	Kiểu thiết bị: dạng khuấy chìm	Đài Loan	cái	1
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 3 pha / 380V / 50 Hz			
	Lưu lượng: 1,8 m ³ /pht			
	Công suất: 0,5Hp			
2	Hệ thống phn phối nước đáy			
	Vật liệu: PVC	Bình Minh - Việt Nam	ht	1
3	Vi sinh nuôi cấy			
	Chủng loại: vi sinh thiếu khí	Bio-USA	hệ	1
	Dạng: Bùn đặc			
	Thời gian thích nghi: 2 tuần			
C	NGĂN TRUNG GIAN			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1	Bơm nước thải			
	Kiểu bơm: bơm chìm		Đài Loan	cái
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 3 pha / 220V / 50 Hz			
	Lưu lượng: 10-20 m ³ /h			
	Công suất: 1,0Hp			
D	NGĂN HIẾU KHÍ			
1	Máy thổi khí			
	Kiểu: Root;		Đài Loan	cái
	Điện 3 pha / 380v/ 50Hz			
	Lưu lượng: 1,4-4,5 m ³ /phút			
	Cột p: 6 - 2m			
	Công suất: 4,0 Hp			
	n = 1500 rpm			
	Động cơ: Đài Loan 3,6kw			
	puli, Cuaro, Khớp nối mềm, khung đế			
2	Đĩa thổi khí			
	Đường kính: 270mm		Đài Loan	cái
	Vật liệu: EDPM, lưu lượng 0 - 12 m ³ /h			24
3	Giàn ống phân phối khí			
	Vật liệu: ống uPVC , STK		Việt Nam	hệ
	Cấp áp lực: 6bar			
	Hệ valve điều khiển			
4	Bơm tuần hoàn			
	Kiểu bơm: bơm chìm		Đài Loan	cái
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 1 pha / 220V / 50 Hz			
	Lưu lượng : 5-10 m ³ /h			
	Công suất: 0,5Hp			
5	Giá thể vi sinh			
	Vật liệu: nhựa PP		Việt Nam	hệ
	Quy cch: dạng cầu			
6	Vi sinh nuôi cấy			
	Chủng loại: Vi sinh hiếu khí		Bio-USA	hệ
	Dạng: Bùn đặc			
	Thời gian thích nghi: 2 tuần			
E	HỆ CHM CHẤT DINH DƯỠNG			
1	Bồn chứa chất dinh dưỡng			
	Bồn PVC, V = 300 lít		Việt Nam	cái
	Hệ phao báo mức			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Bơm định lượng hoá chất			
	Điện 1 pha / 220V / 50 Hz		Blue - White - Mỹ	cái
	Lưu lượng max: 30 l/h			
	Cột áp: 30PSI (2bar)			
	Công suất: 45W			
F	NGÀN LẮNG			
1	Bơm bùn			
	Kiểu bơm: bơm chìm		Đài Loan	cái
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 1 pha / 220V / 50 Hz			
	Lưu lượng: 5-10 m ³ /h			
	Công suất: 0,5Hp			
2	Ống lắng trung tm			
	Vật liệu: Inox 304		Việt Nam	hệ
	Kích thước: DxH = 400 x 1000mm			
	Dy: 1,5 mm			
3	Tấm chắn bọt			
	Vật liệu: Inox 304		Việt Nam	hệ
	Dy: 1,5 mm			
G	HỆ KHỬ TRÙNG			
1	Bồn chứa hóa chất			
	Bồn PVC, V = 500 lít		Việt Nam	cái
	Hệ phao báo mức			
2	Bơm định lượng hoá chất			
	Điện 1 pha / 220V / 50 Hz		Blue - White - Mỹ	cái
	Lưu lượng max: 30 l/h			
	Cột áp: 30PSI (2bar)			
	Công suất: 45W			
3	Bơm xả nước thải sau xử lý			
	Kiểu bơm: bơm chìm		Đài Loan	cái
	Thân bơm: bằng gang			
	Điện 3 pha / 220V / 50 Hz			
	Lưu lượng : 10-20 m ³ /h			
	Công suất: 1,0Hp			
H	THIẾT BỊ KHÁC			
1	Hệ thống điện và tủ điện điều khiển			
	Tủ điện bằng thép sơn tĩnh điện và phụ kiện		Việt Nam	hệ
	<i>Thiết bị điều khiển</i>			
	Công tắc mực nước		Hàn Quốc	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	Áp kế			
	Điện động lực dẫn đến các thiết bị, ống đi dây điện và các phụ kiện	Ngoại nhập + Việt Nam		
2	Hệ thống đường ống xử lý nước và công nghệ			
	Ống dẫn nước bằng vật liệu PVC, STK	Việt Nam	hệ	1
	Các phụ kiện kèm theo	Ngoại nhập + Việt Nam		

1.3.3. Quy trình vận hành

Thao tác vận hành chung

Công tác bàn giao ca

Trước khi vào ca làm việc người vận hành phải làm thủ tục bàn giao ca trực, thời gian bàn giao thường 10 - 15 phút.

Hai bên bàn giao và ghi vào sổ nhật ký vận hành với các nội dung sau:

- Thời gian bàn giao.
- Lượng nước trong các bể.
- Hiện trạng các máy đang vận hành.
 - Lưu lượng bơm.
 - Tiếng động cơ.
 - Độ rung.
 - Điện áp các pha.
 - Cường độ dòng điện các pha.
 - Hiện tượng rò rỉ.
- Tình hình hiện trạng tại công trình.
- Những sự cố, hiện tượng khác và các biện pháp giải quyết.

Vận hành trong ca

- Trong trường hợp các máy móc thiết bị vẫn đang vận hành tiếp, người công nhân vận hành có nhiệm vụ theo dõi hoạt động của máy thường xuyên liên tục.
- Tuyệt đối không được bỏ trạm trong khi đang vận hành.
- Các công trình xử lý hoạt động theo hệ thống điều khiển tự động vẫn phải thường xuyên giám sát kiểm tra.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước sau xử lý.
- **Định kỳ theo đúng lịch vận hành phải tiến hành:**
 - Bơm bùn trong bể lắng.
 - Loại bỏ các vật cản vướng vào song chắn rác, nếu không có thể dẫn đến tắt nghẽn đường ống, cháy bơm.

- Kiểm tra, vệ sinh các bơm chìm, bơm hóa chất, các luppê, đầu hút, đầu đẩy.
- Tra dầu mỡ cho máy.
- **Khi dừng máy bảo dưỡng:**
 - Tắt máy đang vận hành.
 - Đóng van trên đường ống có liên quan.
 - Mở máy dự phòng.
 - Mở từ từ van máy dự phòng, theo dõi các chỉ số về điện áp, điều chỉnh lưu lượng đảm bảo đúng công suất trạm xử lý.
 - Chi ngừng chỉnh van khi các thông số đã đạt yêu cầu.
- **Trong quá trình vận hành phải quan sát trạm xử lý:**
 - Nếu hệ thống bị hư hỏng, nứt vỡ đường ống phải kịp thời có biện pháp khắc phục.
 - Tháo gỡ các chướng ngại vật gây cản trở dòng chảy của hệ thống.
 - Những biến động về tính chất, lưu lượng đầu vào phải được ghi nhận và báo cáo kịp thời.
 - Ghi chép cập nhật hằng ngày vào sổ nhật ký công trình theo quy định vận hành.
 - Vệ sinh công nghiệp trạm xử lý gọn gàng, sạch sẽ, luôn đảm bảo an toàn.
 - Kiểm tra tất cả dụng cụ, thiết bị, vật tư sửa chữa cũng như lượng hóa chất có trong trạm. Nếu thiếu phải có biện pháp bổ sung ngay.
 - Trước lúc hết ca 15 phút phải chuẩn bị hồ sơ, dọn dẹp gọn để chuẩn bị bàn giao.
 - Ca trực cuối cùng của ngày phải đảm bảo xử lý hết lượng nước thải có trong bể điều hòa.

Công việc thực hiện hằng ngày

- Nhận hóa chất từ kho mang về trạm xử lý.
- Pha hóa chất.
- Vệ sinh bơm hóa chất (nếu tắc nghẹt).
- Vớt liên tục các vật cản vướng vào song chắn rác: đá, sợi chỉ, các mảnh vụn...
- Kiểm tra thùng đo lưu lượng, vớt bỏ rác hay cặn trong thùng.
- Xả bùn bể lắng theo hướng dẫn vận hành.
- Khi bơm hoạt động kiểm tra chất lượng nước ở bể điều hòa có sục khí, bể lắng nếu chất lượng không đạt xem cách khắc phục ở phần vận hành các bể đó.
- Kiểm tra châm nhớt bơm.

Thao tác vận hành

- Kiểm tra toàn bộ hệ thống bao gồm: máy móc thiết bị, đường ống vận chuyển, các van khóa có như ở vị trí sẵn sàng hoạt động hay chưa.
- Vớt các vật cản trước song chắn rác, trong các bể chứa tránh gây hiện tượng tắc nghẽn ống hay cháy bơm.

- Đóng điện ở cầu dao chính trong tủ điện điều khiển -> tủ điện sẽ ở chế độ vận hành tự động, kiểm tra đèn báo.
- Kiểm tra sự hoạt động của thiết bị, nếu có hiện tượng khác lạ dừng lại kiểm tra thiết bị trước khi vận hành.
- Khi đèn báo hiệu bơm đang hoạt động, sau khoảng 50 giây nếu không thấy nước lên bể, nhanh chóng tắt bơm. Kiểm tra lại sự hoạt động của bơm.
- Khi đèn báo hiệu bơm hóa chất đang hoạt động, kiểm tra sự dịch chuyển của hóa chất cấp cho hệ thống.
- Hệ thống xử lý nước thải làm việc tự động nhờ hệ thống van phao điều khiển hệ thống điện.

❖ **Vận hành tủ điện**

- Mặt tủ bố trí đèn báo pha, nút tắt khẩn cấp, dây đèn hiển thị thiết bị đang hoạt động màu xanh, nút nhấn cho từng thiết bị Tắt/Mở,...
- Linh kiện của tủ bao gồm: CB tổng, Hệ thống điều khiển tự động, CB điều khiển, Contactor, Relay nhiệt, Còi báo sự cố....

Kiểm tra trước khi vận hành

- Sự đóng mở toàn bộ hệ thống van đường ống dẫn nước, khí, hóa chất đảm bảo thông suốt không bị tắc nghẽn ở vị trí nào
- Tình trạng thiết bị hiện tại.

Chế độ vận hành bình thường

- Ở chế độ hoạt động bình thường (đèn báo ở chế độ vận hành), tất cả các thiết bị đều ở tình trạng hoạt động tự động. Tất cả các thiết bị như máy bơm nước thải, máy thổi khí, bơm định lượng hóa chất đều được hoạt động tự động theo sự lập trình & điều khiển của tủ điện.
- Trong trường hợp muốn tắt hoặc điều khiển bằng tay một thiết bị nào đó thì để ở chế độ kiểm tra. Ở chế độ này người điều khiển có thể tắt mở bất kỳ thiết bị nào trong bất kỳ thời điểm nào.
- Khi thiết bị nào có sự cố (ngắn mạch, tăng tải, ...) thì role nhiệt trên khởi động từ tương ứng sẽ đổi trạng thái, tiếp điểm NO sẽ làm hở mạch và ngắt khởi động từ. Thiết bị sẽ ngưng hoạt động cho đến khi sửa chữa xong sự cố và RESET lại đôi ROLE nhiệt. Sau đó hệ thống sẽ hoạt động lại bình thường.

Chế độ tay (Kiểm tra)

Chế độ chạy bằng tay chỉ sử dụng cho mục đích kiểm tra thiết bị và chạy tạm thời khi đang xử lý sự cố.

• **Bước 1:**

- Đóng CB điều khiển để cấp nguồn cho hệ điều khiển.

• **Bước 2:**

- Nhấn nút “**tắt khẩn cấp**” để chế độ chuyển từ tự động sang kiểm tra

• **Bước 3:**

- Tắt mở bất kỳ thiết bị nào cần kiểm tra

Chế độ tự động (Vận hành)

Chế độ chạy tự động là chế độ chạy thường trực cho việc thực hiện mọi hoạt động của quá trình xử lý của hệ thống theo một chương trình đã được soạn thảo sẵn của các nhà thiết kế.

- **Bước 1:**

- Đóng CB điều khiển để cấp nguồn cho hệ điều khiển.

- **Bước 2:**

- Theo dõi sự hoạt động của tất cả các thiết bị

🚦 Nguyên lý hoạt động của thiết bị

a. Bơm nước thải bể điều hòa

Hai (02) máy bơm (bơm chìm) trong bể điều hòa có công suất 0,5 Hp, 220V. Bơm nước từ bể điều hòa tới bể thiếu khí. Bơm hoạt động luân phiên một bơm chạy một bơm nghỉ theo thời gian cài đặt sẵn (khoảng 60 phút) và theo phao báo mực nước (đầy bơm – cạn tắt – tràn 2 bơm làm việc).

b. Motor khuấy trộn

Bể thiếu khí sử dụng Motor khuấy trộn để tạo môi trường thiếu khí trong bể có công suất 0,5 Hp, 3 pha, 380V. Motor chạy theo timer chạy 2 giờ, nghỉ 30 phút.

c. Máy bơm hóa chất

Máy bơm định lượng Chlorine và Mật rỉ đường công suất 45W, 3phase, 220V, chạy theo chế độ hoạt động của bơm nước thải trong bể điều hòa (bơm hóa chất chạy theo bơm chìm trong bể điều hòa, bơm bể điều hòa chạy thì chạy theo, ngừng thì ngừng theo). Tác dụng cấp hóa chất cho hệ thống xử lý.

❖ Các loại hóa chất sử dụng và định mức tiêu hao

Các loại hóa chất sử dụng và định mức tiêu hao được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 3. 6. Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng cho HTXL nước thải của cơ sở

STT		Khối lượng sử dụng (Kg/năm)	Mục đích
I	Vật liệu/hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành HTXL nước thải		
1	Chlorine	1.200	Khử trùng
2	Mật rỉ đường	300	Dinh dưỡng
	Tổng cộng	1.500	

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

❖ **Định mức tiêu hao điện năng cho quá trình vận hành**

Ước tính mức tiêu hao điện năng của HTXL nước thải của cơ sở khoảng 800 Kwh/tháng.

❖ **Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:**
QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$.

Bảng 3. 7. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTN, cột B với ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9
3	COD	mg/l	148,5
4	TSS	mg/l	99
5	BOD ₅	mg/l	49,5
6	Sulfua	mg/l	0,495
7	Tổng nitơ	mg/l	39,6
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94
9	Coliform	MPN/100ml	5.000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1.3.4. Đánh giá hiệu quả xử lý của HTXL nước thải của Cơ sở

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 3. 8. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của cơ sở

TT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	Kết quả quan trắc								QCVN40:2011/ BTNMT, cột B, K _q = 0,9, K _t = 1,1
			Năm 2022				Năm 2023				
			Mẫu 1 (đợt 1:10/06/2022)	Mẫu 2 (đợt 1:10/06/2022)	Mẫu 1 (đợt 2:27/12/2022)	Mẫu 2 (đợt 2:27/12/2022)	Mẫu 1 10/3/2023	Mẫu 2 10/3/2023	Mẫu 1 13/12/2023	Mẫu 2 13/12/2023	
1	pH	-	6,3	6,5	6,8	6,9	7,2	7,3	6,8	6,9	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32	35	38	36	31	33	31	33	49,5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	39	31	17	14	15	12	58	71	99
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	295	303	386	369	403	412	392	406	-
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	1,3	1,2	1,4	1,2	1,7	1,9	2,5	2,3	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	4,6	5,1	8,1	7,3	7,2	7,1	5,9	5,1	9,9
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	1,8	1,5	1,8	1,6	0,5	0,8	1,7	1,6	-
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	0,8	0,5	0,4	0,5	1,5	1,1	2,2	2,5	5,94
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	20,3	19,8	33,2	35,8	31,5	32,8	31,1	32,4	39,6
10	Sunfua	mg/L	-	-	-	-	1,2	1,5	1,3	1,5	
11	Coliform	MPN/100mL	1.200	1.400	1.300	1.200	1.600	2.300	2.400	2.100	5.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

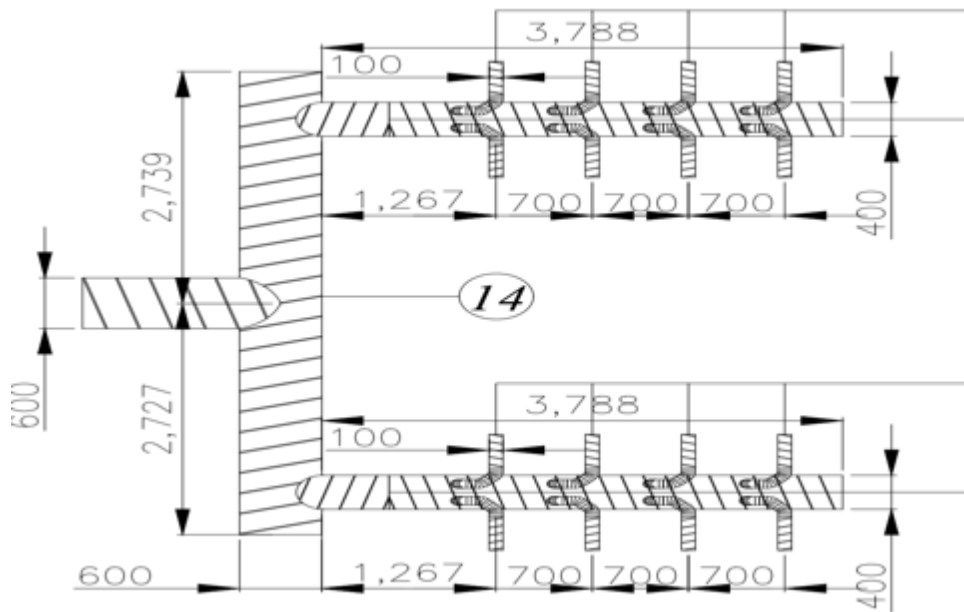
Nhận xét: Dựa trên kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của Cơ sở trong năm 2021, 2022, 2023 cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn cho phép. Điều này cho thấy hiệu quả xử lý của HTXL nước thải đang vận hành của Cơ sở là tương đối tốt.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. HTXL bụi mài để 1 (Line 1, Line 2), công suất 15.000 m³/h

2.1.1. Công trình thu gom trước xử lý

Tại mỗi line mài để được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø400mm đặt nằm trên nền nhà xưởng, tại ống hút này được gắn 8 ống hút nhánh dạng ruột gà có đường kính Ø100mm. Đầu mỗi ống ruột gà là vị trí mài để, tại đây bụi từ quá trình mài sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi mài để 1 qua đường ống chính Ø600mm.



Hình 3. 7. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài 1

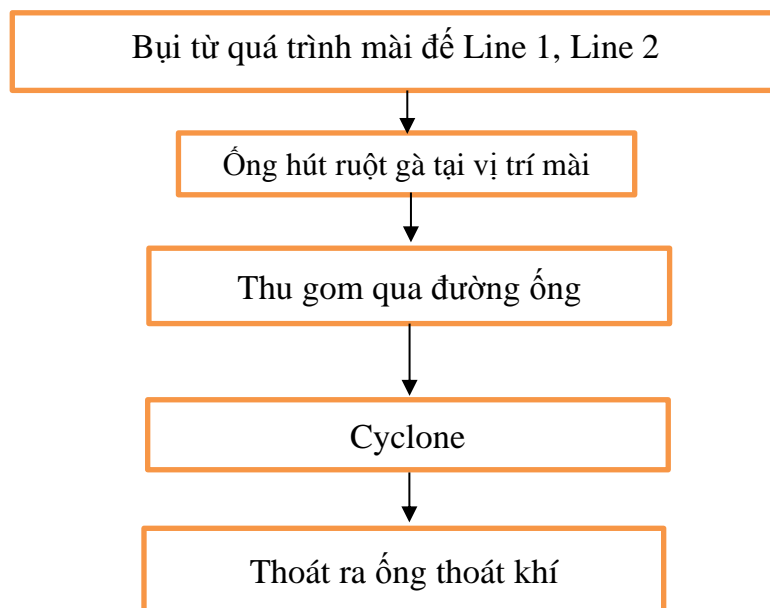
Bảng 3. 9. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài 1

Stt	Hạng mục	Số lượng	Tổng chiều dài
1	Ống ruột gà Ø100mm	16	19,2m
2	Ống tole tráng kẽm Ø400mm	2	7,58m
3	Ống tole tráng kẽm Ø600mm	1	5,46m

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.1.2. Công trình xử lý

Quy trình xử lý bụi từ công đoạn mài đế của Line 1, Line 2 như sau:



Hình 3. 8. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 1

Thuyết minh quy trình:

Dòng khí thải sau khi được hút qua đường ống chính được dẫn qua thiết bị Cyclone thu bụi. Tại đây, dòng khí di chuyển theo hình xoáy tròn ốc, dưới tác dụng của trọng lực, các hạt bụi sẽ được rơi xuống đáy Cyclone, dòng khí sạch sẽ được dẫn lên phía trên của Cyclone và thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

Bảng 3. 10. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài đế 1

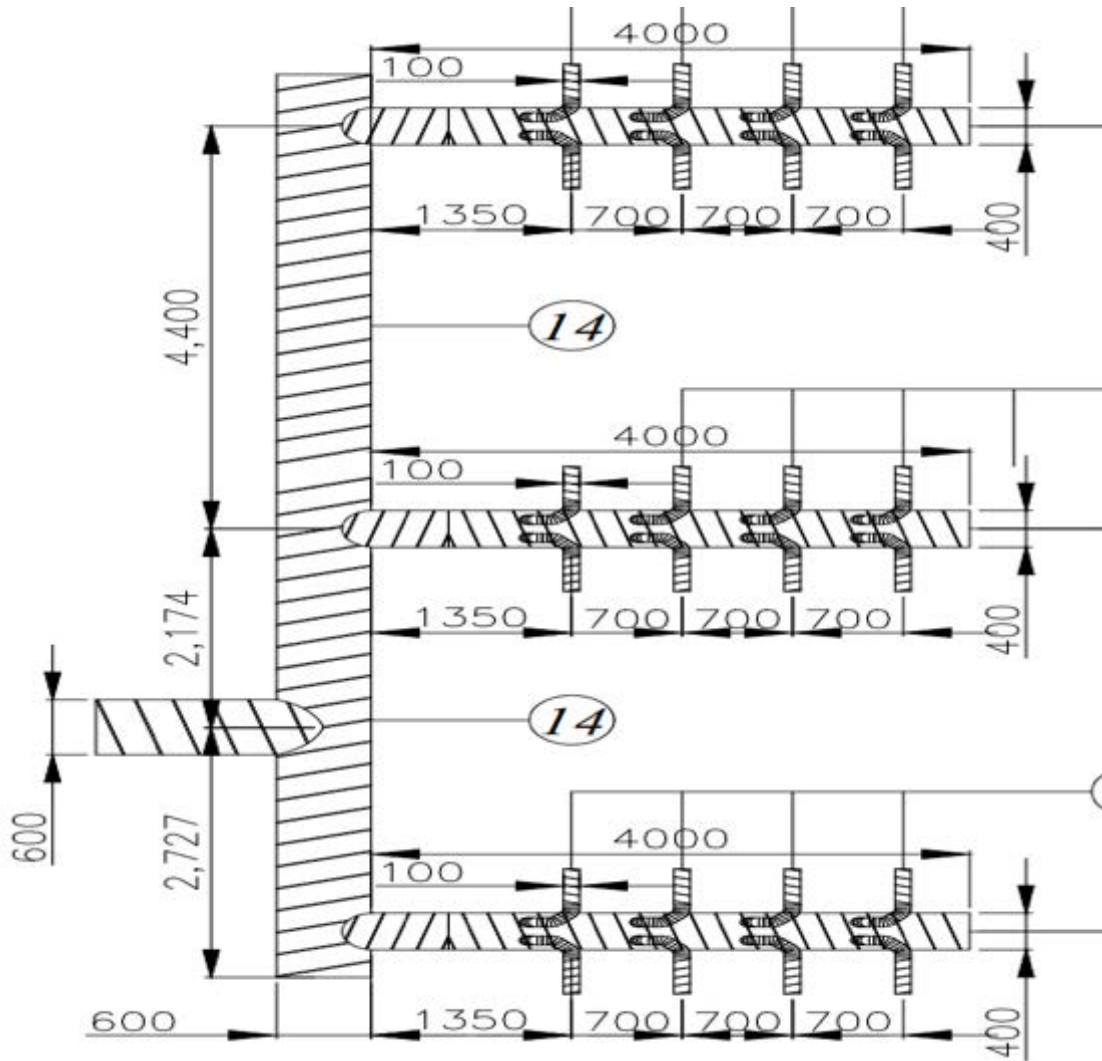
STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Cyclone	- Vật liệu: Thép - Kích thước: DxH = 1,5x4,5m	Cái	1
2	Thùng chứa bụi	- Vật liệu: Thép - Kích thước: DxRxC = 1,6x1,6x1,5m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	- Công suất: 20 HP - Lưu lượng tối đa: 15.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa	Cái	1
4	Ống khói	- Vật liệu: Thép - Kích thước: ϕ 600 - Cao 8,5m (so với mặt đất)	Cái	1
5	Hệ thống tủ điện điều khiển	-	HT	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.2. HTXL bụi mài đế 2 (Line 3, Line 4, Line 5), công suất 15.000 m³/h

2.2.1. Công trình thu gom trước xử lý

Tại mỗi line mài đế được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø400mm đặt nằm trên nền nhà xưởng, tại ống hút này được gắn 8 ống hút nhánh dạng ruột gà có đường kính Ø100mm. Đầu mỗi ống ruột gà là vị trí mài đế, tại đây bụi từ quá trình mài sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi mài đế 2 qua đường ống chính Ø600mm.



Hình 3. 9. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài đế 2

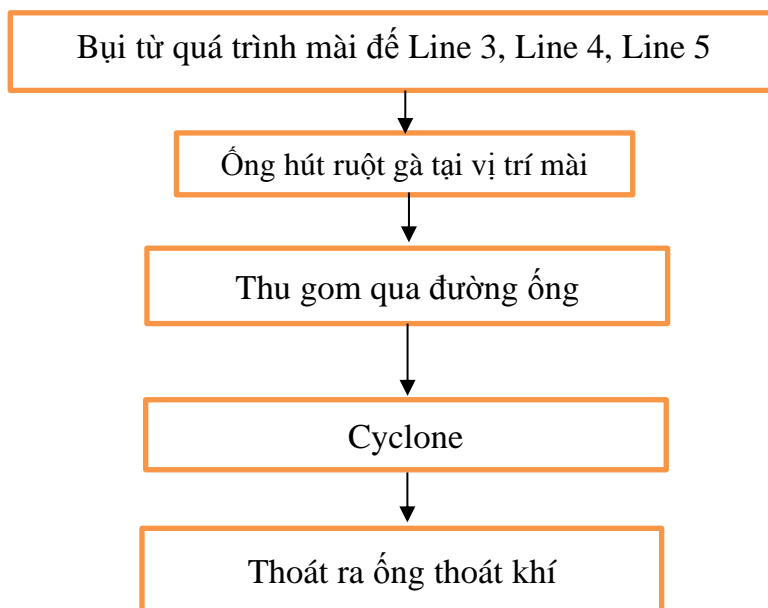
Bảng 3. 11. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài đế 2

Stt	Hạng mục	Số lượng	Tổng chiều dài
1	Ống ruột gà Ø100mm	24	36m
2	Ống tole tráng kẽm Ø400mm	3	12m
3	Ống tole tráng kẽm Ø600mm	1	9,3m

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.2.2. Công trình xử lý

Quy trình xử lý bụi từ công đoạn mài đế của Line 3, Line 4, Line 5 như sau:



Hình 3. 10. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 2

Thuyết minh quy trình:

Dòng khí thải sau khi được hút qua đường ống chính được dẫn qua thiết bị Cyclone thu bụi. Tại đây, dòng khí di chuyển theo hình xoáy tròn ốc, dưới tác dụng của trọng lực, các hạt bụi sẽ được rơi xuống đáy Cyclone, dòng khí sạch sẽ được dẫn lên phía trên của Cyclone và thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

Bảng 3. 12. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài đế 2

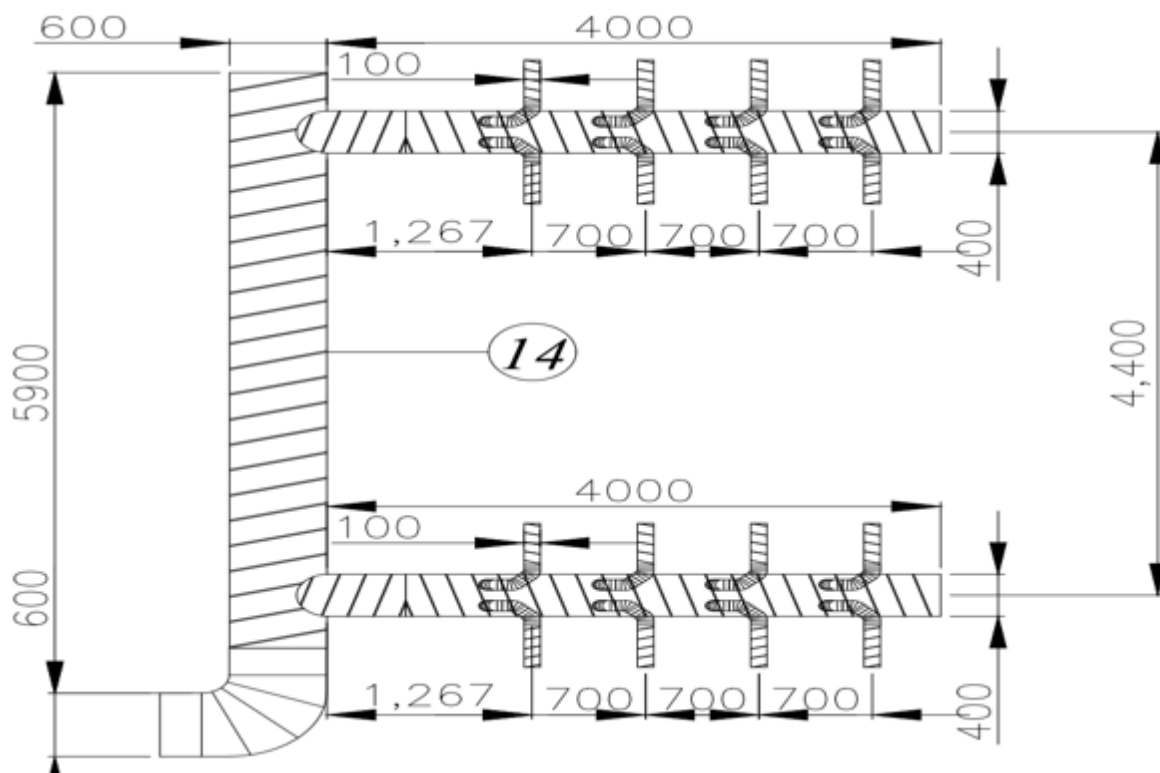
STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Cyclone	- Vật liệu: Thép - Kích thước: D x H = 1,8x4,5m	Cái	1
2	Thùng chứa bụi	- Vật liệu: Thép - Kích thước: D x R x C = 1,6x1,6x1,5m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	- Công suất: 20 HP - Lưu lượng tối đa: 15.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa	Cái	1
4	Ống thoát khí	- Vật liệu: Thép - Kích thước: ϕ 600mm - Cao 8,5m (so với mặt đất)	Cái	1
5	Hệ thống tủ điện điều khiển	-	HT	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.3. HTXL bụi mài để 3 (Line 6, Line 7), công suất 15.000 m³/h

2.3.1. Công trình thu gom trước xử lý

Tại mỗi line mài để được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø400mm đặt nằm trên nền nhà xưởng, tại ống hút này được gắn 8 ống hút nhánh dạng ruột gà có đường kính Ø100mm. Đầu mỗi ống ruột gà là vị trí mài để, tại đây bụi từ quá trình mài sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi mài để 3 qua đường ống chính Ø600mm.



Hình 3. 11. Đường ống thu gom bụi mài trước xử lý của HTXL bụi mài để 3

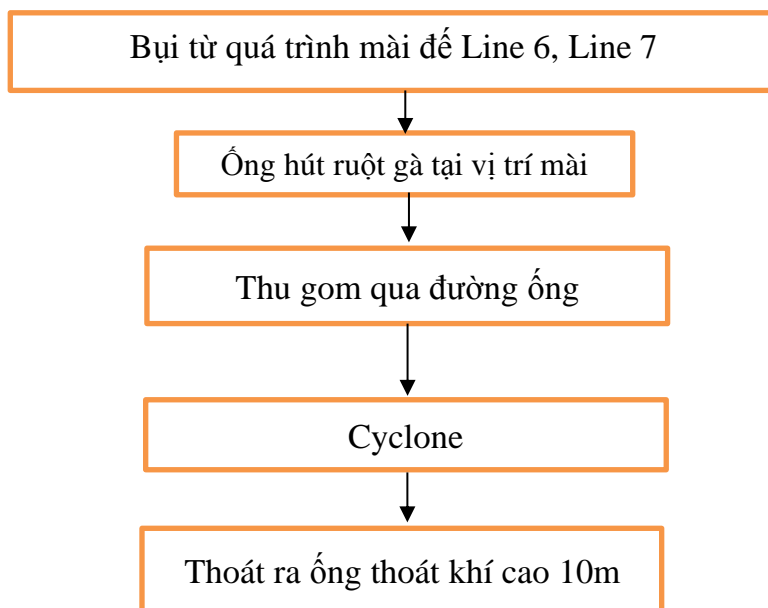
Bảng 3. 13. Các hạng mục công trình thu gom bụi của HTXL bụi mài để 3

Stt	Hạng mục	Số lượng	Tổng chiều dài
1	Ống ruột gà Ø100mm	16	24m
2	Ống tole tráng kẽm Ø400mm	2	8m
3	Ống tole tráng kẽm Ø600mm	1	5,9m

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.3.2. Công trình xử lý

Quy trình xử lý bụi từ công đoạn mài đế của Line 6, Line 7 như sau:



Hình 3. 12. Quy trình xử lý của HTXL bụi mài đế 3

Thuyết minh quy trình:

Dòng khí thải sau khi được hút qua đường ống chính được dẫn qua thiết bị Cyclone thu bụi. Tại đây, dòng khí di chuyển theo hình xoáy tròn ốc, dưới tác dụng của trọng lực, các hạt bụi sẽ được rơi xuống đáy Cyclone, dòng khí sạch sẽ được dẫn lên phía trên của Cyclone và thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

Bảng 3. 14. Danh mục thiết bị của HTXL bụi mài đế 3

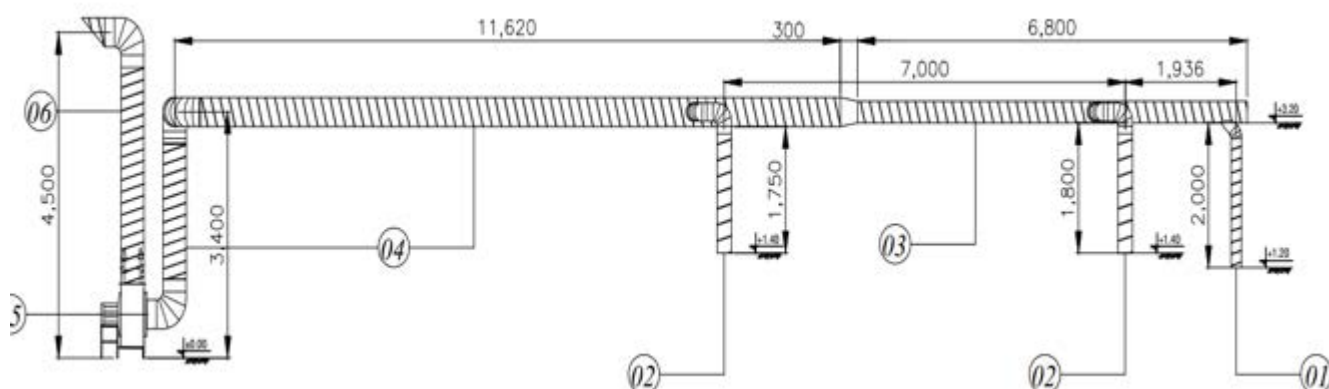
STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Cyclone	- Vật liệu: Thép - Kích thước: DxH = 1,5x4,5m	Cái	1
2	Thùng chứa bụi	- Vật liệu: Thép - Kích thước: DxRxC = 1,6x1,6x1,5m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	- Công suất: 20 HP - Lưu lượng tối đa: 15.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa	Cái	1
4	Ống thoát khí	- Vật liệu: Thép - Kích thước: ϕ 600mm - Cao 8,5m (so với mặt đất)	Cái	1
5	Hệ thống tủ điện điều khiển	-	HT	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.4. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền rửa đế, công suất 12.000 m³/h

Tại dây chuyền rửa đế được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø300mm, Ø400mm đặt phía trên dây chuyền rửa đế, tại ống hút này được gắn các ống hút nhánh bằng tole có

đường kính Ø180mm và Ø250mm, các ống hút nhánh được gắn trực tiếp vào dây chuyền rửa để thu gom hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn rửa và hút ra ngoài qua ống thoát khí Ø600mm, cao 4,5m.



Hình 3. 13. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền rửa để

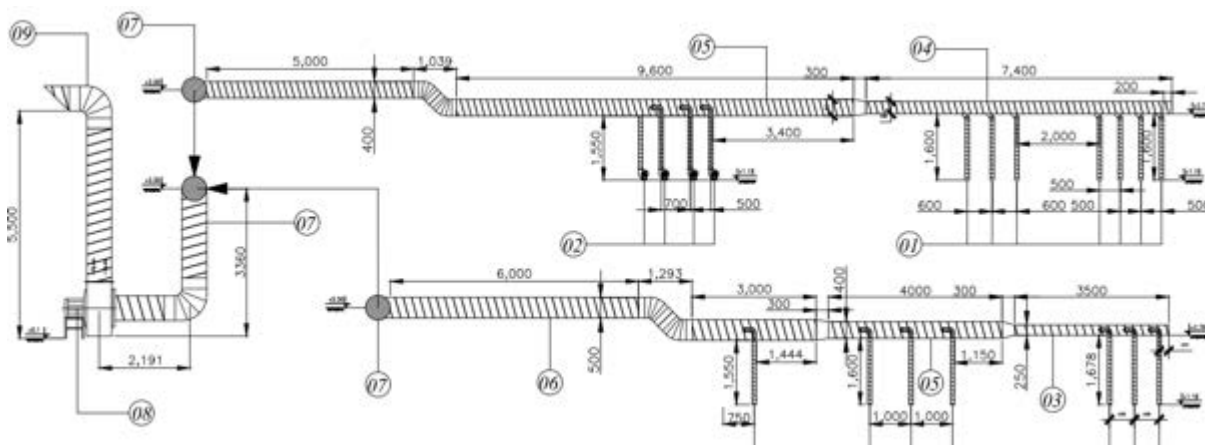
Bảng 3. 15. Các hạng mục công trình thu gom hơi hóa chất dây chuyền rửa để

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Ống nhánh tole tráng kẽm Ø180mm	1	2m
2	Ống nhánh tole tráng kẽm Ø250mm	1	3,55
3	Ống chính tole tráng kẽm Ø300mm	1	6,8m
4	Ống chính tole tráng kẽm Ø400mm	1	15m
5	Ống thoát khí tole tráng kẽm Ø600mm	1	4,5
6	Quạt hút	1	- Công suất: 15 HP - Lưu lượng tối đa: 12.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.5. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1 (Line 1, Line 2), công suất 12.000 m³/h

Tại mỗi Line của dây chuyền dán đế được trang bị 2 ống hút chính bằng thép Ø300mm, Ø400mm, Ø500mm đặt phía trên 2 Line, tại ống hút này được gắn các ống hút nhánh ruột gà PVC có đường kính Ø100mm, các ống hút nhánh được gắn trực tiếp vào dây chuyền rửa dán thu gom hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn dán đế giày và hút ra ngoài qua ống thoát khí Ø600mm, cao 5,5m.



Hình 3. 14. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1

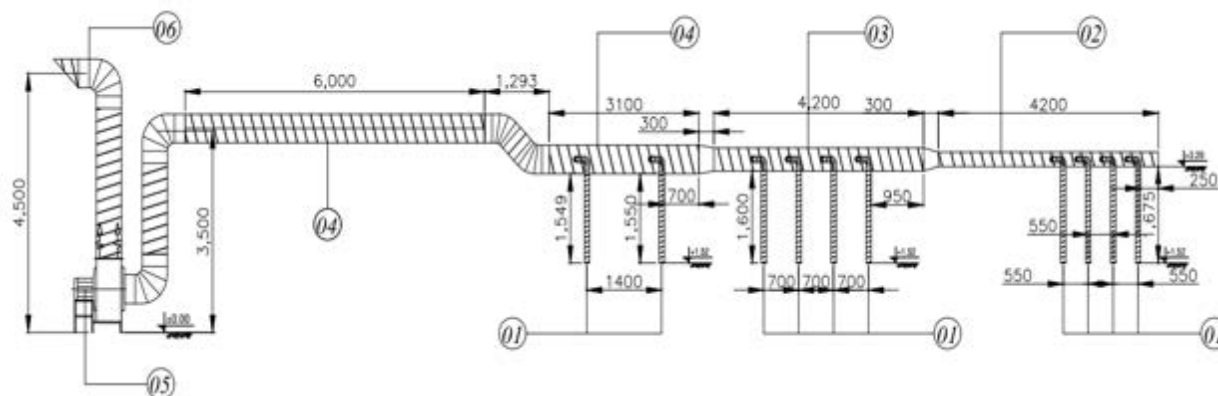
Bảng 3. 16. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Ống nhánh ruột gà Ø100mm	36	55m
2	Ống chính tole tráng kẽm Ø250mm	1	3,5m
3	Ống chính tole tráng kẽm Ø300mm	1	7,4m
4	Ống chính tole tráng kẽm Ø400mm	2	13,6m
5	Ống chính tole tráng kẽm Ø500mm	2	11m
6	Ống chính tole tráng kẽm Ø600mm	1	5,56m
7	Ống thoát khí tole tráng kẽm Ø600mm	1	5,5m
8	Quạt hút	1	- Công suất: 15 HP - Lưu lượng tối đa: 12.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.6. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 2 (Line 3), công suất 12.000 m³/h

Tại Line 3 của dây chuyền dán đế được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø250mm, Ø400mm, Ø500mm đặt phía trên Line 3, tại ống hút này được gắn các ống hút nhánh ruột gà PVC có đường kính Ø100mm, các ống hút nhánh được gắn trực tiếp vào dây chuyền dán đế thu gom hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn dán đế giày và hút ra ngoài qua ống thoát khí Ø600mm, cao 4,5m.



Hình 3. 15. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 2

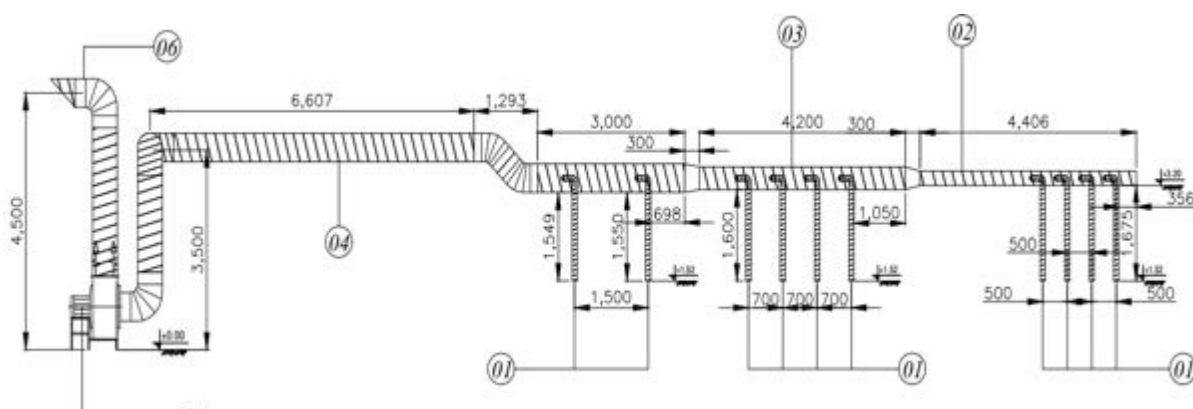
Bảng 3. 17. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 2

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Ống nhánh ruột gà Ø100mm	20	32m
2	Ống chính tole tráng kẽm Ø250mm	1	4,2m
3	Ống chính tole tráng kẽm Ø400mm	1	4,2m
4	Ống chính tole tráng kẽm Ø500mm	1	13,9m
5	Ống thoát khí tole tráng kẽm Ø600mm	1	4,5m
6	Quạt hút	1	- Công suất: 15 HP - Lưu lượng tối đa: 12.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.7. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 3 (Line 4), công suất 12.000 m³/h

Tại Line 4 của dây chuyền dán đế được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø250mm, Ø400mm, Ø500mm đặt phía trên Line 4, tại ống hút này được gắn các ống hút nhánh ruột gà PVC có đường kính Ø100mm, các ống hút nhánh được gắn trực tiếp vào dây chuyền dán đế thu gom hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn dán đế giày và hút ra ngoài qua ống thoát khí Ø600mm, cao 4,5m.



Hình 3. 16. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 3

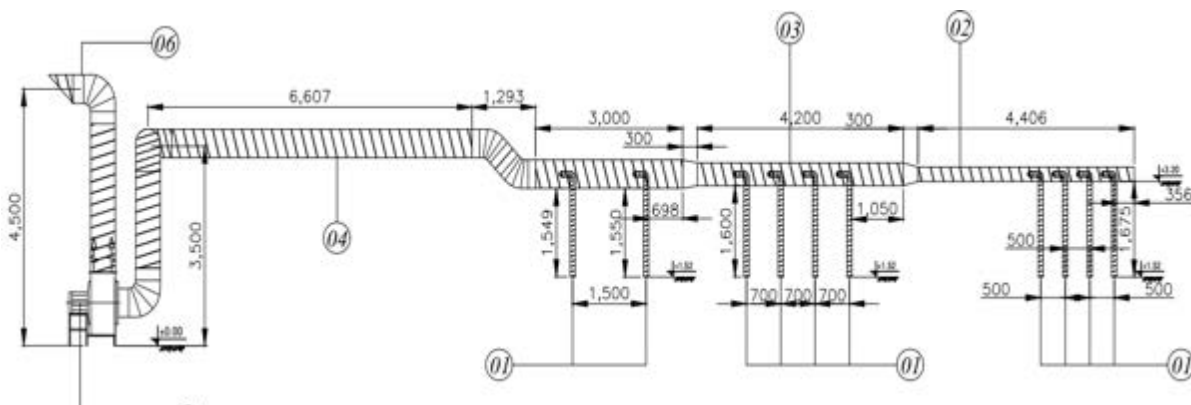
Bảng 3. 18. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 3

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Ống nhánh ruột gà Ø100mm	20	32m
2	Ống chính tole tráng kẽm Ø250mm	1	4,406m
3	Ống chính tole tráng kẽm Ø400mm	1	4,2m
4	Ống chính tole tráng kẽm Ø500mm	1	14,4m
5	Ống thoát khí tole tráng kẽm Ø600mm	1	4,5m
6	Quạt hút	1	- Công suất: 15 HP - Lưu lượng tối đa: 12.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

2.8. HT thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 4 (Line 5), công suất 12.000 m³/h

Tại Line 5 của dây chuyền dán đế được trang bị 1 ống hút chính bằng thép Ø250mm, Ø400mm, Ø500mm đặt phía trên Line 5, tại ống hút này được gắn các ống hút nhánh ruột gà PVC có đường kính Ø100mm, các ống hút nhánh được gắn trực tiếp vào dây chuyền dán đế thu gom hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn dán đế giày và hút ra ngoài qua ống thoát khí Ø600mm, cao 4,5m.



Hình 3. 17. Đường ống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 4

Bảng 3. 19. Các hạng mục công trình thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 4

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Ống nhánh ruột gà Ø100mm	16	25,6m
2	Ống chính tole tráng kẽm Ø250mm	1	4,4m
3	Ống chính tole tráng kẽm Ø400mm	1	4,2m
4	Ống chính tole tráng kẽm Ø500mm	1	14,29m
5	Ống thoát khí tole tráng kẽm Ø600mm	1	4,5m
6	Quạt hút	1	- Công suất: 15 HP - Lưu lượng tối đa: 12.000 m ³ /h - Cột áp: 4.500 Pa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

🔧 Quy trình vận hành

Kiểm tra về điện áp Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Các ký hiệu bên trong tủ điện điều khiển:

Đóng MCCB tổng trong tủ phân phối chính của Hệ thống:

- Kiểm tra đèn báo pha, có đủ số pha (3 pha) không.
- Kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị.
- Dùng đồng hồ vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện.

Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB trong tủ cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.

❖ **Quy trình vận hành tự động (Auto):**

Kiểm tra đèn báo 3 pha, gạt công tắc chuyển điện áp sang các vị trí xem đã đủ áp 380V của từng pha.

Lần lượt chuyển các công tắc của các thiết bị từ vị trí **Off** sang vị trí **Auto**. Khi các thiết bị đang hoạt động bình thường sẽ báo đèn xanh, khi gặp sự cố sẽ báo đèn vàng.

❖ **Quy trình vận hành**

- Đối với thiết bị Cyclone, đảm bảo thiết bị chứa bụi đã được thay thế và đưa lượng bụi thu gom và xử lý, thiết bị chứa bụi mới đảm bảo trống để chứa bụi trong quá trình vận hành.
- Kiểm tra toàn bộ van, quạt hút, đường ống dẫn khí trước khi vận hành.
- Kiểm tra đèn báo 3 pha, gạt công tắc chuyển điện áp sang các vị trí xem đã đủ áp 380V của từng pha.
- Lần lượt chuyển các công tắc của các thiết bị từ vị trí **Off** sang vị trí **Auto**. Khi các thiết bị đang hoạt động bình thường sẽ báo đèn xanh, khi gặp sự cố sẽ báo đèn vàng.
- Quá trình vận hành của HTXL và thu gom thoát hơi hóa chất được thực hiện hoàn toàn tự động với các cài đặt sẵn đã được tối ưu, khi tiến hành khởi động dây chuyền sản xuất thì lập tức HTXL và thu gom thoát khí sẽ tự động vận hành.

✚ **Hóa chất sử dụng cho HTXL khí thải (Không sử dụng)**

✚ **Yêu cầu về quy chuẩn xả thải**

Chất lượng khí thải thoát ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_v = 1,0$, $K_p = 0,9$), QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Bảng 3. 20. Quy chuẩn xả thải đối với các nguồn khí thải phát sinh tại Cơ sở

STT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p=0,8$, $K_v=0,6$)	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	-	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	96	-
3	Metylaxetat	mg/Nm ³	-	610
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	-	1.400
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	-	2.000

✚ Đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý, thu gom bụi, khí thải

Để đánh giá chất lượng khí thải sau ống thoát khí của các hệ thống xử lý bụi mài, hệ thống hút hơi hóa chất của Cơ sở, chủ Cơ sở đã tiến hành kết hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Tp. Hồ Chí Minh tiến hành quan trắc 01 mẫu khí thải sau HTXL bụi mài để 1 và 01 mẫu khí thải sau hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 1 vào ngày 24/11/2023, cụ thể được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 3. 21. Kết quả quan trắc bụi, khí thải của Cơ sở

STT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Đơn vị	K1 (sau HTXL bụi mài để 1)	K2 (sau hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 1)	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (K _p =0,8, K _v =0,6)	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT T
1	Lưu lượng	-	12.254	8.522	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	75	-	96	-
3	Metylaxetat	mg/Nm ³	-	103	-	610
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	-	219	-	1.400
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	-	152	-	2.000

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Tp. Hồ Chí Minh, 24/11/2023

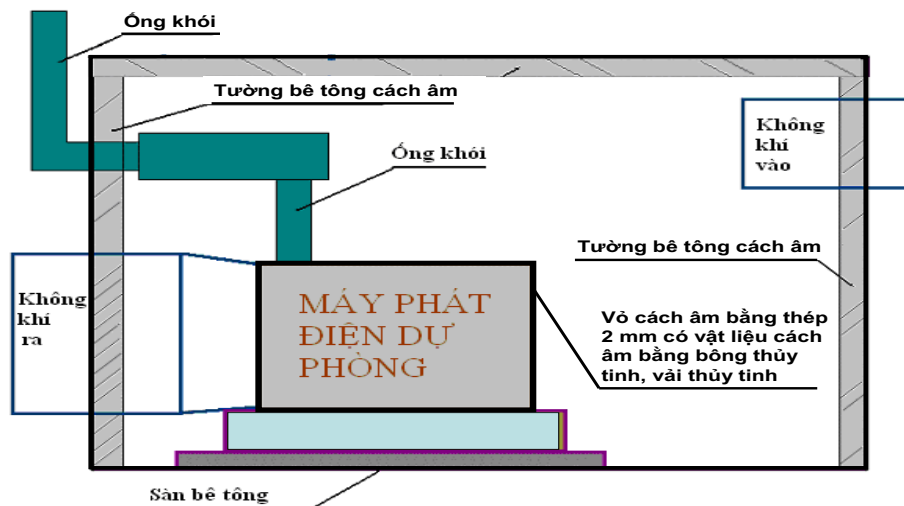
Nhận xét: Kết quả quan trắc bụi sau HTXL bụi mài để 1 và hơi hóa chất tại hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán để 1 cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT theo quy định. Điều này cho thấy hoạt động mài để, dán để của Cơ sở không làm ảnh hưởng lớn đến môi trường không khí.

3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ máy phát điện

Đối với máy phát điện, ngoài khí thải thì đây cũng là nguồn gây ồn lớn, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ và bảo trì bảo dưỡng máy phát điện.
- Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm từ quá trình đốt là dầu DO.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động sau:
 - + Giải pháp kỹ thuật:
 - o Xây dựng khu vực đặt máy tại khu vực riêng, cách xa xưởng sản xuất và có diện tích 40 m² với chiều cao của khu nhà là 10m, độ dày tường bao là 20cm.
 - o Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.
 - o Máy phát điện được lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại những nơi tiếp xúc với sàn.
 - o Ống khói được lắp đặt trên mái nhà và có chiều cao tính từ mặt đất là 12m.
 - + Biện pháp quản lý và bảo trì:
 - o Máy phát điện được kiểm tra sự cân bằng và hiệu chỉnh khi cần thiết.
 - o Được bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.

Thiết kế phòng cách âm, vật liệu và chiều dày cách âm cho máy phát điện dự phòng được minh họa trong sau:



Hình 3. 18: Minh họa cấu trúc phòng đặt máy phát điện dự phòng và biện pháp chống ồn, chống rung



Hình 3. 19. Hình ảnh khu vực máy phát điện dự phòng

4. Công trình, biện pháp thông thoáng nhà xưởng của cơ sở

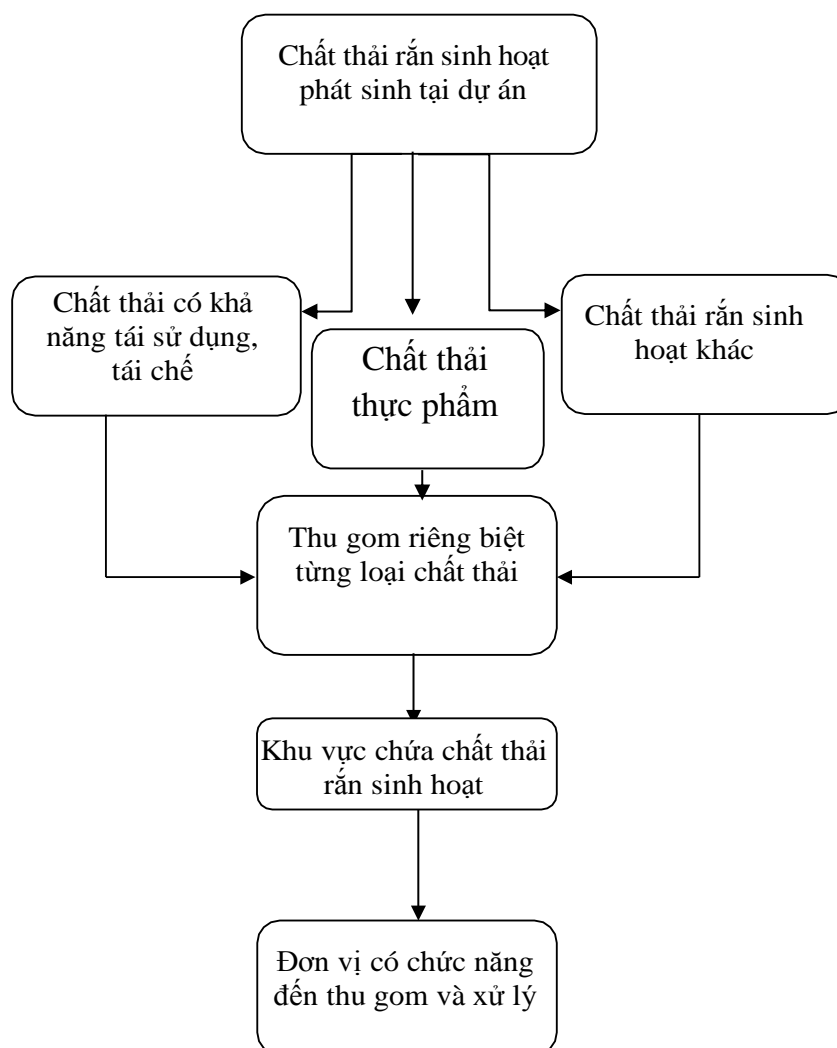
- Tường khu vực nhà xưởng sản xuất lắp đặt các cửa sổ dạng kính vừa lấy sáng và thông gió có kích thước 1,8 x 1,2m, cửa lấy gió được bố trí trên tường theo chiều ngang và chiều dọc của nhà xưởng và che được mưa.
- Các khu vực sản xuất được chia ra thành các phân xưởng riêng biệt như phân xưởng may, phân xưởng đế, phân xưởng gia công, chặt nguyên liệu, phân xưởng in,... Nên hạn chế tối đa khả năng cộng hưởng các nguồn phát thải từ các công đoạn sản xuất.
- Trang bị khẩu trang chuyên dụng, bao tay, quần áo bảo hộ,... cho lao động làm việc tại các khu vực phát sinh bụi, khí thải.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị nhằm đảm bảo máy móc hoạt động ổn định, tránh xảy ra tình trạng hư hỏng gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và có thể gây phát sinh ra lượng khí thải lớn gây ảnh hưởng đến lao động làm việc tại nhà máy.
- Khu vực nhà xưởng được dọn dẹp, vệ sinh hằng ngày nhằm tạo môi trường sạch sẽ, tránh xảy ra hiện tượng bụi phát tán bên trong nhà xưởng do hoạt động vận chuyển và đi lại.

4.1. Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh bao gồm các chất hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ trái cây,... và các chất có nguồn gốc vô cơ như túi nylon, lon, chai, các vật dụng cá nhân hư hỏng,... với tổng khối lượng tối đa khoảng 2.000 kg/ngày.

❖ **Phương án thu gom, phân loại, lưu chứa**

Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở được mô phỏng theo sơ đồ khối như sau:



Hình 3. 20. Sơ đồ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

Khối lượng phát sinh: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 2.000 kg/ngày.

✓ **Phân loại**

- Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng như bao bì, vỏ lon, vỏ chai,....
- Chất thải thực phẩm (chất thải hữu cơ), là các chất dễ phân hủy như thức ăn thừa, rau, củ, quả, xác động thực vật, cành, lá cây....
- Chất thải rắn sinh hoạt khác.

✓ **Bố trí thùng chứa**

- Bố trí 03 thùng chứa rác màu xanh loại 120 lít để chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại các khu vực thường xuyên phát sinh chất thải như văn phòng, hành lang, nhà ăn sau đó tập kết về 12 thùng chứa có dung tích 240 lít tại khu vực có mái che, có tường bao xung quanh, 03 thùng chứa này được dán nhãn chất thải và phân loại như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- 04 thùng dán nhãn “chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng” như bao bì, vỏ lon, vỏ chai,...
- 06 thùng dán nhãn “chất thải thực phẩm (chất thải hữu cơ)”, là các chất dễ phân hủy như thức ăn thừa, rau, củ, quả, xác động thực vật, cành, lá cây....
- 02 thùng dán nhãn “Chất thải rắn sinh hoạt khác”.

❖ Phương án xử lý

Sau đó, Chủ dự án đã hợp đồng với Công ty TNHH TM-DV Huy Trần Gia theo hợp đồng số 0110/2021/HĐ-TL ngày 01/10/2021 để thu gom, vận chuyển xử lý rác theo đúng quy định. (hợp đồng được đính kèm trong phần Phụ lục I của báo cáo)

Tần suất thu gom: 1 ngày/lần (hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên)

Bùn phát sinh từ các bể tự hoại sẽ được đơn vị thu gom có chức năng định kỳ đưa xe bồn đến hút và mang đi xử lý theo đúng quy định.

❖ Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa của cơ sở được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 3. 22. Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa tại cơ sở

STT	Tên chất thải	(kg/ngày)
1	Chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa,từ căn tin)	1.100
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (lon, chai nhựa, bao bì giấy, hộp sữa,....)	800
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác (bao bì không tái chế, đũa gỗ, rác thải từ quá trình vệ sinh khuôn viên và các thành phần rác thải sinh hoạt khác với mục 1, 2)	100
Tổng cộng		2.000

Ghi chú:

- Hiện nay, thực tế khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hằng ngày tại Cơ sở dao động khoảng 900-1.500 kg/ngày.
- Khối lượng bùn thải từ bể tự hoại của Cơ sở ước tính phát sinh trung bình khoảng 24 tấn/năm.

4.2. Chất thải rắn công nghiệp (CTRCN) không nguy hại

❖ Phương án thu gom, phân loại, lưu chứa

Với khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh với thành phần chủ yếu là bao bì, sản phẩm lỗi, vải thải, thùng carton,...phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom vào thùng chứa rác tạm bằng nhựa sau đó chuyển về khu vực lưu chứa tại 01 nhà chứa có diện tích 35 m².

Bố trí các loại vải vụn, sản phẩm lỗi, vải thải,..... Riêng bụi thu gom từ cyclone của hệ thống xử lý khí thải và xỉ sẽ được chứa trong các bao PE chuyên dụng và được bố trí tại khu vực lưu chứa, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác được bố trí riêng biệt trong kho chứa theo đúng quy định.

❖ Phương án xử lý

Hợp đồng với Công ty TNHH TM-DV Huy Trần Gia đến thu gom và xử lý theo đúng quy định theo hợp đồng số 0110/2021/HĐ-TL ngày 01/10/2021. (hợp đồng được đính kèm trong phần Phụ lục I của báo cáo)

Tần suất thu gom, xử lý: 1 tháng/lần (hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên)

❖ Thành phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tối đa của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 23. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tối đa tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Pallet gỗ	0,5
2	Giấy, thùng carton	15,5
3	Rìa vải, da, nút, miếng đệm, lót giày, chỉ may, dây giày hư thải	120
4	Nút hư, đinh tán hư, đinh ốc hư,...	0,3
5	Bao nylon	1,5
6	Sản phẩm hư (đế, mặt da, giày ko đạt chất lượng)	5
7	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải (khu vực chuẩn bị đế)	2,2
8	Nhãn mác, logo hư thải	0,1
9	Lõi băng keo, băng keo thải	0,5
Tổng cộng		145,6

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024



Hình 3. 21. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

✚ Khối lượng bùn thải từ HTXL nước thải

Theo số liệu thực tế tại cơ sở, lượng bùn sau bể lắng sinh học được tuần hoàn 100% vào bể xử lý sinh học nên không phát sinh lượng bùn này.

5. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhờn thải; giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, mực in thải, bao bì mềm thải có dính thành phần nguy hại,... sẽ được phân loại và chứa trong các thùng bằng nhựa chuyên dụng, có dung tích 60-220 lít và bố trí riêng biệt từng thùng cho từng loại chất thải đồng thời dán nhãn chất thải theo đúng quy định.

Công ty sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị Định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

❖ Phương án và biện pháp thu gom, lưu chứa:

- Phân loại chất thải nguy hại và lưu giữ trong các thiết bị riêng biệt, bên ngoài có dán nhãn (tên chất thải, mã chất thải nguy hại, đặc tính,...).
- Tất cả CTNH sau đó được đưa về kho lưu trữ CTNH với diện tích 13 m².
- Trang bị các thùng chứa có dung tích 60-220 lít và dán nhãn theo đúng quy định để chứa các loại CTNH phát sinh tại nhà máy. Thùng chứa được làm bằng nhựa dẻo, chống được va chạm, không rách, vỡ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Nước thải từ quá trình rửa bản in lụa được thu gom vào bồn nhựa có dung tích 5.000 lít có nắp đậy kín đặt hành lang khu vực sản xuất và định kỳ được Công ty TNHH TM-Xử lý Môi trường Thành Lập đến thu gom và xử lý theo đúng quy định (4 lần/tháng).
- Nước thải từ quá trình rửa đế được thu gom vào bồn nhựa có dung tích 2.000 lít có nắp đậy kín đặt âm tại khu vực có kích thước Dài x rộng x cao = 1,5x1,5x1,7m và định kỳ được Công ty TNHH TM-Xử lý Môi trường Thành Lập đến thu gom và xử lý theo đúng quy định (3 - 4 lần/tháng).

Chủ Cơ sở lưu giữ các chứng từ thu gom chất thải nguy hại, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và nộp cho cơ quan quản lý để giám sát và theo dõi theo đúng quy định.

❖ Phương án xử lý:

- Chủ Cơ sở đã tiến hành hợp đồng với Công ty TNHH TM-Xử lý Môi trường Thành Lập theo hợp đồng số 03-02/2024/HĐTL-TL ngày 03/02/2024 để đến thu gom và xử lý chất thải phát sinh của cơ sở. (*hợp đồng được đính kèm trong phần Phụ lục I của báo cáo*)
- Tần suất thu gom, xử lý: 3-4 lần/tháng (hoặc theo thỏa thuận của 2 bên tùy vào thời điểm)

❖ Thông số kho chứa chất thải nguy hại:

- Nền được kê pallet, có mái che để nước mưa không xâm nhập, có dán biển cảnh báo.
- Trang bị biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.
- Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

❖ Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở

Thành phần và khối lượng CTNH của cơ sở được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 3. 24. Thành phần và khối lượng chất thải phát sinh tối đa tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh thực tế năm 2023	Khối lượng phát sinh tối đa (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	44	60
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	56	60

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

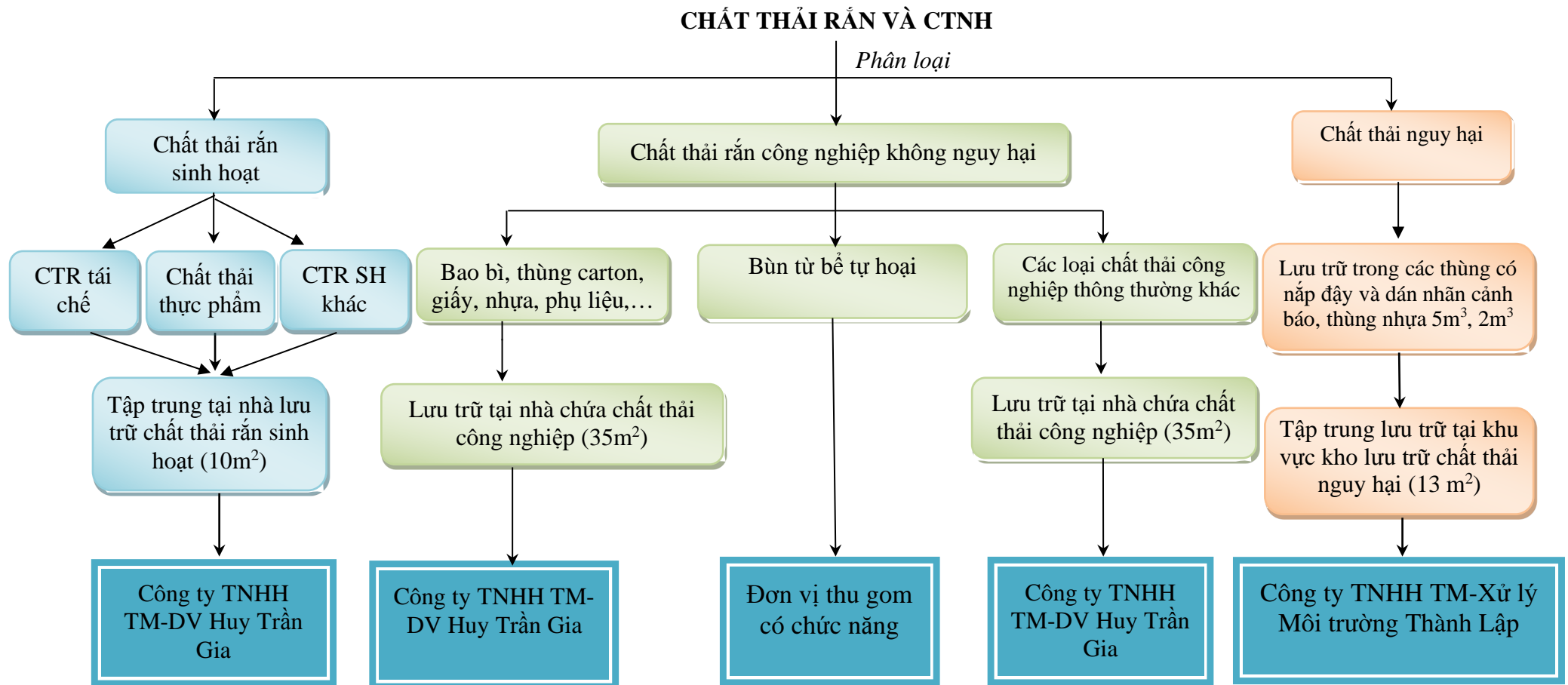
3	Nước thải rửa bản in lụa, rửa đế	19 10 01	Lỏng	7.947	8.000
4	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Lỏng	-	100
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải đựng dung môi, keo, mực in thải	18 01 03	Rắn	-	500
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải đựng dung môi, keo, mực in, và đựng các loại hóa chất thải	18 01 01	Rắn	-	300
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	4.767	5.000
8	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	33	40
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	1.639	2.000
10	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	Rắn/lỏng	-	200
11	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	Lỏng	-	100
12	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	-	50
	Tổng	-	-	14.486	16.410

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Ghi chú: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh dựa vào thực tế vận hành và tính toán con số tối đa cơ sở có thể phát thải trong 1 năm.



Hình 3. 22. Hình ảnh khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và bồn chứa nước thải từ quá trình rửa bản in, khuôn in



Hình 3. 23. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại của nhà máy

6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu gây ra tác động trong khu vực nhà máy. Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động do tiếng ồn gây ra đối với công nhân viên làm việc trong xưởng, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Đầu tư sử dụng máy móc thiết bị hiện đại của các nhà cung cấp hàng đầu trên thế giới, mức độ phát sinh tiếng ồn của máy móc thiết bị luôn đảm bảo đạt Quy chuẩn cho phép.
- Không vận hành quá tải máy móc và thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, phát hiện và sửa chữa, thay thế kịp thời các chi tiết rơ dũa gây tiếng ồn lớn.
- Tra dầu bôi trơn để máy móc luôn ở chế độ làm việc tốt, bôi trơn dầu mỡ ở các phần động của thiết bị và máy móc, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị.
- Đối với công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn lớn, mỗi người đều được trang bị nút tai/ chụp tai chống ồn. Yêu cầu bắt buộc lao động phải đeo nút tai chống ồn khi làm việc tại các khu vực có phát sinh tiếng ồn lớn.
- Các khu vực sản xuất được bố trí hợp lý, các phân xưởng riêng biệt, có tường bao quanh nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung tới các phân xưởng sản xuất khác. Dưới các máy phát sinh tiếng ồn lớn đều trang bị các đệm lót chống ồn, rung trong quá trình hoạt động.
- Các máy móc thiết bị của cơ sở được định kỳ bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo khả năng vận hành tốt nhất đồng thời giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.
- Khu vực HTXL nước thải được bố trí khu vực riêng biệt, cách xa khu vực sản xuất và các khu vực khác, đảm bảo độ ồn phát sinh không gây ảnh hưởng đến lao động làm việc và các khu vực xung quanh.
- Máy phát điện được bố trí khu vực riêng, có tường bao xung quanh, có đệm chống ồn trong quá trình vận hành.

Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

7.1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

✓ Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sau:

- Nhà máy đã lắp đặt đầy đủ các phương tiện, dụng cụ PCCC và đã được thẩm duyệt PCCC theo đúng quy định.
- Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của toàn thể CBCNV. Mọi người đều phải tham gia tích cực vào công tác phòng cháy, chữa cháy.
- Đối với CBCNV của đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản và đặt phương tiện chữa cháy đúng vị trí đã quy định, đảm bảo dễ thấy thuận tiện sử dụng khi cần thiết. Không sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy vào việc khác.

- Mọi CBCNV của đơn vị được tham gia học tập phòng cháy, chữa cháy và tuyên truyền cho mọi người tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy.
- CBCNV và khách đến Nhà máy không được tùy tiện sử dụng thiết bị dễ gây cháy, nổ hoặc hút thuốc lá không đúng nơi định trong và ngoài giờ làm việc.
- Hết giờ làm việc trước khi ra về CBCNV phải có trách nhiệm tắt hết các đèn, quạt và kiểm tra tình trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy khu vực làm việc.
- CBCNV và khách khi phát hiện ra cháy phải nhanh chóng báo động qua hệ thống điện thoại hay keng báo động hoặc trực tiếp báo cho Công an Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.
- Đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với công việc phòng cháy, chữa cháy.
- Công ty đã phối hợp cùng các cơ quan phòng cháy, chữa cháy địa phương tiến hành thiết lập cụ thể các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, tính toán số lượng trang thiết bị phải lắp đặt cho từng hạng mục công trình, xây dựng cụ thể các bảng nội quy và tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy, bố trí các bảng hiệu này ở từng hạng mục công trình.
- Đường nội bộ trong Nhà máy đến được tất cả các công trình, đảm bảo tưới nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được bất kỳ lửa phát sinh ở vị trí nào trong Nhà máy.
- Sắp xếp bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra.
- Trạm khí nén được bố trí khu vực riêng đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy nén khí, kiểm tra khả năng làm việc, bôi dầu nhằm tăng hiệu quả vận hành.
- Máy nén khí được định kỳ bảo trì, bảo dưỡng bởi nhà cung cấp để tránh xảy ra những sự cố như hư hỏng, cháy nổ,...
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.
- Tất cả các hạng mục, công trình trong Nhà máy đều bố trí bình cứu hỏa cầm tay, bình được đặt ở những vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình.
- Cơ khí hóa, tự động hóa các khâu sản xuất nguy hiểm.
- Đảm bảo các thiết bị máy móc không để rò rỉ dầu mỡ.
- Cách ly các công đoạn dễ cháy sang các khu vực khác.
- Giảm tới mức thấp nhất lượng chất thải, nổ trong khu vực sản xuất.

Việc tổ chức phòng cứu hỏa đặc biệt chú ý đến nội dung sau đây:

- Tổ chức học tập nghiệp vụ rộng khắp: Tất cả các xưởng sản xuất đều có tổ nhân viên thực hiện công tác phòng hỏa. Các nhân viên này được tuyển chọn trong số công nhân của Nhà máy và được huấn luyện thường xuyên, kiểm tra khả năng ứng phó sự cố khi có cháy nổ.
- Cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng nhà kho.
- Tổ chức định kỳ thao diễn cứu hỏa với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan phòng cháy, chữa cháy chuyên nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức lớp học phòng cháy chữa cháy cho CBCNV trong Nhà máy.

Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

*** Phòng ngừa rò rỉ điện:**

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để vận hành viên theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.
- Sử dụng vật liệu cách điện tốt.
- Lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài.
- Giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm.
- Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót các đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.
- Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.
- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

*** Đội PCCC**

Đội PCCC được thành lập từ đội ngũ nhân viên, quản lý của nhà máy gồm giám đốc, phó giám đốc, trưởng bộ phận sản xuất, quản lý sản xuất, nhân viên an toàn lao động, bảo vệ và công nhân tại các xưởng, tùy tình hình sản xuất cụ thể mà số thành viên trong đội sẽ thay đổi. Nhiệm vụ của đội PCCC như sau:

- Ban hành nội quy, quy định an toàn PCCC chung cho mục tiêu và cho từng bộ phận phòng ban, đơn vị cơ sở.
- Phát động và duy trì phong trào PCCC trong cán bộ công nhân viên mục tiêu.
- Xây dựng quy chế thưởng phạt trong việc thực hiện nội dung công tác PCCC.
- Đề xuất kế hoạch PCCC phù hợp với ngành nghề sản xuất và quy mô của nhà máy.
- Xây dựng nội quy, biển cấm lửa ở nơi cần thiết thông qua hệ thống tuyên truyền của cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên thông báo nhắc nhở việc PCCC.
- Định kỳ tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về công tác PCCC. Nội dung tuyên truyền tập trung giáo dục và nâng cao ý thức PCCC, hướng dẫn kiến thức PCCC. Phổ thông và thông báo những nguy cơ có thể gây cháy tại mục tiêu và biện pháp đề phòng.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các phương tiện PCCC (hệ thống ống dẫn nước, bơm nước, bể nước, các bình chữa cháy cầm tay...)

- Tổ chức, điều phối lực lượng chữa cháy khi có cháy xảy ra, di tản công nhân viên ra khỏi khu vực cháy; phối hợp chặt chẽ với cơ quan PCCC địa phương.

Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

TT	Trách nhiệm	Các bước tiến hành
1	Người phát hiện, Nhân viên bảo vệ	- Người đầu tiên phát hiện kêu lớn “cháy, cháy, cháy” và nhanh chóng thông báo đến người quản lý để gọi nhân viên bảo vệ kích hoạt chuông báo động
2	Người chịu trách nhiệm về điện/ Nhân viên bảo vệ	- Cắt điện ở vùng bị ảnh hưởng - Người quản lý có liên quan thông báo cho bộ phận quản lý điện để tắt điện nguồn
3	Người quản lý	- Tiến hành sơ tán, đảm bảo mọi người trong khu vực an toàn đến điểm tập trung, tiến hành đóng toàn bộ cửa tại các khu vực sản xuất, kho hóa chất, nhà ăn,...
4	Tổ cứu nạn, y tế	Tổ cứu nạn triển khai phương án cứu người trong đám cháy ra an toàn Tổ y tế tiến hành sơ cấp cứu cho những người bị nạn rồi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất.
5	Đội trưởng đội cứu hỏa/ Nhân viên bảo vệ	- Xác định mức độ hỏa hoạn xem có cần sự giúp đỡ bên ngoài không + Trường hợp hỏa hoạn nhẹ: Những người trong đội cứu hỏa sử dụng các thiết bị cứu hỏa như bình cứu hỏa, vòi phun nước, bật bơm cứu hỏa ... để dập lửa. Thiết lập các hàng rào chắn nơi cần thiết. + Trường hợp hỏa hoạn lớn, vượt tầm kiểm soát: Thông báo lực lượng cứu hỏa và cứu thương với số điện thoại nóng: 114; 115. Chỉ dẫn cảnh sát PCCC và xe cứu thương vào khu vực bị cháy để ứng cứu.
6	Lực lượng cứu hỏa công ty	- Phối hợp với cảnh sát PCCC để cứu hỏa
7	Lực lượng PCCC	- Kiểm tra số người và báo cáo về trường hợp mất tích với người điều phối chung
9	Nhân viên bảo vệ/ Trưởng bộ phận,	- Khi sự cố kết thúc: Kiểm tra và kiểm đếm số lượng thiết bị PCCC sử dụng, vệ sinh và nạp lại các thiết bị này

TT	Trách nhiệm	Các bước tiến hành
	nhân viên cứu hỏa	- Báo cáo tai nạn/sự cố vào hệ thống

🔧 Các công trình, thiết bị phục vụ cho ứng phó sự cố cháy nổ:

Bảng 3. 25. Công trình, phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Stt	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Ký mã hiệu	Số lượng	Đơn vị
1	Bình chữa cháy			
-	Bình bột chữa cháy ABC 8kg	MFZL8	100	Bình
-	Bình chữa cháy khí CO ₂	MT5	114	Bình
2	Hệ thống báo cháy			
-	Trung tâm báo cháy	-	15	Hệ thống
-	Màn hình hiển thị phụ	-	1	Cái
-	Tủ cấp nguồn	-	2	Cái
-	Đầu báo khói, nhiệt	-	193	Cái
-	Đầu báo Beam	-	12	Cái
-	Tủ điều khiển Beam	-	1	Cái
-	Nút nhấn báo cháy	-	22	Cái
-	Chuông đèn báo cháy	-	22	Cái
3	Hệ thống chữa cháy			
-	Bơm điện chính chữa cháy	-	1	Cái
-	Bơm diesel chữa cháy	-	1	Cái
-	Bơm điện bù áp	-	1	Cái
-	Bình tích áp	-	1	Bình
-	Tủ chữa cháy vách tường	-	15	Cái
-	Trụ chữa cháy ngoài nhà xưởng	-	3	Cái
6	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát hiểm			
-	Đèn Exit	-	30	Cái
-	Đèn Emergency light	-	55	Cái

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

❖ Nguyên lý hoạt động các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy

- Hệ thống báo cháy tự động

Hệ thống báo cháy tự động bao gồm tủ trung tâm báo cháy, các đầu báo cháy, chuông báo cháy, nút ấn báo cháy, hệ thống dây dẫn liên kết tín hiệu, cấu trúc cụ thể của hệ thống báo cháy tự động trong công trình như sau:

- Tủ trung tâm báo cháy

Trung tâm báo cháy tự động được đặt tại phòng thường trực. Trung tâm được lắp đặt trên tường của phòng bảo vệ với độ cao phù hợp để mọi người có thể đứng ở mặt đất để điều khiển dễ dàng. Tủ trung tâm báo cháy là nơi cung cấp nguồn năng lượng cho toàn bộ hệ thống báo cháy cũng như là nơi xử lý toàn bộ các thông tin của hệ thống báo cháy tự động.

Tủ trung tâm báo cháy có 2 nguồn điện độc lập : một nguồn 220v xoay chiều và một nguồn là ắc quy dự phòng.

- **Các đầu báo cháy khói điểm**

Các đầu báo cháy khói thường được trang bị cho các khu vực văn phòng, trong phòng kho, phòng sản xuất, nhà chứa chất thải rắn. Các đầu báo được bố trí trên trần với khoảng cách theo TCVN 5738-2021. Các đầu báo cháy khói thường được thiết kế với tính năng phát hiện khói.

- **Các đầu báo cháy nhiệt kiểu điểm**

Các đầu báo cháy nhiệt gia được trang bị tại nhà xe, căn tin nhằm cung cấp khả năng phát hiện sự gia tăng nhiệt độ một cách nhanh chóng từ đó có tín hiệu báo cháy về tủ trung tâm báo cháy.

+ Khoảng cách giữa các đầu báo cháy nhiệt được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam 5738-2021.

- **Nút ấn báo cháy**

Nút ấn báo cháy được trang bị ở gần các cửa ra vào, hành lang. Khi có cháy xảy ra, ai đó phát hiện đám cháy thì có thể chủ động nhấn nút ấn này để tủ trung tâm báo động cho mọi người cùng biết là có cháy.

- **Chuông báo cháy**

Chuông báo cháy được lắp đặt tại khu vực xưởng sản xuất, đảm bảo đủ âm thanh báo động cho tất cả các vị trí, khi có cháy xảy ra tủ trung tâm báo cháy sẽ điều khiển chuông báo cháy hoạt động, báo động cho mọi người biết là đang có cháy xảy ra.

- **Dây dẫn tín hiệu và cáp tín hiệu**

Dây dẫn phù hợp với TCVN 5738-2021, Loại dây có tiết diện mặt cắt là 1.0mm². Đối với đường cáp chính, dùng loại cáp có tiết diện sợi cáp là 0,5mm².

Dây tín hiệu báo cháy được bảo vệ bởi ống thép. Ống thép dùng loại D20mm và D32mm.

- **Nguồn điện cho hệ thống báo cháy tự động**

Nguồn điện cấp cho Trung tâm báo cháy có 2 nguồn. 1 nguồn điện 220V xoay chiều và 1 nguồn điện 24V 1 chiều. Nguồn điện 1 chiều 24V là nguồn lấy từ ắc quy dự phòng của tủ trung tâm báo cháy, ắc quy này đủ dự phòng cho tủ trung tâm báo cháy hoạt động liên tục trong 12 giờ ở chế độ thường trực và 1 giờ ở chế độ báo động.

- **Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn exit**

Các đèn chiếu sáng sự cố được lắp đặt ở nhiều vị trí trọng yếu trong khu vực công ty cung cấp nguồn sáng khi bị sự cố mất điện, đặc biệt là trong trường hợp có cháy xảy ra. Khi đó, ánh sáng của đèn sự cố sẽ giúp người chạy thoát nạn được nhanh hơn, chính xác hơn. Các đèn này được nối với nguồn điện lưới 220V của công trình và có nguồn điện dự phòng đảm bảo chiếu sáng trong thời gian tối thiểu 120 phút.

Các đèn chỉ hướng thoát nạn (EXIT) được lắp đặt trong công trình để chỉ hướng thoát nạn các đèn này được lắp đặt phía trên các cửa thoát hiểm. Đèn EXIT được cấp bằng nguồn điện chính 220AC và có nguồn điện dự phòng đảm bảo chiếu sáng trong thời gian tối thiểu 120 phút.

- **Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler**

Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler được thiết kế cho toàn bộ công trình. Hệ thống bao gồm các đầu phun nước tự động Sprinkler hoạt động theo nguyên lý kích hoạt bằng nhiệt. Trong đường ống luôn được duy trì áp suất nước bên trong. Khi các đầu phun Sprinkler hoạt động, áp suất nước có sẵn trong đường ống sẽ làm cho nước phun ra khỏi đầu phun và xả vào đám cháy ở bên dưới, áp suất trong đường ống sẽ giảm đi nhanh chóng. Khi đó, hệ thống bơm cấp nước chữa cháy sẽ hoạt động tự động để cấp nước cho hệ thống chữa cháy.

- **Hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà**

Hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường được thiết kế trong công trình theo QC06-2021/BXD đảm bảo mỗi vị trí bên trong công trình có đồng thời 2 họng nước chữa cháy phun tới. Cuộn vòi dùng cho hệ thống chữa cháy vách tường là cuộn vòi theo TCVN có đường kính D65mm và chiều dài 20m.

Các họng nước chữa cháy vách tường được trang bị trong công trình ở các vị trí gần với cửa ra vào và ở gần hành lang của công trình. Các họng nước chữa cháy vách tường được lắp đặt bên trong 1 hộp cứu hỏa. Hộp này bao gồm cả cuộn vòi chữa cháy, một lăng phun chữa cháy.

Trụ chữa cháy: Trụ chữa cháy ngoài nhà được đấu nối trực tiếp với hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong công trình. Khi có cháy xảy ra, trụ chữa cháy ngoài nhà có nhiệm vụ chữa cháy cho bên ngoài công trình, ngăn không cho đám cháy lan sang các khu vực lân cận.

Cấu trúc cụ thể của hệ thống chữa cháy vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà.

- **Máy bơm chữa cháy động cơ điện và động cơ Diesel**

Máy bơm chữa cháy chính động cơ điện và dự phòng động cơ dầu được đặt tại phòng bơm của công ty. Máy có thông số kỹ thuật đủ để đáp ứng nhu cầu cấp nước chữa cháy cho cả trong nhà và ngoài nhà.

- **Tủ điều khiển trạm bơm chữa cháy**

Tủ điều khiển các máy bơm chữa cháy được thiết kế đủ cho 2 máy bơm điện hoạt động với công suất lớn nhất.

- **Khớp nối mềm chống rung**

Khớp nối mềm chống rung được lắp đặt ngay tại 2 đầu của máy bơm. Trong quá trình hoạt động của bơm, lúc khởi động cũng như lúc dừng thường tạo ra một sự rung động rất lớn. Khớp nối mềm chống rung sẽ giúp bảo vệ đường ống tránh được những tác động xấu từ việc rung động trên gây ra.

- **Họng nước chữa cháy vách tường**

Họng nước chữa cháy vách tường được trang bị ở các vị trí gần cửa ra vào và ở hành lang công trình. Mỗi họng bao gồm 1 van góc chuyên dụng và 1 khớp nối ren trong có đầu nối phù hợp với TCVN 5739 -1993.

- **Cuộn vòi mềm chữa cháy**

Cuộn vòi mềm chữa cháy có chiều dài 20m và có đường kính D50, D65mm, mỗi cuộn vòi có 2 khớp nối nhanh ở hai đầu theo TCVN 5739-1993.

- **Lăng phun nước chữa cháy**

Lăng phun nước chữa cháy có 2 đầu, 1 đầu lắp khớp nối nhanh theo TCVN5739-1993, đầu còn lại là đầu phun nước có đường kính D13mm.

- **Hộp cứu hỏa**

Hộp cứu hỏa là hộp chứa hòng nước chữa cháy vách tường, cuộn vòi và lăng phun chữa cháy trong đó.

- **Van một chiều**

Van một chiều được lắp đặt tại đầu đẩy của các máy bơm chữa cháy. Các van này giúp chống hồi ngược áp suất từ đường ống vào máy bơm.

- **Van chặn**

Tại đường đẩy và đường hút của các máy bơm chữa cháy được lắp 1 van chặn, các van này có tác dụng trong trường hợp sửa chữa hoặc thay thế máy bơm.

- **Van an toàn**

Tại đường ống góp của máy bơm. Van tự động mở cho dòng nước chảy qua ở áp lực bơm đã được cài đặt trước nhằm giới hạn áp lực trong hệ thống ở giá trị nhất định.

- **Đường ống cấp nước chữa cháy**

Đường ống cấp nước chữa cháy được chôn ngầm trong đất khá nhiều, do đó đường ống dùng ống mạ kẽm để đảm bảo tuổi thọ lâu dài. Ống cấp nước chữa cháy là loại ống thép tráng kẽm theo tiêu chuẩn BS 1387—1985. Đường ống được chèn bịt khi đi xuyên qua các bộ phận ngăn cháy bằng vật liệu chống cháy bảo đảm giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy đó. Đường ống được gắn bởi các thiết bị giữ trực tiếp với kết cấu của các khu vực trong Công ty và không sử dụng chúng để trợ lực cho các cấu trúc khác.

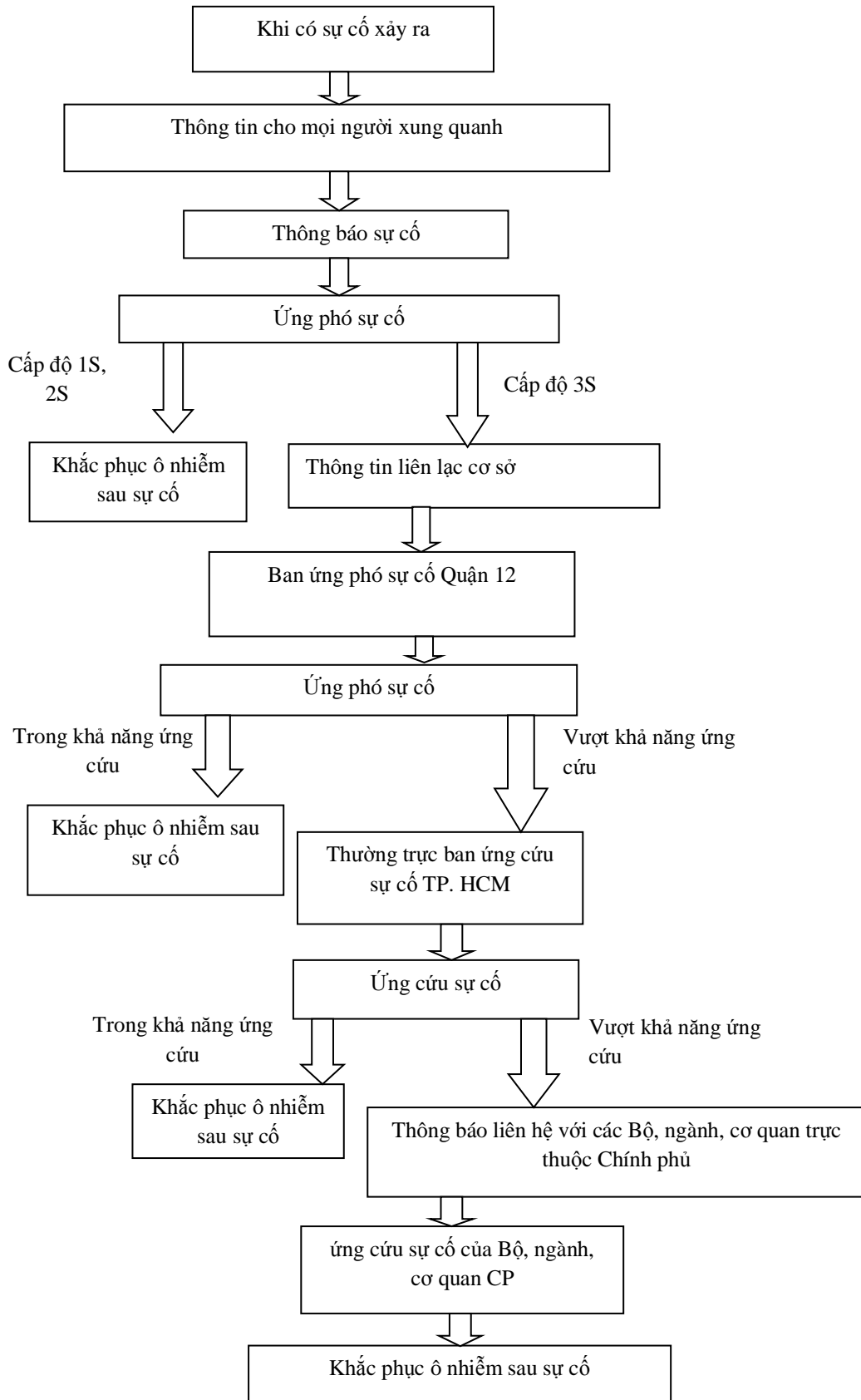
- **Trụ nước chữa cháy ngoài nhà**

Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được trang bị ở vị trí gần chỗ để xe của cán bộ công nhân viên. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà loại 3 cửa bao gồm 2 hòng DN65 khớp nối ren trong có đầu nổi và 1 hòng DN100 phù hợp với TCVN 6379-1998. Hộp đựng phương tiện chữa cháy ngoài nhà bao gồm 2 cuộn vòi mềm chữa cháy D65 dài 20m, mỗi cuộn vòi có khớp nối nhanh, lăng phun D65/19mm.

7.2. Biện pháp về an toàn hóa chất, ứng phó sự cố do hóa chất

Để đảm bảo an toàn tại kho nguyên liệu, hóa chất. Cơ sở sẽ tiến hành các phương án như sau:

Sơ đồ phương án ứng phó sự cố hóa chất:



Hình 4. 1. Sơ đồ quy trình chung ứng phó sự cố hóa chất

Phân loại sự cố hóa chất:

- Cấp độ 1S: Trong một khu vực nhỏ, không ảnh hưởng đến các khu vực khác, có

thể tự giải quyết.

- Cấp độ 2S: Trong toàn nhà máy, có thể tự giải quyết mà không cần trợ giúp của bên ngoài.
- Cấp độ 3S: Trong toàn nhà máy, không thể tự giải quyết, cần trợ giúp của bên ngoài.

*** Phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất**

- Trang bị bảng nội quy về an toàn hóa chất và đặt tại các cửa ra vào ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.
- Bố trí sơ đồ thể hiện các vị trí lưu trữ, đường ống, băng chuyền vận chuyển hóa chất nguy hiểm, vị trí bố trí trang thiết bị bảo hộ cá nhân và thiết bị ứng phó sự cố hóa chất, vị trí để dụng cụ y tế, đường, lối thoát hiểm (thoát nạn), điểm tập trung khi sơ tán của nhà xưởng, kho chứa, khu vực tại cửa ra vào ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.
- Các biển báo, hình đồ cảnh báo phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc tại từng khu vực lưu trữ, thao tác với hóa chất nguy hiểm.
- Sơ đồ thoát hiểm được đặt tại các khu vực lưu trữ, thao tác với hóa chất nguy hiểm và có nguy cơ xảy ra sự cố cao.
- Quy trình ứng phó sự cố hóa chất, danh mục hóa chất và phiếu an toàn hóa chất được để nơi dễ thấy, dễ tiếp cận đồng thời thể hiện rõ danh mục hóa chất sử dụng.
- Huấn luyện an toàn hóa chất, vệ sinh lao động cho lao động làm việc, tiếp xúc với hóa chất theo đúng quy định.
- Có biện pháp kiểm tra người ra vào nhà xưởng, kho chứa có hóa chất nguy hiểm và cung cấp danh sách những người có mặt tại khu vực cho lực lượng cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra sự cố hóa chất.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ an toàn cho khách đến tham quan, làm việc tại nhà máy.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang chuyên dụng, găng tay, mắt kính, ủng,... cho lao động làm việc tại các khu vực có hóa chất.
- Kiểm tra định kỳ 1 lần/tháng các dụng cụ bảo hộ, đảm bảo các dụng cụ luôn đầy đủ và trong điều kiện sử dụng.
- Xác định, khoanh vùng và lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên các điểm có nguy cơ xảy ra các sự cố hóa chất cao như khu vực kho chứa hóa chất, khu vực phối trộn nguyên liệu, hóa chất.
- Thường xuyên tổ chức các buổi diễn tập về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất cho lao động làm việc tại nhà máy.
- Thực hiện công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho những người làm việc tiếp xúc với các hóa chất nguy hiểm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ.
- Đảm bảo môi trường làm việc đạt yêu cầu về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc theo QCVN 03:2019/BYT và các quy định hiện hành.

*** Phương án ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất trong quá trình bảo quản, lưu trữ hóa chất thực hiện tại nhà máy**

Bước 1: Đánh giá tình hình

- Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn, đánh giá sơ bộ thiệt hại ban đầu về người, môi trường và tài sản.
- Xác định loại hóa chất và khối lượng hóa chất tràn đổ, nếu tràn đổ với khối lượng lớn nằm ngoài khả năng ứng phó tại chỗ của nhà máy thì phải tiến hành báo với cơ quan có chức năng để được hỗ trợ xử lý.
- Thông báo cho người phụ trách về tình hình sự cố và yêu cầu trợ giúp. Chỉ những người hiểu rõ tính chất nguy hiểm của hóa chất, nắm những quy trình ứng phó sự cố, phương pháp xử lý và có đủ phương tiện bảo vệ cá nhân mới được tham gia xử lý sự cố. (thuộc lực lượng ứng phó tại chỗ của nhà máy)
- Cấp cứu người bị nạn (nếu có) nhưng phải đảm bảo an toàn.

Bước 2: Tra cứu MSDS và trang bị bảo hộ

- Người phụ trách tra cứu MSDS hoặc SDS (Phiếu an toàn hóa chất) về đặc tính nguy hại của hóa chất tràn đổ và trang bị bảo hộ phù hợp.
- Người phụ trách đưa ra yêu cầu về trang bị bảo hộ chống hóa chất chuyên dụng (quần áo, găng tay, ủng, mặt nạ, kính mắt,..) cho đội ứng phó.

Bước 3: Cô lập nguồn tràn đổ

- Quây chặn, hạn chế phạm vi ảnh hưởng của sự cố, giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.
- Sử dụng các vật tư phù hợp với các loại hóa chất tràn đổ để cô lập. Nhà máy trang bị cát để đổ vào vị trí tràn đổ hóa chất và sử dụng vải cuộn tròn chứa cát bên trong để ngăn không cho hóa chất lan rộng.

Bước 4: Châm dứt nguồn tràn đổ

- Ngăn chặn nguồn tràn đổ bằng cách: khóa van, bịt lỗ thùng, hướng vết thùng hướng lên phía trên tại các thùng chứa, thùng phuy chứa hóa chất.
- Nếu có thể, tiến hành bơm hút, sang chiết hóa chất còn sót lại vào dụng cụ, thiết bị chứa thứ cấp.
- Không bước vào hiện trường sự cố nếu không có trang bị đồ bảo hộ phù hợp.

Bước 5: Đánh giá lại tình hình

Người phụ trách tiến hành đánh giá lại tình hình hiện trường sự cố, đảm bảo mọi thứ trong phạm vi kiểm soát trước khi tiến hành vệ sinh, làm sạch, phục hồi môi trường.

Bước 6: Thu hồi và làm sạch

- Sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ ứng phó phù hợp để thu hồi, trung hòa, tẩy rửa như cát, mùn cưa để đổ vào nơi rò rỉ.
- Thu gom chất thải nguy hại và xử lý theo đúng quy định.

Bước 7: Tiêu tủy, khử độc

- Tất cả lực lượng ứng phó đều phải được tiêu tủy.
- Trang bị bảo hộ, thiết bị ứng phó phải được tiêu tủy nếu đã nhiễm hóa chất.
- Các trang bị bảo hộ, thiết bị ứng phó bị tiêu hao hoặc hỏng thì cần phải thải bỏ đúng nơi quy định.

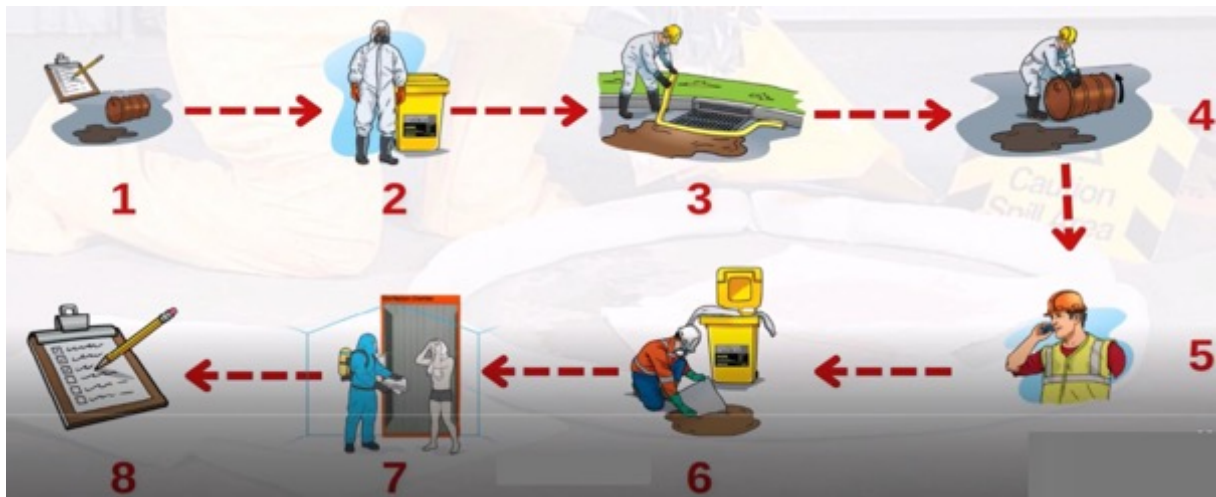
Bước 8: Báo cáo và bổ sung nguồn lực

- Thông báo, lập báo cáo sự cố cho lãnh đạo và tất cả nhân viên liên quan.
- Rút kinh nghiệm sau sự cố.
- Bổ sung hoặc thay thế các trang thiết bị, vật tư ứng phó sự cố hóa chất chuyên dụng, đồ bảo hộ cá nhân bị hao hụt.

Ngoài ra nhà máy sẽ tiến hành các phương án sau đối với trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ lớn:

- Báo với cơ quan chức năng để được hỗ trợ ứng phó sự cố.
- Phối hợp với đơn vị có chức năng để tiến hành ứng phó các sự cố.
- Chỉ cho phép trở lại làm việc nếu vùng rò rỉ hoặc tràn đổ được xác nhận là an toàn.

Do số lượng hóa chất sử dụng tại Cơ sở tương đối nhiều, Công ty sẽ lập kế hoạch về biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất để gửi về cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý theo quy định.



Hình 3. 24. Các bước ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Sơ cứu khi bị nhiễm hóa chất

Việc sơ cứu khi bị nhiễm độc hóa chất là điều tối thiểu cần thiết trong trường hợp xảy ra sự cố. Vì vậy, một số biện pháp sơ cứu cụ thể có thể tham khảo như sau:

- Trường hợp hít vào: cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến chỗ có không khí sạch, làm hô hấp nhân tạo và gọi ngay cho bác sĩ.
- Trường hợp tiếp xúc lên da: nhanh chóng tháo bỏ quần áo và giày bị nhiễm, rửa bằng xà phòng và chất tẩy rửa với khối lượng nước lớn trong 15-20 phút và gọi bác sĩ ngay.
- Trường hợp bị rơi vào mắt: rửa mắt ngay bằng nước sạch càng lâu càng tốt, liên tục rửa hai mí mắt khoảng 15-20 phút và gọi bác sĩ.
- Trường hợp bị nhiễm vào trong cơ thể: cần gọi bác sĩ gấp.

📌 Các công trình, thiết bị ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Bảng 3. 26. Thiết bị, phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

STT	Thiết bị, phương tiện	Số lượng	Nơi đặt	Trách nhiệm bảo quản
1	Bộ quần áo chống hóa chất	2 bộ	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
2	Găng tay cao su	2 bộ	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
3	Kính bảo hộ	2 bộ	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
4	Mặt nạ phòng độc	2 cái	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
5	Ủng cao su	10 bộ	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
6	Bình chữa cháy ABC dạng bột 8kg	8 bình	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất và kho keo	Bộ phận có sử dụng hóa chất
7	Bộ vòi sen cấp cứu và vòi rửa mắt	2 bộ	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
8	Thùng nhựa chứa hóa chất tràn đổ (120 lít)	2 thùng	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất
9	Mùn cưa, cát	60kg	Khu vực phòng trộn nguyên liệu, hóa chất	Bộ phận có sử dụng hóa chất

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

7.3. Quy tắc an toàn làm việc với hệ thống khí nén

Các bình trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra an toàn (KTAT), đăng ký sử dụng theo quy định. Quy trình KTAT vận hành thiết bị chịu áp lực và phải được người sử dụng lao động giao trách nhiệm bằng văn bản. Trên bình khí nén phải có đủ các thiết bị an toàn sau:

- Van an toàn: lắp đúng theo thiết kế, không cho phép làm giảm diện tích lỗ thoát hơi của van an toàn.
- Áp kế: mỗi bình phải trang bị một áp kế có thang đo phù hợp, áp kế phải được kiểm định và niêm chì hàng năm.
- Bình khí nén phải đặt xa nguồn nhiệt ít nhất 5 mét, không đặt ở những nơi dễ cháy, nổ.
- Đối với bình chứa khí nén di động: Không được tự ý dời chỗ đặt máy và sử dụng máy vào mục đích khác mà không được sự đồng ý của người quản lý thiết bị. Trước khi di chuyển bình phải cắt nguồn điện và xả hết áp suất trong bình.
- Vào đầu ca vận hành, khi áp suất trong bình đạt 0,5 (1kg/cm²), công nhân vận hành cần kéo nhẹ van an toàn để thông van an toàn và mở van xả đáy để xả nước ngưng hoặc dầu đọng lại dưới đáy bình. Sau mỗi ca làm việc phải xả các chất cặn và nước đọng ở trong bình.
- Định kỳ rửa sạch lưới lọc gió của máy nén ít nhất hai tháng một lần để đề phòng bụi và tạp chất lọt vào theo đường hút vô máy.

7.4. Biện pháp khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải

7.4.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn tiếp nhận

Để phòng ngừa và giảm thiểu, hạn chế đến mức thấp nhất việc sự cố xảy ra, cơ sở đã, đang và sẽ được tiếp tục thực hiện những biện pháp có thể kể đến như sau:

- Hệ thống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống thu gom nước thải, nếu phát hiện có rò rỉ sẽ kịp thời sửa chữa, đồng thời thu gom toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải tách biệt tuyến thoát nước mưa, nước thải và đầu nối vào hệ thống chung của cơ sở đúng quy định.
- Thường xuyên tiến hành kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các hoạt động có phát sinh nước thải cũng như hiệu quả xử lý của HTXL để đảm bảo nồng độ nước thải sau xử lý đảm bảo đạt theo Quy chuẩn quy định.
- Cơ sở đã và sẽ tiến hành thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố rò rỉ trong hệ thống XLNT tại các vách thành bể, tại các van xả và trên hệ thống đường ống dẫn.
- Nhằm kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào và đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT, cơ sở thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nước mưa với tần suất 1 - 2 lần trong tháng và định kỳ 3 tháng/lần lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm để kịp thời khắc phục khi các thông số không đạt quy chuẩn môi trường tiếp nhận.
- Định kỳ 06 tháng/lần cơ sở sẽ tổ chức các lớp tập huấn ứng phó sự cố đối với HTXLNT cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Bố trí nhân lực và người có trình độ về chuyên môn để quản lý và vận hành HTXLNT.
- Ngoài ra, để giảm thiểu các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:
 - + Sử dụng các nguyên vật liệu, thiết bị có độ bền cao và chống ăn mòn.
 - + Tiến hành trang bị các máy móc dự phòng như máy bơm, máy thổi khí... nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên.
 - + Nhân viên vận hành XLNT được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.
 - + Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm XLNT.
 - + Chương trình vận hành và bảo dưỡng HTXLNT cứ sau 3 năm sẽ được cập nhật.

- + Lập nhật ký vận hành để lưu trữ các thông tin về quá trình hoạt động của hệ thống làm cơ sở để theo dõi và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, phòng ngừa những sự cố có thể xảy ra.
- + Để kiểm soát sự cố đối với hệ thống XLNT, cơ sở tuân thủ các yêu cầu thiết kế, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
- + Hàng ngày kiểm tra lưu lượng nước thải, tính chất nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống XLNT, lượng hóa chất sử dụng, pH của nước thải đầu vào.

7.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành

Các sự cố thường gặp về điện và cách khắc phục

Khi hệ thống gặp phải sự cố trong quá trình vận hành điều đầu tiên người vận hành phải xác định hiện tượng, khu vực bị sự cố và thiết bị đang bị sự cố trong hệ thống. Sau khi đã xác định được sự cố kể trên thì người vận hành tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu về mức độ nặng nhẹ của sự cố.

Đối với sự cố mức độ nhẹ như: nhảy role nhiệt, mất điện đột ngột dẫn đến hệ thống bị ngưng, một vài máy không hoạt động... cách giải quyết như sau:

- Kiểm tra chính xác máy bị sự cố: đo dòng làm việc, đo độ dẫn điện và điện trở. Riêng đối với các máy bơm cần kiểm tra lưu lượng, cột áp, công tác phao.
- Kiểm tra role nhiệt trong tủ điện điều khiển, nếu bị nhảy thì cần đo lại dòng làm việc của máy so sánh với dòng định mức sau đó hiệu chỉnh lại.
- Đối với sự cố mức độ nặng: khi hệ thống gặp sự cố ở mức độ nặng nằm ngoài khả năng xử lý của người vận hành thì cần thực hiện theo chỉ dẫn sau:
 - + Xác định nguyên nhân gây ra sự cố.
 - + Xác định khu vực bị sự cố (cục bộ hay trên diện rộng, một thiết bị hay nhiều thiết bị), nếu sự cố đó ảnh hưởng lớn thì phải ngưng ngay hệ thống tránh trường hợp hỏng theo dây truyền. Nếu chỉ một vài thiết bị gặp sự cố mà không gây ảnh hưởng lớn thì cứ để hệ thống tiếp tục hoạt động. Nhưng ngay sau đó phải sửa chữa thiết bị hư hỏng.
 - + Báo cáo cho người phụ trách trực tiếp để người đó cử kỹ thuật viên tới sửa chữa khắc phục sự cố.
 - + Viết báo cáo tường trình (hoặc biên bản sự cố), báo cáo trong sổ vận hành ghi rõ nguyên nhân xác định được để tránh trường hợp tương tự xảy ra.
 - Trong trường hợp gặp sự cố mà vẫn để hệ thống hoạt động như đã nói ở trên, thì phải chuyển chế độ hoạt động sang chế độ điều chỉnh bằng tay (MAN) và chỉ sử dụng các thiết bị còn hoạt động được để cho thiết bị hư hỏng không phải chịu sự điều khiển của bộ điều khiển PLC. Vận hành hệ thống ở chế độ MAN, người vận hành phải hết sức chú ý tới hoạt động của các bơm nước thải, bơm nước dư, bơm hóa chất. Khi nước đã cạn là phải tắt ngay các bơm trên.

✚ Các sự cố thường gặp về máy móc thiết bị và cách khắc phục

Máy móc thiết bị được sử dụng tại trạm xử lý bao gồm: bơm chìm, máy thổi khí, bơm định lượng hóa chất; máy khuấy trộn, các motor, bơm trục ngang... Trong quá trình hoạt động một số thiết bị có thể bị hư hỏng ngoài ý muốn. Một vài sự cố máy móc thiết bị và cách khắc phục sau.

Bảng 3. 27. Một số sự cố thường gặp về máy móc thiết bị và cách khắc phục

STT	Loại thiết bị	Các sự cố thường gặp	Các nguyên nhân	Cách khắc phục
01	Máy bơm	Không lên nước	A. Do chưa đóng điện B. Do đường ống bị nghẹt C. Do động cơ bị cháy D. Do nhảy role E. Do khí vào buồng bơm hoặc bơm bị tụt nước trong ống hút (bơm trục ngang)	A' Đóng điện cho bơm. B' Kiểm tra và thông đường ống. C' Kiểm tra và quấn lại động cơ. D' Đo dòng làm việc và hiệu chỉnh lại dòng định mức E' Thổi khí ra khỏi buồng bơm bằng cách đổ đầy nước, kiểm tra độ kín của lupê ở đầu ống hút
		Có tiếng kêu lạ	F. Cánh bơm bị kẹt bởi vật lạ. G. Bạc đạn hư H. Phốt hư, bơm bị vào nước (bơm chìm)	F' Tháo buồng bơm để lấy vật lạ ra. G' Thay bạc đạn H' Thay phốt
		Độ cách điện giảm	I. Động cơ bị chạm mát (bơm trục ngang)	I' Kiểm tra phát hiện chỗ rò điện và xử lý.
02	Máy thổi khí	- Không hoạt động - Máy hoạt động nhưng không lên khí	A/C/D J. Do hệ thống phân phối khí K. Bị tắc nghẽn. L. Đầu hút gió bị tắc. M. Buồng khí bị hư	A'/C'/D' J' Mở van xả khí để đẩy cặn ra. K' Vệ sinh đầu hút. L' & M' Căn chỉnh lại trục khóa trong buồng khí hoặc thay mới.
03	Bơm định lượng	- Không hoạt động - Không lên nước	A/C/D	A'/C'/D' P' Tháo van ra xúc rửa hết cặn.

			P. Van một chiều của đầu hút hoặc đẩy bị kẹt (hở) Q. Màng bơm bị rách	Q' Thay màng bơm
--	--	--	--	------------------

Một số sự cố thường gặp trong vận hành và cách khắc phục

Sau đây là một số sự cố, nguyên nhân và cách khắc phục trong quá trình vận hành chi tiết như sau:

Bảng 3. 28. Thống kê một số sự cố, nguyên nhân và cách khắc phục trong quá trình vận hành TXLNT

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
1. Bùn nổi trên bề mặt bể lắng	1a Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	Nếu SVI < 100, có thể không phải do nguyên nhân 1a; Dùng kính hiển vi để kiểm tra xem có vi sinh vật dạng sợi trong bùn hay không.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu DO tại đầu cuối bể sinh học hiếu khí < 1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể sinh học hiếu khí để DO tại cuối bể sinh học hiếu khí > 2mg/l. Giảm F/M. Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn. Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt tỷ số BOD:N:P = 100:5:1. Tăng pH đến 7.
	1b. Quá trình Denitrat hóa xảy ra trong bể lắng; các bóng khí Nitơ xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước.	Kiểm tra nồng độ Nitrat ở đầu vào của bể lắng.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng tốc độ bơm bùn dư Tăng DO trong bể Tăng F/M. Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ bơm bùn dư không có hiệu quả.
2. Nước thải sau xử lý đục.	2a. Bể sinh học hiếu khí bị khuấy trộn quá mạnh.	Kiểm tra DO	<ul style="list-style-type: none"> Giảm sự khuấy trộn trong bể sinh học hiếu khí.
	2b. Bùn già.	Kiểm tra bùn	<ul style="list-style-type: none"> Tăng lượng thải bùn, giảm bùn hồi lưu

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
	2c. Tình trạng yếm khí trong bể sinh học hiếu khí.	Kiểm tra DO	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng DO trong bể sinh học hiếu khí > 2,5mg/l.
	2d. Nước thải đầu vào có chứa các chất độc hại.	Kiểm tra bùn bằng kính hiển vi đối với VSV Protozoa.	<ul style="list-style-type: none"> • Phân lập lại vi sinh vật nếu có thể. • Dừng thải bùn; hồi lưu lại toàn bộ bùn trong bể lắng để thiết lập lại quần thể vi sinh
3. Bùn trong bể sinh học hiếu khí có xu hướng trở nên đen.	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	Kiểm tra DO trong bể sinh học hiếu khí	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra thiết bị thổi khí. • Tăng công suất thiết bị thổi khí.
4. Váng bọt màu nâu đen bền vững trong bể sinh học hiếu khí mà phun nước vào cũng không thể phá vỡ ra.	F/M quá thấp.	Nếu F/M nhỏ hơn nhiều so với F/M thông thường thì đây chính là nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra cẩn thận. Giảm lưu lượng bùn hồi lưu
5. Lớp sóng bọt trắng dày trong bể sinh học hiếu khí	5a. MLSS quá thấp.	Kiểm tra MLSS.	<ul style="list-style-type: none"> • Giảm bùn thải, tăng hồi lưu bùn.
	5b. Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	Nếu mức MLSS là thích hợp, nguyên nhân có thể là do sự có mặt của chất hoạt động bề mặt.	<ul style="list-style-type: none"> • Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
6. Nồng độ MLSS ở hai bể sinh học	Lưu lượng nước thải, bùn phân phối tới các bể sinh học	Kiểm tra lưu lượng tới mỗi bể.	<ul style="list-style-type: none"> • Điều hòa lưu lượng phân phối

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
hiếu khí khác nhau.	hiếu khí không đều nhau.		
7. Đệm bùn quá dày trong bể lắng và có thể trôi theo dòng ra.	7a. Tốc độ bơm bùn hồi lưu, bơm bùn dư không đủ.	Kiểm tra lại các bơm bùn.	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra bơm bùn và đường ống bùn • Tăng lưu lượng bơm bùn hồi lưu (nếu có thể), bơm bùn dư và giám sát độ sâu đệm bùn một cách thường xuyên.
	7b. Lưu lượng tăng quá cao làm quá tải bể lắng.	Kiểm tra tổng lưu lượng vào bể lắng.	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập lưu lượng ở điều kiện cân bằng. • Tính toán lại chế độ vận hành của hệ thống.
8. Lớp bùn chảy tràn qua một phần của máng tràn của bể lắng.	Lưu lượng phân phối vào bể lắng không đều.	Kiểm tra máng tràn.	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh mức dòng ra trong máng tràn. • Kiểm và điều chỉnh tấm chắn.
9. pH trong bể sinh học hiếu khí < 6,7 hoặc thấp hơn.	Nước thải có tính acid cao đi vào hệ thống.	Kiểm tra pH dòng vào	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng lưu lượng bơm kiềm vào ngăn trộn
10. Nồng độ bùn trong bùn hồi lưu thấp (<8000 mg/l)	10a. Tốc độ bơm bùn hồi lưu và/hoặc bơm dư quá cao.	Kiểm tra nồng độ bùn hồi lưu, kiểm tra khả năng lắng (SVI).	<ul style="list-style-type: none"> • Giảm tốc độ hồi lưu bùn.
	10b. Sự sinh trưởng của vi sinh vật dạng sợi	Kiểm tra bằng kính hiển vi, đo DO, pH, nồng độ Nitơ.	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng DO, tăng pH, bổ sung Nitơ và Phosphate
11. Bùn phát triển phân tán	10c. Các vi sinh vật không tạo bông mà phân tán dưới dạng những cá thể riêng biệt hay những cụm nhỏ với	Lượng bùn tuần hoàn	<ul style="list-style-type: none"> •

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
	đường kính 10 μ m - 20 μ m		
12. Bùn không kết dính được	10d. Bông bùn thường có hình cầu nén nhỏ, có đường kính 50 - 100 μ m, nguyên nhân là do có sự phân chia các bông bùn lớn, thiếu thức ăn, vi sinh vật phải dùng các polysaccarit ngoại bào như nguồn cacbon và năng lượng cho quá trình sống	Kiểm tra chỉ số thể tích bùn SVI	
13. Bùn tạo khối	10e. Các vi khuẩn dạng sợi phát triển quá mức trong bùn làm bùn nén kém và lắng kém	Kiểm tra chỉ số thể tích bùn SVI	
14. Bùn tạo khối không phải do các vi sinh vật dạng sợi	10f. Bùn chứa nhiều polyme ngoại bào làm lớp bùn xốp		- Tăng SS, BOD ở nước thải đầu ra, làm loãng lượng bùn

✚ Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn cho phép:

Trường hợp nước thải đầu ra chưa đạt giới hạn tiếp nhận, tiến hành ngưng hoạt động HTXL nước thải, khóa van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận. Tạm ngưng hoạt động sản xuất. Sau khi khắc phục xong sự cố tiến hành bơm nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

✚ Trường hợp 01 hạng mục bể xử lý gặp sự cố cần khắc phục trong thời gian dài

Có nhiều nguyên nhân khác nhau để quyết định dừng hoạt động của nhà máy xử lý nước thải. Kết quả sau khi ngừng hoạt động sẽ khiến quần thể sinh vật bị đói, thiếu thức ăn, phân hủy nội bào. Sinh khối chết trôi ra ngoài làm gia tăng lượng cặn lơ lửng trong nước sạch. Oxy vẫn cần phải cung cấp để tránh điều kiện kỵ khí và các vấn đề về mùi, tuy nhiên cần phải giảm đến mức thấp nhất.

- Giải quyết sự cố:

+ Giảm lượng nước thải đầu vào từ 20 - 30% mức bình thường.

- + Tích trữ càng nhiều càng tốt nước thải trong bể điều hòa hoặc đưa nước thải về bể sự cố.
- + Giảm lượng oxy cung cấp xuống mức thấp nhất có thể (DO khoảng 1-2mg/l).
- + Duy trì quá trình vận hành bình thường lâu đến mức có thể. Duy trì, bổ sung chất dinh dưỡng.
- + Nếu cần thiết phải bổ sung nguồn Carbon từ ngoài vào (như acetate, methanole...) để tránh cho sinh khối bị thối rữa và lấy ra càng nhiều càng tốt.

✚ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị quá tải

- Khi phát hiện lưu lượng nước thải đầu vào tăng cao, vượt quá công suất xử lý của HTXLNT, nhân viên vận hành sẽ tạm thời ngừng bơm nước thải về trạm, sau đó tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục. (Khả năng xảy ra sự cố là nước mưa tràn vào hệ thống thu gom nước thải)
- Ngoài ra, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải được xây dựng tách riêng nhau và cơ sở thường xuyên áp dụng các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng các đường ống, phòng ngừa các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn, nứt vỡ đường ống... nên việc hòa lẫn, chảy tràn nước mưa vào đường ống thu gom nước thải là rất hạn chế và hầu như không xảy ra.

✚ Biện pháp duy trì hoạt động của HTXLNT trong trường hợp phải bảo trì bảo dưỡng định kỳ

- Cơ sở sẽ tiến hành bảo dưỡng, bảo trì trong ngày chủ nhật để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải không tiếp nhận nước thải từ hoạt động của nhà máy.
- Các máy móc thiết bị trong HTXLNT tập trung như bơm (đặc biệt là các bơm chìm đặt trong các bể), hệ thống phân phối khí... được định kỳ kiểm tra, bảo trì theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất. Bên cạnh đó, đã cho bố trí các thiết bị dự phòng để đảm bảo cho hoạt động của HTXLNT.
- Cơ sở cam kết sẽ không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn cho phép ra nguồn tiếp nhận.

7.5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, bể đường ống cấp thoát nước

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Tuyệt đối không đổ chất thải khác vào bể tự hoại.
- Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:
- + Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- + Định kỳ vệ sinh bề tách mỡ khoảng 1 tháng/lần.
- + Định kỳ vệ sinh các đường ống, hố ga thu gom nước thải, đảm bảo các chất thải, dầu mỡ bám trên đường ống, hố ga không gây tắc nghẽn làm tràn nước thải ra cống thoát nước mưa và các khu vực bên trong cơ sở. Tần suất vệ sinh 1 tháng/lần.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước
- + Kiểm tra, giám sát đường thông thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải
- + Kết hợp với các cơ quan chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi và khắc phục khi có sự cố xảy ra.

7.6. Công trình, biện pháp ứng phó sự cố HTXL khí thải

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL bụi của nhà máy được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 3. 29. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL bụi

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Quạt hút	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra sửa chữa, thay mới
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gâm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra sửa chữa, thay mới
Cyclone, tháp lọc bụi khô	Hoạt động không hiệu quả	- Quạt hút bị hỏng. - Cyclone, tháp lọc bụi xuống cấp, hư hỏng, rò rỉ	Kiểm tra sửa chữa, tiến hành hàn các vị trí bị rò rỉ hoặc thay mới nếu có quá nhiều vị trí rò rỉ trên thiết bị

Khi xảy ra sự cố khiến HTXL bụi sau xử lý không đạt yêu cầu xả thải dẫn đến ngưng hoạt động hệ thống XLNT thì cần gấp rút thực hiện các phương án ứng phó như sau:

- Bước 1: Xác nhận hệ thống gặp các sự cố.
 - ✓ Hơi dung môi, hóa chất phát sinh nhiều trong khu vực sản xuất
 - ✓ Hơi dung môi, hóa chất phát sinh nhiều ra ngoài môi trường qua cảm quan.
 - ✓ Có tiếng kêu và dòng khí rò rỉ do áp lực của bơm tại các thiết bị (rò rỉ đường ống, rò rỉ khí thải từ thiết bị)
- Bước 2: Tiến hành báo cáo với Ban Lãnh đạo điều tiết sản xuất, ngừng hoạt động của các công đoạn phát sinh bụi để khắc phục sự cố.
- Bước 3: Kiểm tra lại các thiết bị có khả năng hư hỏng và sửa chữa, thay thế trong thời gian ngắn nhất và thực hiện các biện pháp quản lý để khắc phục sự cố:
 - ✓ Nếu hơi dung môi, hơi hóa chất phát sinh trong khu vực sản xuất và khu vực bên ngoài gần ống thoát khí thải:

- Kiểm tra lại toàn bộ hệ thống xử lý, quạt hút, các đường ống thu gom để kiểm soát khả năng bị vỡ đường ống dẫn đến lực hút tại các đầu hút giảm hiệu quả.
- Kiểm tra thiết bị hấp phụ than hoạt tính, các tấm lọc than hoạt tính nếu xảy ra hiện tượng nghẹt phải tiến hành xử lý hoặc thay thế tấm lọc. Định kỳ thay thế tấm lọc than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả hấp phụ hơi dung môi phát sinh.
- ✓ Nếu hư hỏng quạt hút: Tiến hành sửa chữa tại chỗ nếu các sự cố hư hỏng nhẹ, nếu sự cố không thể sửa chữa tiến hành thuê đơn vị sửa chữa đến khắc phục hoặc lắp thiết bị mới trong thời gian ngắn nhất.
- ✓ Rò rỉ đường ống: Tiến hành tạm ngưng dây chuyền khu vực bị rò rỉ và tiến hành hàn vá vào vị trí rò rỉ nếu là các rò rỉ có kích thước nhỏ, nếu rò rỉ tại các vị trí không thể khắc phục tại chỗ, phải tiến hành thuê đơn vị có chuyên môn đến khắc phục sự cố (thay đường ống mới).
- ✓ Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành kiểm tra tổng thể lại toàn bộ HTXL khí thải, đảm bảo tất cả đều vận hành bình thường mới tiến hành vận hành sản xuất.

8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở

Những thay đổi trong suốt thời gian vận hành của Cơ sở so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (trương đương với kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường) và Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 3. 30. Những thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường và giấy XNHT Đề án bảo vệ môi trường của cơ sở

Công trình, biện pháp	Theo quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 1262/QĐ-TNMT-QLMT	Theo Giấy XNHT số 2225/GXN-TNMT-CCBVM T	Theo thực tế vận hành tại cơ sở	Các văn bản chấp thuận thay đổi/giải trình, đánh giá thay đổi
HTXL nước thải sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung: 200 m³/ngày.đêm. - Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn (xử lý sơ bộ qua bể tách dầu) → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể tiếp xúc (khử trùng) → Nguồn tiếp nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung: 120 m³/ngày.đêm. - Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể SBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung: 120 m³/ngày.đêm. - Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn (xử lý sơ bộ qua bể tách dầu) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận. 	<p>Chủ cơ sở đã tiến hành gửi văn bản về việc cải tạo, thay đổi công nghệ phù hợp hơn, tăng hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải vào năm 2020 và năm 2021 về Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên chưa nhận được phản hồi.</p>

<p>Nước thải từ quá trình sơn màng nước</p>	<p>Nước tại buồng sơn màng nước → Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý</p>	<p>Nước tại buồng sơn màng nước → Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý</p>	<p>Hiện nay, nhà máy đã loại bỏ quy trình sơn màng nước nên không phát sinh lượng nước thải này. Nhà máy thay thế công đoạn sơn bằng công đoạn in lụa tạo hoa văn trên sản phẩm. Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa khuôn in lụa được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định</p>	<p>Quá trình thay đổi công nghệ sản xuất của Cơ sở nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm phát thải bụi và hơi dung môi phát sinh từ quá trình phun sơn.</p>
<p>Công trình xử lý khí thải tại công đoạn sơn và khu vực dán keo</p>	<p>Khí thải từ công đoạn sơn (buồng sơn màng nước), hơi dung môi từ công đoạn dán keo → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí thải</p>	<p>Khí thải từ công đoạn sơn (buồng sơn màng nước), hơi dung môi từ công đoạn dán keo → Lớp than hoạt tính (bên trong đường ống) → Ống thoát khí thải</p>	<p>Nhà máy đã loại bỏ quy trình sơn màng nước, thay thế bằng phương án in lụa để tạo hoa văn trên sản phẩm. Hơi dung môi phát sinh tại công đoạn in lụa được hạn chế bằng phương pháp thông thoáng nhà xưởng, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến lao động làm việc và môi trường xung quanh</p>	<p>Cơ sở đảm bảo hơi dung môi phát sinh đạt Quy chuẩn, Tiêu chuẩn theo quy định trong khu vực sản xuất và môi trường không khí bên ngoài</p>

<p>Bụi tại khu vực mài đế</p>	<p>Không thu gom, xử lý</p>	<p>Không thu gom, xử lý</p>	<p>Bụi từ khu vực mài đế → ống hút → Cyclone → Ống thoát khí thải</p>	<p>Để hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh tại công đoạn mài đế, chủ Cơ sở đã tiến hành lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi mài đế xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.</p>
<p>Công trình xử lý khí thải công đoạn xử lý đế (rửa), dán đế</p>	<p>Cơ sở đã lắp đặt và vận hành 01 hệ thống hút khí thải từ chuyên rửa đế và 04 hệ thống hút khí thải từ các chuyên dán đế trong quá trình hoạt động tuy nhiên tại thời điểm cấp Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành đề án chủ dự án chưa đăng ký các hệ thống hút, xử lý này vào hồ sơ môi trường đã được cấp.</p>	<p>Cơ sở đã lắp đặt và vận hành 01 hệ thống hút khí thải từ chuyên rửa đế và 04 hệ thống hút khí thải từ các chuyên dán đế trong quá trình hoạt động tuy nhiên tại thời điểm cấp Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành đề án chủ dự án chưa đăng ký các hệ thống hút, xử lý này vào hồ sơ môi trường đã được cấp.</p>	<p>Cơ sở đang vận hành 01 hệ thống hút khí thải từ chuyên rửa đế và 04 hệ thống hút khí thải từ các chuyên dán đế.</p>	<p>Hơi hóa chất, khí thải phát sinh từ chuyên rửa, chuyên dán đế đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT</p>

Quy trình sản xuất	Quy trình sản xuất không có công đoạn rửa đế	Quy trình sản xuất không có công đoạn rửa đế	Hiện nay, chủ cơ sở có sử dụng dây chuyền rửa đế giày tự động có sử dụng nước và hóa chất rửa, lượng nước thải phát sinh tối đa tại công đoạn này là 0,5 m ³ /tuần.	Chủ cơ sở đã tiến hành thu gom vào bồn chứa chuyên dụng có dung tích 2m ³ và định kỳ giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.
Diện tích kho chứa CTNH	20 m ²	2 m ²	13 m ²	Chủ cơ sở đã tiến hành bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 13m ² , đảm bảo lưu chứa lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở
Nguồn nước sạch sử dụng	Sử dụng 03 nước giếng khoan để vận hành sản xuất	Sử dụng 03 nước giếng khoan để vận hành sản xuất	Sử dụng hoàn toàn nước thủy cục được cung cấp từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH Một thành viên Đã thực hiện trám lấp toàn bộ 03 giếng khoan khai thác nước ngầm	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác nước dưới đất số 803/GP-TNMT-QLTN ngày 19/11/2010. - Biên bản trám lấp giếng khoan ngày 19/01/2022.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của lao động làm việc, lưu lượng trung bình $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế $120 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động nấu ăn, vệ sinh của căn tin, lưu lượng trung bình $14 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế $120 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa đế, lưu lượng trung bình $0,5 \text{ m}^3/\text{tuần}$ được thu gom vào thùng chứa 2.000 lít và thu gom chất thải nguy hại. (xả thải không thường xuyên)
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh khuôn in, bản in tại công đoạn in lụa lưu lượng trung bình $0,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thu gom về bồn nhựa kín có dung tích 5.000 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định. (xả thải không thường xuyên)

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước thải chung trên đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- Vị trí xả nước thải: phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực Tp.HCM: 105 độ 45p, múi 3 độ): $X = 1.203.155$; $Y = 596.974$.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, $5 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Phương thức xả thải: Tự chảy, xả trực tiếp.
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24h/ngày
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $Kq = 0,9$ và $Kf = 1,1$), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTN, cột B với ($K_1 = 0,9$; $K_2 = 1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
3	COD	mg/l	74,25		
4	TSS	mg/l	49,5		
5	BOD ₅	mg/l	29,7		
6	Sunfua	mg/l	0,198		
7	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96		
9	Coliform	MPN/100ml	3.000		

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01→07: Bụi, khí thải phát sinh từ chuyền mài đế (Line 1-Line 7)
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ dây chuyền rửa đế
- Nguồn số 09→13: Khí thải phát sinh từ chuyền dán đế (Line 1-Line 5)
- Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện 350KVA
- Nguồn số 15: Khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện 450KVA
- Nguồn số 16: Khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện 500KVA
- Nguồn số 17: Khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện 750KVA

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

- **Vị trí xả khí thải:**

- + Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 (nguồn số 01, 02) sau hệ thống xử lý khí bụi mài để 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202857; Y = 596870.
- + Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 (nguồn số 03, 04, 05) sau hệ thống xử lý khí bụi mài để 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202860; Y = 596861.
- + Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải số 03 (nguồn số 06, 07) sau hệ thống xử lý khí bụi mài để 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202864; Y = 596855.
- + Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí thải số 04 (nguồn số 08) sau hệ thống thu gom hút hơi hóa chất chuyên rửa để. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202863; Y = 596857.
- + Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát khí thải số 05 (nguồn số 09,10) sau hệ thống thu gom hút hơi hóa chất chuyên dán để 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202854; Y = 596862.
- + Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí thải số 06 (nguồn số 11) sau hệ thống thu gom hút hơi hóa chất chuyên dán để 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202856; Y = 596858.
- + Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí thải số 07 (nguồn số 12) sau hệ thống thu gom hút hơi hóa chất chuyên dán để 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202857; Y = 596857.
- + Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống thoát khí thải số 08 (nguồn số 13) sau hệ thống thu gom hút hơi hóa chất chuyên dán để 4. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202859; Y = 596854.
- + Dòng khí thải số 09: Tương ứng với ống thoát khí thải số 09 (nguồn số 14) sau ống thoát khí máy phát điện 350KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202817; Y = 596894.
- + Dòng khí thải số 10: Tương ứng với ống thoát khí thải số 10 (nguồn số 15) sau ống thoát khí máy phát điện 450KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202817; Y = 596892.
- + Dòng khí thải số 11: Tương ứng với ống thoát khí thải số 11 (nguồn số 16) sau ống thoát khí máy phát điện 500KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202819; Y = 596890.
- + Dòng khí thải số 12: Tương ứng với ống thoát khí thải số 12 (nguồn số 17) sau ống thoát khí máy phát điện 750KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202821; Y = 596887.
- **Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**
 - + Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
 - + Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
 - + Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
 - + Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.

- + Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.500 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.200 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 12: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.000 m³/giờ.

Tổng lưu lượng khí thải: 114.700 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải:

- + Dòng khí thải 01 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 8,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 02 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 8,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 03 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 8,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 04 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 4,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 05 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 5,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 06 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 4,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 07 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 4,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 08 sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø600m, cao 4,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống.
- + Dòng khí thải 09 được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø200m, cao 3,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của máy phát điện. (phát thải không thường xuyên)
- + Dòng khí thải 10 được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø200m,

cao 3,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của máy phát điện. (phát thải không thường xuyên).

+ Dòng khí thải 11 được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø250m, cao 3,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của máy phát điện. (phát thải không thường xuyên)

+ Dòng khí thải 12 được xả ra môi trường qua ống thoát khí có kích thước Ø300m, cao 3,5m so với mặt đất, xả liên tục trong thời gian hoạt động của máy phát điện. (phát thải không thường xuyên)

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p = 0,8$, $K_v = 0,6$), QCVN 20:2009/BTNMT cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giới hạn theo dòng khí thải 01→12

STT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục		
Dòng khí thải 01→03							
1	Bụi	mg/Nm ³	96	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP		
Dòng khí thải 04→08							
2	Metylaxetat	mg/Nm ³	610				
3	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400				
4	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	2.000				
Dòng khí thải 09→12							
1	Bụi	mg/Nm ³	96				
2	CO	mg/Nm ³	480				
3	NO _x	mg/Nm ³	408				
4	SO ₂	mg/Nm ³	240				

3. Nội dung đề nghị cấp phép về tiếng ồn, độ rung:

- **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**
 - + Nguồn số 01: Khu vực chuyển máy
 - + Nguồn số 02: Khu vực chuyển cắt, chặt
 - + Nguồn số 03: Khu vực mài đế
 - + Nguồn số 04: Khu vực các hệ thống xử lý và thoát khí thải
 - + Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện

- + Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý nước thải
- **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**
 - + Nguồn số 01:Tọa độ X = 1189386; Y = 587820
 - + Nguồn số 02:Tọa độ X = 1189435; Y = 587802
 - + Nguồn số 03:Tọa độ X = 1189401; Y = 587784
 - + Nguồn số 04:Tọa độ X = 1189401; Y = 587784
 - + Nguồn số 05:Tọa độ X = 1189401; Y = 587784
 - + Nguồn số 06:Tọa độ X = 1189401; Y = 587784

(Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 3. Giới hạn về tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 4. 4. Giới hạn về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép về chất thải nguy hại

Bảng 4. 5. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại lớn nhất

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh tối đa (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	60
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	60
3	Nước thải rửa bản in lụa, rửa đế	19 10 01	Lỏng	8.000
4	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Lỏng	100

5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải đựng dung môi, keo, mực in thải	18 01 03	Rắn	500
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải đựng dung môi, keo, mực in, và đựng các loại hóa chất thải	18 01 01	Rắn	300
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	5.000
8	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	40
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	2.000
10	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	Rắn/lỏng	200
11	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	Lỏng	100
12	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	50
	Tổng	-	-	16.410

5. Nội dung đề nghị cấp phép về chất thải rắn

5.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 4. 6. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lớn nhất

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Pallet gỗ	0,5
2	Giấy, thùng carton	15,5
3	Rìa vải, da, mút, miếng đệm, lót giày, chỉ may, dây giày hư thải	120
4	Nút hư, đinh tán hư, đinh ốc hư,...	0,3
5	Bao nylon	1,5

6	Sản phẩm hư (đế, mặt da, giày ko đạt chất lượng)	5
7	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải (khu vực chuẩn bị đế)	2,2
8	Nhãn mác, logo hư thải	0,1
9	Lõi băng keo, băng keo thải	0,5
Tổng cộng		145,6

5.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2.000

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ của cơ sở

TT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	Kết quả quan trắc								QCVN40:2011/ BTNMT, cột B, K _q = 0,9, K _r = 1,1
			Năm 2022				Năm 2023				
			Mẫu 1 (đợt 1:10/06/2022)	Mẫu 2 (đợt 1:10/06/2022)	Mẫu 1 (đợt 2:27/12/2022)	Mẫu 2 (đợt 2:27/12/2022)	Mẫu 1 10/3/2023	Mẫu 2 10/3/2023	Mẫu 1 13/12/2023	Mẫu 2 13/12/2023	
1	pH	-	6,3	6,5	6,8	6,9	7,2	7,3	6,8	6,9	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32	35	38	36	31	33	31	33	49,5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	39	31	17	14	15	12	58	71	99
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	295	303	386	369	403	412	392	406	-
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	1,3	1,2	1,4	1,2	1,7	1,9	2,5	2,3	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	4,6	5,1	8,1	7,3	7,2	7,1	5,9	5,1	9,9
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	1,8	1,5	1,8	1,6	0,5	0,8	1,7	1,6	-
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	0,8	0,5	0,4	0,5	1,5	1,1	2,2	2,5	5,94
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	20,3	19,8	33,2	35,8	31,5	32,8	31,1	32,4	39,6
10	Sunfua	mg/L	-	-	-	-	1,2	1,5	1,3	1,5	
11	Coliform	MPN/100mL	1.200	1.400	1.300	1.200	1.600	2.300	2.400	2.100	5.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, 2024

Nhận xét: Dựa trên kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của Cơ sở trong năm 2021, 2022, 2023 cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn cho phép. Điều này cho thấy hiệu quả xử lý của HTXL nước thải đang vận hành của Cơ sở là tương đối tốt.

2. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải

Cơ sở đã tiến hành kết hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Tp. Hồ Chí Minh tiến hành quan trắc 01 mẫu khí thải sau HTXL bụi mài đế 1 và 01 mẫu khí thải sau hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1 vào ngày 24/11/2023, cụ thể được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc bụi, khí thải của Cơ sở

STT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Đơn vị	K1 (sau HTXL bụi mài đế 1)	K2 (sau hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1)	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (K _p =0,8, K _v =0,6)	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT T
1	Lưu lượng	-	12.254	8.522	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	75	-	96	-
3	Metylaxetat	mg/Nm ³	-	103	-	610
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	-	219	-	1.400
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	-	152	-	2.000

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Tp. Hồ Chí Minh, 24/11/2023

Nhận xét: Kết quả quan trắc bụi sau HTXL bụi mài đế 1 và hơi hóa chất tại hệ thống thu gom thoát hơi hóa chất dây chuyền dán đế 1 cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT theo quy định. Điều này cho thấy hoạt động mài đế, dán đế của Cơ sở không làm ảnh hưởng lớn đến môi trường không khí.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được của từng công trình tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
Hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m ³ /ngày.đêm	Khoảng tháng 4 năm 2025	Khoảng 06 tháng sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	80%
Hệ thống xử lý bụi mài đế 1	Khoảng tháng 4 năm 2025	Khoảng 06 tháng sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	100%
Hệ thống xử lý bụi mài đế 2	Khoảng tháng 4 năm 2025	Khoảng 06 tháng sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	100%
Hệ thống xử lý bụi mài đế 3	Khoảng tháng 4 năm 2025	Khoảng 06 tháng sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	100%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm HTXL khí thải: tháng 05/2024 đến tháng 08/2024.

Bảng 6. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục mẫu	Thời gian lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
--------------	-------------------	----------------	--------------	--------------------	-------------------

Hệ thống xử lý nước thải, 120 m³/ngày.đêm					
Mẫu đơn 1	3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tục trong thời gian VHTN	Sau HTXL nước thải	01	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Sunfua, tổng Nito, Tổng Phospho, tổng Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B (K _q = 0,9; K _f = 1,1)
Mẫu đơn 2			01		
Mẫu đơn 3			01		
Hệ thống xử lý bụi mài đế 1, 2, 3 (công suất 13.000 m³/h mỗi hệ thống)					
Mẫu đơn 1	3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tục của 3 hệ thống xử lý mài đế 1, 2, 3 trong thời gian VHTN	Sau HTXL khí thải	03	Lưu lượng, bụi	QCVN 19/2009/BTNMT Cột B (K _p =0,8, K _v =0,6)
Mẫu đơn 2		Sau HTXL khí thải	03		
Mẫu đơn 3		Sau HTXL khí thải	03		

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Nhà máy xem xét đánh giá năng lực các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường khác phù hợp với quy định pháp luật để phối hợp thực hiện chương trình quan trắc.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

🚦 Quan trắc môi trường nước

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

🚦 Quan trắc khí thải công nghiệp

❖ Khí thải khu vực mài:

- Vị trí quan trắc: Ống thoát khí sau xử lý của HTXL bụi mài 1, 2, 3
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p = 0,8, K_v = 0,6)
- Chi phí quan trắc: 16.000.000 đồng/năm.

❖ **Khí thải khu vực rửa đế, dán đế:**

- Vị trí quan trắc: Ống thoát khí tại dây chuyền rửa đế, dán đế Line 1→5 (5 ống thoát khí thải)
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Metylaxetat, Etylaxetat, Metylcyclohexan
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT
- Chi phí quan trắc: 30.000.000 đồng/năm

🚦 **Giám sát CTR thông thường và CTNH**

a) Giám sát chất thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu
- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTR sinh hoạt
- Tần suất giám sát: Hằng ngày
- Quy định so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

b) Giám sát chất thải công nghiệp

- Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu
- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTR công nghiệp
- Tần suất giám sát: Hằng ngày
- Quy định so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

c) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu
- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTNH
- Tần suất giám sát: Hằng ngày
- Quy định so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Các đợt kiểm tra thanh tra của cơ sở trong năm 2021, 2022 như sau:

Thời gian kiểm tra	Cơ quan kiểm tra	Văn bản kiểm tra, xử phạt	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra/đề nghị của cơ quan chức năng	Biện pháp khắc phục tồn tại, vi phạm
21/03/2022	Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 296/QĐ-STNMT-TTr ngày 10/03/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. - Biên bản kiểm tra ngày 21/03/2022. - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 58/QĐ-XPHC ngày 10/05/2022 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường. 	Kiểm tra về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đã vi phạm hành chính: “Thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường”, cụ thể nước rửa tay của công nhân từ khu nhà vệ sinh chưa được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu tại Khoản 2.1 Điều 2 Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc. - Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tiến hành đấu nối đường ống nước thải rửa tay của nhân viên vào HTXL nước thải tập trung để xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. - Đã tiến hành thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định. - Đã nộp tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt số 58/QĐ-XPHC ngày 10/05/2022.

				theo quy định.	
24/03/2022	Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh	Biên bản kiểm tra của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 24/03/2022	Bổ sung các hồ sơ, pháp lý về môi trường theo Biên bản kiểm tra ngày 21/03/2022.	Đề nghị Công ty bổ sung hồ sơ trám lấp giếng khoan, biên lại nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước, chứng từ chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường cho Công ty TNHH – DV Huy Trần Gia và các chứng từ chuyển giao giữa Công ty Huy Trần Gia với đơn vị xử lý – Công ty CP Môi trường Tân Thiên Nhiên gửi đoàn kiểm tra trước ngày 28/03/2022.	Đã tiến hành bổ sung hồ sơ theo yêu cầu tại Biên bản ngày 24/03/2022 theo xác nhận tại Biên bản ngày 30/03/2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ Cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng chủ trương của Ủy ban nhân dân Tp. HCM về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư và công nghiệp Tân Thới Hiệp tỷ lệ 1/2000 phường Hiệp Thành.
- Chủ cơ sở cam kết khi có quyết định thu hồi đất của UBND Tp. HCM, Chủ cơ sở sẽ tự nguyện tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng, nhà xưởng trên diện tích đất khu 2 và bàn giao đất lại cho cơ quan chức năng theo đúng quy định của pháp luật.
- Chủ Cơ sở cam kết thực hiện các nội dung theo trách nhiệm của chủ Cơ sở đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cũng như trách nhiệm sau khi đã được cấp phép môi trường và trong quá trình hoạt động.
- Chủ Cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động, cam kết xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành về môi trường như đã nêu trong giấy phép môi trường, cụ thể như sau:
 - + Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.
 - + Đảm bảo các thông số ô nhiễm không khí, bụi nằm trong giới hạn cho phép của Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 và các quyết định bổ sung cho quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế, QCVN 02/2019/BYT, QCVN 03/2019/BYT.
 - + Đảm bảo khí thải sau xử lý tại các khu vực mài đế, khu vực dán keo đế, khu vực rửa đế xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT.
 - + Tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 27:2016/BYT.
 - + Chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được thu gom, phân loại và xử lý đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - + Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo đúng nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường đồng thời gửi kết

quả về cơ quan quản lý theo quy định để quản lý và giám sát.

- + Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Cơ sở; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Cơ sở nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.
- + Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- + Cam kết không khai thác, sử dụng nước dưới đất khi chưa được cơ quan chức năng cấp giấy phép khai thác.
- + Trong quá trình hoạt động của mình, Chủ Cơ sở luôn đảm bảo không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến môi trường và con người tại khu vực. Công ty cũng cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- + Cam kết phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi Cơ sở kết thúc vận hành.
- + Cam kết tạo điều kiện phối hợp tốt với cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Chủ Cơ sở cam kết trong quá trình hoạt động của cơ sở, nếu vi phạm công ước quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường thì Chủ Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
VĂN BẢN PHÁP LÝ

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0301454896

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 21 tháng 10 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN LOC SHOES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: THISACO

2. Địa chỉ trụ sở chính

108 Nguyễn ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0837175424 - 37175421

Fax: 0837175424

Email: binhvt1006@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM QUANG CHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/01/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049056000144

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 55 Phan Xích Long, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 55 Phan Xích Long, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số CT: 06703 OS 10 - SCT/B:

Ngày: 22-10-2024



Nguyễn Ngọc Sơn



Lê Thị Hồng Nga

SỞ ĐỊA CHÍNH

Số: 304...../HD-TĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 1998

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14/7/1993 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ quyết định số 1317/QĐ-UB-QLĐT ngày 13/03/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố v/v cho Công ty TNHH Giày Thiên Lộc thuê đất tại phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư mở rộng xưởng gia công sản xuất giày thể thao xuất khẩu.
- Căn cứ tờ kê khai nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước do Chi Cục thuế quận 12 duyệt ngày 14/03/1998

1/ BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A):

BẢN SAO

Tên Cơ quan, Xí nghiệp : SỞ ĐỊA CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

Người đại diện : Ông HUỖNH PHÚ SANG

Chức vụ : Giám đốc

Quốc tịch : Việt Nam

Trụ sở : 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, Quận

Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8414811 - 8447847g

Tài Khoản : Ngày 18-11-2011

2/ BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B):

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH GIÀY THIÊN LỘC.

Người đại diện : Ông VŨ THANH BÌNH

Chức vụ : Giám đốc.

Quốc tịch : Việt Nam

Trụ sở : Phường Hiệp Thành, Quận 12.

Điện thoại : 8914299.

Tài khoản :

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1:

1.1- Bên A cho bên B thuê diện tích 9.984 m² đất (Chín ngàn chín trăm tám mươi bốn mét vuông) tại phường Hiệp Thành, quận 12 để đầu tư mở rộng xưởng gia công sản xuất giày thể thao xuất khẩu.

1.2- Vị trí khu đất được xác định theo tờ bản đồ địa chính số 7181/GĐ-ĐC ngày 03/03/1998 tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính Thành phố lập.

1.3- Thời hạn cho thuê đất là 50 năm kể từ ngày 13/03/1998.

1.4- Việc cho thuê đất không làm mất đi quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm dưới lòng đất.

Điều 2:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của hợp đồng này.

Điều 3:

3.1- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên B không được chuyển giao thửa đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam cho phép (trừ trường hợp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cho thuê lại tại các khu công nghiệp, khu chế xuất).

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A bảo đảm quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ 3 khi chưa được bên B thỏa thuận.

3.2- Trường hợp bên B bị phân chia, sát nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải làm lại thủ tục thuê đất. Thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của hợp đồng này, bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê.

3.3- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn, bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B.

3.4- Hợp đồng thuê đất đương nhiên hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê đất.
- Bên B bị phát mãi tài sản hoặc bị phá sản.
- Bên B bị thu hồi quyết định cho thuê đất hoặc Giấy phép hoạt động trước thời hạn.

Điều 4:

4.1- Giá tiền thuê đất là : **600 đồng/m²/năm (Sáu trăm đồng trên mét vuông trên năm)**

4.2- Số tiền thuê đất được trả theo phương thức: Công ty TNHH Giày Thiên Lộc sẽ trả tiền thuê đất theo định kỳ hàng năm.

+ Số tiền thuê đất phải nộp một năm là:

(9.984 m² x 600 đồng/m²) = 5.990.400 đồng
(Chín triệu chín trăm chín mươi ngàn bốn trăm đồng)

+ Lần đầu nộp 50% (**2.995.200 đồng**) trước ngày 30/6 hàng năm.

+ Lần sau nộp 50% (**2.995.200 đồng**) trước ngày 15/10 hàng năm.

Giá thuê đất được ổn định tối thiểu là 5 năm và được điều chỉnh trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh giá đất. Mức điều chỉnh mỗi lần không quá 15% theo giá trị hợp đồng thuê đất và chỉ điều chỉnh cho thời gian các kỳ thanh toán còn lại.

4.3- Tiền thuê đất được tính từ ngày : **13/03/1998.**

4.4- Nơi nộp tiền thuê đất: Chi Cục thuế quận 12 (Nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại nơi nộp tiền thuê đất).

Điều 5:

Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất này theo qui định của pháp luật.

Điều 6:

Tranh chấp giữa 2 bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết.

Điều 7:

7.1- Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên thuê đất xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của pháp luật.

7.2- Bên B có trách nhiệm thực hiện việc sử dụng đất đúng luật pháp Việt Nam và các qui định trong hợp đồng này.

Điều 8:

Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi mục đích sử dụng, điều chỉnh quy hoạch, diện tích sử dụng, giá thuê đất, các bên có trách nhiệm làm lại hợp đồng.

Điều 9:

9.1- Hợp đồng thuê đất này được ký ngày tháng năm 1998 tại Sở Địa chính TP. Hồ Chí Minh và được lập thành 8 bản, mỗi bên giữ 2 bản; gửi Sở Tài chính Thành phố, Cục thuế Thành phố, Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chi Cục Thuế quận 12 thu tiền thuê đất.

9.2- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất là 1 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty TNHH giày Thiên Lộc

có trách nhiệm liên hệ với Chi Cục Thuế quận 12 để nộp tiền thuê đất theo qui định.

BÊN THUÊ ĐẤT
CHỖ GIÁM ĐỐC

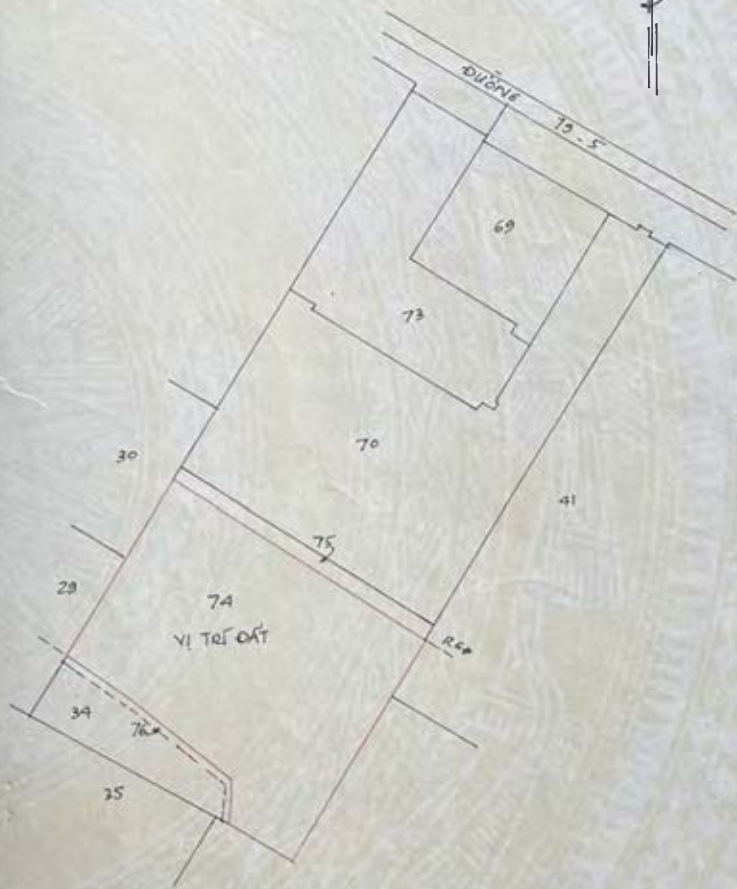


Trần Thanh Bình

BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC



Huỳnh Phú Sang



TỶ LỆ: 1/2000.



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số thứ điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1203056.73	5970316.93	6.48
2	1203053.45	597044.49	5.31
3	1203048.95	597041.67	140.09
4	1202928.30	596970.47	28.90
5	1202903.58	596956.11	114.68
6	1202862.79	596857.91	23.53
7	1202883.40	596869.23	15.77
8	1202916.90	596877.40	41.91
9	1203033.02	596886.66	11.52
10	1203027.24	596908.93	2.35
11	1203025.10	596907.57	71.81
12	1202988.20	596971.49	2.79
13	1202980.58	596972.86	6.24
14	1202987.48	596978.27	-2.61
15	1202989.74	596979.57	1.10
16	1202990.28	596978.61	21.45
17	1203008.90	596989.25	60.58
18	1203061.25	597019.74	5.81
19	1203066.29	597022.89	4.30
20	1203064.09	597026.58	5.57
21	1203061.29	597031.20	8.85
1	1203054.73	5970318.91	

Tỉ Lệ: 1/4000

Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng vị trí số 49541/CN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 19/12/2007.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

--	--

KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG TP

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Số: 3905/GPXD)

Cấp cho Ông **PHÙNG HOÀNG KIẾT (CÔNG TY TNHH GIẤY THIÊN LỘC)**

Địa chỉ: **Ấp 5, Xã Tân Thới Hiệp, H. Hóc Môn**

Được phép xây dựng công trình: **Nhà xưởng sản xuất**

theo thiết kế có ký hiệu: **TKSB**

do **Công ty dịch vụ và phát triển đô thị** thiết lập.

Gồm các hạng mục dưới đây:

1/ Nhà làm việc : Trệt, khung sườn BTCT, mái BTCT + tole, tường gạch

DTXD : 15,00m x 30,00m = 450,00 m²

2/ Xưởng sản xuất : Trệt, khung cột BTCT, vì kèo thép, mái tole, tường gạch

DTXD : (20,00m x 78m) + (40,00m x 72m) + (30m x 72m) = 6.600,00 m²

TỔNG DTXD : 7.050,00 m²

Trên thửa đất: 1 phần bộ số 408, tờ bản đồ thứ 1, Xã Tân Thới Hiệp, tọa lạc tại: số đường Huyện Hóc Môn.

Phường, Xã Tân Thới Hiệp Quận, Huyện Hóc Môn.

(xem tiếp mặt sau)

- Chủ đầu tư phải tôn trọng các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan đến công trình xây dựng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có tranh chấp.
- Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:
 - Liên hệ với đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân lập thiết kế thi công đúng theo họa đồ kiến trúc đã được duyệt.
 - Việc thi công công trình phải do đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân thực hiện.
 - Báo VP KTS Trưởng TP kiểm tra phần xây dựng ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải,...) trước khi đập nắp và xây dựng tiếp bên trên.
 - Xuất trình giấy phép cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, thi công tại cổng của công trình.
 - Nếu thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
- Đơn vị thiết kế và thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình.
- Khi xây dựng xong, chủ đầu tư báo cho VP KTS Trưởng TP lập biên bản kiểm tra công trình hoàn thành. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình hoàn thành mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu.

6. Y BAN CHINH... Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn một năm kể từ ngày ký. Quá thời gian quy định, nếu cần xây dựng phải xin giấy phép gia hạn.

Số: 3905/GPXD
Ngày 21 tháng 11 năm 2017

PHÓ GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 199 4

KTS Trưởng Thành phố



Tống Sơn Bảo

Lê Văn Năm

Ghi chú :

- Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về PCCC ghi trên văn bản số 96/PCCC ngày 4.5.94 của Phòng Cảnh sát PCCC (Công An TP).
- Trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư phải báo cho đơn vị chủ sử dụng đất được biết (đơn vị cho thuê đất).
- Công trình chỉ được phép khởi công xây dựng sau khi hồ sơ thiết kế được Sở Xây Dựng TP thẩm định.



KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG TP

Số: 766 /BBHC

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 3905 /GPXD ngày 21.7.94)

(Công trình : xưởng sản xuất - Cty Giấy Thiên Lộc TMM)

- Ngày kiểm tra: 04.1.1995
- Địa điểm kiểm tra: Lô 5 xã Tân Thời Hiệp, H. Hố Nai
- Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thanh Toàn
- Nội dung kiểm tra (quy hoạch, lộ giới, kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, kích thước công trình, ranh đất v.v...)

1. Công trình đã xây dựng xong, có 4 hạng mục, trong đó có 2 hạng mục (xưởng sản xuất và xưởng đồ-ráp) nằm ngoài ranh đất hợp pháp. Do đó không thể giải quyết hoàn thành công trình 2 hạng mục này, Chủ đầu tư phải hoàn tất thủ tục đất đai theo qui định đối với phần diện tích đất này mới xem xét giải quyết tiếp theo.
2. Cho phép hoàn thành công trình 2 hạng mục đã xây dựng nằm trong khuôn viên đất hợp pháp (có tăng diện tích so với GPXD).

(Xem tiếp mặt sau)

Chủ đầu tư

Cán bộ kiểm tra

Nguyễn Thanh Toàn

Trưởng phòng Quản lý Kiến trúc

SỞ XÂY DỰNG TP.HCM

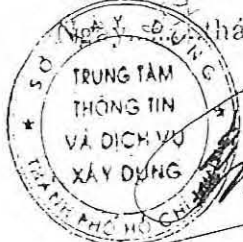
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 988 /SY-TT.DVXD

Ngày... tháng... năm 20...

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tống Sơn Báo

Ngày 17 tháng 6 năm 1995
Kiến trúc sư trưởng TP



Lê Văn Năm

- Hạng mục nhà kho nguyên liệu thành phẩm :

Trệt, khung BTCT, vì kèo thép, mái tôn, tường gạch.

DTXD : 41,00m x 78,27m = 3.209,07 m²

- Hạng mục nhà làm việc :

Trệt, khung BTCT, vì kèo thép, mái tôn, tường gạch.

DTXD : 17,00m x 32,00m = 3.753,07 m²

3. Việc vi phạm xây dựng đã được UBND huyện Hóc Môn xử lý theo QĐ số 242/QĐ-UB ngày 30.3.1995.
4. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về vị trí ranh đất đã xây dựng tường rào.

2

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (HỢP THỨC HÓA)

Số: 142 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH GIẤY THIÊN LỘC
Địa chỉ: Phường Hiệp Thành - Quận 12
Được phép xây dựng công trình: Xưởng gia công SX giấy thể thao xuất khẩu
theo thiết kế có ký hiệu: KT
do: Công ty Tư vấn xây dựng tổng hợp thiết lập.
Gồm các hạng mục dưới đây:

- 1) Xưởng sản xuất : trệt, khung BTCT, vữa kéo thép, mái tôn, tường gạch.
DTXD : 41,00m x 78,27m = 3.209,07 m²
- 2) Xưởng gò ráp : trệt, khung BTCT, vữa kéo thép, mái tôn, tường gạch.
DTXD : 24,00m x 108,54m = 2.604,96 m²
-
- Tổng cộng = 5.814,03 m²

Thửa 74, Tờ 5, Hiệp Thành - Quận 12 (giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A.829854 do UBND TP cấp ngày 21.3.1998).
tọa lạc tại : số đường 19 tháng 5
Phường, Xã Hiệp Thành Quận, Huyện 12

- Chủ đầu tư phải tôn trọng các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan đến công trình xây dựng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có tranh chấp.
- Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây :
 - Liên hệ với đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân lập thiết kế thi công đúng theo họa đồ kiến trúc đã được duyệt.
 - Việc thi công công trình phải do đơn vị có chức năng và tư cách pháp nhân thực hiện.
 - Báo VP KTS Trưởng TP kiểm tra phần xây dựng ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải,...) trước khi đặt nắp và xây dựng tiếp bên trên.
 - Xuất trình giấy phép cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, thi công tại cổng của công trình.
 - Nếu thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
- Đơn vị thiết kế và thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình.
- Khi xây dựng xong, chủ đầu tư phải báo cho VP KTS Trưởng TP lập biên bản kiểm tra công trình hoàn thành. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình hoàn thành mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu.
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn một năm kể từ ngày ký. Quá thời gian qui định, nếu cần xây dựng phải xin giấy phép gia hạn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 1998

KTS Trưởng Thành Phố LL-



[Handwritten signature]

KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG TP

Số: 924 /BBHC

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 142 /GPXD ngày 12.5.98)

- Ngày kiểm tra: 07.4.1998
- Địa điểm kiểm tra: (thửa 74-Tổ 5) đường 19-5 phường Hiệp Thành-Quận 12
- Cán bộ kiểm tra: Trần Đức Bình
- Nội dung kiểm tra (quy hoạch, lộ giới, kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, kích thước công trình, ranh đất, v.v...)

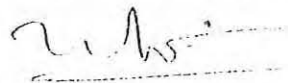
Công trình xây dựng không phép đã được UBND huyện Hóc Môn xử lý theo quyết định số 242/QĐ-UB ngày 30.3.1995.

DTXD công nhận:

- Xuống sản xuất: 3.209,07 m²
- Xuống gò rấp: 2.604,96 m²

Chủ đầu tư

Cán bộ kiểm tra



CPY TNHH Giày Thiên Lộc

KTS. Trần Đức Bình

KẾT LUẬN

- Chấp thuận công trình hoàn thành với các hạng mục xây dựng nêu trên. (đính kèm bản vẽ).

Ngày 12 tháng 5 năm 19 98

Kiến trúc sư trưởng TP. Hồ Chí Minh



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số :/GPXD

Xây dựng mới	X
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho : CÔNG TY TNHH GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ : Số nhà : ấp 5 Đường : 19/5
Phường (Xã) : Hiệp Thành Quận (Huyện) : Củ Chi

2. Được phép xây dựng công trình (loại công trình) : Xưởng sản xuất, nhà ăn

Theo thiết kế có ký hiệu : KT 1/2 ÷ 2/2

Do : Công ty Dịch vụ phát triển Đô thị lập

Gồm các hạng mục sau đây : a) Xưởng sản xuất : 1 tầng lầu, tường gạch, khung sàn BTCT, mái tôn.
(Xem tiếp mặt sau)

- Trên lô đất : 74 – Tờ thứ 5 Diện tích : 9.984m²
- Cao độ nền : + 0,3m cách mặt sân hiện hữu Chỉ giới xây dựng : Cách tim đường 247m
(xưởng sản xuất)

Tại (số nhà) : / Đường : 19/5
Phường (Xã) : Hiệp Thành Quận (Huyện) : Củ Chi
Tỉnh, Thành phố : Hồ Chí Minh

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2/1a QSDĐ/524/UB ngày 21/3/1998 do UBND Thành phố cấp.

4. Những điều cần lưu ý :

4.1. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

4.2. Cơ quan thiết kế và thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

4.3. Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây :

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư và xây dựng và Giấy phép xây dựng này .

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải ...).

- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

- Khi xây dựng xong, chủ đầu tư phải báo cho cơ quan cấp phép lập hồ sơ hoàn công, Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

4.4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký; quá thời hạn trên thì phải xin phép gia hạn.

4.5. Thời hạn hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày cấp Giấy phép xây dựng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2003

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TP. PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên.

- Lưu. 02



LÊ QUANG TRI

+ DTXD :

. Trệt, lầu 1 : $(26,9\text{m} \times 42\text{m} - 18\text{m} \times 1,5\text{m}) \times 2 = 2.205,6\text{m}^2$

b) Nhà ăn : 1 tầng lầu, tường gạch, khung sàn BTCT, mái tôn.

+ DTXD :

. Trệt, lầu 1 : $25\text{m} \times 20\text{m} \times 2 = 1.000,0\text{m}^2$

Cộng = 3205,6m²

Ghi chú :

- Chủ đầu tư cần chấp hành các quy định của Nhà nước về PCCC và vệ sinh môi trường.



GIẤY XÁC NHẬN

V/v hiệu đính nội dung Giấy phép xây dựng

- Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UB-QLĐT ngày 25/10/2000 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Giấy phép xây dựng số : 17/GPXD ngày 24/01/2003 của Sở Xây dựng về việc cấp phép xây dựng cho Công ty TNHH Giày Thiên Lộc

- Căn cứ Đơn xin hiệu chỉnh giấy phép xây dựng của Công ty TNHH Giày Thiên Lộc gửi đến ngày 05/02/2003 và các chứng thư kèm theo.

Qua đối chiếu hồ sơ lưu trữ, Sở Xây dựng TP.HCM xác nhận nội dung Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 24/01/2003 như sau :

- Nội dung địa điểm xây dựng trong Giấy phép :

Đường 19/5 Phường Hiệp Thành – Huyện Củ Chi

- Nội dung địa điểm xây dựng hiệu đính :

Đường 19/5 Phường Hiệp Thành – Quận 12

Giấy xác nhận này được lập thành 02 (hai) bản, cấp cho chủ đầu tư 01 (một) bản, lưu tại Sở Xây dựng TP.HCM 01 (một) bản và có giá trị pháp lý đính kèm Giấy phép xây dựng số 17/GPXD ngày 24/01/2003.

Nơi nhận :

- Như trên.

- Lưu HC, CPXD. *GH*

MS : 113/03/GPHĐ-13/02/03.

KT.GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TP
PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ QUANG TRUNG

Số: 3352 /GPXD-UBND

Quận 12, ngày 22 tháng 7 năm 2014.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TẠM

Xây dựng mới	X
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ liên hệ: 180 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12.

Được phép xây dựng tạm công trình: **nhà xe (phục vụ công trình văn phòng và nhà xưởng sản xuất giày thể thao); Cấp công trình: III.**

- Theo thiết kế có ký hiệu KT01/01 do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc lập ngày 01/06/2014.

- Đơn vị thẩm định, thẩm tra: Kết quả Thẩm tra thiết kế số 19/BCTT-2014 do Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế và Tư vấn Sài Gòn lập ngày 22/6/2014.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: **180 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12; thửa đất số 113, tờ bản đồ số 28 (Tài liệu năm 2003).**

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,2m so với nền đường hiện hữu.

+ Mật độ xây dựng: 44,96%, hệ số sử dụng đất: 0,61 (bao gồm cả công trình hiện hữu và công trình cải tạo nhà văn phòng).

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Vị trí công trình xây dựng tạm nằm trong ranh có quyền sử dụng đất sản xuất kinh doanh, thuộc quy hoạch đất giáo dục. Lộ giới đường Nguyễn Ảnh Thủ 30m, hành lang an toàn điện trung thế phía Đông Bắc 3m. Mặt tiền nhà xây dựng cách tim đường Nguyễn Ảnh Thủ theo quy hoạch 25,53m.

+ Diện tích xây dựng tầng trệt: **482,6m²**

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: **1930,4m²**

+ Chiều cao từng tầng: tầng trệt: 3,0m ; lầu 1,2: 3,0m; lầu 3: 2,5m.

+ Chiều cao toàn công trình: 13,3m; số tầng: 04

+ Kết cấu công trình: Móng BTCT, cột thép hình, tường tole, sàn đúc giả, mái tole.

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00332 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp ngày 13/04/2010.

- Các yêu cầu đối với chủ đầu tư phải thực hiện trong quá trình xây dựng; yêu cầu về an toàn đối với công trình và công trình lân cận: thực hiện theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chấp hành các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định Nhà nước.

2. Công trình được tồn tại đến: Thời hạn sử dụng tạm công trình đến ngày 31/12/2015 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00332 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp ngày 13/04/2010) hoặc khi cơ quan Nhà nước tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định.

Nhà xe

3. Chủ đầu tư phải tự dỡ bỏ công trình, không được đòi bồi thường phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời hạn ghi trong giấy phép được cấp.
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp.
5. Giấy phép này không liên quan đến việc công nhận hay không công nhận đối với các vật kiến trúc và tài sản hiện hữu trên đất.
6. Trước khi đưa công trình hoàn thiện vào sử dụng, chủ đầu tư phải liên hệ cơ quan Phòng cháy và Chữa cháy có thẩm quyền để nghiệm thu Phòng cháy Chữa cháy theo quy định.
7. Trường hợp công trình xây dựng tiếp giáp đường dây dẫn điện trên không thì trước khi khởi công xây dựng công trình, yêu cầu chủ đầu tư phải liên hệ Công ty Điện lực An Phú Đông để có thỏa thuận bằng văn bản về các biện pháp an toàn điện khi thi công công trình gần đường điện.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thanh tra Sở Xây dựng (địa bàn Quận 12) (bản sao);
 - UBND P. Hiệp Thành (bản sao);
 - Lưu VT.
- (MS:5128/2014 - Tuần)



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.
7. Chủ đầu tư chỉ được khởi công xây dựng công trình khi đã đáp ứng các điều kiện khởi công quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng.

GIẤY PHÉP SỬA CHỮA, CẢI TẠO CÔNG TRÌNH**1. Cấp cho : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC**

- Người đại diện: Nguyễn Thị Xuân Lang; Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ liên hệ: 180 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12;
Số điện thoại: (08) 37175423.

2. Hiện trạng công trình: Nhà Văn phòng có quy mô 1 trệt.

- Lô đất số: **113**, tờ bản đồ số **28** (Tài liệu năm 2003); Diện tích **11.544,60m²**.
- Tại: **180 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.**
- Loại công trình: **Nhà Văn phòng**; Cấp công trình: **III** (được quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 do Bộ Xây dựng ban hành).
- Diện tích xây dựng tầng 1: **510m²**.
- Tổng diện tích sàn: **510m²**.
- Chiều cao từng tầng: trệt: **5,0m**.
- Chiều cao công trình: **9,05m**; Số tầng: **01**.
- Kết cấu công trình: **Khung BTCT, vì kèo thép, mái tole, tường gạch** (theo Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 766/BBHC ngày 17/6/1995 do Kiến trúc sư Trưởng Thành phố lập).

3. Được phép sửa chữa, cải tạo với nội dung sau: Nâng thêm 1 tầng đối với công trình nhà Văn phòng hiện hữu theo Bản vẽ thiết kế ký hiệu KT01/01 do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc lập năm 2014.

- Loại công trình: **Nhà Văn phòng**; Cấp công trình: **III** (được quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 do Bộ Xây dựng ban hành).
- Diện tích nâng tầng: **510m²**.
- Tổng diện tích sàn sau khi nâng tầng: **1020m²**.
- Chiều cao từng tầng: trệt: **5,0m**; lầu: **3,4m**.
- Chiều cao công trình: **12,45m**; Số tầng: **02**.
- Kết cấu công trình: **Khung sàn BTCT, tường gạch, mái tole.**

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất và sở hữu công trình: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00332 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13/4/2010.**5. Các yêu cầu đối với chủ đầu tư phải thực hiện trong quá trình xây dựng; yêu cầu về an toàn đối với công trình và công trình lân cận: thực hiện theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.**

6. Thời hạn sử dụng công trình đến ngày 31/12/2015 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00332 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp ngày 13/04/2010) hoặc khi cơ quan Nhà nước tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định.

7. Được Sở Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy TPHCM thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy theo Giấy chứng nhận số 1241/TD-PCCC (P2) ngày 26/5/2014.

8. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

9. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung kết luận tại Kết quả thẩm tra thiết kế số 19/BCTT-2014 do Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế và Tư vấn Sài Gòn lập ngày 02/6/2014 (Trang 3) trước khi xây dựng.

10. Chủ đầu tư và đơn vị thi công tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công và đưa vào sử dụng đối với công trình cải tạo nâng tầng.

11. Giấy phép này không liên quan đến việc công nhận hay không công nhận đối với các vật kiến trúc và tài sản hiện hữu trên đất.

12. Trước khi đưa công trình hoàn thiện vào sử dụng, chủ đầu tư phải liên hệ cơ quan Phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền để nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thanh tra Sở Xây dựng (địa bàn Quận 12) (bản sao);
 - UBND P. Hiệp Thành (bản sao);
 - Lưu VT.
- (MS: 4373/14 – Tuấn)


Nguyễn Tương Minh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi khởi công xây dựng.
4. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Số: 1262/QĐ-TNMT-QLMT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31/12/2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của
Công ty TNHH giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ,
phường Hiệp Thành, quận 12

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/09/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;
- Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình ngày 31/12/2009 của Công ty TNHH giày Thiên Lộc;
- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Môi trường, **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

QUYẾT ĐỊNH ngày tháng năm 201.....

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH giày Thiên Lộc tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

- Công ty TNHH giày Thiên Lộc hiện đang hoạt động sản xuất giày các loại với công suất 3.000.000 đôi/năm trên mặt bằng rộng 9.984 m² tại địa điểm trên.
- Quy trình sản xuất: nguyên liệu (vải, da, cao su) → chắt và gia công → sản xuất đế giày và may mũ giày → vận chuyển → gò ráp nối mũ và đế giày → thành phẩm → đóng gói.

Điều 2. Công ty TNHH giày Thiên Lộc có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:



PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thanh Hiệp

2.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Công ty được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 24:2009/BTNMT, cột B;
- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phát sinh từ quá trình phun sơn và dán keo đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT;
- Thực hiện các giải pháp để giảm thiểu bụi, ồn, rung phát sinh từ quá trình sản xuất, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng quy định. Thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Tuân thủ các quy định hiện hành đối với việc khoan, khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng không còn sử dụng.

2.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo qui định; báo cáo kết quả giám sát môi trường bằng văn bản định kỳ 06 tháng/lần gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 12.

2.3. Công ty TNHH giày Thiên Lộc có trách nhiệm hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Nếu không thực hiện, Công ty TNHH giày Thiên Lộc sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

2.4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty TNHH giày Thiên Lộc phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH giày Thiên Lộc và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH giày Thiên Lộc.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Phòng Quản lý môi trường, Phòng Quản lý chất thải rắn, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và khoáng sản, Chi cục bảo vệ môi trường; Giám đốc Công ty TNHH giày Thiên Lộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND Q.12, P. TNMT Q.12;
- UBND P. Hiệp Thành, Q.12;
- Lưu VT, QLMT (Thu.9).



GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH

việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của
“Nhà máy giày Thiên Lộc – Công ty Cổ phần giày Thiên Lộc”
tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 07 năm 2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 04/2012/QĐ-UBND về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 171/2013/CV-TL ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần giày Thiên Lộc về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Nhà máy giày Thiên Lộc – Công ty Cổ phần Thiên Lộc” tại địa chỉ 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường do Chi cục Bảo vệ môi trường lập ngày 28 tháng 02 năm 2013 tại Nhà máy giày Thiên Lộc – Công ty Cổ phần Thiên Lộc theo Quyết định số 191/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty Cổ phần Thiên Lộc đã hoàn thành đầy đủ các nội dung yêu cầu của Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT ngày 31/12/2009 về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH giày Thiên Lộc tại địa chỉ số 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

Điều 2. Công ty Cổ phần giày Thiên Lộc có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

- 2.1. Việc vận hành công trình trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành;
- 2.2. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ;
- 2.3. Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Lập nhật ký theo dõi vận hành đối với các công trình xử lý chất thải, bao gồm các thông số: chi phí điện năng, hóa chất, vật tư và những biến động bất thường xảy ra, xuất trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi có yêu cầu;
- 2.4. Phân loại và lưu trữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;
- 2.5. Thực hiện nghiêm túc chương trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo đúng quy định;
- 2.6. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần giày Thiên Lộc;
- Giám đốc Sở;
- UBND/P.TNMT Q.12;
- Lưu VT, CCT, KSON (Khoa 5).



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 7 năm 2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc ngày 08 tháng 03 năm 2017 và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biển đảo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc, địa chỉ tại số 108 Nguyễn Anh Thủ, khu phố 2, phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301454896 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Công thoát nước Thành phố đoạn qua phường Hiệp Thành, quận 12, sau đó chảy vào Kênh Trần Quang Cơ.

2. Vị trí xả nước thải: số 108 đường Nguyễn Anh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

Tọa độ vị trí xả thải (VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°):

X (m): 596.974; Y (m): 1.203.155.

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả trực tiếp.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm; 5 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số K_q = 1,0, K_r = 1,1.

7. Thời hạn của giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải xả ra hàng ngày, hàng tháng theo chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước thải; quan trắc định kỳ theo tần suất 06 tháng/lần chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của công ty và nước thải sau xử lý tại vị trí trước khi xả vào hệ thống thoát nước của Thành phố, với các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 1,0$, $K_f = 1,1$.

4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; vận hành việc xả thải hợp lý, phù hợp với điều kiện thủy văn khu vực, bảo đảm việc xả thải không gây ngập úng, ảnh hưởng đến tình trạng thoát nước chung của khu vực; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép, cơ quan chức năng ở địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận; các nghĩa vụ về tài chính liên quan theo quy định tại Điều 2 của Giấy phép này.

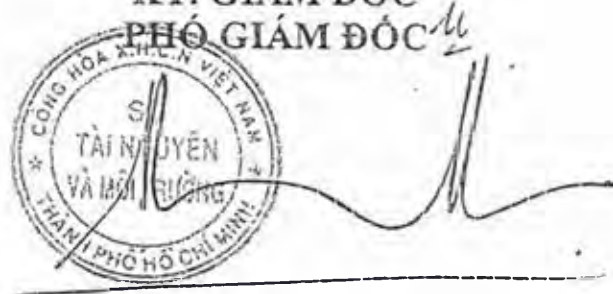
Điều 3. Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH12 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cty CP Giày Thiên Lộc; ✓
 - Phòng TN-MT quận 12;
 - Cục quản lý Tài nguyên nước;
 - Lưu VT, TNNKS.
- ĐT: Ngọc (05).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *u*



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

26-02-2013

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH 79.001462.T
(Cấp lần 02)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THIÊN LỘC**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 37175423 Fax: 37175424

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301454896 Ngày: 18/8/2011

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sở đăng ký có mã số QLCTNH: 79.001462.T cấp lần 01 ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Nơi nhận:

- Cty CP Giấy Thiên Lộc;
- Lưu VT; P.QLCTR (2b);
- Dự thảo: Tùng.



Nguyễn Văn Phước

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.001462.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 02, ngày 26-02-2013)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: NHÀ MÁY GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ cơ sở: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 37175423 Fax: 37175424

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301454896 Ngày: 18/8/2011

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM

Loại hình hoạt động: Gia công giày xuất khẩu

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Nước thải từ hệ thống phun sơn	Lỏng	440	08 01 04
2	Nước thải rửa bản in lụa	Lỏng	2400	19 10 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	60	16 01 06
4	Pin, ác quy, chì thải	Rắn	12	16 01 12
5	Dầu bôi trơn thải từ quá trình bảo trì máy móc thiết bị	Lỏng	240	17 02 03
6	Giẻ lau, bao tay dính sơn, keo và dầu	Rắn	240	18 02 01
7	Bao bì chứa sơn, keo và dầu thải	Rắn	240	18 01 01
Tổng số lượng			3632	

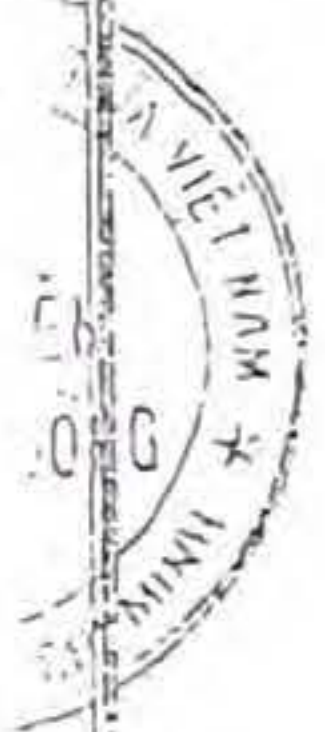
3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Rác sinh hoạt	Rắn	30000
2	Đế giày, ria giày	Rắn	6000
Tổng số lượng			36000

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở: (không có)

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.001462.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 02 ngày 26 tháng 02 năm 2013...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH
CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG NGẬP NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 378/TTCN-QLTN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2013

V/v xác nhận đấu nối cống thoát nước Công ty
Cổ phần Giày Thiên Lộc tại số 108 Nguyễn
Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12

Kính gửi: Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc

Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước (Trung tâm Chống ngập) nhận được văn bản số 36/CV ngày 29/3/2013 của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc về việc thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát nước từ công trình tại số 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra hiện trường, Trung tâm Chống ngập có ý kiến như sau:

1. Thống nhất việc đấu nối thoát nước từ Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc vào hệ thống thoát nước của thành phố theo hiện trạng thể hiện tại bản vẽ đính kèm, cụ thể như sau:

- Địa chỉ đấu nối: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

- Vị trí hầm ga đấu nối: Trước số 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12.

- Chùng loại, kích thước cống: cống BTCT, đường kính D300.

- Nguồn tiếp nhận: Kênh Trần Quang Cơ.

2. Trong quá trình hoạt động, nếu đề xảy ra tình trạng ngập nghẹt tại vị trí đấu nối thoát nước, Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc phải có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo kết quả cho cơ quan chức năng.

3. Nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố phải đạt tiêu chuẩn môi trường theo Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trung tâm Chống ngập chuyển đến Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc nội dung ý kiến nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD TT (để b/c);
- Lưu: VP, QLTN (Bích 05).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Ngọc Công

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

- Căn cứ vào hợp đồng số 1709/2020/HL-TL, ký ngày 17/09/2020 về việc "Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất: 120 m³/ngày.đêm".
- Căn cứ vào tiến độ thực hiện công việc.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

- Đại diện: Ông Vũ Thanh Bình
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- MST: 0301454896

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG HOÀNG LONG

- Đại diện: Ông Phú Trần Liêm
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.6250.9967
- Tài khoản: 242.795.359 tại Ngân hàng ACB - PGD Lê Văn Khương
- MST: 0306363924

Sau khi trao đổi hai bên cùng thỏa thuận ký kết biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

1.1. Khối lượng công trình hoàn thành:

Bên B đã hoàn thành khối lượng các hạng mục Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất: 120 m³/ngày.đêm, chi tiết thể hiện tại phụ lục của Biên bản này.

1.2. Chất lượng công trình hoàn thành:

- Danh mục thiết bị đảm bảo mới 100% theo đúng thông số kỹ thuật, được Công ty kiểm tra theo hợp đồng số 1709/2020/HL-TL, ký ngày 05/12/2020 về việc "Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất: 120 m³/ngày.đêm".

ĐIỀU 2: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

2.1 Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Danh mục thiết bị chi tiết tại hợp đồng số 1709/2020/HL-TL, ký ngày 05/12/2020 về việc “Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất: 120 m³/ngày.đêm”.

2.2 Về chất lượng công trình đã hoàn thành:

- Thi công lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật và theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Chất lượng các thiết bị, máy móc sử dụng đúng theo Hợp đồng đã được ký kết.
- Vị trí lắp đặt thiết bị phù hợp với yêu cầu và mỹ quan của Chủ đầu tư.
- Chất lượng nước thải sau xử lý ngày 21/03/2022 do Thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường Tp. HCM lấy mẫu, đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường theo Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,0; cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,0 (*)	Đánh giá
1	pH, ở 25°C	-	5,63	5 - 9	Đạt
2	Độ màu thực, ở pH=7	Pt-Co	8	-	-
3	TSS	mg/l	45	100	Đạt
4	COD	mgO ₂ /l	50	-	-
5	BOD ₅	mgO ₂ /l	16	50	Đạt
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	5,6	10	Đạt
7	Tổng Nitơ	mg/l	25,8	-	-
8	Tổng Photpho	mg/l	1,15	-	-
9	Clo dư	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	-	-

Ghi chú: (*) “-”: Tiêu chuẩn không quy định.

- Chất lượng nước thải sau xử lý ngày 21/03/2022 do Thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường Tp. HCM lấy mẫu, đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường theo Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q = 0,9, K_f = 1,2; cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K _q = 0,9, K _f = 1,2	Đánh giá
1	pH, ở 25°C	-	5,63	5 - 9	Đạt
2	Độ màu thực, ở pH=7	Pt-Co	8	150	Đạt
3	TSS	mg/l	45	108	Đạt
4	COD	mgO ₂ /l	50	162	Đạt
5	BOD ₅	mgO ₂ /l	16	54	Đạt
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	5,6	10,8	Đạt
7	Tổng Nitơ	mg/l	25,8	43,2	Đạt
8	Tổng Photpho	mg/l	1,15	6,48	Đạt
9	Clo dư	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2,16	Đạt

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

- Tính từ thời điểm Biên bản này được ký kết, tất cả các thiết bị lắp đặt mới theo Hợp đồng của hệ thống xử lý nước thải trên sẽ được bảo hành trong thời hạn 01 năm. Trong thời gian bảo hành, mọi sự cố hư hỏng về thiết bị, công nghệ mang tính khách quan (không phải do người vận hành) sẽ được sửa chữa miễn phí.

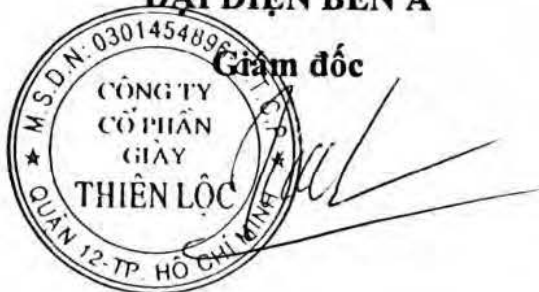
- Nếu những hư hỏng, sự cố phát sinh do người vận hành thao tác không đúng kỹ thuật thì hai bên sẽ làm việc lại nhằm thống nhất trách nhiệm và chi phí thực hiện việc sửa chữa, khắc phục sự cố.

ĐIỀU 4: KẾT LUẬN

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng số 1709/2020/HL-TL, ký ngày 05/12/2020 về việc “Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất: 120 m³/ngày.đêm”.

- Biên bản này bao gồm 04 (không bốn) trang, được lập thành 04 (không bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (không hai) bản có giá trị pháp lý như nhau để theo dõi thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



VŨ THANH BÌNH

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÚ TRẦN LIÊM

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: C2/CV-STNMT

V/v: thông báo kế hoạch cải tạo hệ thống xử lý

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2021

~~nước thải, công suất~~ 120 m³/ngày.đêm.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:.....4714.

ĐẾN Ngày:.....

Chuyển: 2.5.01.2021

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HCM

Chúng tôi là: Công ty cổ phần giày Thiên Lộc.

- Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Nhằm đảm bảo việc xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty theo đúng quy mô hoạt động hiện nay, Chúng tôi tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế: 120 m³/ngày.

Chúng tôi gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tp. HCM các hồ sơ sau:

- Một (01) Công văn thông báo về kế hoạch cải tạo hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.
- Một (01) Phụ lục Thuyết minh hệ thống xử lý đính kèm theo công văn này.

Chúng tôi cam kết những điều đã được giải trình trong hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật. Chúng tôi xin cam kết bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Nếu có gì sai phạm thì chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trân trọng kính chào !



Vũ Chanh Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CV-STNMT

V/v: thông báo kế hoạch cải tạo hệ thống xử lý
nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 11 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỐ: 43908

ĐẾN Ngày: 11/11/2020

Kính gửi: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HCM

Chuyển:.....Chúng tôi là: Công ty cổ phần giày Thiên Lộc.

Số và ký hiệu HS:.....Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu Phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp.
Hồ Chí Minh.

Nhằm đảm bảo việc xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty theo đúng quy mô hoạt động hiện nay, Chúng tôi tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế: 120 m³/ngày.

Chúng tôi gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tp. HCM các hồ sơ sau:

- Một (01) Công văn thông báo về kế hoạch cải tạo hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.
- Một (01) Phụ lục Thuyết minh hệ thống xử lý đính kèm theo công văn này.

Chúng tôi cam kết những điều đã được giải trình trong hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật. Chúng tôi xin cam kết bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Nếu có gì sai phạm thì chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trân trọng kính chào !

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC



Vũ Chanh Bình

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 0110/2021/HD-TL

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014.
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2021, chúng tôi gồm có

BÊN A (BÊN CUNG CẤP):

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ: 108 khu phố 2, P. Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 7175423

Đại diện: Ông. Vũ Thanh Bình

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B (BÊN THU GOM):

CÔNG TY TNHH TM-DV HUY TRẦN GIA

Địa chỉ: Số 21, Đường D1, Kp Đông Chiêu, P. Tân Đông Hiệp, TX. Dĩ An, T. Bình Dương.

Điện thoại: 0988 650 812

MST: 3702533276

Email: tkhuy.tk@gmail.com

Đại diện: Ông Trần Khắc Huy

Chức vụ: Giám đốc

STK: 0461 000550291 ngân hàng VCB chi nhánh Sóng Thần, Bình Dương.

Điều 1: Tên hàng, số lượng, đơn giá

Sau khi bàn bạc hai bên cùng thống nhất mua bán các loại phế liệu và thu gom rác công nghiệp không nguy hại như sau:

STT	TÊN HÀNG	ĐƠN GIÁ (VND)	GHI CHÚ
1	Rác công nghiệp không nguy hại	4.000.000/tháng	Bên B phải thanh toán cho bên A vào ngày 14 hàng tháng
2	Các loại khác	-	Theo thỏa thuận từng thời điểm

- Các loại rác được thu gom bao gồm: thùng carton, giấy, nhựa, da, giả da, phụ liệu, gỗ, rác sinh hoạt, rác cây xanh ..
- Rác được thu gom và đem đi xử lý trong ngày đúng hướng dẫn về môi trường.
- Các mặt hàng phế liệu thanh lý sẽ được thỏa thuận và báo giá cụ thể theo từng thời điểm.

Điều 2: Trách nhiệm của bên A

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B vào thu gom rác nhanh gọn, sạch sẽ đúng quy định hàng ngày từ 7h20 đến 16h00 từ thứ 2 đến thứ 7 (riêng chủ nhật và ngày lễ thì gom theo yêu cầu của công ty).
- Cử nhân viên hướng dẫn và làm việc với bên B xử lý các vấn đề cần thiết.
- Không được bán các mặt hàng mà bên B đang mua cho đơn vị khác.

Điều 3: Trách nhiệm của bên B

- Chấp hành sự hướng dẫn của bên A khi vào mua hàng.
- Dọn sạch các loại rác tại nhà rác như được mô tả trong bảng của Điều 1.
- Trong quá trình thu gom rác nếu phát hiện còn vật tư, hàng hóa, đồ dùng, dụng cụ của bên A còn sử dụng được thì phải có trách nhiệm giao trả lại cho bên A.
- Thanh toán cho bên A 4,000,000 đồng/tháng, nộp vào ngày 14 hàng tháng.
- Nếu bên B không quản lý được công nhân của mình để xảy ra tình trạng ăn cắp vật tư, thành phẩm, đồ dùng của bên A, bên A sẽ lập biên bản yêu cầu bồi thường gấp 5 lần và tiến hành hủy hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm bảo quản thiết bị chữa cháy, đảm bảo an toàn cháy nổ tại nhà rác. Nếu để xảy ra cháy nổ thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Bên B phải có giấy phép hành nghề về thu gom, xử lý rác, phế liệu. Khi ra khỏi phạm vi công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước.
- Bên B phải tuân thủ quy định ra vào cổng và các quy định khác của bên A, chấp hành lệnh kiểm tra của bảo vệ công ty hoặc người phụ trách. Đồng thời chịu trách nhiệm khu vực nhà rác: sạch sẽ, sắp xếp, phân loại rác để đúng khu vực quy định.
- Khi có thay đổi hai bên phải thông báo cho nhau trước 1 tháng.
- Khi bên B vi phạm một trong các điều trên, bên A có quyền chấm dứt hợp đồng ngay mà không cần tuân theo thời gian báo trước.

Điều 4: Điều kiện và phương thức thanh toán

- Bên B đóng tiền thế chân là 30,000,000 đồng. Mỗi tháng đóng thêm 4,000,000 d, nộp một lần trước khi thu gom rác kể từ ngày 02/10/2021/
- Đơn giá thu mua phế liệu đã bao gồm 10% thuế VAT.

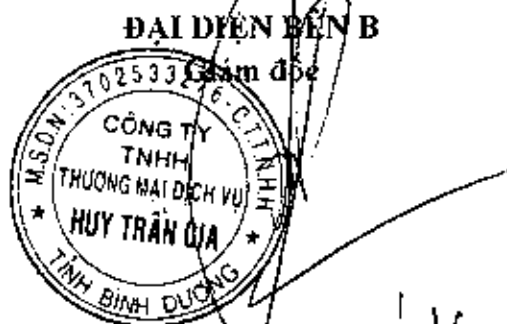
Điều 5: Điều khoản chung

Hai bên cùng thực hiện hợp đồng trên cơ sở hợp tác thiện chí và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật liên quan.

- Nếu bên nào vi phạm hợp đồng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Hợp đồng này được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản có giá trị như nhau.



Vũ Chánh Bình



Trần Khắc Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 03-02/2023/HĐTL-TL

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty CP giày Thiên Lộc.
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 02 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ : 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 37175423 Fax: 028 37175424

Mã số thuế : 0301454896

Đại diện : Ông **VŨ THANH BÌNH** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Địa chỉ: 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tài khoản : 200014851037950. Ngân Hàng Eximbank – CN Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0283.8603072 Fax : 0283.9745075

Mã số thuế : 0301761350

Đại diện : Ông **TĂNG TƯ THẾ** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

1.1. Định kỳ thu gom: 04 lần/tháng, vào ngày thứ 7 hàng tuần.

1.2. Địa điểm thu gom: 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.

1.3. Địa chỉ nhà máy xử lý: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM - Xử lý Môi trường Thành Lập, tại: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố HCM.

1.4. Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2. Đơn giá xử lý

STT	TÊN CHẤT THẢI	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)
CHI PHÍ XỬ LÝ CTNH (01 tháng) bao gồm:			
01	Chi phí xử lý chất thải nguy hại	Tháng	30.000.000
02	Chi phí vận chuyển	Tháng	1.200.000

- Nếu tổng số lượng rác thải phát sinh trong (01 tháng) vượt quá 4.000kg/tháng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá xử lý rác thải. Lượng rác vượt trên 4.000kg/tháng sẽ được tính thêm với đơn giá là 5,000 đ/kg trên khối lượng rác vượt.

Bảng 1. Danh mục chất thải.

STT	Mã CTNH	Loại chất thải	Trạng thái	Ghi chú
1	08 01 04	Nước thải từ hệ thống phun sơn	Lỏng	Các loại chất thải được lưu chứa trong bao bì kín theo từng chủng loại riêng biệt
2	19 10 01	Nước thải rửa bàn in lụa	Lỏng	
3	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	
4	16 01 12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	
5	17 0 03	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	
6	18 02 01	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	
7	18 01 01	Bao bì chứa sơn, keo và dầu	Rắn	

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý đã bao gồm thuế VAT 10%.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Sau mỗi tháng thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải.
- 3.2 Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng hình thức tiền mặt. Thời gian thanh toán chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn phát hành.

Ghi chú:

- *Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;*
- *Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.*

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Toàn bộ chất thải cả Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Bên A.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại (Chậm nhất là 30 ngày kể từ khi Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH cho Bên A).
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ

350-C
G TY
HH
NG MẠI
ĐI TRƯỞ
H LÃI
HỒ CH

54896
G TY
I AN
Y
LỘC
HỒ CH

thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.

- Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.
- Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....
- Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký đến hết ngày 03/02/2024 và tự thanh lý.
- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẢI)
CÔNG TY CỔ PHẦN
GIẤY THIÊN LỘC
HỒ CHÍ MINH
VŨ THANH BÌNH

ĐẠI DIỆN BÊN B
LƯU VẬN CHUYÊN XỬ LÝ)
Giám Đốc
CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI -
XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
THÀNH LẬP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TĂNG TƯ THÈ

Số: **58** /QĐ-XPHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHÁNH THANH TRA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 61/BB-VPHC lập ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ánh Thủ, khu phố 2, phường Hiệp Thành, Quận 12.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0301454896 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 26 tháng 01 năm 2016.

Người đại diện theo pháp luật: Vũ Thanh Bình – Giới tính: Nam
Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “*Thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường*”, cụ thể: nước thải rửa tay của công nhân từ khu nhà vệ sinh chưa được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu tại Khoản 2.1 Điều 2 Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc.

Quy định tại: Điểm đ, Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 8



Điều 1 Nghị định 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)

- Tình tiết tăng nặng: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Không.

* Bị áp dụng hình thức xử phạt chính, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền **70.000.000 đồng** (Bảy mươi triệu đồng).

- Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của Đề án Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1262/QĐ-TNMT-QLMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường (thu gom triệt để nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty đưa về hệ thống xử lý nước thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường).

3. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định” (thùng chứa hóa chất, dung môi từ quá trình sản xuất mà không còn sử dụng còn để ngoài trời, không bố trí vào kho lưu giữ chất thải nguy hại).

Quy định tại: Điểm b, Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)

- Tình tiết tăng nặng: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Không.

* Bị áp dụng hình thức xử phạt chính, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

- Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Tổng mức tiền phạt: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Vũ Thanh Bình – Giám đốc, là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc để chấp hành.

Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a. Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc phải nộp số tiền phạt vào tài khoản số 7111.1046142 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (Mã chương: 426, Mục thu tiền phạt: 4261, nội dung: nộp tiền phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý thu: Sở Tài chính) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, tại một trong các Ngân hàng sau (Tài khoản chuyên thu của Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh):

- 0071009999979 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- 13010006710906 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sở Giao dịch 2.

- 121000797979 tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- 1600203000010 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Sài Gòn.

- 1031208797979 tại Ngân hàng MB Chi nhánh Sở Giao dịch 2.

Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc phải nộp biên lai hoặc ủy nhiệm chi cho Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tại số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.

b. Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 để phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PGĐ Nguyễn Thị Thanh Mỹ;
- CCBVMT;
- P.TNMT Q12;
- Lưu: VT, TTS
- DT: Thanh.6b

CHÁNH THANH TRA



Đặng Tuấn Khoa

Quyết định đã giao trực tiếp cho ông (bà) Nguyễn Thanh Vũ.....

- Đại diện Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc vào hồi 09 giờ 15., ngày 16/05/2022.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH



Ng^à Thanh Vũ



ỦY NHIỆM CHI

Lập ngày: 26/05/22

Số 1111.037.04
LIÊN 2
PHẦN ĐÓ NH

Tên đơn vị trả tiền: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC**
Số tài khoản: **060005974375**
Tại ngân hàng: **Sacombank - CN Gò Vấp, TP HCM**

GHI
TÀI KHOẢN NỢ
060005974375

Tên đơn vị nhận tiền: **SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số tài khoản: **7111.1046142**
Tại ngân hàng: **Kho bạc Nhà Nước TP. HCM**

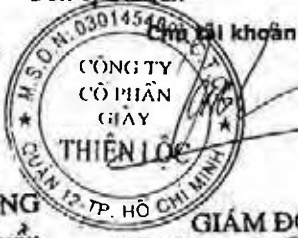
TÀI KHOẢN CÓ
VND 1147300200001

Số tiền bằng chữ: *Một trăm triệu đồng chẵn.*

Số tiền bằng số
100,000,000 VND

Nội dung thanh toán: **Công ty CP Giày Thiên Lộc (MST: 0301454896) Nộp tiền phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý thu: Sở tài chính theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC ngày 10/05/2022 của Sở Tài nguyên Môi trường TP HCM. (Mã chương: 426, Mục thu tiền phạt: 4261).**

Đơn vị trả tiền
Kế toán



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vân Chi Đan Chuẩn

GIÁM ĐỐC
Vũ Chanh Bình

Sacombank:
Ghi số ngày: 26/05/22
Kế toán

.....
.....
.....



Trần Văn Trung

Ngân Hàng B

Ghi số ngày:
Kế toán Trưởng phòng KT

TỈNH/THÀNH PHỐ
TP.HCM

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 02GTL/2023/3-4-5-6.021.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP**
Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.021.VX

Địa chỉ văn phòng: 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ sở: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bầu Trâm, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP.HCM DT: (028) 38603072

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THIÊN LỘC** Mã số QLCTNH: 79.001462.T

Địa chỉ văn phòng: 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh DT: 028 37175423

Địa chỉ cơ sở: 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh DT: 028 37175423

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải rửa bản in lụa.		x		19 10 01	3.996	HTXLNT-TD-HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải.	x			16 01 06	24	Nghiên-HR
3	Pin, acquy chì thải.	x			16 01 12	23	TH-Súc rửa-TC
4	Dầu bôi trơn thải từ quá trình bảo trì máy móc thiết bị.		x		17 02 03	25	TD-HR
5	Giẻ lau, bao tay dính sơn, keo, dầu thải.	x			18 02 01	2.394	TD - HR
6	Bao bì chứa sơn, keo và dầu thải.	x			18 01 01	825	TD - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

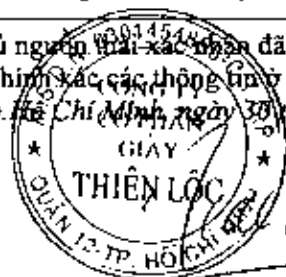
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 51C-842.89

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lê Thị Lương Ký:

Ngày: 30/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Vũ Chanh Bình
(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý và chuyển giao toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày 04 tháng 01 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Cương Cư Chế
(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1☐- 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
TP.HCM

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01GTL/2023/3-4-5-6.021.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.021.VX

Địa chỉ văn phòng: 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ sở: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trâm, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP.HCM

ĐT: (028) 38603072

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :

Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Mã số QLCTNH: 79.001462.T

Địa chỉ văn phòng: 108 Nguyễn Anh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028 37175423

Địa chỉ cơ sở: 108 Nguyễn Anh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028 37175423

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải rửa bàn in lụa.		x		19 10 01	3.951	HTXLNT-TD-HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải.	x			16 01 06	20	Nghiên-HR
3	Pin, acquy chì thải.	x			16 01 12	10	TH-Súc rửa-TC
4	Dầu bôi trơn thải từ quá trình bảo trì máy móc thiết bị.		x		17 02 03	31	TD-HR
5	Giẻ lau, bao lay dính sơn, keo, dầu thải.	x			18 02 01	2.373	TĐ - HR
6	Bao bì chứa sơn, keo và dầu thải.	x			18 01 01	814	TD - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không)

Nước nhập khẩu: (không)

Cửa khẩu nhập: (không)

Số hiệu phương tiện: (không)

Ngày xuất cảng: (không)

Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: SIC-842.89

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lê Thị Lượng Ký:
Ngày: 30/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Bình

(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

M. ngày 08 tháng 7 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Cương Cư Chố

(Chữ ký, đóng dấu)

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA

Ký hiệu: 1K24TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Số: 00191827

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 1 (05/12/2023 - 08/01/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2203 327 7945

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0001

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 39750

CHỈ SỐ CŨ: 38537

TIÊU THỤ (m³): 1213

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	963	12.100			0	
	250	12.100	14.677.300	733.865	0	0
Dịch vụ thoát nước	963		Tổng số tiền thanh toán:			15.411.165
	250		Số tiền bằng chữ:			
			Mười lăm triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA

Ký hiệu: 1K24TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Số: 00191828

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 1 (05/12/2023 - 08/01/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2203 327 9053

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0025

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 26990

CHỈ SỐ CŨ: 26103

TIÊU THỤ (m³): 887

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	704	12.100			0	
	183	12.100	10.732.700	536.635	0	0
Dịch vụ thoát nước	704		Tổng số tiền thanh toán:			11.269.335
	183		Số tiền bằng chữ:			
			Mười một triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

Số: 00762876

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 2 (08/01/2024 - 03/02/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2203 327 9053

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0025

MGB: 32

DMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 27822

CHỈ SỐ CŨ: 26990

TIÊU THỤ (m3): 832

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	832	12.100	10.067.200	503.360		0
Dịch vụ thoát nước	832		Tổng số tiền thanh toán:		10.570.560	
			Số tiền bằng chữ:		Mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

Số: 00762875

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 2 (08/01/2024 - 03/02/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2203 327 7945

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0001

MGB: 32

DMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 40894

CHỈ SỐ CŨ: 39750

TIÊU THỤ (m3): 944

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	944	12.100	11.422.400	571.120		0
Dịch vụ thoát nước	944		Tổng số tiền thanh toán:		11.993.520	
			Số tiền bằng chữ:		Mười một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYEN ANH THU, PHUONG HIEP THANH, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT
Số: 01361278

DIỆN THOẠI: (028) 3828 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 3 (01/02/2024 - 07/03/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THANH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

SDB: 2203 127 9053

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0025

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 28633

CHỈ SỐ CŨ: 27822

TIÊU THỤ (m³): 811

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	811	12.100	9.813.100	490.655		0
Dịch vụ thoát nước	811		Tổng số tiền thanh toán:		10.303.755	
			Số tiền bằng chữ:		Mười triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THANH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT
Số: 01361278

DIỆN THOẠI: (028) 3828 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 3 (01/02/2024 - 07/03/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THANH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

SDB: 2203 127 7845

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHD:

MLT: TA25.2203.0001

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 41585

CHỈ SỐ CŨ: 40894

TIÊU THỤ (m³): 891

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	891	12.100	10.781.100	539.055		0
Dịch vụ thoát nước	891		Tổng số tiền thanh toán:		11.320.155	
			Số tiền bằng chữ:		Mười một triệu ba trăm hai mươi nghìn một trăm năm mươi lăm đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THANH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 02035523

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

THÁNG: 4 (07/03/2024 - 06/04/2024)

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

Địa chỉ: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

SDB: 2203 327 7945

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHĐ:

MLT: TA23.2203.0001

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 43014

CHỈ SỐ CŨ: 41585

TIÊU THỤ (m³): 1429

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền (1)	Thuế GTGT (5%) (2)	Thành tiền (3)	Thuế GTGT (10%) (4)
	1.429	12.100	17.290.900	864.545		0
Dịch vụ thoát nước	1.429		Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng.		18.155.445	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 02035524

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

THÁNG: 4 (07/03/2024 - 06/04/2024)

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAY THIÊN LỘC

Địa chỉ: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

SDB: 2203 327 9053

MÃ SỐ THUẾ: 0301454896

SHĐ:

MLT: TA25.2203.0025

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 29561

CHỈ SỐ CŨ: 28633

TIÊU THỤ (m³): 928

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền (1)	Thuế GTGT (5%) (2)	Thành tiền (3)	Thuế GTGT (10%) (4)
	928	12.100	11.228.800	561.440		0
Dịch vụ thoát nước	928		Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm chín mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng.		11.790.240	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 108 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯƠNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 03-02/2024/HDTL-TL

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty CP giày Thiên Lộc.
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 02 năm 2024, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ : 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 37175423 Fax: 028 37175424

Mã số thuế : 0301454896

Đại diện : Ông **VŨ THANH BÌNH** Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Địa chỉ: 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tài khoản : 200014851037950. Ngân Hàng Eximbank – CN Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0283.8603072 Fax : 0283.9745075

Mã số thuế : 0301761350

Đại diện : Ông **TĂNG TƯ THỆ** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

- 1.1. **Định kỳ thu gom:** 04 lần/tháng, vào ngày thứ 7 hàng tuần.
- 1.2. **Địa điểm thu gom:** 108 Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. **Địa chỉ nhà máy xử lý:** Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM - Xử lý Môi trường Thành Lập, tại: Lô 147 Tò 3 Ấp Bàu Trán, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố HCM.
- 1.4. **Thời hạn hợp đồng:** 01 (một) năm kể từ ngày ký.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2. Đơn giá xử lý

STT	TÊN CHẤT THẢI	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)
CHI PHÍ XỬ LÝ CTNH (01 tháng) bao gồm:			
01	Chi phí xử lý chất thải nguy hại	Tháng	30.000.000
02	Chi phí vận chuyển	Tháng	1.200.000

- Nếu tổng số lượng rác thải phát sinh trong (01 tháng) vượt quá 4.000kg/tháng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá xử lý rác thải. Lượng rác vượt trên 4.000kg/tháng sẽ được tính thêm với đơn giá là 5,000 đ/kg trên khối lượng rác vượt.

Bảng 1. Danh mục chất thải.

STT	Mã CTNH	Loại chất thải	Trạng thái	Ghi chú
1	08 01 04	Nước thải từ hệ thống phun sơn	Lỏng	Các loại chất thải được lưu
2	19 10 01	Nước thải rửa bản in lụa	Lỏng	

STT	Mã CTNH	Loại chất thải	Trạng thái	Ghi chú
3	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	chứa trong bao
4	16 01 12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	bì kín
5	17 0 03	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	theo từng thùng
6	18 02 01	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	loại riêng biệt
7	18 01 01	Bao bì chứa sơn, keo và dầu	Rắn	

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý đã bao gồm thuế VAT.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Sau mỗi tháng thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải.
- 3.2 Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng hình thức tiền mặt. Thời gian thanh toán chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn phát hành.

Ghi chú:

- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Toàn bộ chất thải cả Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Bên A.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại (Chậm nhất là 30 ngày kể từ khi Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH cho Bên A).
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.
- Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.
- Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Y/C
HAI-
RUONG
LAP
O CHIA

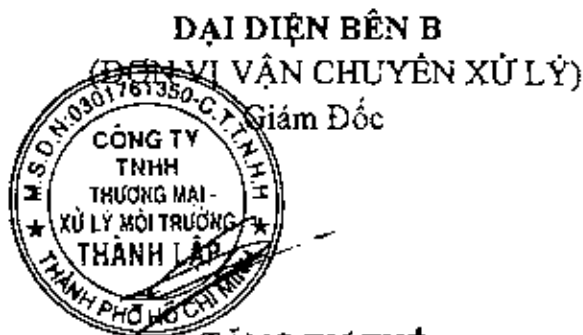
- Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....
- Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký đến hết ngày 03/02/2025 và tự thanh lý.
- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.



VŨ THANH BÌNH



TĂNG TƯ THẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

.....oOo.....

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 001/2024/PLHDTL-TL

- Căn cứ vào Hợp đồng: 03-02/2024/HDTL-TL ký ngày 03 tháng 02 năm 2024
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 02 năm 2024, đại diện hai bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

Địa chỉ : 108 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.37175423

Mã số thuế : 0301454896

Đại diện: : Ông **VŨ THANH BÌNH**

Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Địa chỉ : 39 Cao Triều Phát, phường Tân Phong, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028. 38603072

Mã số thuế : 0301761350

Đại diện : Ông **TĂNG TƯ THẾ**

Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, hai Bên cùng thống nhất ký kết thêm Phụ lục hợp đồng với nội dung như sau :

- Bên A đồng ý Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải sơn và nước rửa đế khuôn của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

STT	CHẤT THẢI	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)
CHI PHÍ XỬ LÝ			
01	Chi phí xử lý nước thải sơn	Tháng	16.000.000
02	Chi phí xử lý nước rửa đế và khuôn giày	Tháng	5.000.000

Ghi chú:

+ Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT.

- Tất cả nội dung trong Hợp đồng 03-02/2024/HĐTL-TL ký ngày 03 tháng 02 năm 2024 đều không thay đổi.
- Phục lục hợp đồng này có hiệu lực và kết thúc khi hợp đồng chính kết thúc và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số: 03-02/2024/HĐTL-TL ký ngày 03 tháng 02 năm 2024.

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04(bốn) bản, mỗi bên giữ 02(hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THÁI)

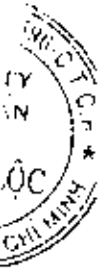


VŨ THANH BÌNH

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)



TẶNG TƯ THỆ



PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12112.161609221 MM12021.161609221	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 07/01/2023
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC
Địa chỉ/ Address : 108 NGUYỄN ẨM THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ Name of sample : NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).
Số lượng/ Quantity : 2
Mô tả mẫu/ Sample description : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/12/2022
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 07/01/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,8	6,9	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	38	36	50
3	TSS	mg/l	17	14	100
4	TDS	mg/l	386	369	1.000
5	Sunfua	mg/l	1,5	1,4	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	8,1	7,3	10

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
KPH Không phát hiện thấy

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q 1, TP HCM
[☎] 18001105
[☎] (84 28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218
[☎] (84.292) 3918219
[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH27.18, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hoà
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	33,2	35,8	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,4	1,2	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,8	1,6	10
10	Phosphat	mg/l	0,4	0,5	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.300	1.200	5.000

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

KPH Không phát hiện thấy

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[📍] 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

[☎] 18001105

[📞] (84 28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CÁN THO

[📍] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thù, Cài Răng, Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[📞] (84 292) 3918219

[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VPH ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[📍] STH27 1B, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II P.Phước Hải, Ninh Trang, Khánh Hòa

[☎] (84 258) 246 5255

[📞] (84 258) 246 5355

[✉] vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN12112.161605395
MM12021.161605395

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMKD 03/1 – LBH 01
Ngày/ Date: 22/06/2022

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC
Địa chỉ/ *Address* : 108 NGUYỄN ẨM THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ *Name of sample* : NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).
Số lượng/ *Quantity* : 2
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 10/06/2022
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 22/06/2022

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,3	6,5	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	32	35	50
3	TSS	mg/l	39	31	100
4	TDS	mg/l	295	303	1.000
5	Sunfua	mg/l	0,8	1,1	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	4,6	5,1	10

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
KPH Không phát hiện thấy

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP HCM | 18001105 | (84 28) 3911 7216 | casehcm@case.vn
CN CẦN THƠ: F2 67-F2 68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ | (84 292) 3918216 - 217 - 218 | (84 292) 3918219 | support@case.com.vn, casecantho@case.vn
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG: STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nhà Trang, Khánh Hòa | (84 258) 246 5255 | (84 258) 246 5355 | vanphongmienTrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	20,3	19,8	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,3	1,2	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,8	1,5	10
10	Phosphat	mg/l	0,8	0,5	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.200	1.400	5.000

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
KPH Không phát hiện thấy

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
18001105
(84 28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phủ Thù, Cái Răng, Cần Thơ
(84 292) 3918216 - 217 - 218
(84 292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH27.18, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hoà
(84 258) 246 5255
(84 258) 246 5355
vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12112.161602829 MM12021.161602829	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 18/01/2022
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC
Địa chỉ/ Address : 108 NGUYỄN ANH THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ Name of sample : NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).
Số lượng/ Quantity : 2
Mô tả mẫu/ Sample description : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/01/2022
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 18/01/2022

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,5	6,7	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	35	37	50
3	TSS	mg/l	41	45	100
4	TDS	mg/l	302	316	1.000
5	Sunfua	mg/l	1,1	1,4	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	4,3	5,2	10

KPH Không phát hiện thấy

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
108 Nguyễn Anh Thủ, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. HCM
ĐT: (84 292) 3918216
case.com.vn

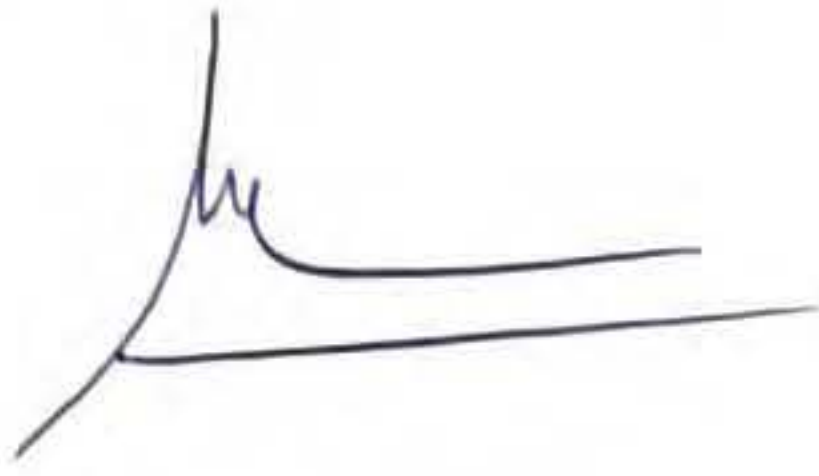
CHI CÁN THO
108/2-67-72-68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Quận 8, TP. HCM
ĐT: (84 292) 3918216 - 217 - 218
(84 292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
15/Tr. 27/11, Đường BC, KĐT LA HỒNG PHONG II, P. Phước Hải, Quận Thuận Thành, Bắc Ninh, Hà Nội
ĐT: (84 258) 246 5255
(84 258) 246 5355
vatphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	21,3	22,7	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,5	1,6	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	2,1	2,3	10
10	Phosphat	mg/l	1,5	1,3	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.800	1.600	5.000

KPH Không phát hiện thấy

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**




Đoàn Thị Bội Hanh

- 1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
 2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
 3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
 No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
 | 02 Nguyễn Văn Thu, P. Đa Kao, Q. 1, TP HCM
 | 18001105
 | (84 28) 3911 7216
 | casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 | F2 67-F2 68, Đường số 6, KDC 586, P.Phù Thu, Cái Răng, Cần Thơ
 | (84 292) 3918216 - 217 - 218
 | (84 292) 3918219
 | support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 | STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 | (84 258) 246 5255
 | (84 258) 246 5355
 | vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN412303.004144 MM412303.004144	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 23/12/2023
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer	: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC
Địa chỉ/ Address	: 108 NGUYỄN ANH THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ Name of sample	: NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).
Số lượng/ Quantity	: 2
Mô tả mẫu/ Sample description	: Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving	: 13/12/2023
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue	: 23/12/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,8	6,9	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	31	33	50
3	TSS	mg/l	58	71	100
4	TDS	mg/l	392	406	1.000
5	Sunfua	mg/l	1,3	1,5	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	5,9	5,1	10

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[●] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[●] (84 28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[●] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phù Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84 292) 3918216 - 217 - 218
[●] (84 292) 3918219
[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[●] STH27.18, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84 258) 246 5255
[●] (84 258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	31,1	32,4	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2,5	2,3	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,7	1,6	10
10	Phosphat	mg/l	2,2	2,5	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	2.400	2.100	5.000

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH [9] 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM [4] 18001105 [6] (84 28) 3911 7216 [4] casehcm@case.vn	CN CẦN THƠ [9] F2 67-F2 68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ [4] (84 292) 3918216 - 217 - 218 [6] (84 292) 3918219 [4] support@case.com.vn, casecantho@case.vn	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG [9] STH27 18, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nhà Trang, Khánh Hòa [4] (84 258) 246 5255 [6] (84 258) 246 5355 [4] vanphongmienntrung@case.vn
--	---	---



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code BN412303.002875 MM412303.002875	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 26/09/2023
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC**
Địa chỉ/ *Address* : 108 NGUYỄN ẢNH THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).**
Số lượng/ *Quantity* : 2
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 15/09/2023
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 26/09/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ <i>Result</i>		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,2	7,3	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27	25	50
3	TSS	mg/l	35	37	100
4	TDS	mg/l	312	326	1.000
5	Sunfua	mg/l	2,1	2,2	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	6,5	6,7	10

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
(☎) 18001105
(☎) (84 28) 3911 7216
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(☎) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thù, Cái Răng, Cần Thơ
(☎) (84 292) 3918216 - 217 - 218
(☎) (84 292) 3918219
(✉) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(☎) STH27.18, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hoà
(☎) (84 258) 246 5255
(☎) (84 258) 246 5355
(✉) vanphongmienTrung@case.vn

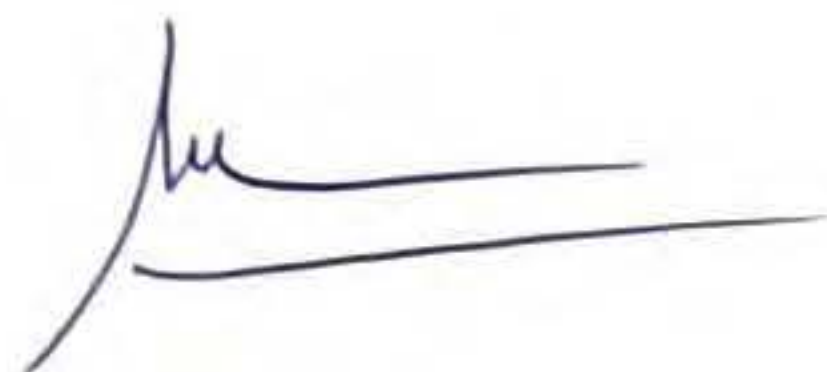
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	33,5	32,8	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,7	1,4	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,2	1,3	10
10	Phosphat	mg/l	1,5	1,7	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.200	3.500	5.000

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[●] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105

[●] (84 28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CÁN THƠ

[●] F2 67-F2 68, Đường số 6, KDC 586 P Phú Thu, Cai Ràng, Cần Thơ
[☎] (84 292) 3918216 - 217 - 218

[●] (84 292) 3918219

[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[●] STH27 18, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84 258) 246 5255

[●] (84 258) 246 5355

[✉] vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code BN12112.001906 MM12021.001906	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 05/07/2023
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC
Địa chỉ/ Address : 108 NGUYỄN ẢNH THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ Name of sample : NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).
Số lượng/ Quantity : 2
Mô tả mẫu/ Sample description : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/06/2023
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/07/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,8	6,9	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	28	31	50
3	TSS	mg/l	22	19	100
4	TDS	mg/l	364	352	1.000
5	Sunfua	mg/l	1,4	1,7	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	8,3	7,9	10

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218
[☎] (84.292) 3918219
[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường BE, KĐT Lã Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2 (*)
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	29,8	29,3	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,2	3,5	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,1	1,4	10
10	Phosphat	mg/l	2,3	1,9	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.800	2.100	5.000

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[●] Q2, Nguyễn Văn Thiệu, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[●] (84 28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[●] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cai Răng, Cần Thơ
[☎] (84 292) 3918216 – 217 – 218
[●] (84 292) 3918219
[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[●] STH27 IB, Đường BE KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84 258) 246 5255
[●] (84 258) 246 5355
[✉] vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12112.000938 MM12021.000938	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/ Date: 17/03/2023
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC**
Địa chỉ/ *Address* : 108 NGUYỄN ẨM THỦ, KP2, P. HIỆP THÀNH, Q. 12, TP. HCM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **NT1 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 1); NT2 (NƯỚC THẢI SAU HTXLNT LẦN 2).**
Số lượng/ *Quantity* : 2
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Nước trong, đựng trong bình nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 10/03/2023
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 17/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ <i>Result</i>		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,2	7,3	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	31	33	50
3	TSS	mg/l	15	12	100
4	TDS	mg/l	403	412	1.000
5	Sulfua	mg/l	1,2	1,5	4
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	7,2	7,1	10

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

19/02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM
(84 281) 3911 7216

(84 281) 3911 7216
casahcm@case.vn

CN CẦN THƠ

19/ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thu, Cái Răng, Cần Thơ
(84 292) 3918216 - 217 - 218

(84 292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ 5TH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84 258) 246 5255

(84 258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result		QCVN 14:2008/BTNMT cột B; k=1,2
			NT1	NT2	
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	31,5	32,8	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,7	1,9	20
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,5	0,8	10
10	Phosphat	mg/l	1,5	1,1	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.600	2.300	5.000

(*) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(-) Không quy định/không thực hiện.

KPH Không phát hiện.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Trần Phương Mai

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

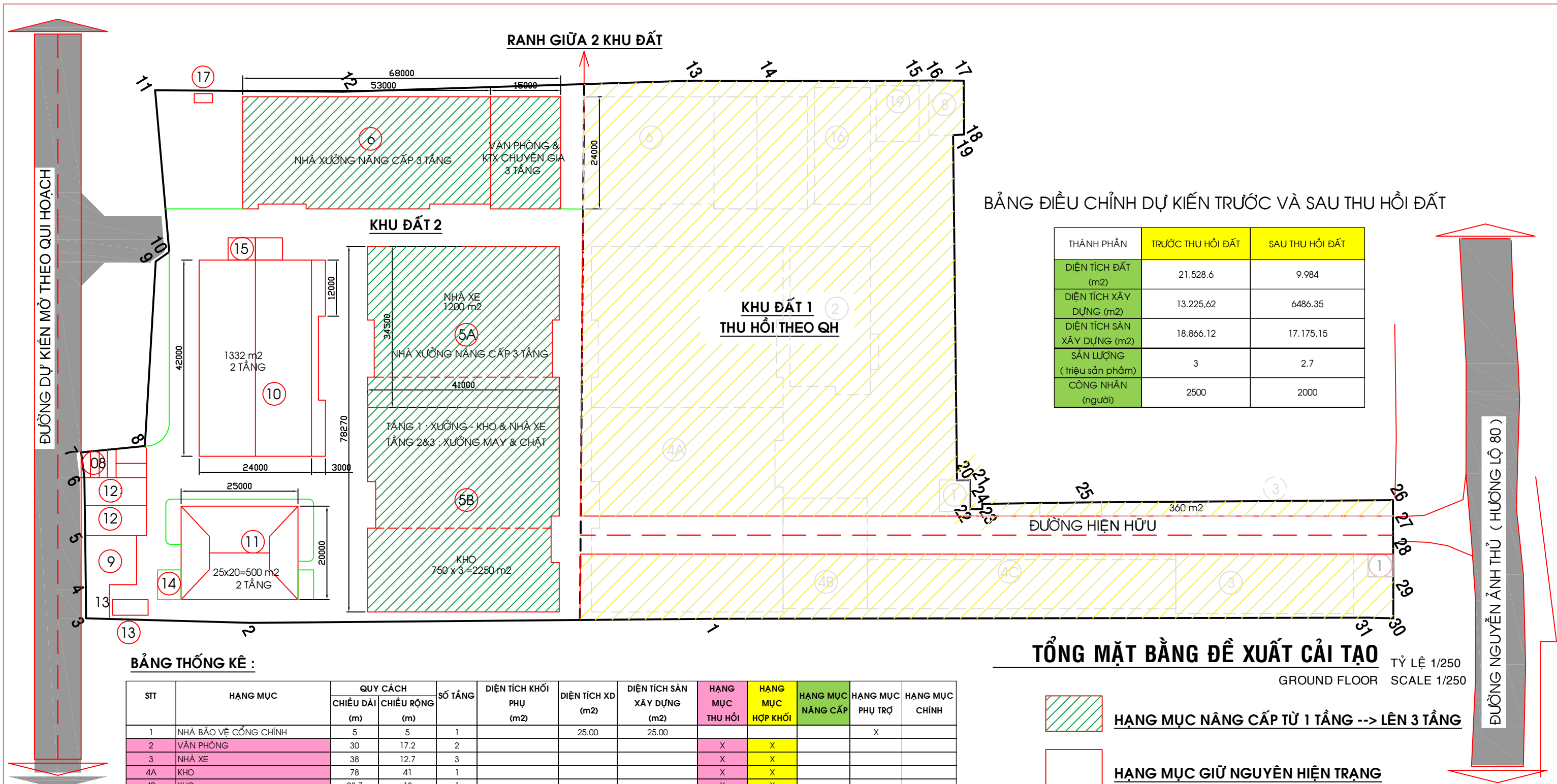
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[●] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[●] 18001105
[●] (84 28) 3911 7216
[●] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[●] F2/67-F2/68, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thu, Cái Răng, Cần Thơ
[●] (84 292) 3918216 - 217 - 218
[●] (84 292) 3918219
[●] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[●] STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nhà Tráng, Khánh Hòa
[●] (84 258) 246 5255
[●] (84 258) 246 5355
[●] vanphongmientrung@case.vn

PHỤ LỤC 3
CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ



BẢNG ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN TRƯỚC VÀ SAU THU HỒI ĐẤT

THÀNH PHẦN	TRƯỚC THU HỒI ĐẤT	SAU THU HỒI ĐẤT
DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	21.528,6	9.984
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	13.225,62	6486,35
DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	18.866,12	17.175,15
SÀN LƯỢNG (triệu sản phẩm)	3	2,7
CÔNG NHÂN (người)	2500	2000

BẢNG THỐNG KÊ :

STT	HẠNG MỤC	QUY CÁCH		SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH KHỐI PHỤ (m ²)	DIỆN TÍCH XD (m ²)	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	HẠNG MỤC THU HỒI	HẠNG MỤC HỢP KHỐI	HẠNG MỤC NÂNG CẤP	HẠNG MỤC PHỤ TRỢ	HẠNG MỤC CHÍNH
		CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (m)									
1	NHÀ BẢO VỆ CÔNG CHÍNH	5	5	1		25,00	25,00				X	
2	VĂN PHÒNG	30	17,2	2				X	X			
3	NHÀ XE	38	12,7	3				X	X			
4A	KHO	78	41	1				X	X			
4B	KHO	23,7	18	1				X	X			
4C	KHO	66	10,5	1				X	X			
5A	XUỐNG SX 1	35	41	3		1446,00	4338,00			X		X
5B	XUỐNG SX 2	43	41	3		1763,00	5289,00			X		X
6	XUỐNG SX 3	59,2	24	3		1420,80	4262,40			X		X
7	VỆ SINH	20	8	1					X			
8	BỂ NƯỚC	7	12	1							X	
9	MÁY PHÁT ĐIỆN	10	12	1	45	165,00	165,00				X	
10	XUỐNG 4	42	26,9	2		1129,80	2259,60					X
11	NHÀ ĂN	15	20	2		300,00	600,00					X
12	BẾP ĂN	12,5	13	1		162,50	162,50				X	
13	TRẠM BIẾN THỂ	7,5	3,5	1		26,25	26,25				X	
14	HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI										X	
15	NHÀ RÁC	6	8	1		48,00	48,00				X	
16A	KÍ TÚC XÁ CHUYÊN GIA	12	25	3				X	X			
16B	KÍ TÚC XÁ CHUYÊN GIA	10	24	2				X	X			
17	HO CHỨA NƯỚC TÁI XỬ DỤNG											
18	TỔNG CỘNG					6486,35	17175,75					

TỔNG MẶT BẰNG ĐỀ XUẤT CẢI TẠO

TỶ LỆ 1/250
GROUND FLOOR SCALE 1/250

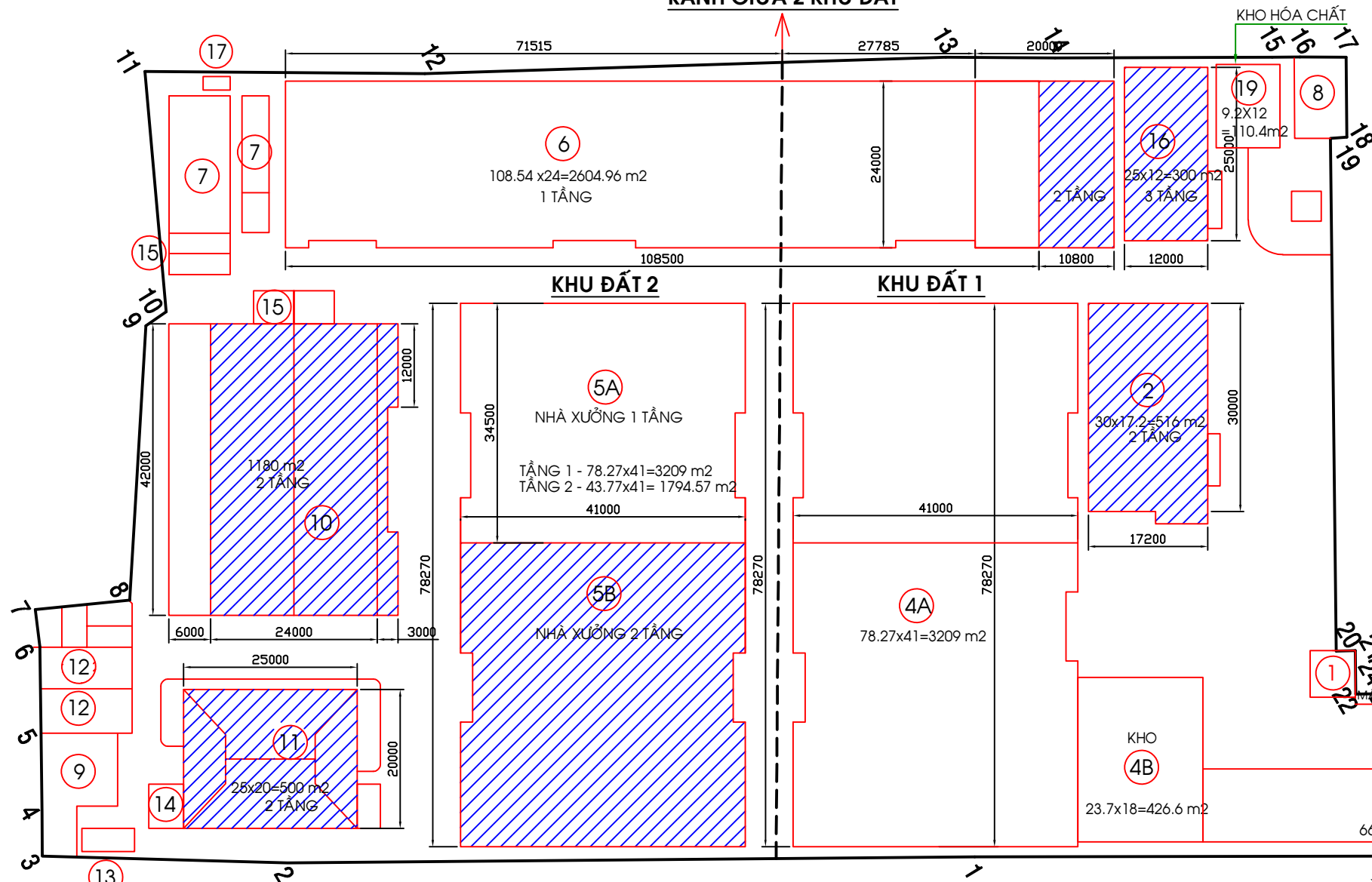
- HẠNG MỤC NÂNG CẤP TỪ 1 TẦNG --> LÊN 3 TẦNG
- HẠNG MỤC GIỮ NGUYÊN HIỆN TRẠNG
- HẠNG MỤC NẪM TRONG ĐẤT THU HỒI

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI

STT	THÀNH PHẦN CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	PHỤ HỖ - HIKI	426,75	4,27
2	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH	5059,60	60,69
3	CÂY XANH	2250,00	22,54
4	GAO HỒNG - SÂN BÃI	247,65	2,50
5	TỔNG CỘNG	9984,00	100,00

ĐƯỜNG NGUYỄN ANH THỦ (HƯỚNG LỘ 80)

RANH GIỮA 2 KHU ĐẤT



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

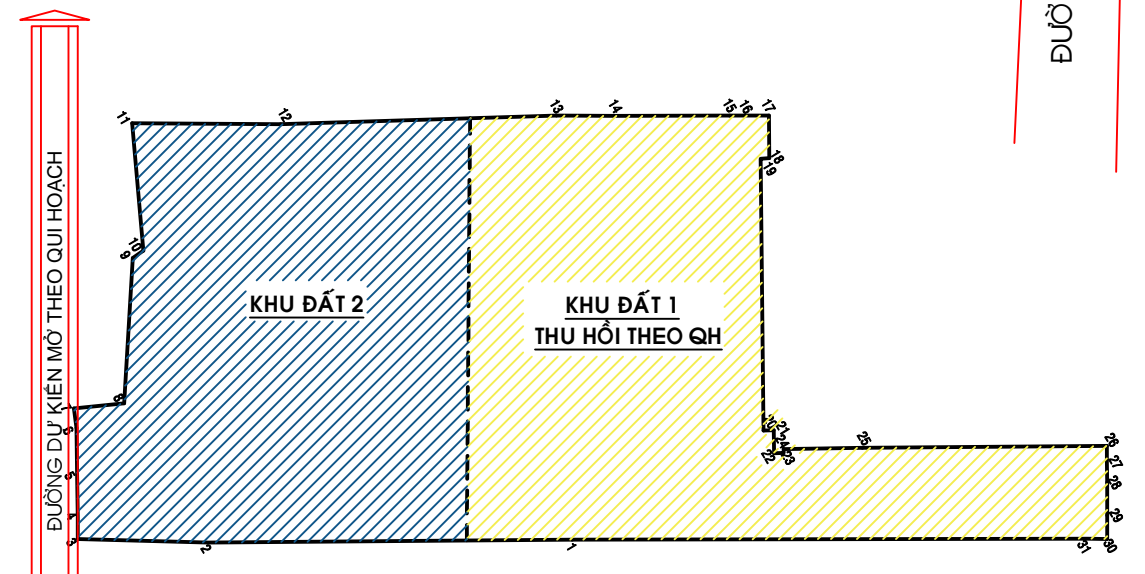
STT	THÀNH PHẦN CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	PHỤ HỖ - HIKI	535.75	2.49
2	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH	12688.87	58.91
3	CÁY XANH	4560.00	21.18
4	GIỎI HỒNG - SÂN BÀ	3722.98	1.39
5	TỔNG CỘNG	21528.60	100.00

GHI CHÚ :

STT	HANG MỤC	QUY CÁCH		SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH KHỐI PHỤ (m ²)	DIỆN TÍCH XD (m ²)	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)
		CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (m)				
1	NHÀ BẢO VỆ CỔNG CHÍNH	5	5	1		25.00	25.00
2	VĂN PHÒNG	30	17.2	2		516.00	1032.00
3	NHÀ XE	38	12.7	3	360	842.60	1807.80
4A	KHO	78.27	41	1		3209.07	3209.07
4B	KHO	23.7	18	1		426.60	426.60
4C	KHO	66	10.5	1		693.00	693.00
5A	XUỐNG SX 1	35	41	1		1446.00	1446.00
5B	XUỐNG SX 2	43	41	2		1763.00	3526.00
6	XUỐNG SX 3	108.54	24	1		1680.00	1680.00
7	VỆ SINH	20	8	1	80	240.00	240.00
8	BỂ NƯỚC	7	12	1			
9	MÁY PHÁT ĐIỆN	10	12	1	45	165.00	165.00
10	XUỐNG SX 4	42	26.12	2		1097.40	2367.00
11	NHÀ ĂN	15	20	2		300.00	600.00
12	BẾP ĂN	12	13	1		156.00	156.00
13	TRẠM BIẾN THÉ	7.5	3.5	1		26.25	26.25
14	HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	5	6.5			32.50	
15	NHÀ RÁC	6	8	1		48.00	48.00
16A	KÍ TỨC XÁ CHUYÊN GIA	12	25	3		300.00	900.00
16B	KÍ TỨC XÁ CHUYÊN GIA	10.8	24	2		259.20	518.40
17	HỒ CHỨA NƯỚC TÁI XỬ DỤNG						
18	TỔNG CỘNG					13225.62	18866.12

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN TRẠNG NHÀ MÁY

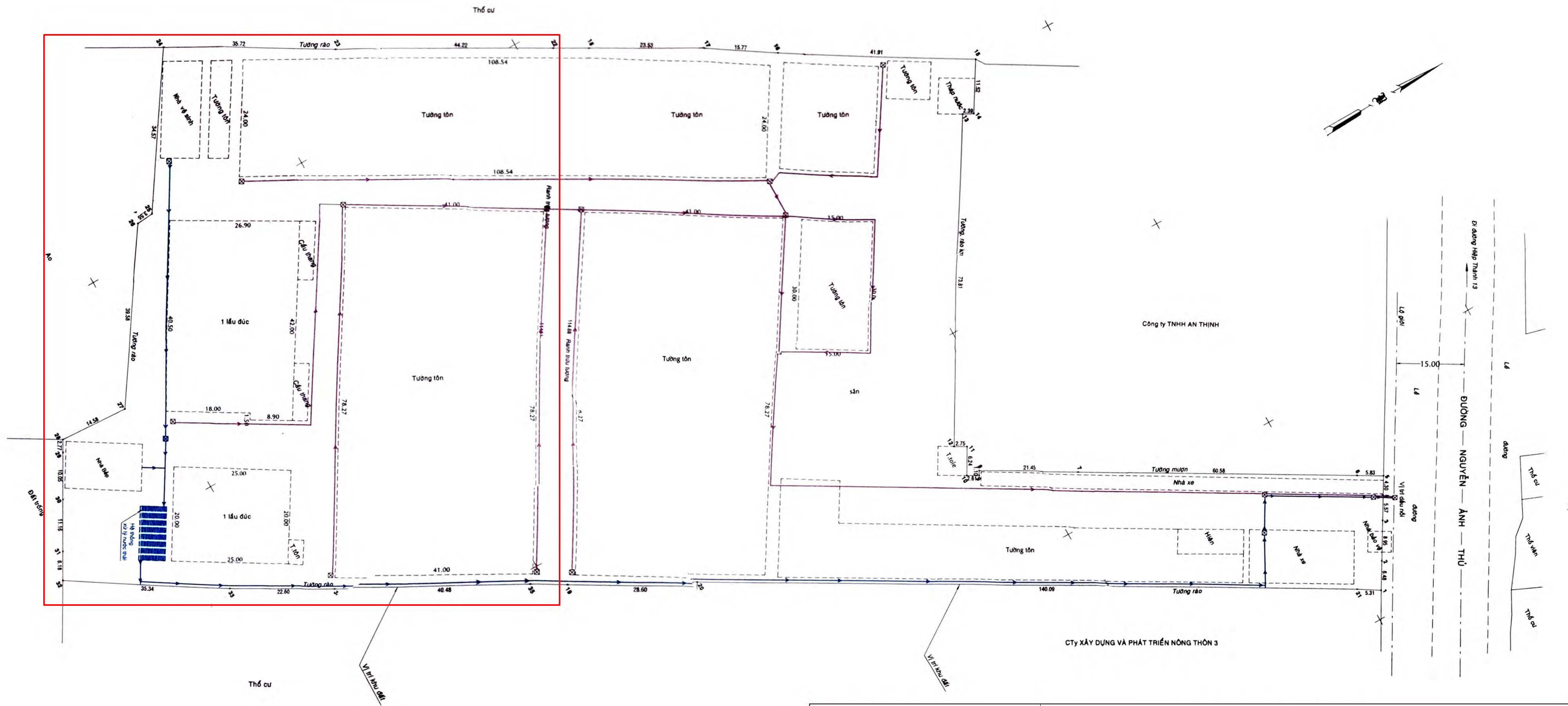
TỶ LỆ 1/250
GROUND FLOOR SCALE 1/250



MẶT BẰNG QUI HOẠCH

TỶ LỆ 1/500
GROUND FLOOR SCALE 1/500

ĐƯỜNG NGUYỄN ANH THỦ (HƯỚNG LỘ 80)



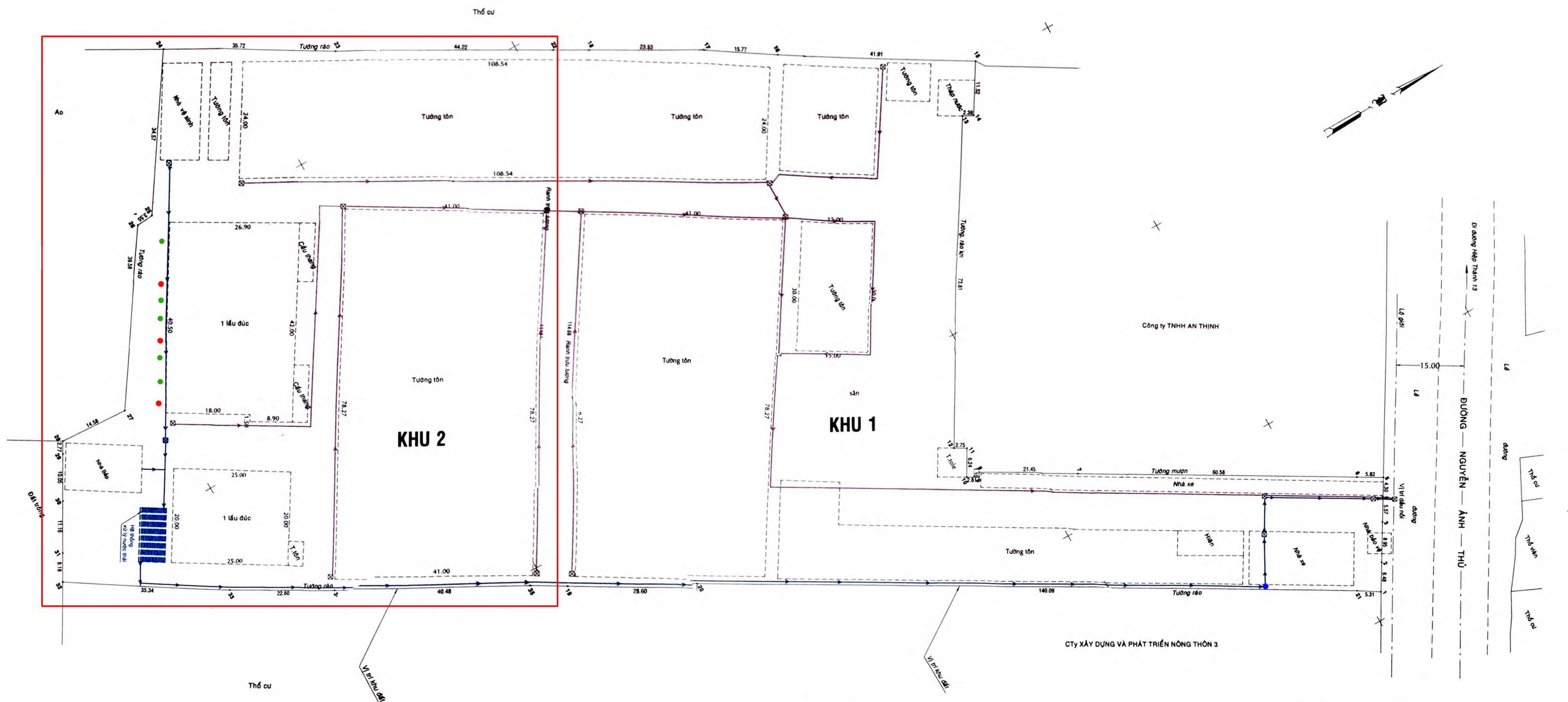
Ghi chú :

- Ranh giới khu đất
- Đường thoát nước mưa
- Đường nước thải



CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

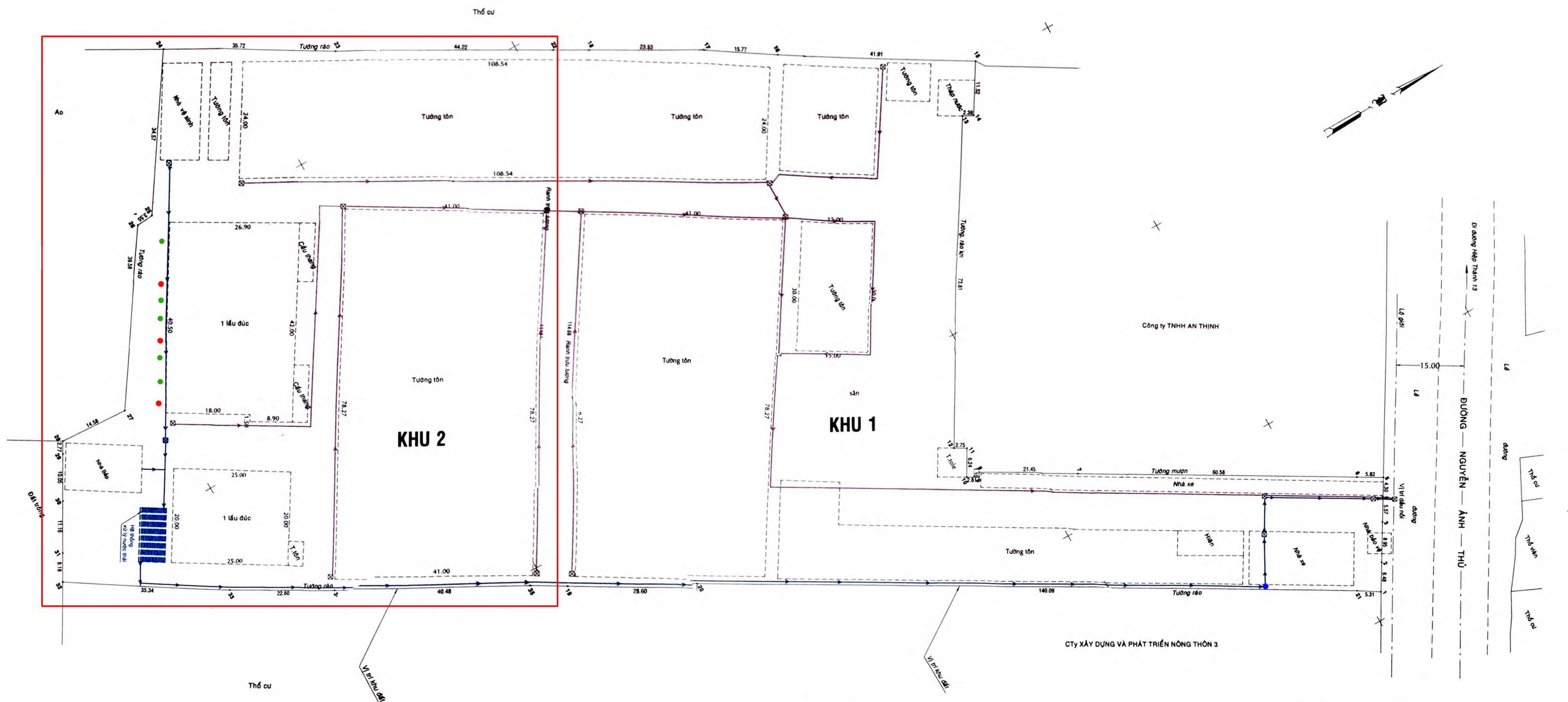
CTy XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 3



- Ghi chú :**
- Ranh giới khu đất
 - Đường thoát nước mưa
 - Đường nước thải



CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC



- Ghi chú :**
- Ranh giới khu đất
 - Đường thoát nước mưa
 - Đường nước thải



CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

CTy XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 3

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG HOÀNG LONG

-----000-----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG - CÔNG SUẤT: 120³ m /ng.đ

Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THIÊN LỘC

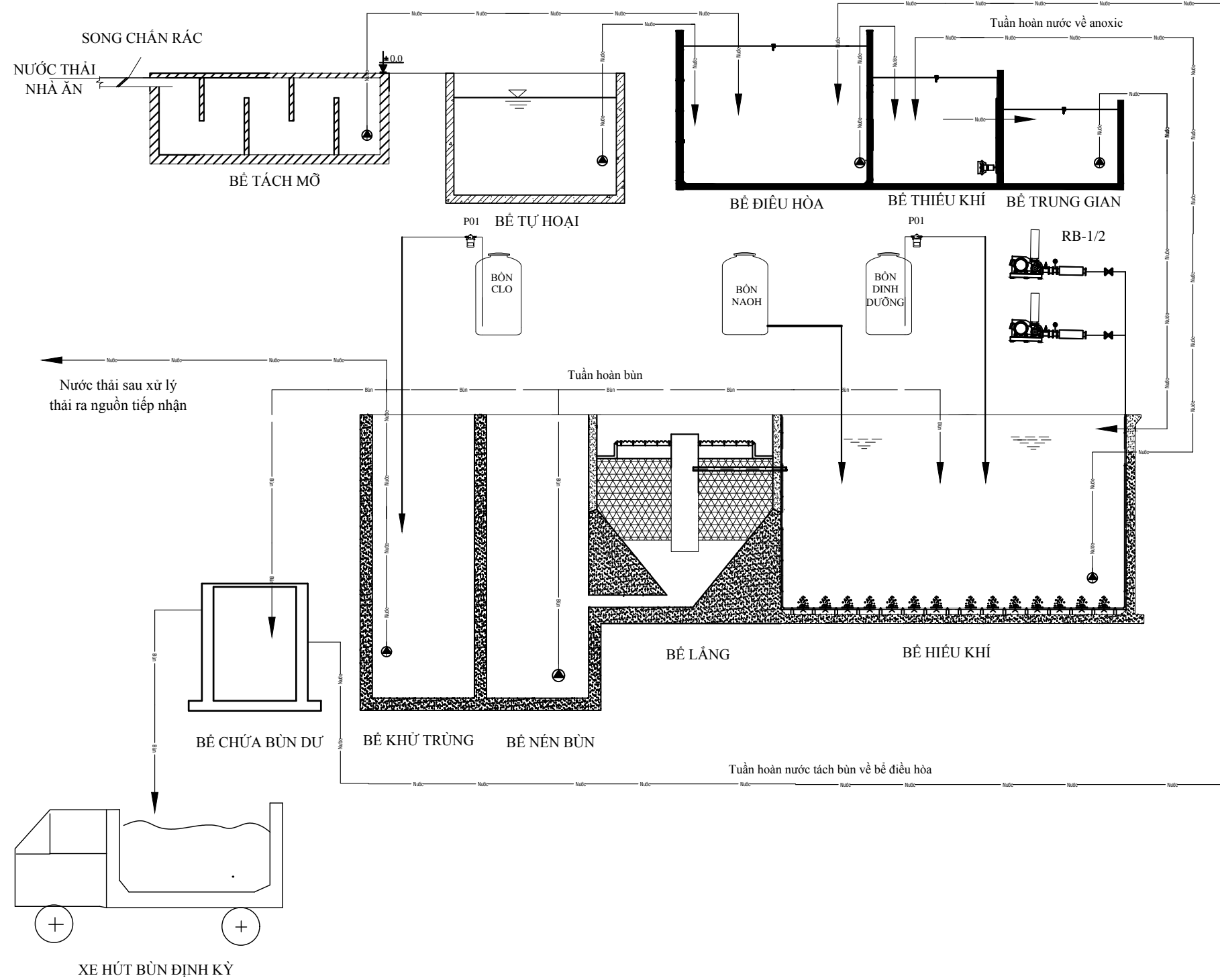
Địa điểm: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP. 2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Tp.HCM - Tháng 06/2022

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CTY GIÀY THIÊN LỘC



P01: Bơm clo
 P02: Bơm dinh dưỡng
 P03: mô tơ khuấy chìm
 RB1/2: Máy thổi khí

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
 HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
 Đt: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

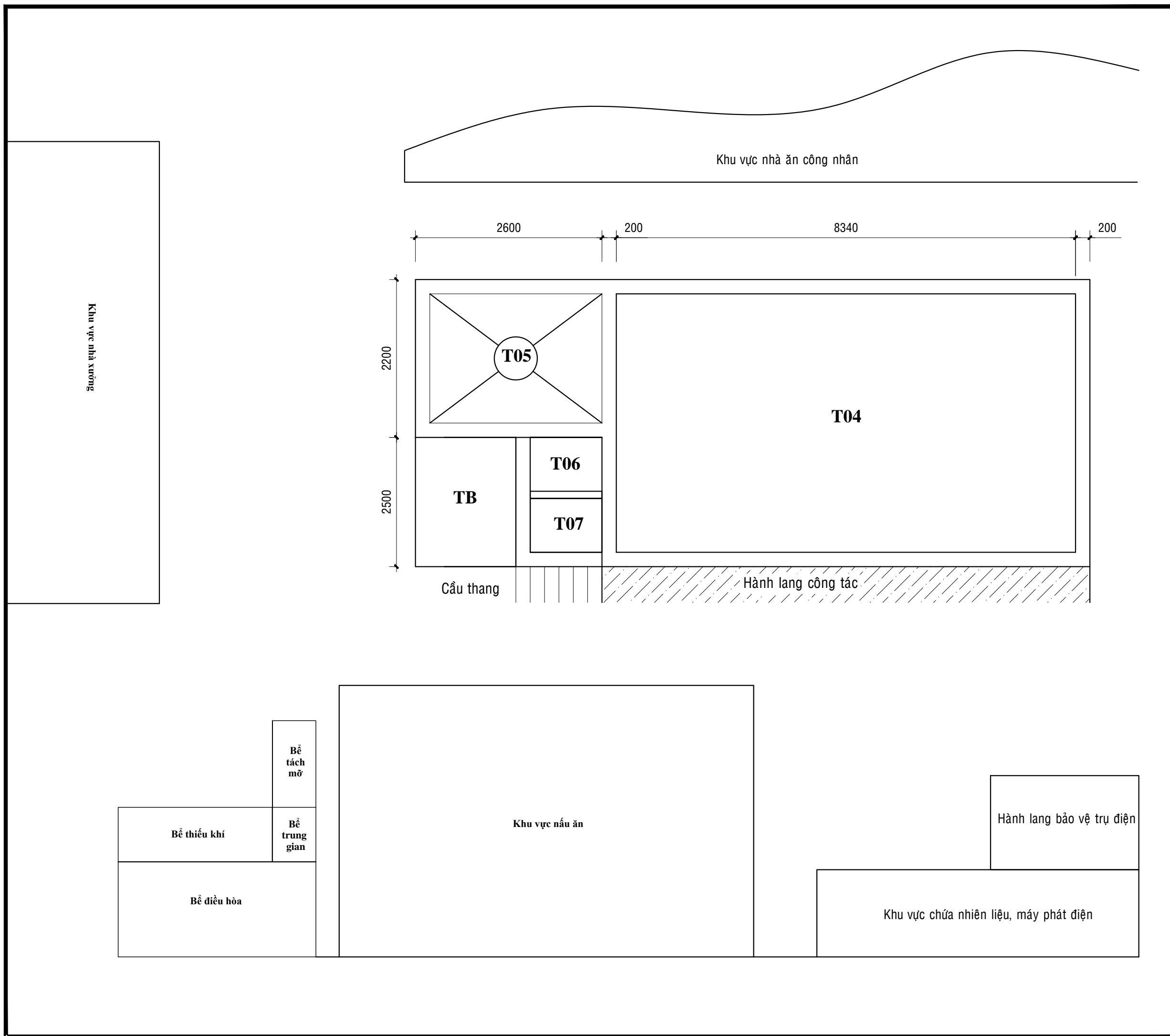
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 01
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- Trình Duyệt (For Approval)
- Tham Khảo (For Reference)
- Thi Công (For Construction)
- Đấu Thầu (For Tender)
- Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

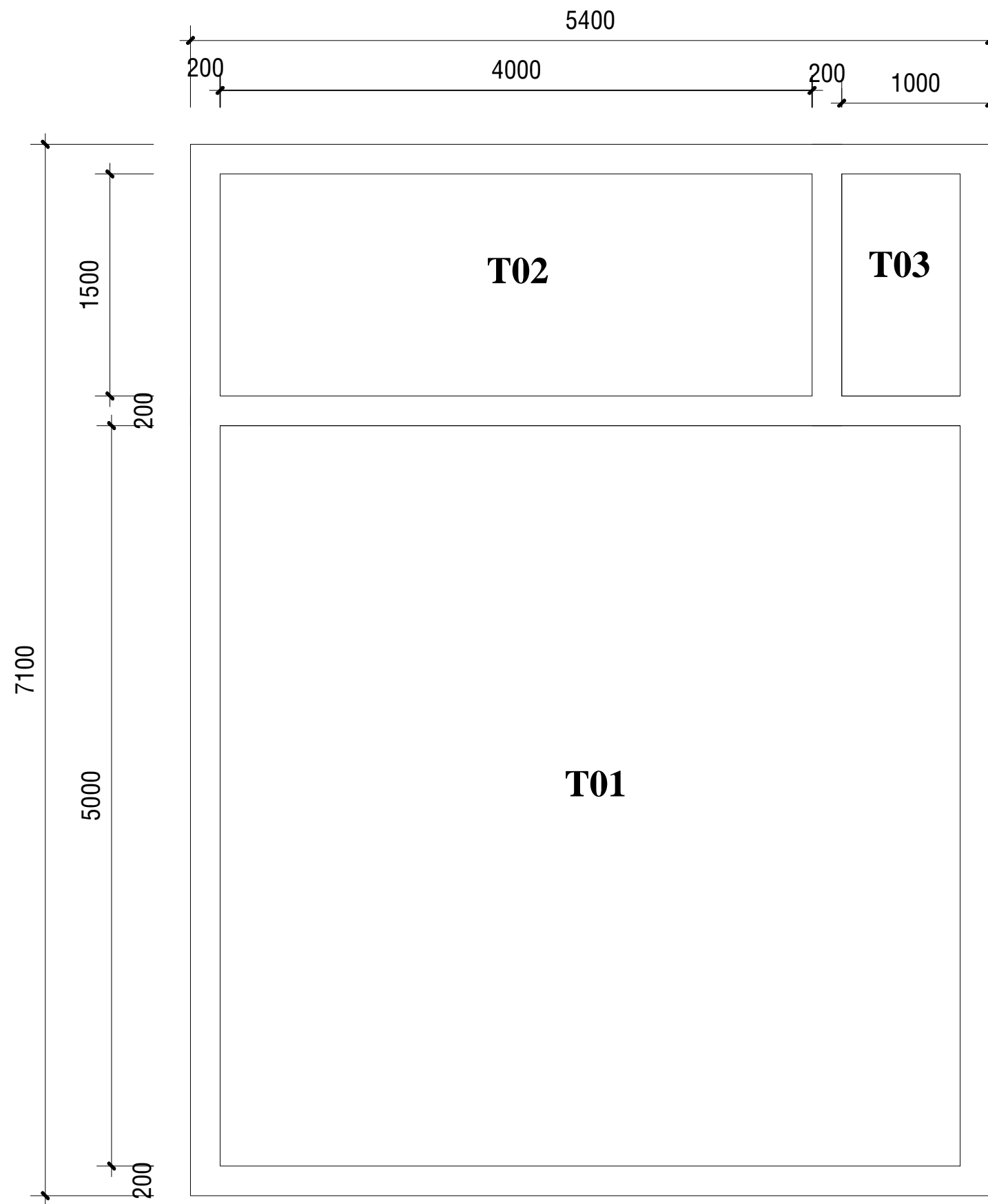
TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**BỐ TRÍ MẶT BẰNG HỆ
THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 02
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	



KÍCH THƯỚC LỌT LÒNG:

T01: Bể điều hòa (5,0m x 5,0m x 2,5m)

T02: Bể thiếu khí (4,0m x 1,5m x 2,5m)

T03: Bể trung gian (1,5m x 0,8m x 2,5m)

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIẤY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

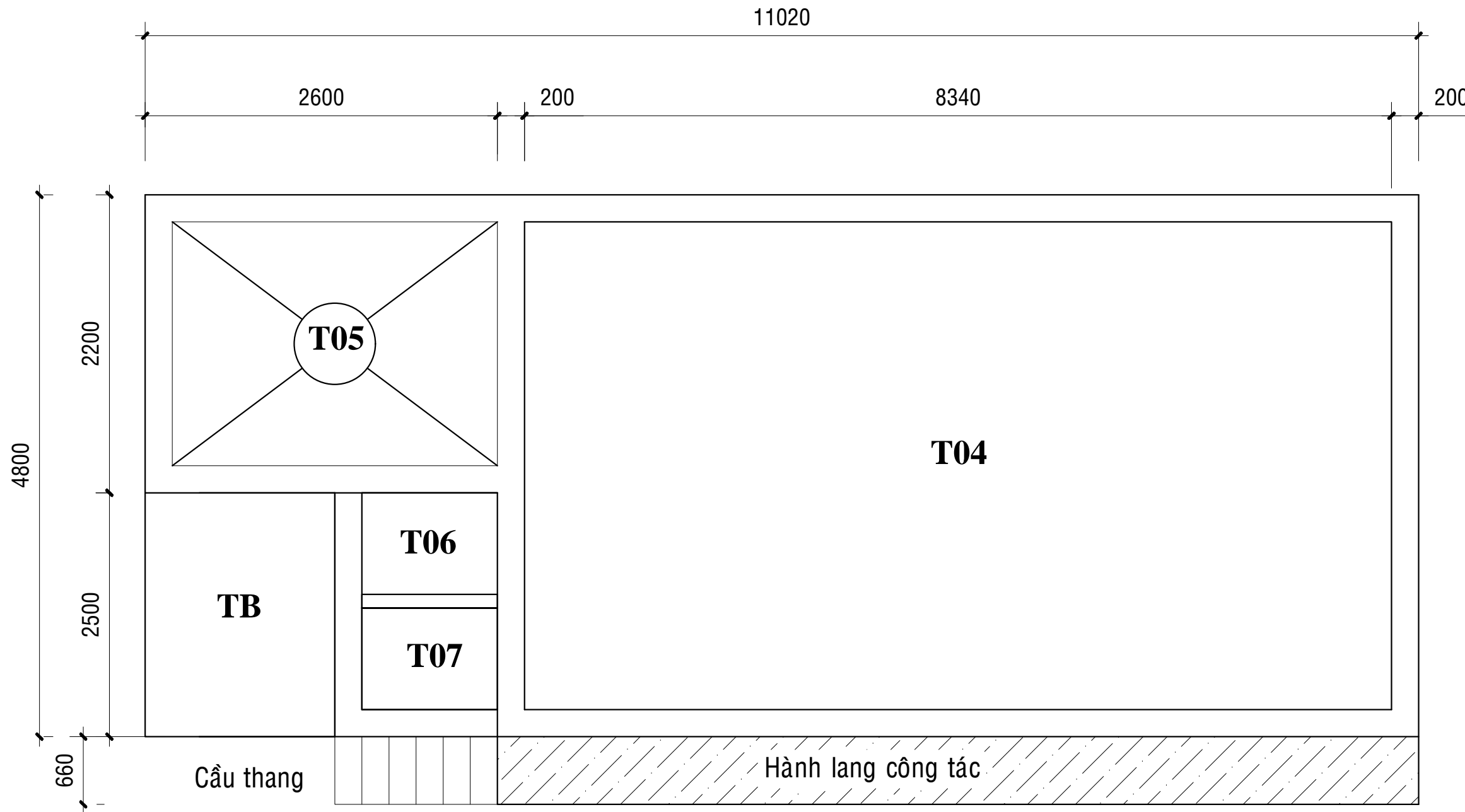
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**MẶT BẰNG CỤM BỂ
T01, T02, T03**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 03
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	



GHI CHÚ:

- TB: Bộ đặt thiết bị cải tạo (dài 1,8m * rộng 1,4m)
T04: Bể sinh học (lọt lòng: dài 8,34m * rộng 4,8m * sâu 2,5m)
T05: Bể lắng cải tạo (lọt lòng: dài 2,4m * rộng 1,8m * sâu 2,4m)
T06: Bể thu bùn đáy cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)
T07: Bể khử trùng cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIẤY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- Trình Duyệt (For Approval)
 Tham Khảo (For Reference)
 Thi Công (For Construction)
 Đấu Thầu (For Tender)
 Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

-

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

QL kỹ thuật/ Tech. Manager:
NGUYỄN VĂN BẢO

[Signature]

Chủ trì/ Presided by:
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

Kiểm tra/ Checked by:
TRẦN THỊ NGỌC HẠNH

[Signature]

Thiết kế/ Design by:
Th.S PHẠM HỒNG TUẤN

[Signature]

Vẽ/ Drawn by:
PHẠM THANH PHONG

[Signature]

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**MẶT BẰNG CỤM BỂ
T04, T05, T06, T07**

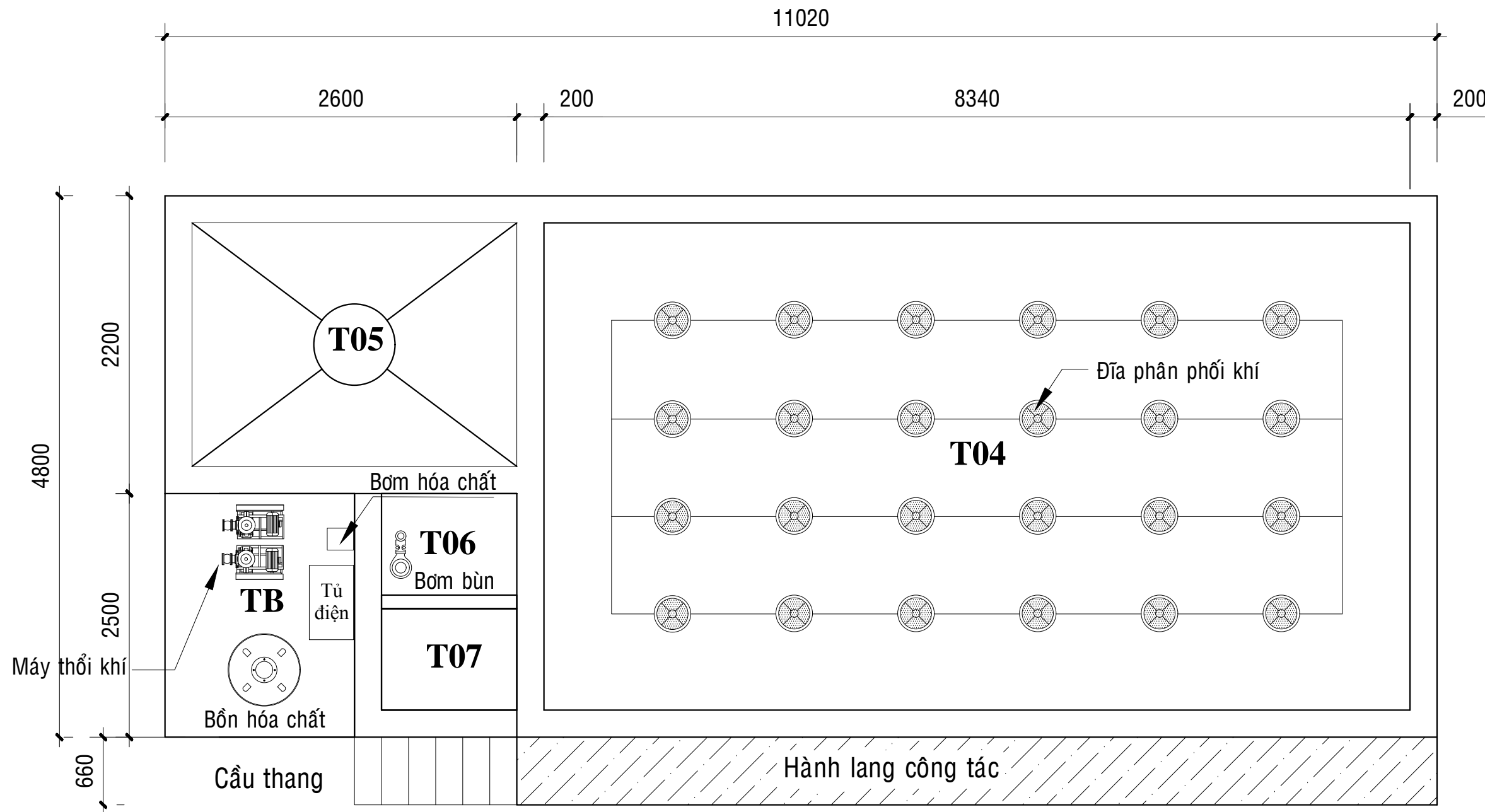
Ngày phát hành
(Issued Date)

Số hiệu
(Dwg. No.)

DWG - 03

06-2022

Tỷ lệ
(Scale)



GHI CHÚ:

- TB: Bộ đặt thiết bị cải tạo (dài 1,8m * rộng 1,4m)
- T04: Bể sinh học (lọt lòng: dài 8,34m * rộng 4,8m * sâu 2,5m)
- T05: Bể lắng cải tạo (lọt lòng: dài 2,4m * rộng 1,8m * sâu 2,4m)
- T06: Bể thu bùn đáy cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)
- T07: Bể khử trùng cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- Trình Duyệt (For Approval)
- Tham Khảo (For Reference)
- Thi Công (For Construction)
- Đấu Thầu (For Tender)
- Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM**

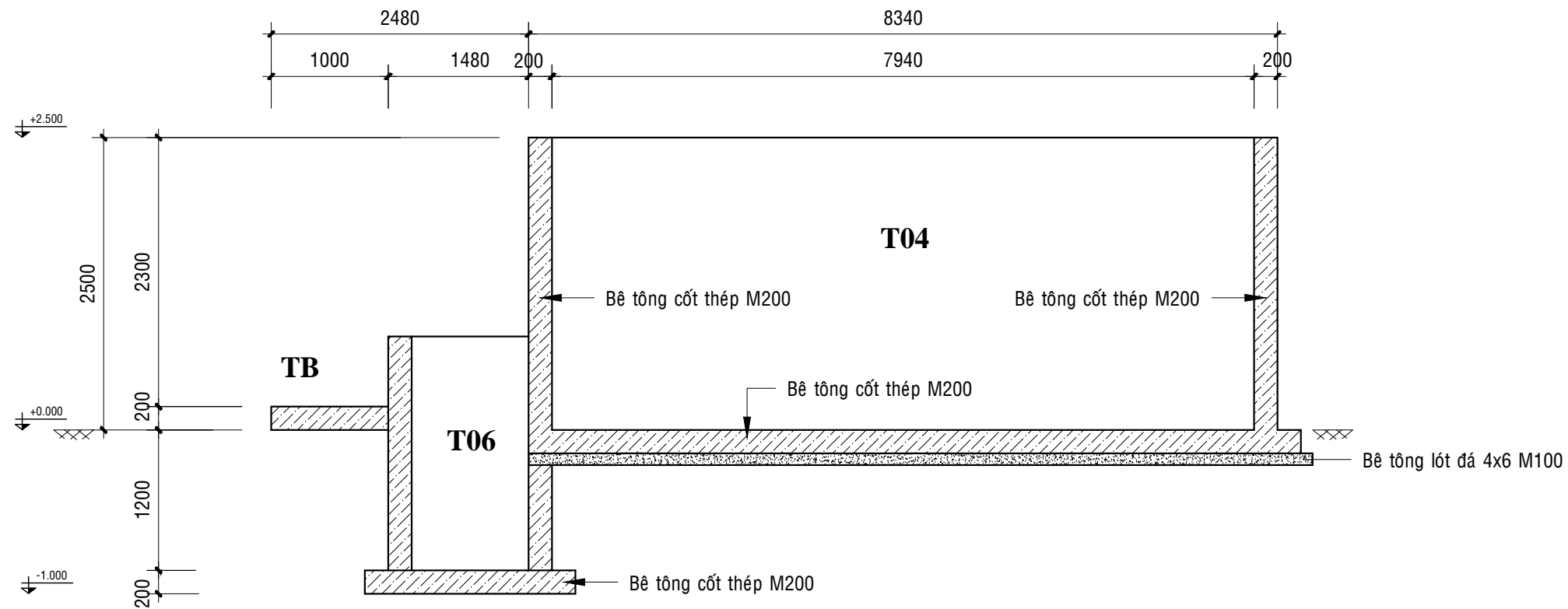
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

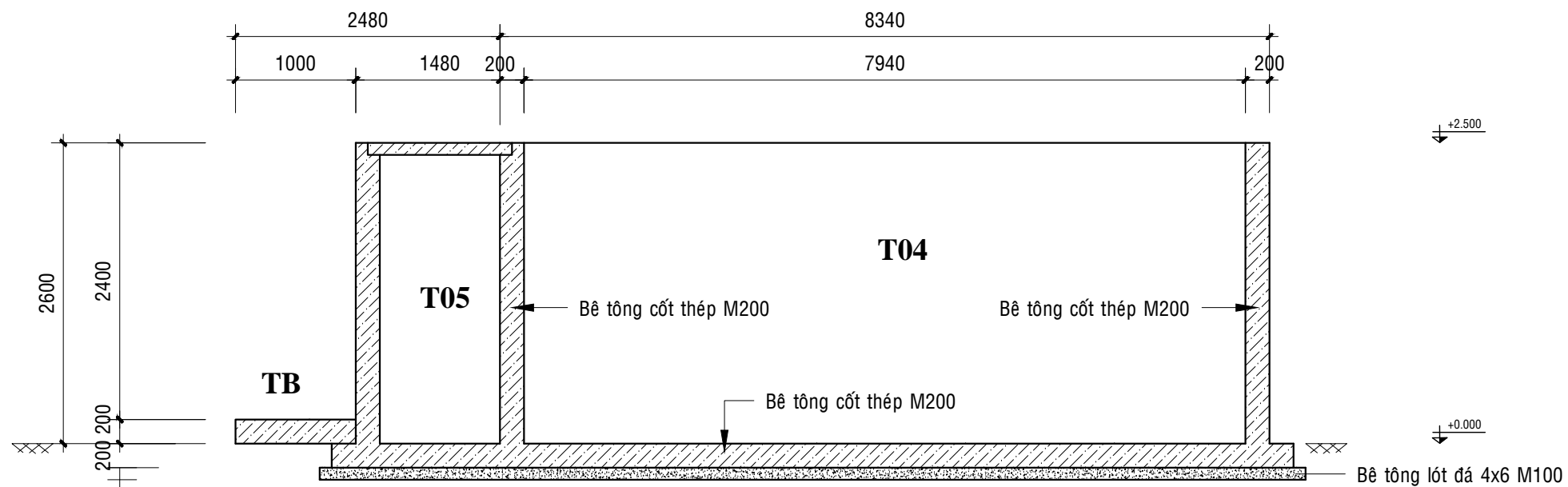
**MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT
BỊ VÀ ĐƯỜNG ỒNG**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 04
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ:

- TB: Bê đặt thiết bị cải tạo (dài 1,8m * rộng 1,4m)
- T04: Bể sinh học (lọt lòng: dài 8,34m * rộng 4,8m * sâu 2,5m)
- T05: Bể lắng cải tạo (lọt lòng: dài 2,4m * rộng 1,8m * sâu 2,4m)
- T06: Bể thu bùn đáy cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)
- T07: Bể khử trùng cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

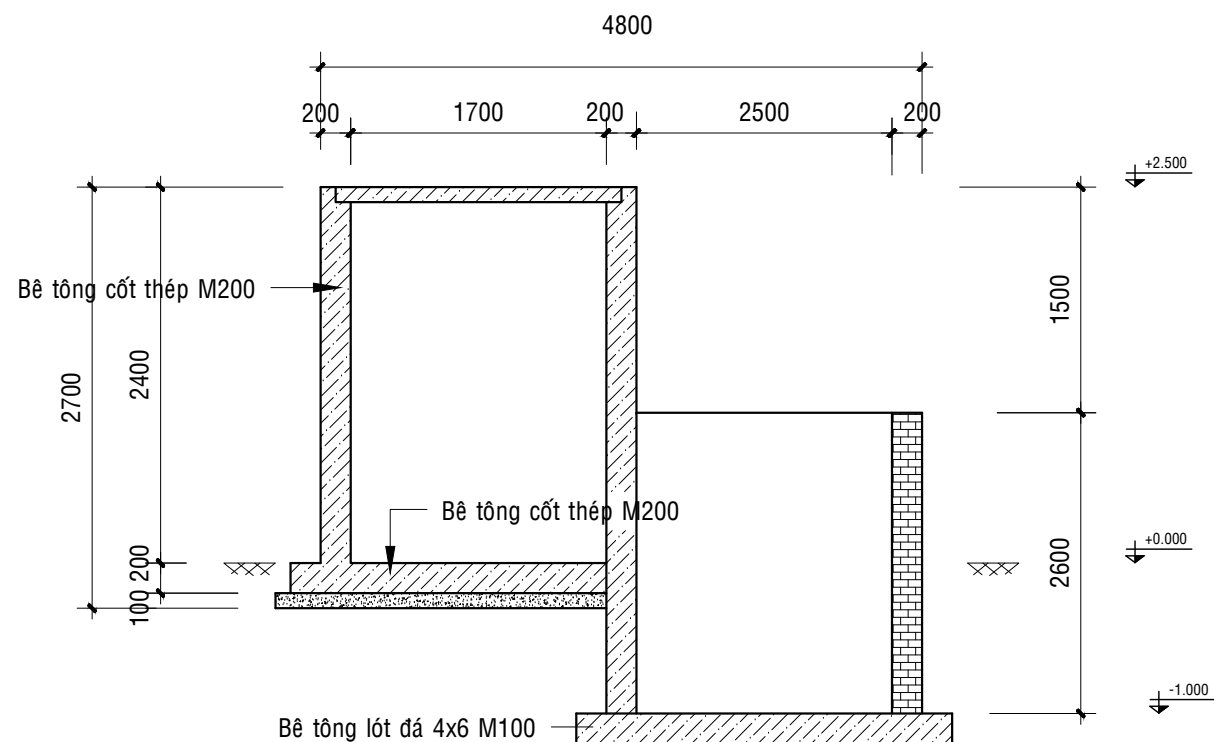
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

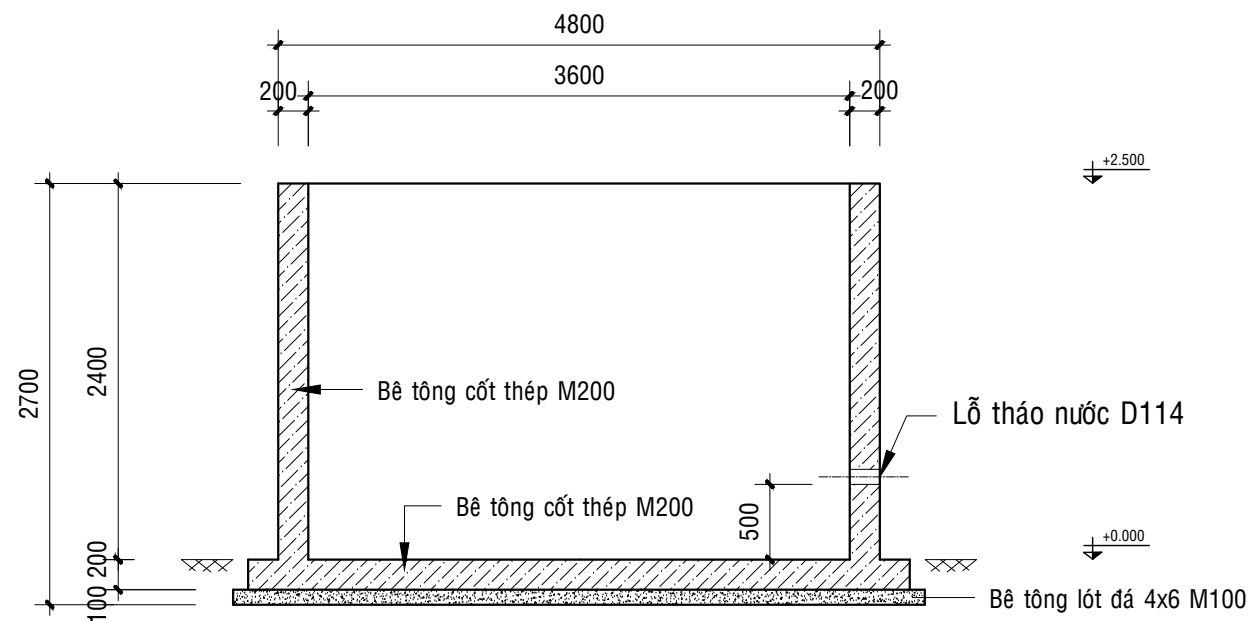
MẶT CẮT A-A; B-B

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 05
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

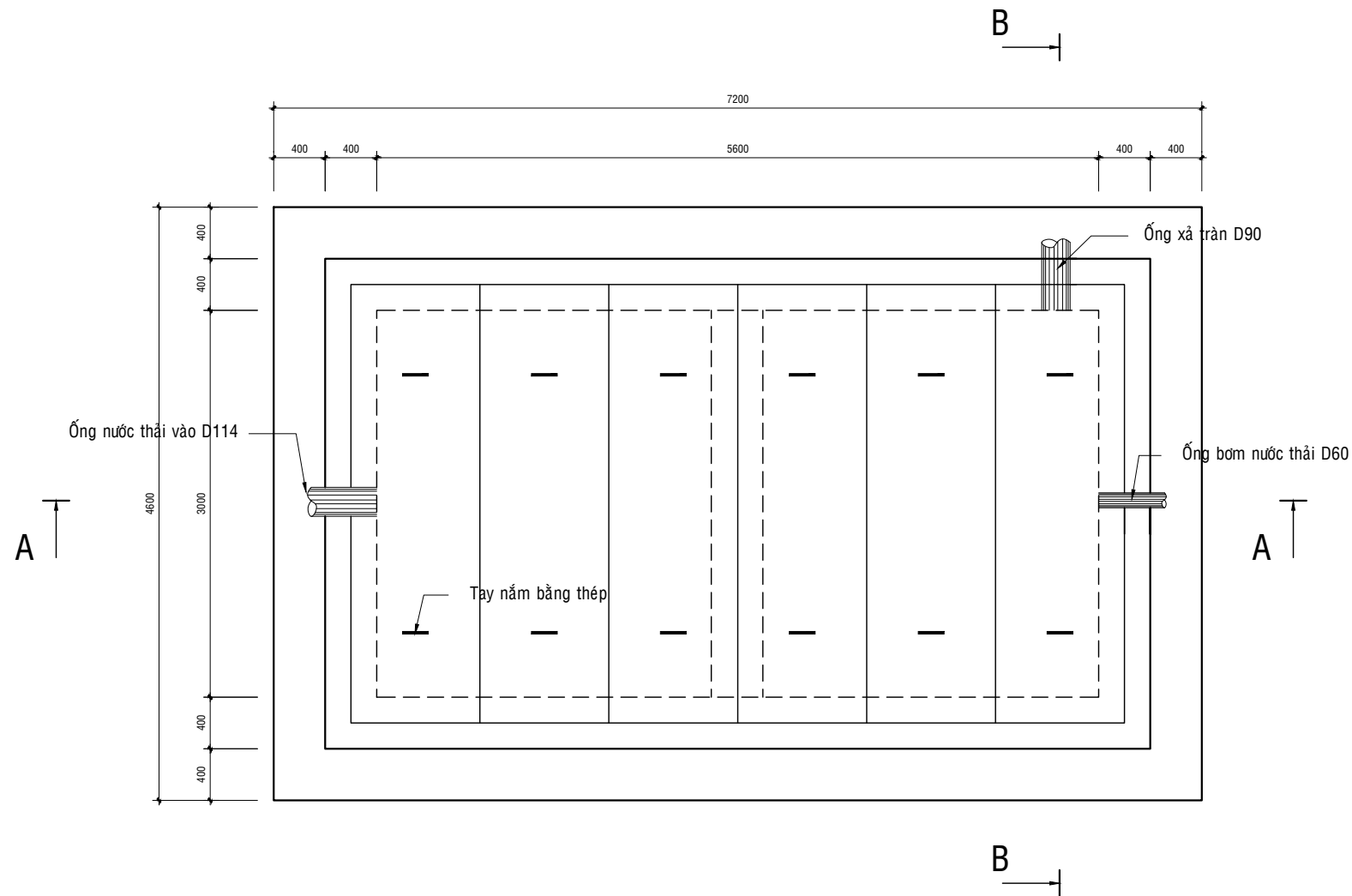
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

MẶT CẮT C-C; D-D

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 06
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

CHI TIẾT BỂ GOM+TÁCH MỠ

MẶT BẰNG



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ánh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

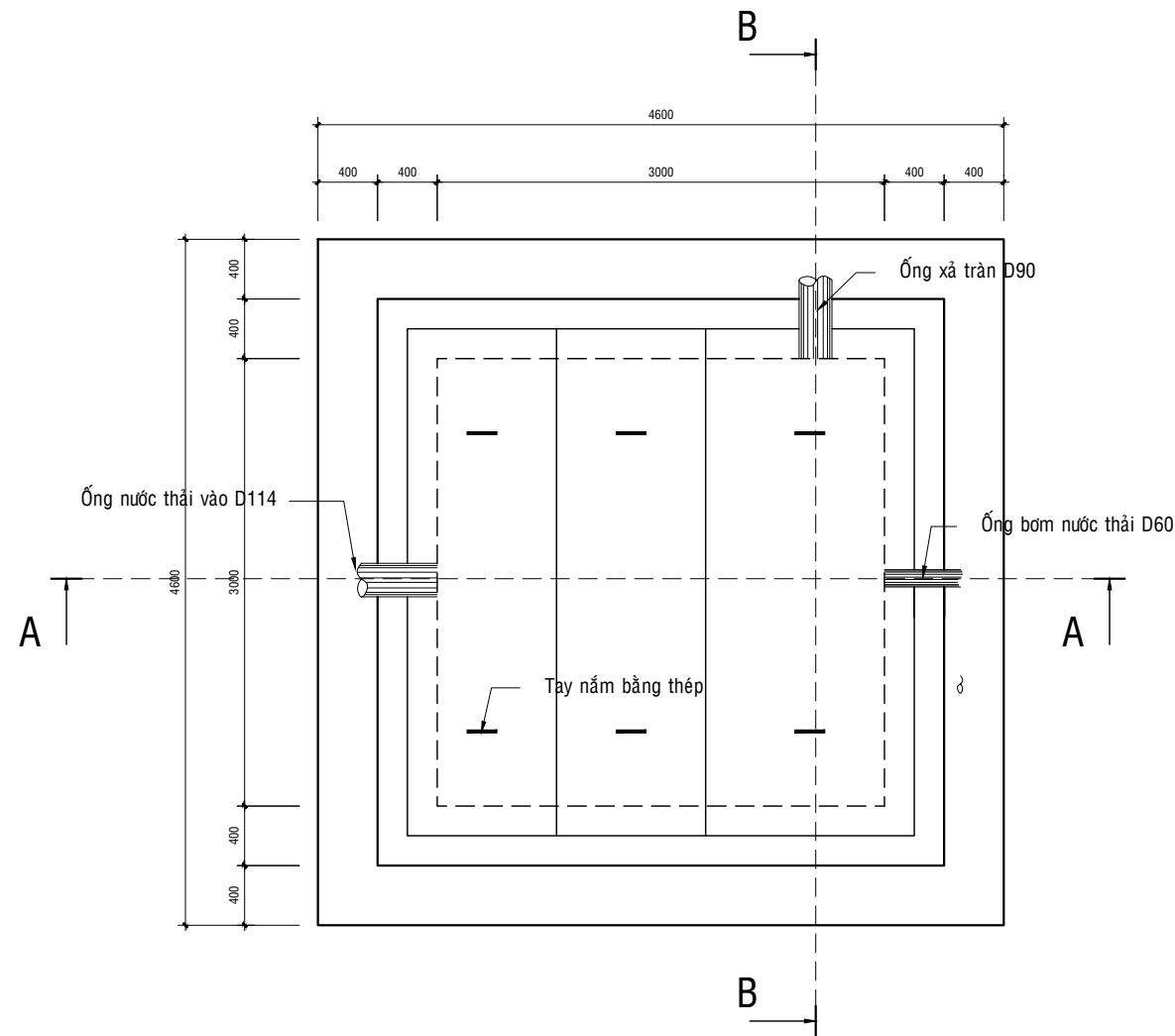
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

BỂ GOM + TÁCH MỠ

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 07
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

CHI TIẾT BỂ GOM

MẶT BẰNG



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

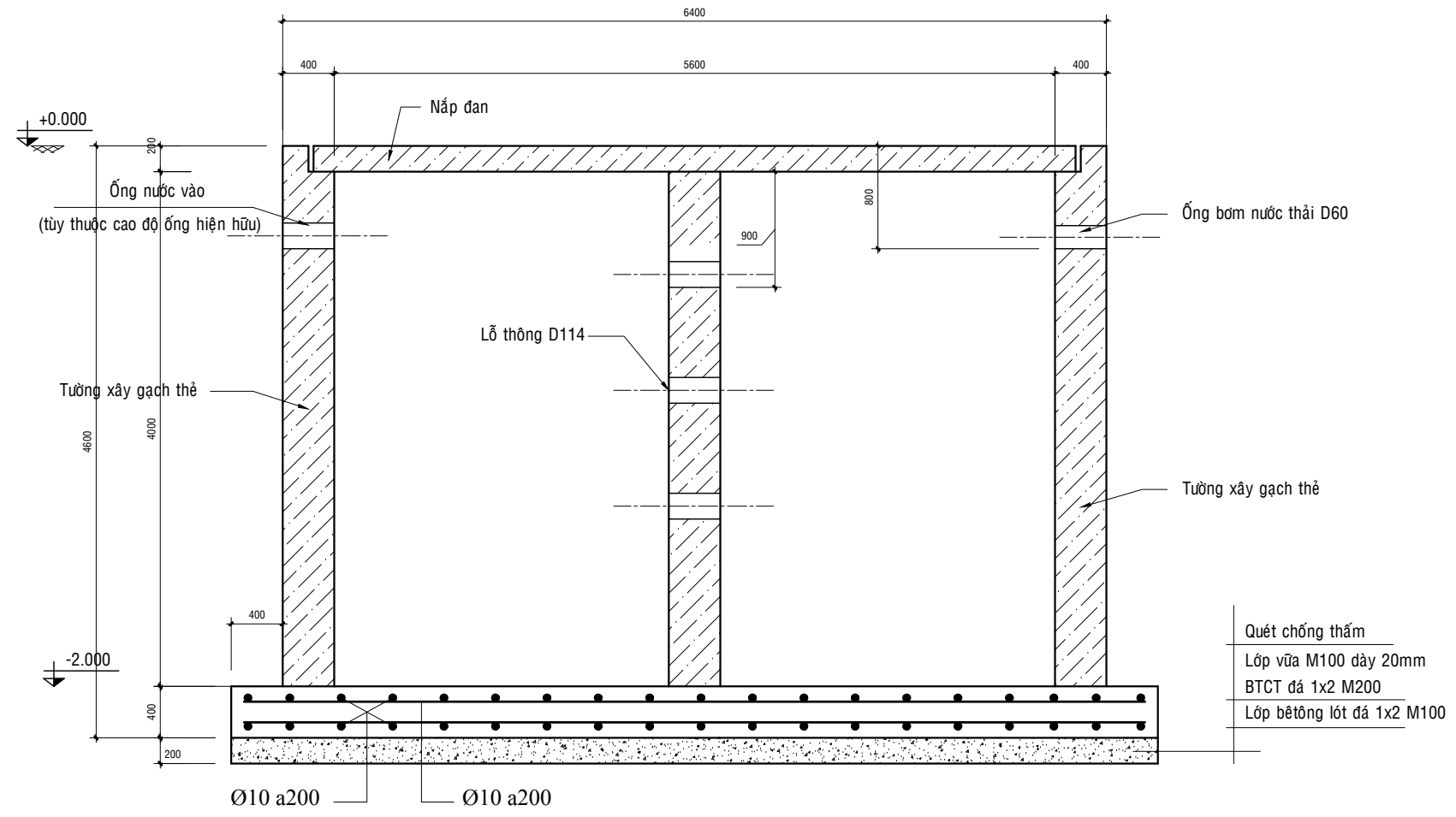
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

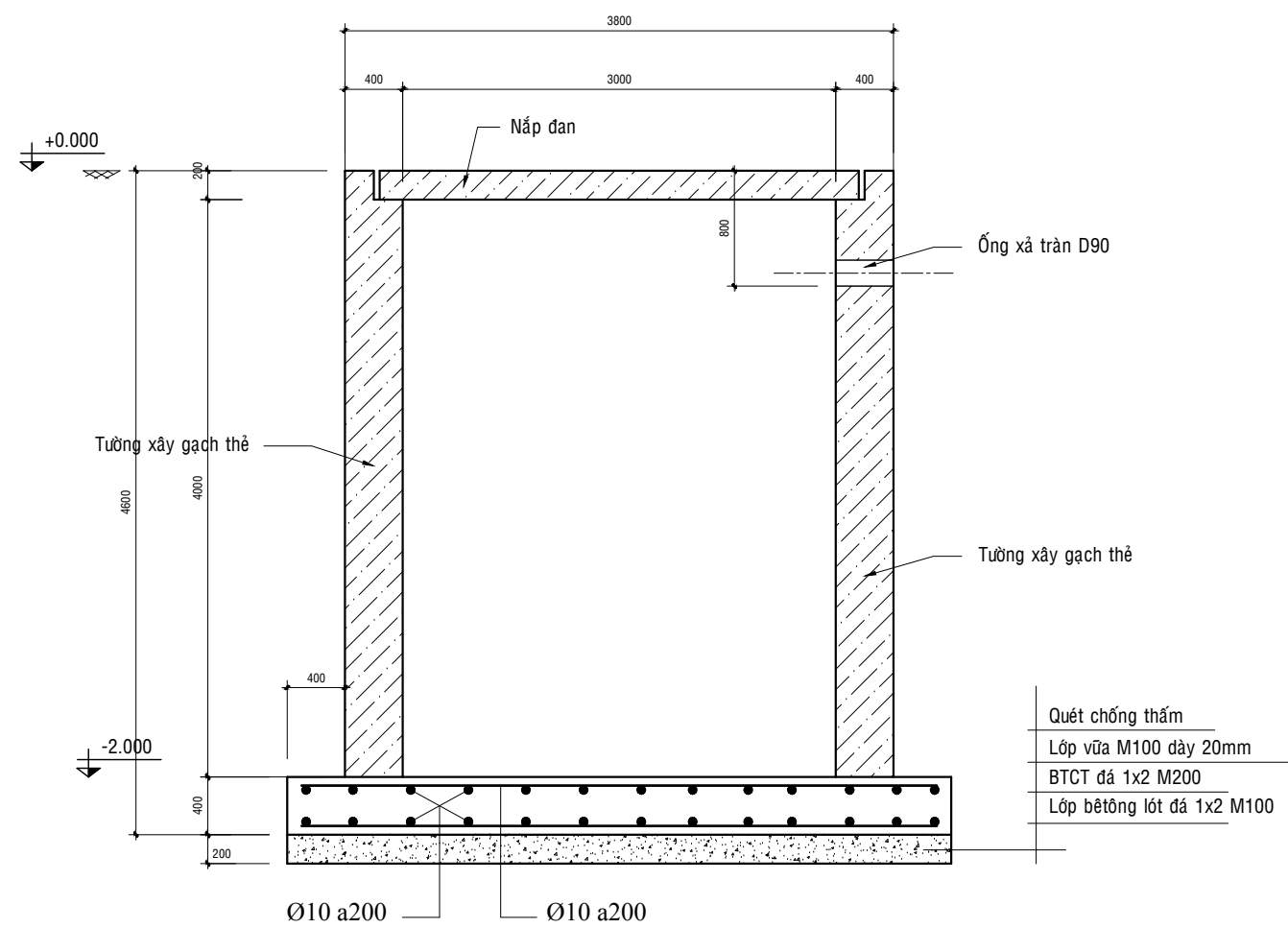
BỂ GOM

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 08
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- Trình Duyệt (For Approval)
- Tham Khảo (For Reference)
- Thi Công (For Construction)
- Đấu Thầu (For Tender)
- Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○	○
○	○

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

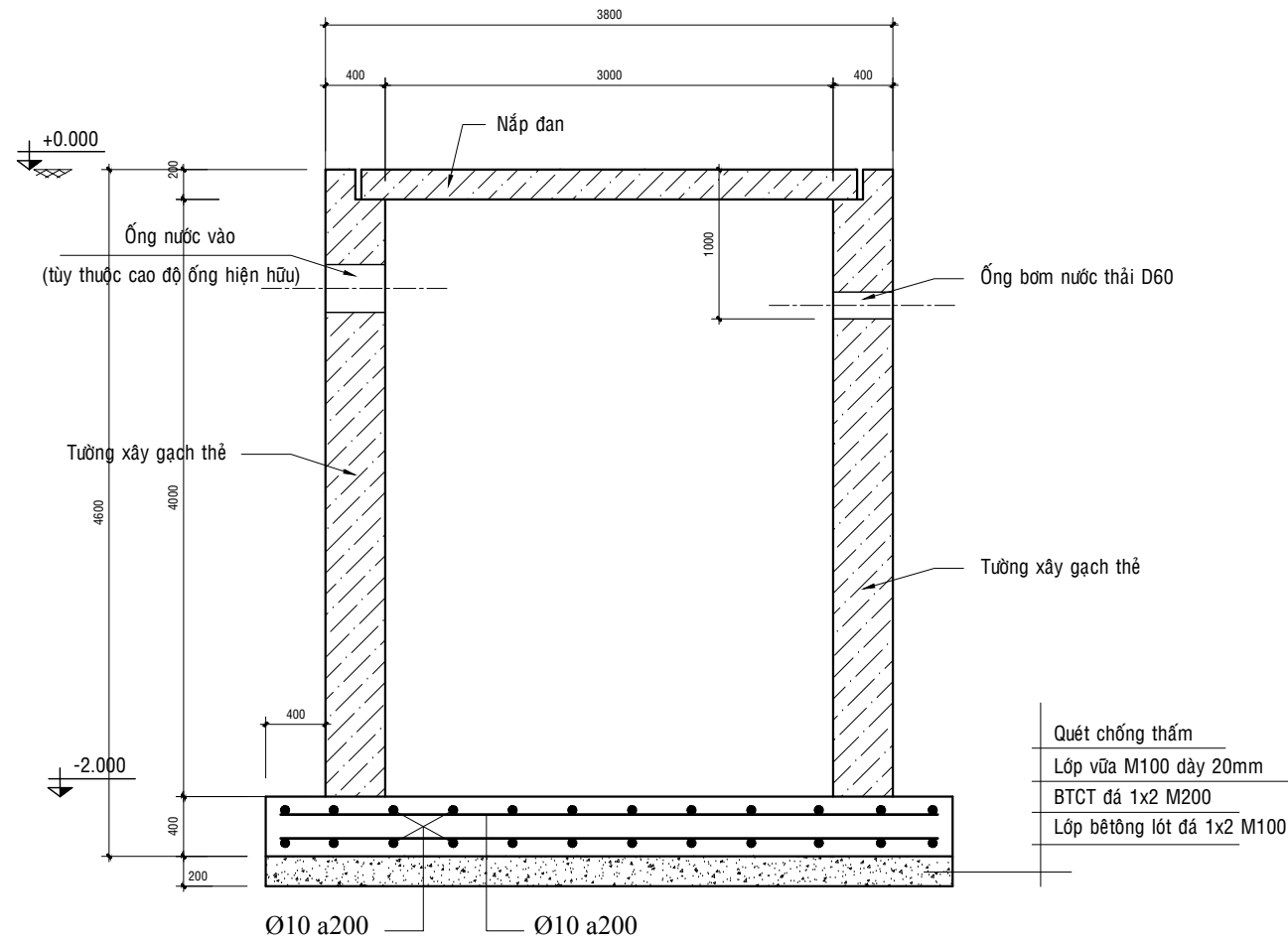
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

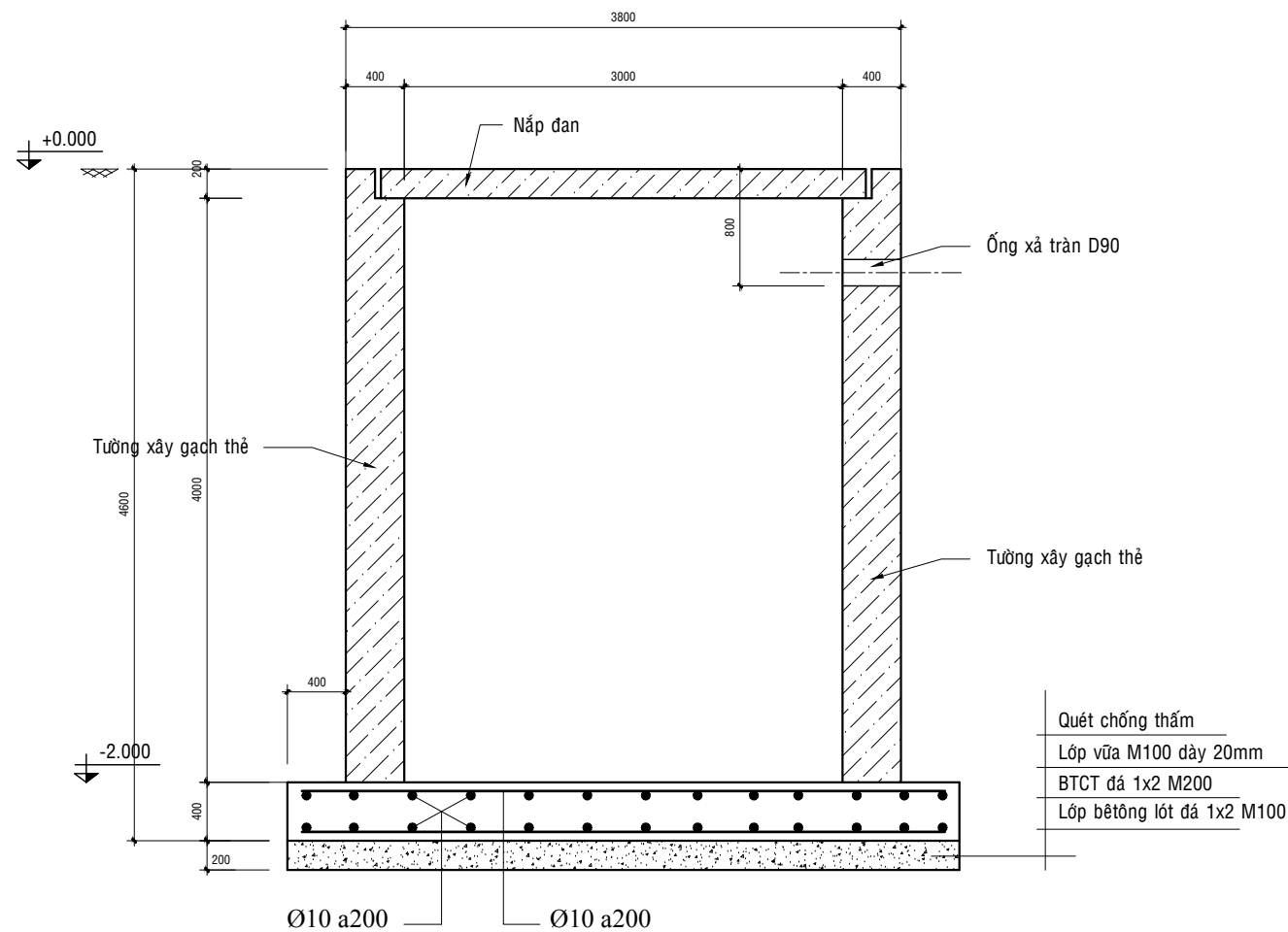
CHI TIẾT BỀ GOM + TÁCH MỖ

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 09
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○	○
○	○

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

QL kỹ thuật/ Tech. Manager:
NGUYỄN VĂN BẢO

Chủ trì/ Presided by:
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

Kiểm tra/ Checked by:
TRẦN THỊ NGỌC HẠNH

Thiết kế/ Design by:
Th.S PHẠM HỒNG TUẤN

Vẽ/ Drawn by:
PHẠM THANH PHONG

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

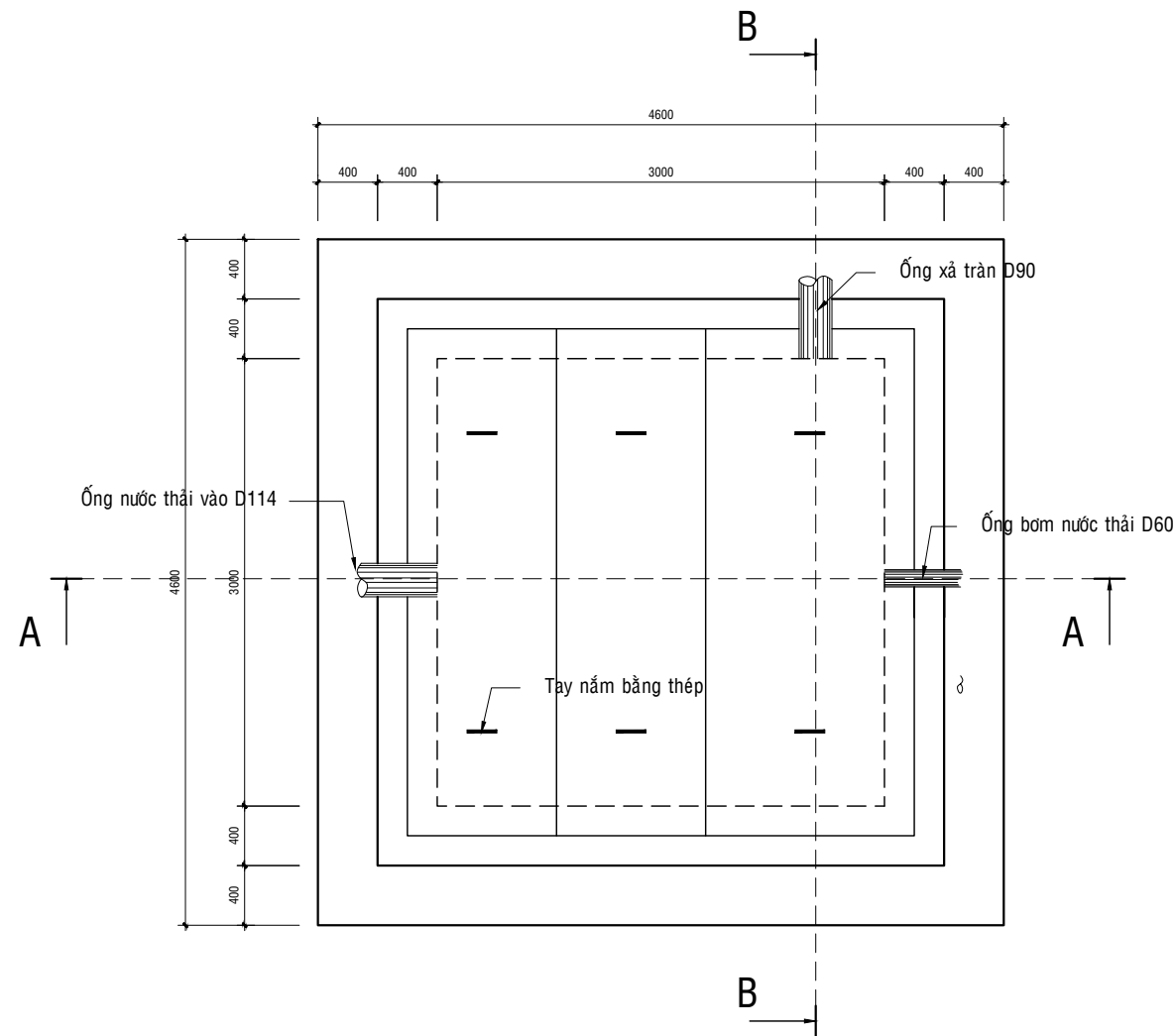
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

CHI TIẾT BỂ GOM

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 10
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

CHI TIẾT BỂ GOM

MẶT BẰNG



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

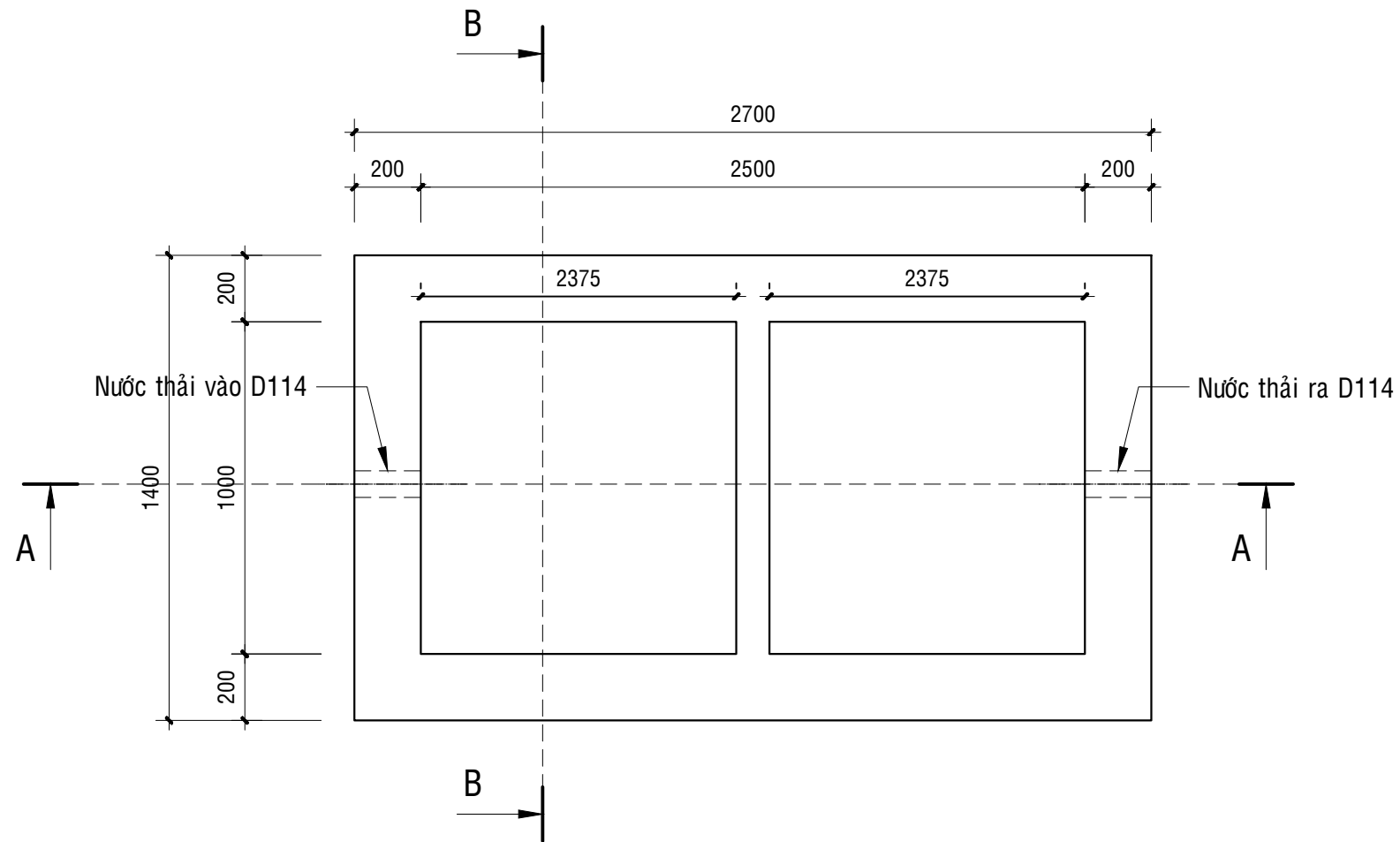
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

BỂ GOM

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 11
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

CHI TIẾT BỂ T06, T07

MẶT BẰNG



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

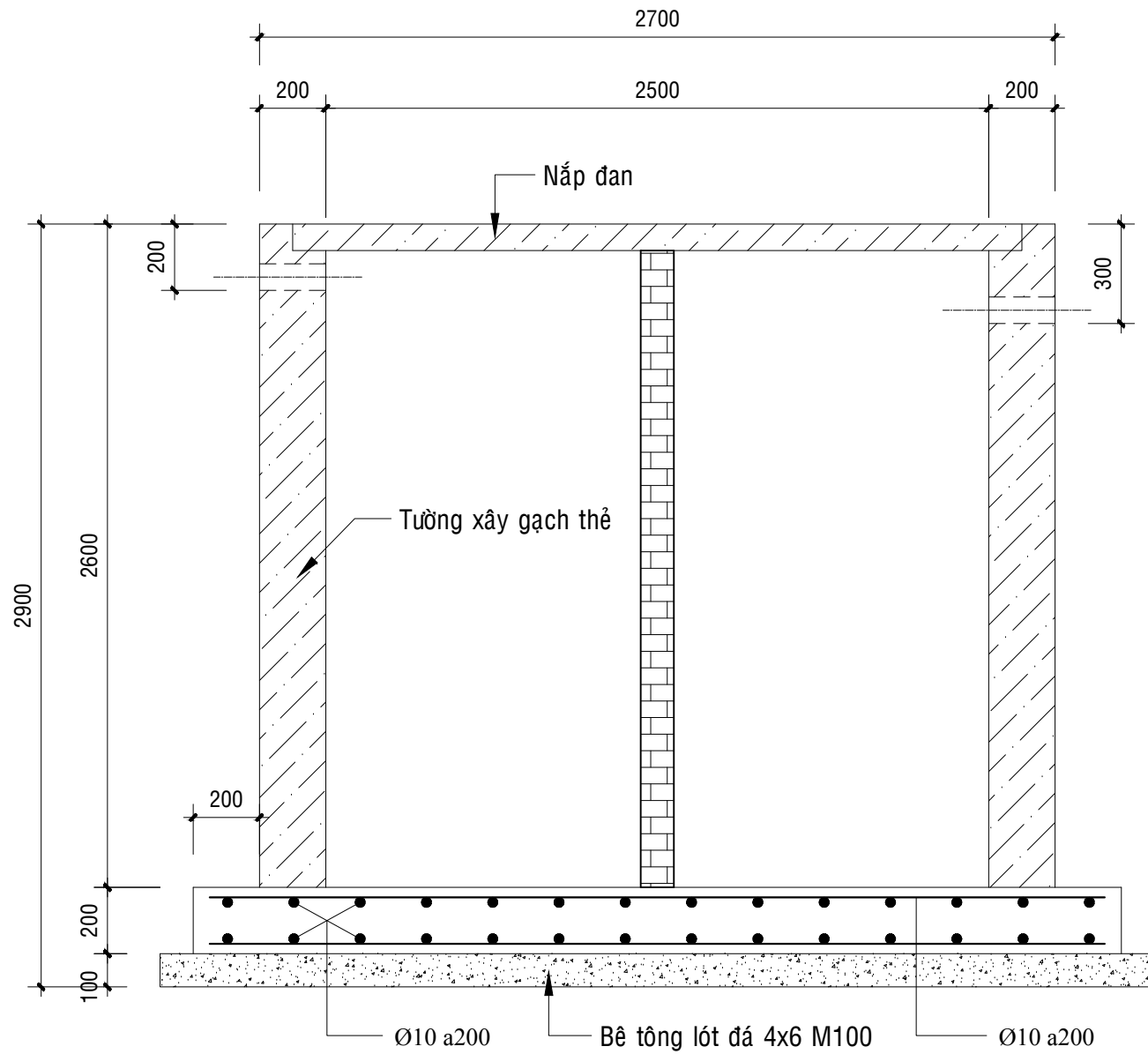
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

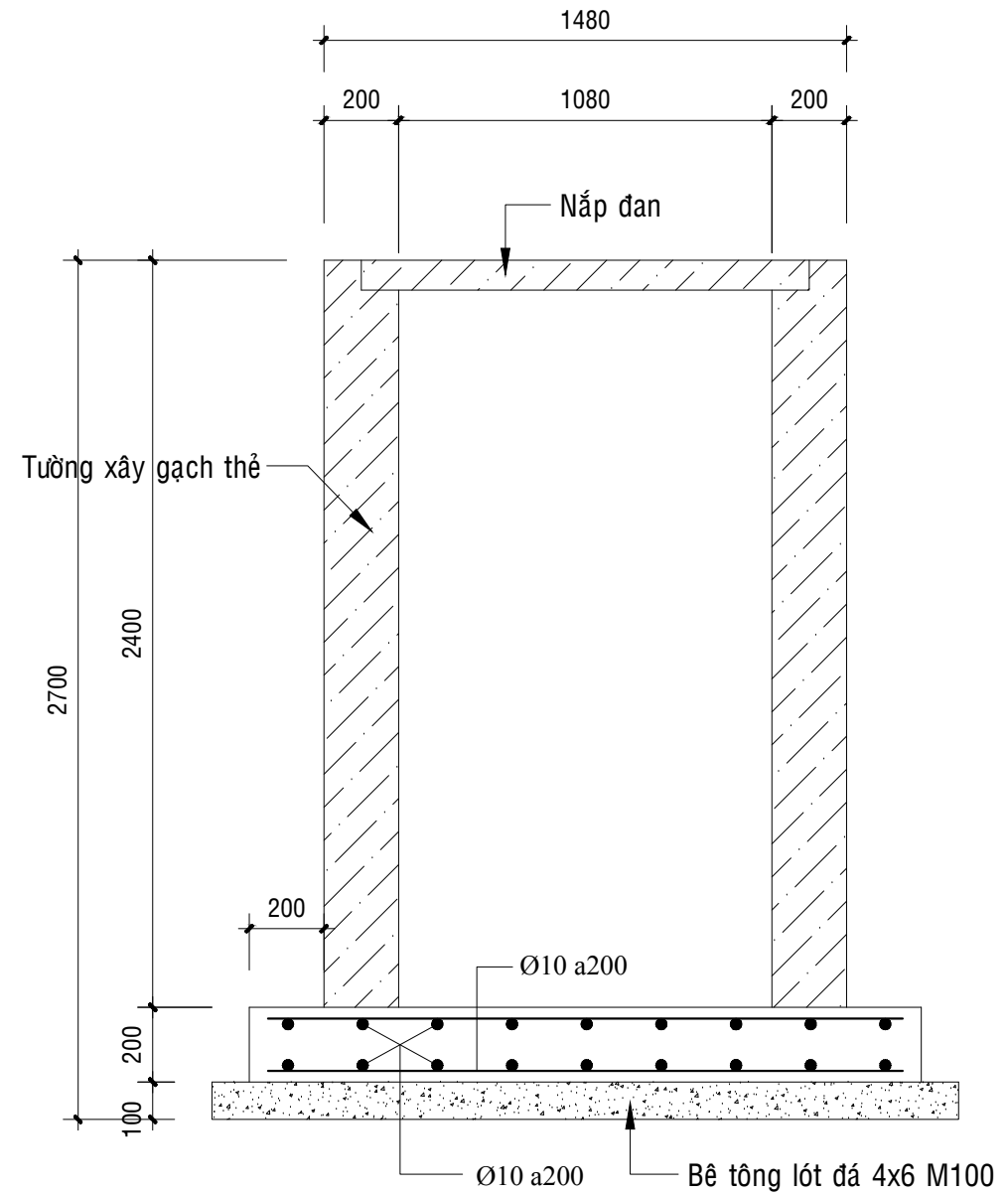
BỂ T06, T07

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 12
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

QL kỹ thuật/ Tech. Manager:
NGUYỄN VĂN BẢO

[Signature]

Chủ trì/ Presided by:
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

Kiểm tra/ Checked by:
TRẦN THỊ NGỌC HẠNH

[Signature]

Thiết kế/ Design by:
Th.S PHẠM HỒNG TUẤN

[Signature]

Vẽ/ Drawn by:
PHẠM THANH PHONG

[Signature]

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

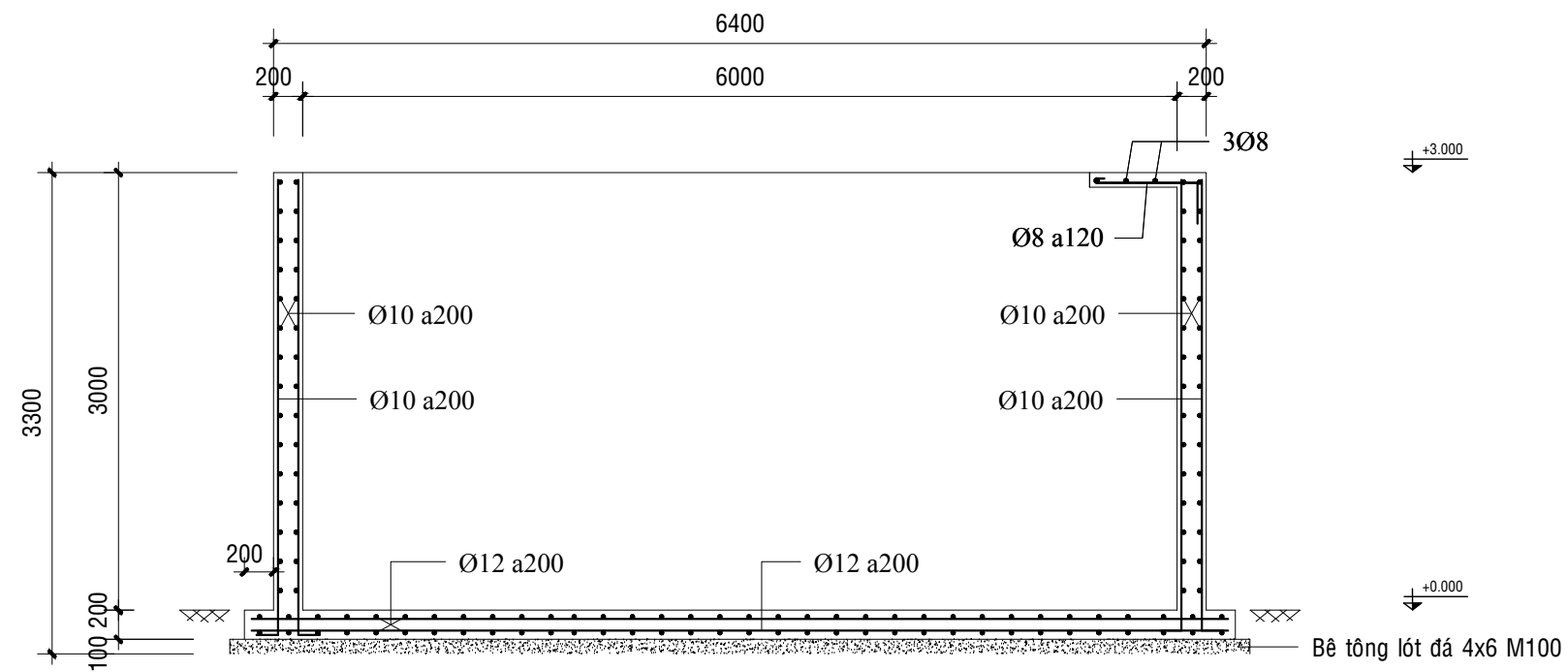
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

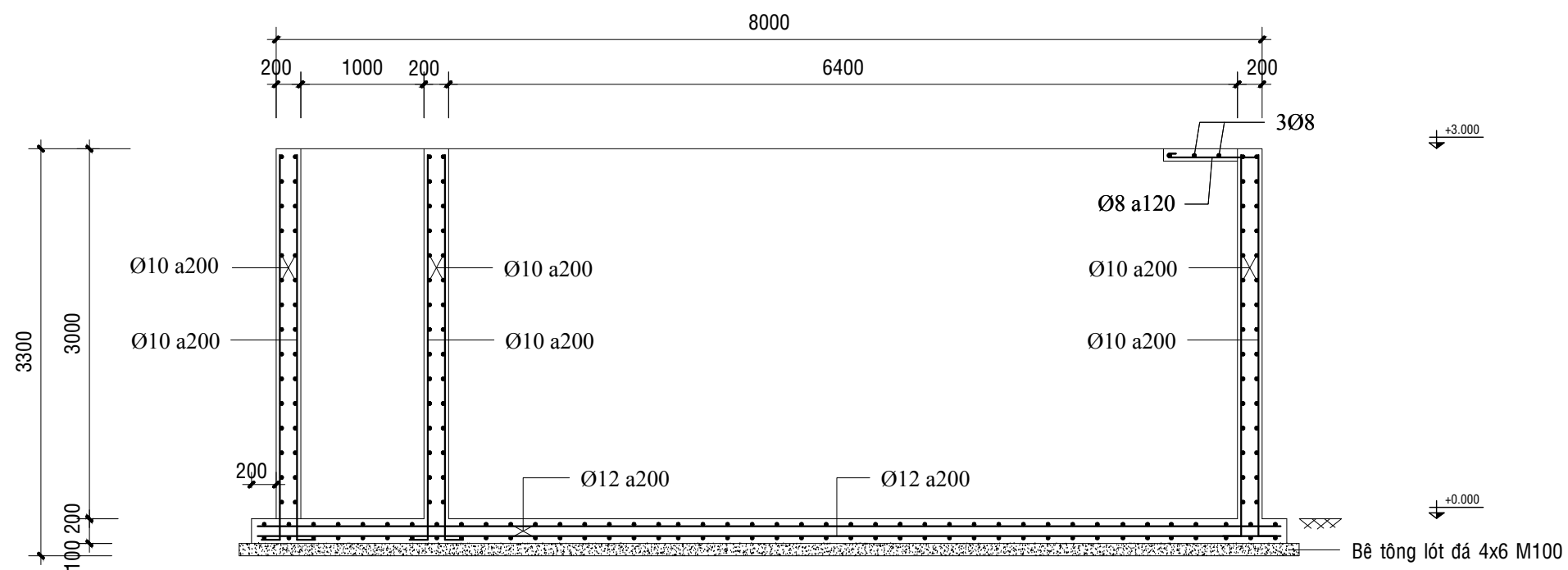
CHI TIẾT BỂ T06, T07

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 13
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM

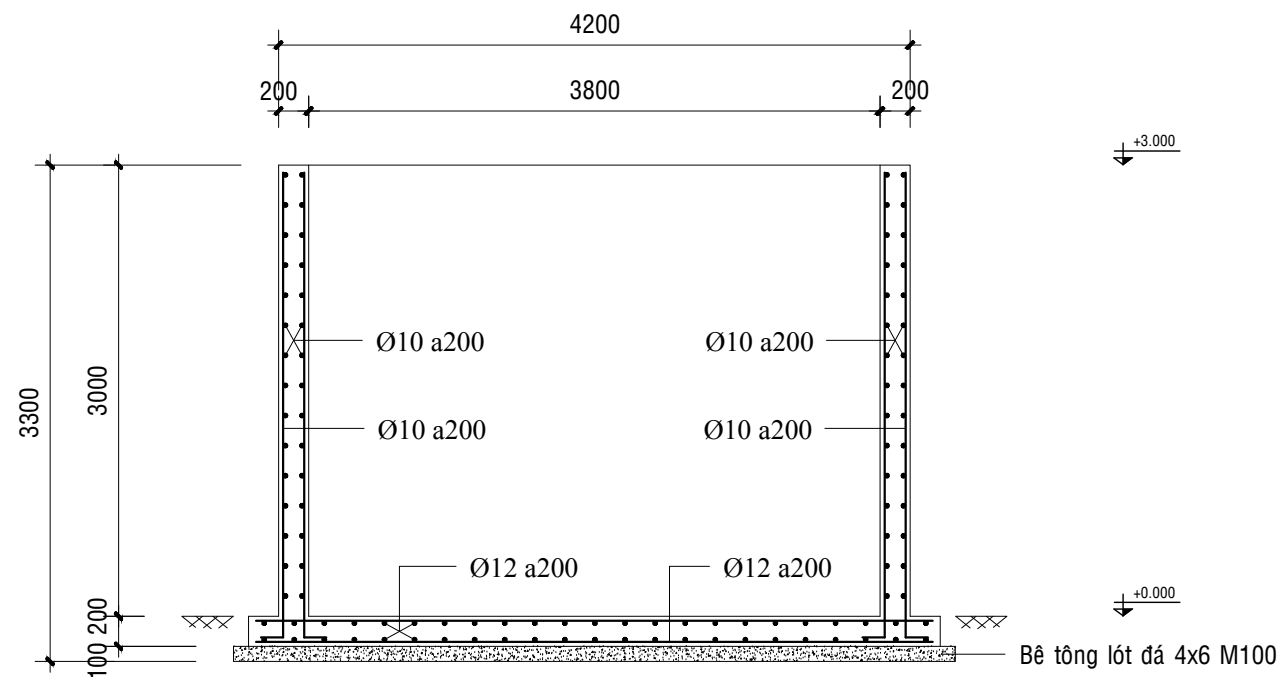
Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

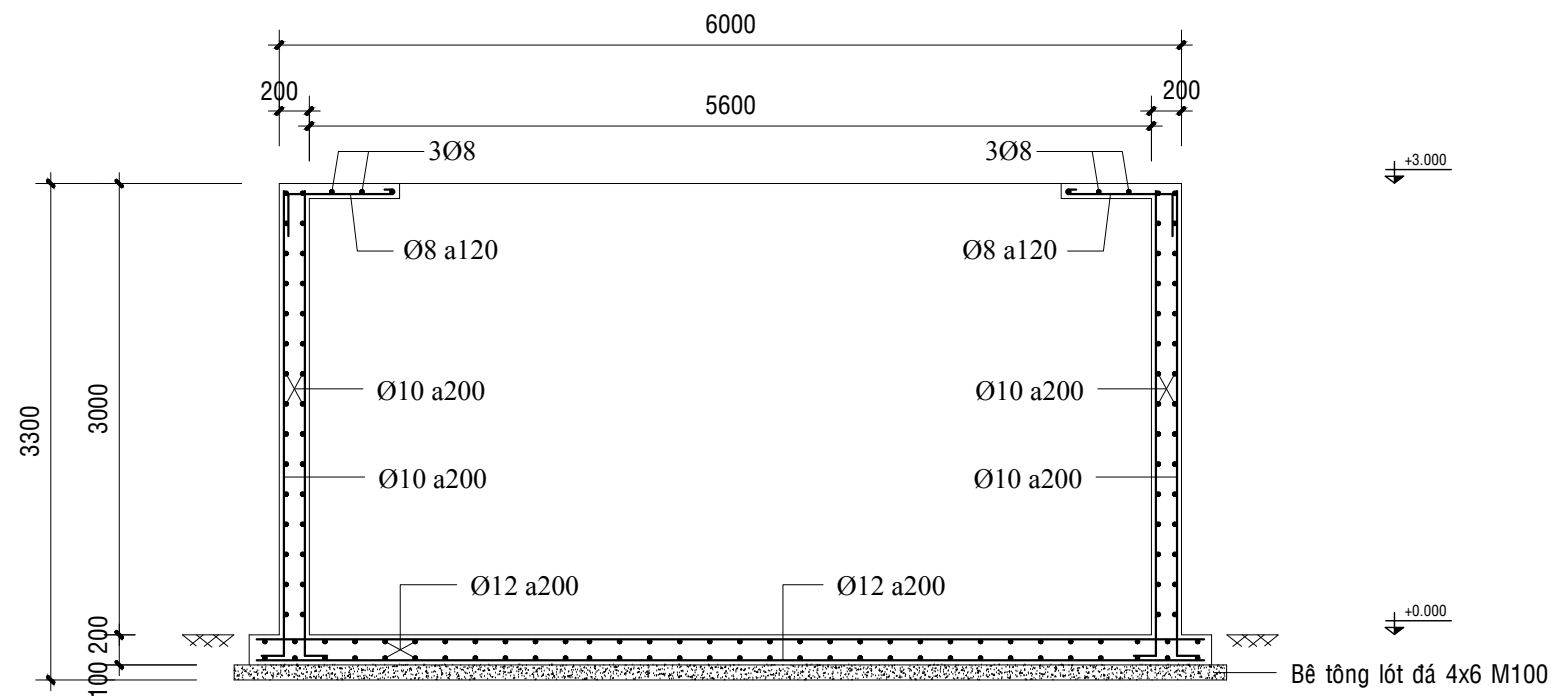
MẶT CẮT A-A; B-B

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 14
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D



CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

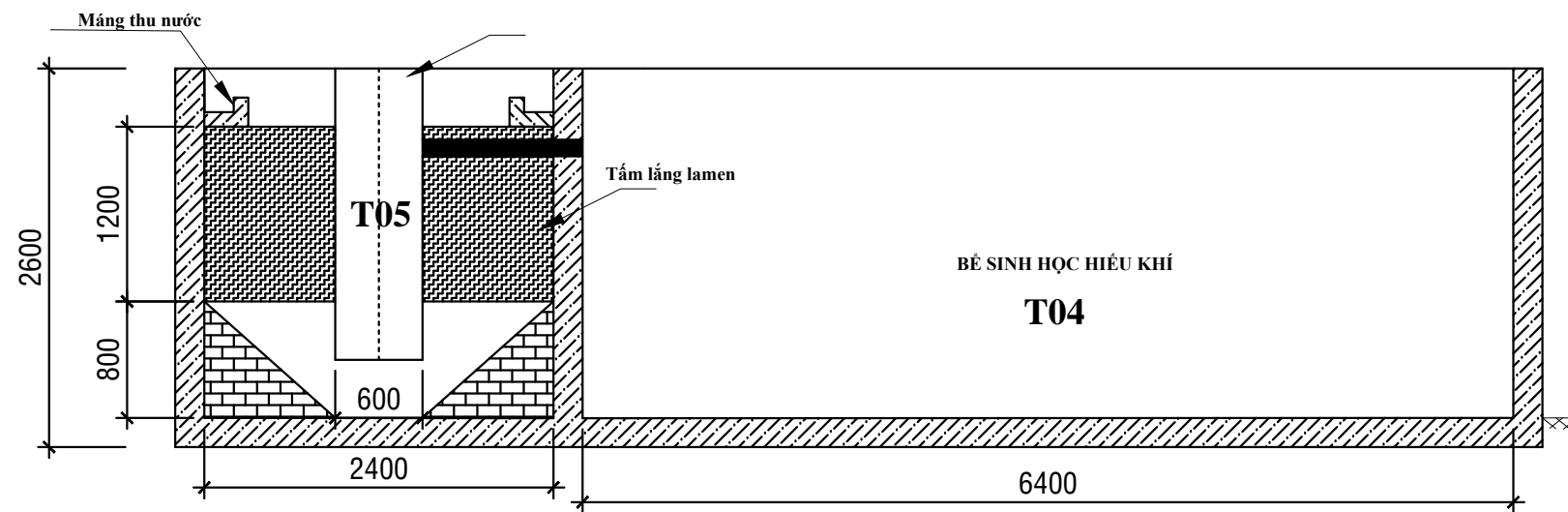
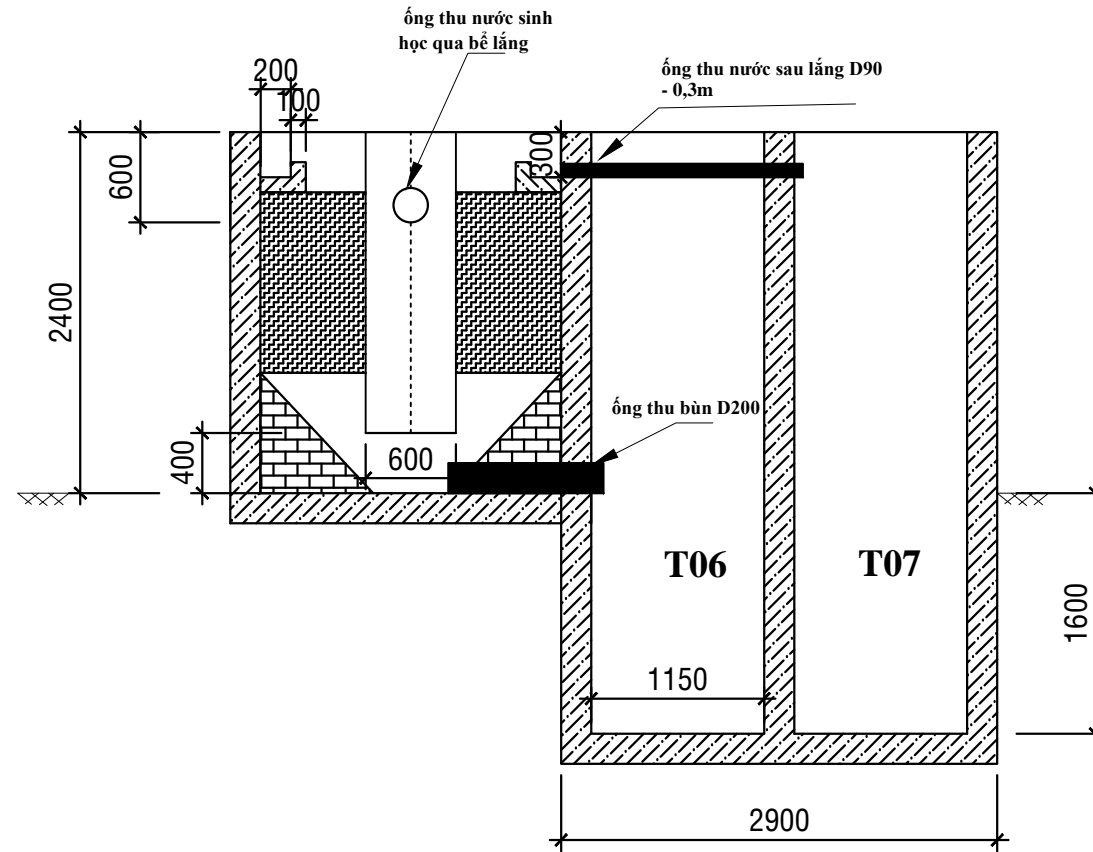
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

MẶT CẮT C-C; D-D

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 15
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	



GHI CHÚ:

- TB: Bệ đặt thiết bị cải tạo (dài 1,8m * rộng 1,4m)
 T04: Bể sinh học (lọt lòng: dài 8,34m * rộng 4,8m * sâu 2,5m)
 T05: Bể lắng cải tạo (lọt lòng: dài 2,4m * rộng 1,8m * sâu 2,4m)
 T06: Bể thu bùn đáy cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)
 T07: Bể khử trùng cải tạo (lọt lòng: dài 1,0m * rộng 0,75m * sâu 2,4m)

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CP GIÀY THIÊN LỘC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

QL kỹ thuật/ Tech. Manager:
NGUYỄN VĂN BẢO

[Signature]

Chủ trì/ Presided by:
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

Kiểm tra/ Checked by:
TRẦN THỊ NGỌC HẠNH

[Signature]

Thiết kế/ Design by:
Th.S PHẠM HỒNG TUẤN

[Signature]

Vẽ/ Drawn by:
PHẠM THANH PHONG

[Signature]

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 120 M³/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ảnh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

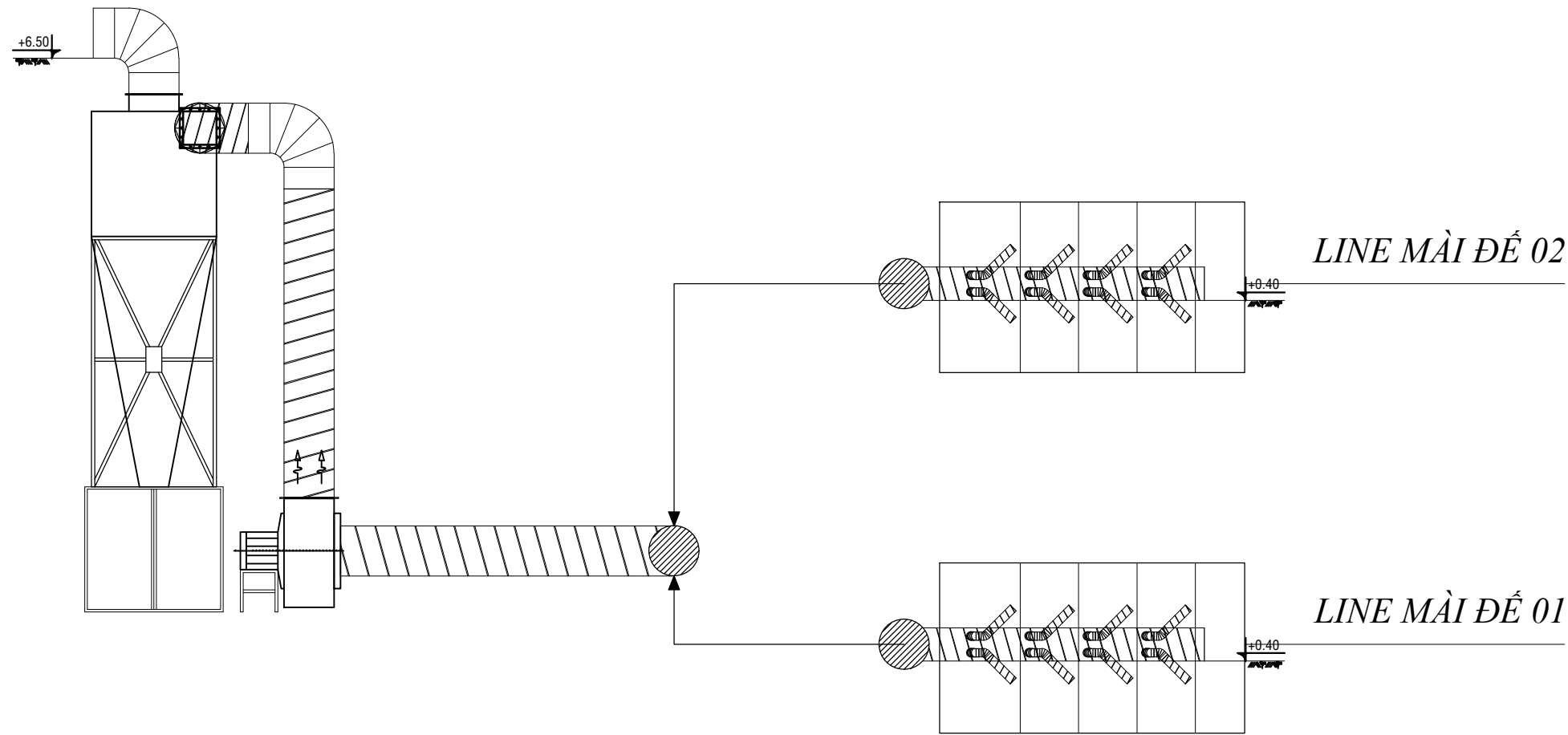
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

CHI TIẾT BỂ LẮNG

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	DWG - 16
06-2022	Tỷ lệ (Scale)	

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐẾ LINE 1 VÀ LINE 2

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 20HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM (32 ĐIỂM HÚT)
03	KHUNG ĐỖ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÂY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THẢO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHỎI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐẾ GIÀY LINE 1
VÀ LINE 2
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

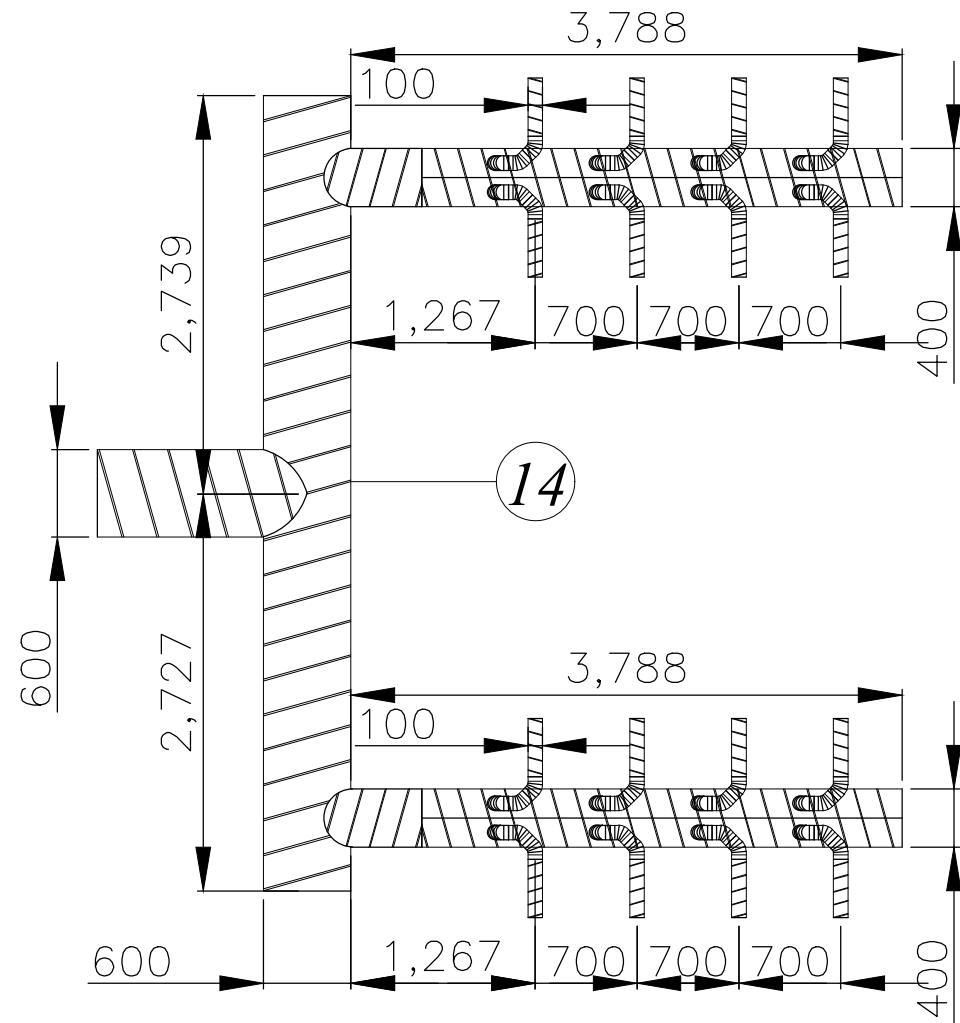
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

*SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI MÀI*

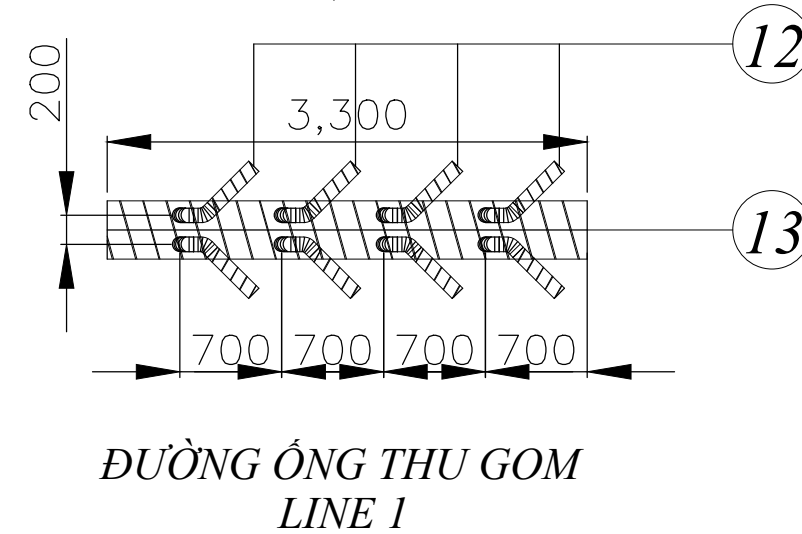
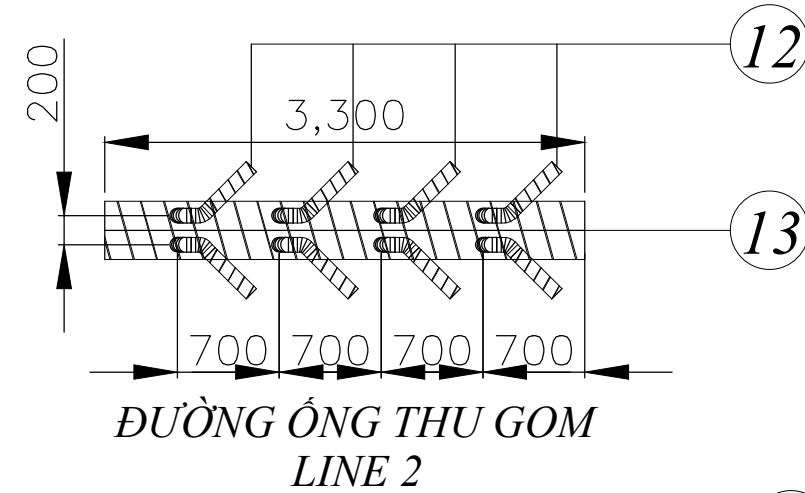
Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 04- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐẾ LINE 1 VÀ LINE 2

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM LINE 1 VÀ LINE 2



CẤU TẠO ĐƯỜNG ỐNG THU BỤI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 20HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM (32 ĐIỂM HÚT)
03	KHUNG ĐỖ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÂY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THẢO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẦY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐẾ GIẦY LINE 1
VÀ LINE 2
CÔNG SUẤT: 15000M³/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

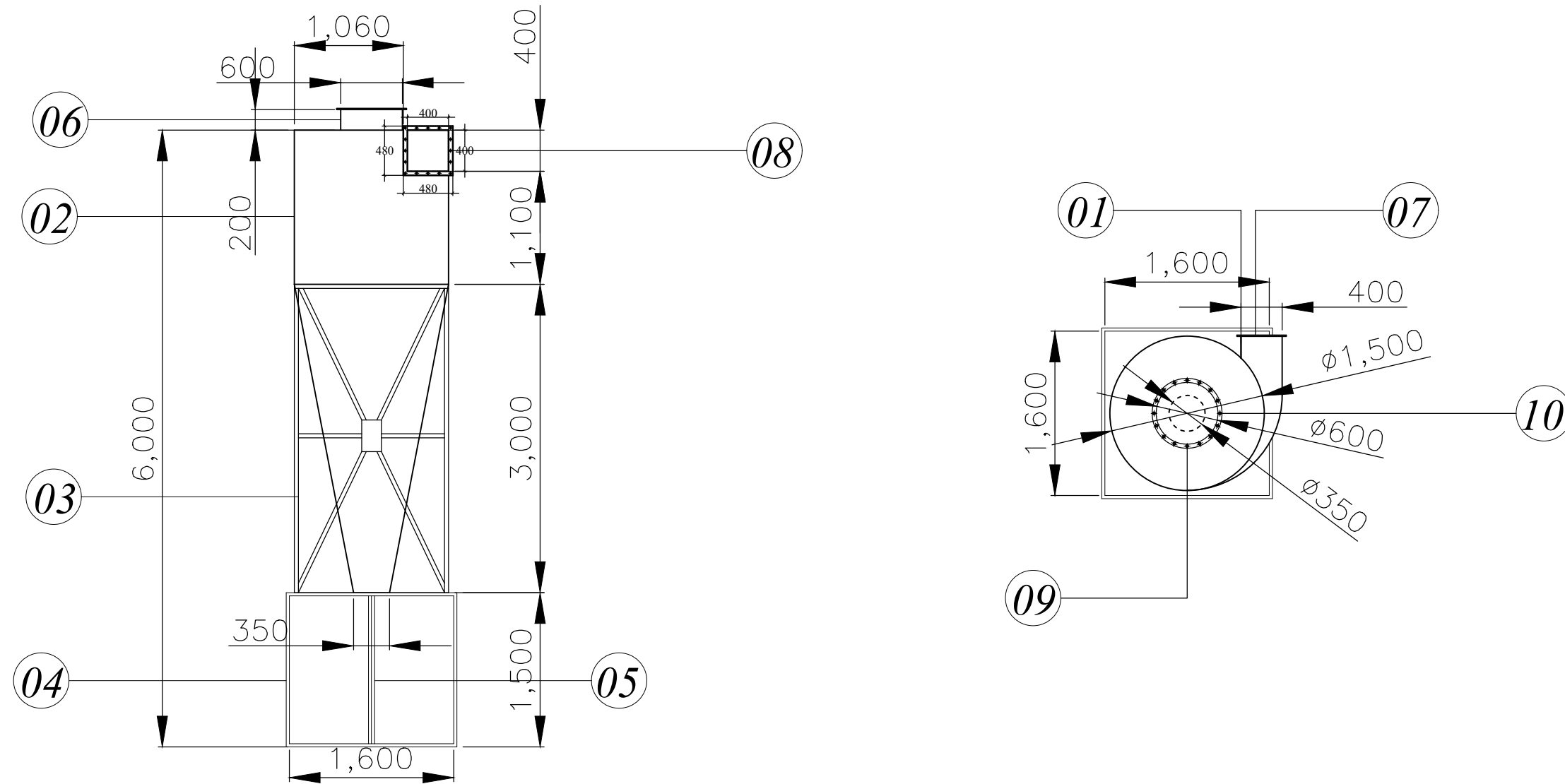
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THU BỤI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 02- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 1 VÀ LINE 2

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 20HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM (32 ĐIỂM HÚT)
03	KHUNG ĐỖ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÂY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THẢO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHỎI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ÁNH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIÀY LINE 1
VÀ LINE 2
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ánh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

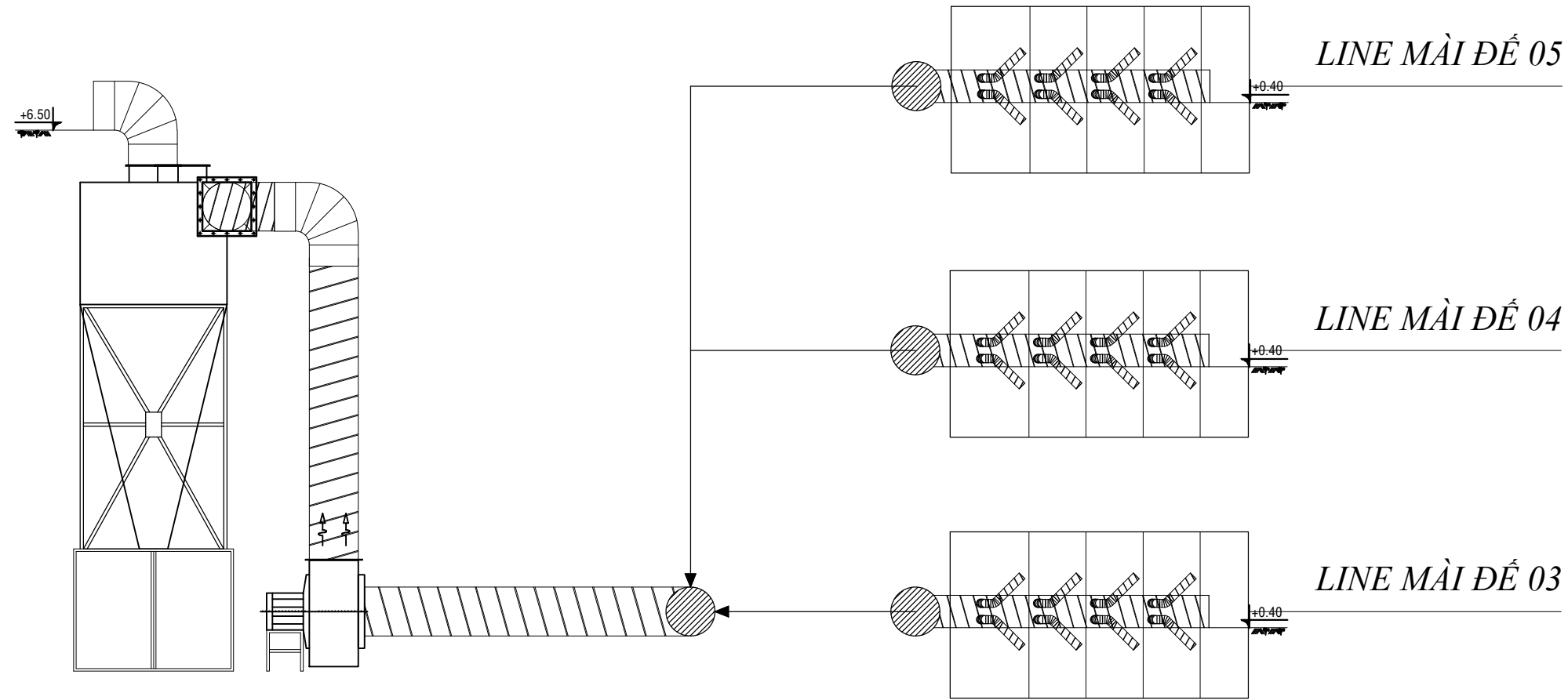
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 01- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 3 LINE 4 VÀ LINE 5

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIÀY LINE 3
LINE 4 VÀ LINE 5
CÔNG SUẤT: 15000M³/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

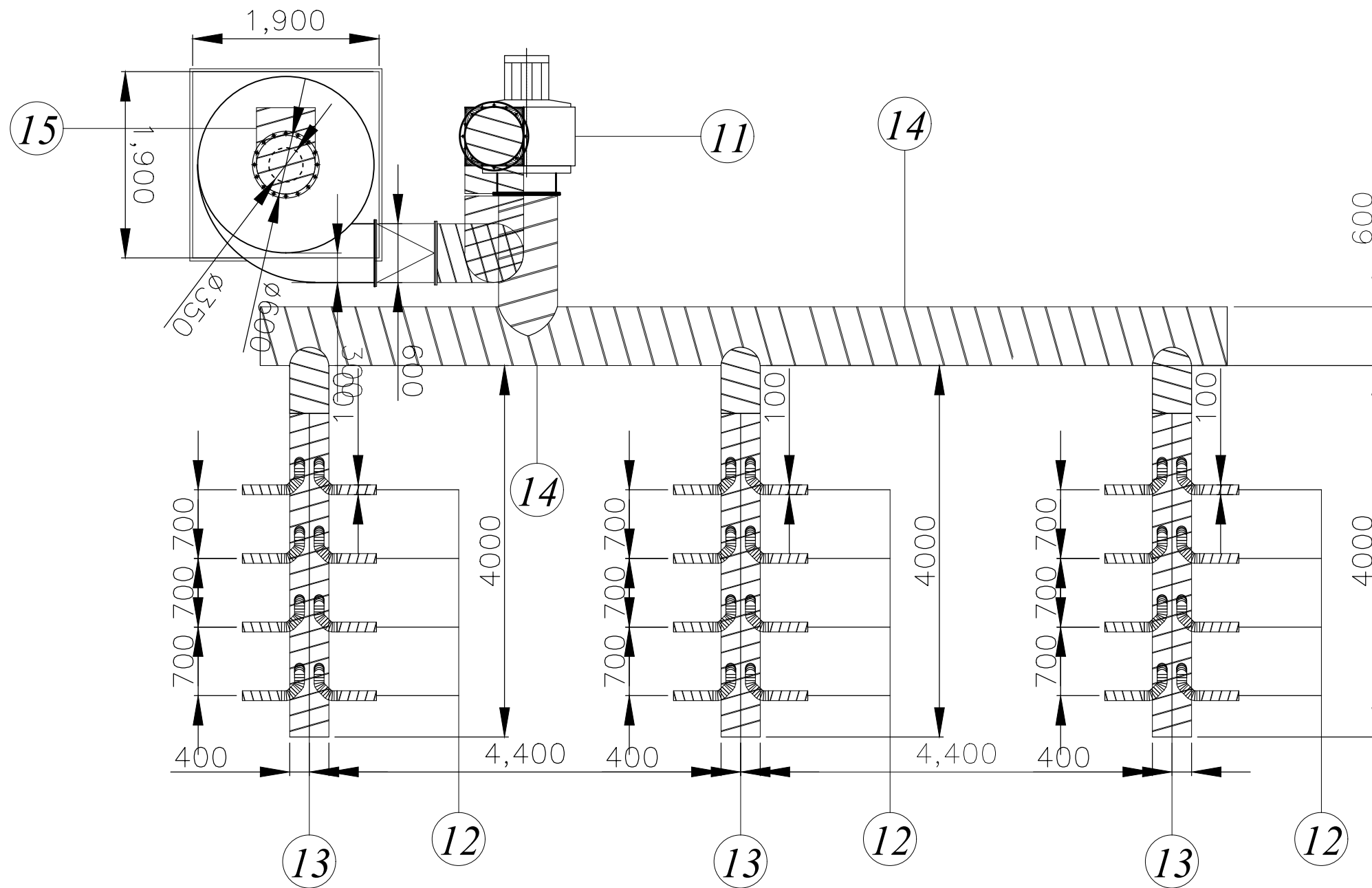
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI MÀI**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 08- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 3 LINE 4 VÀ LINE 5

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



CHÚ THÍCH:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5x4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIÀY LINE 3
LINE 4 VÀ LINE 5
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

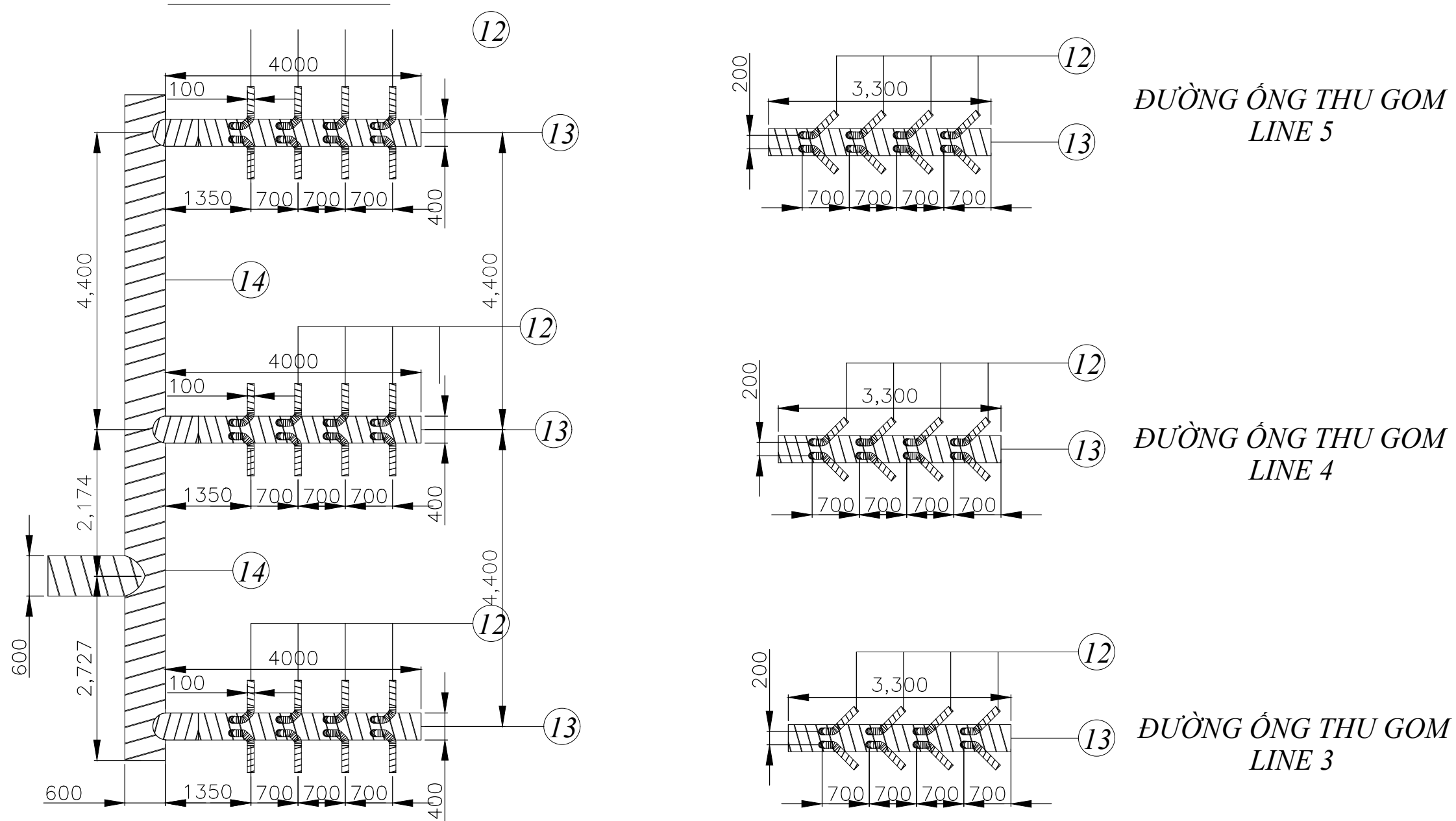
**MẶT BẰNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 07- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 3 LINE 4 VÀ LINE 5

CÔNG SUẤT: 15000M3/H

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ống THU GOM LINE 3, LINE 4, VÀ LINE 5



CẤU TẠO ĐƯỜNG ống THU BỤI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5x4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ống KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ống HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ống KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ống DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ống KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ống DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ống KHỎI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ống KHỎI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẦY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIẦY LINE 3
LINE 4 VÀ LINE 5
CÔNG SUẤT: 15000M3/H

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

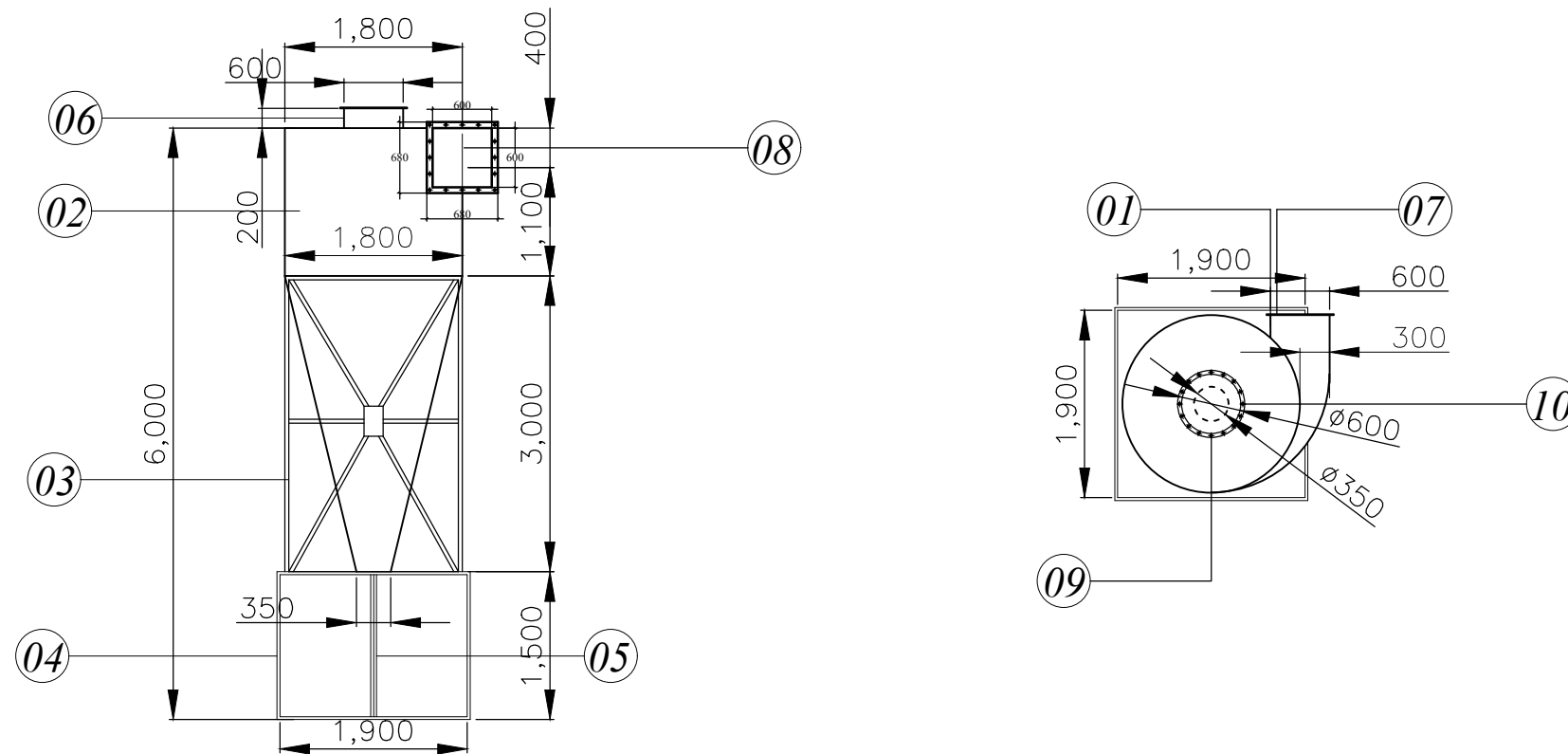
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống THU BỤI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 06 - BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 3 LINE 4 VÀ LINE 5

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIÀY LINE 3
LINE 4 VÀ LINE 5
CÔNG SUẤT: 15000M³/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

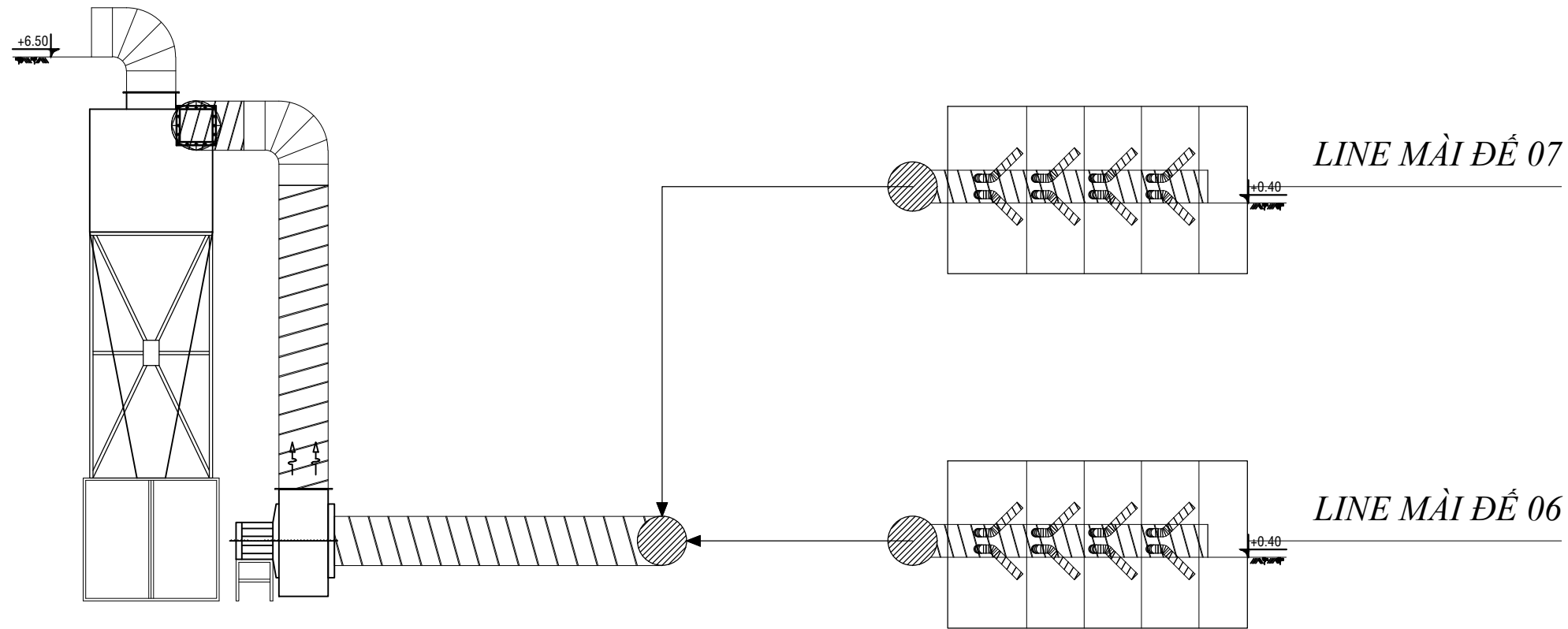
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI MÀI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 05- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐẾ LINE 6 VÀ LINE 7

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5x4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ÁNH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐẾ GIÀY LINE 6
VÀ LINE 7
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Ánh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

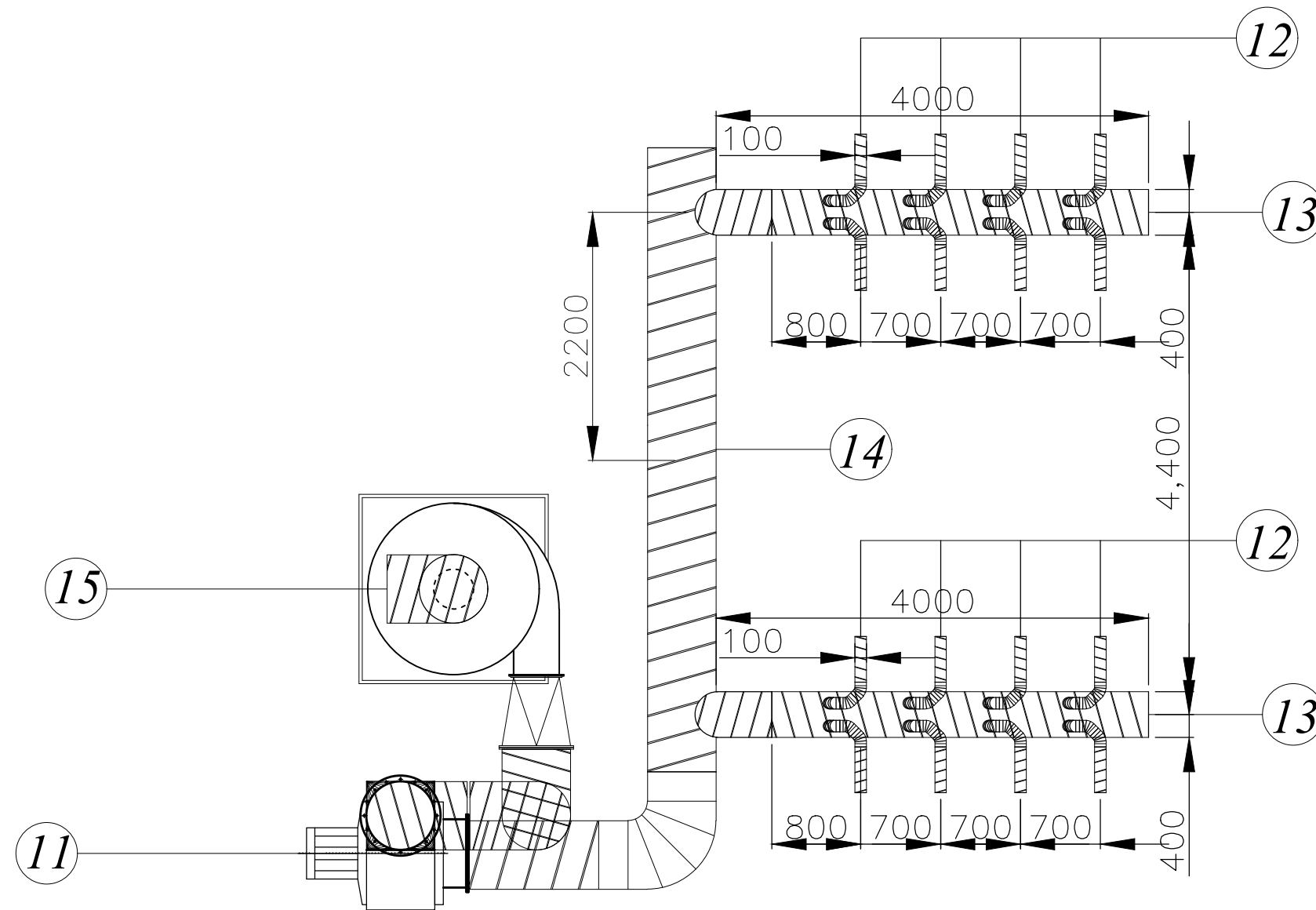
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

*SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI MÀI*

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 12- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐÈ LINE 6 VÀ LINE 7

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5X4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐÈ GIÀY LINE 6
VÀ LINE 7
CÔNG SUẤT: 15000M³/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

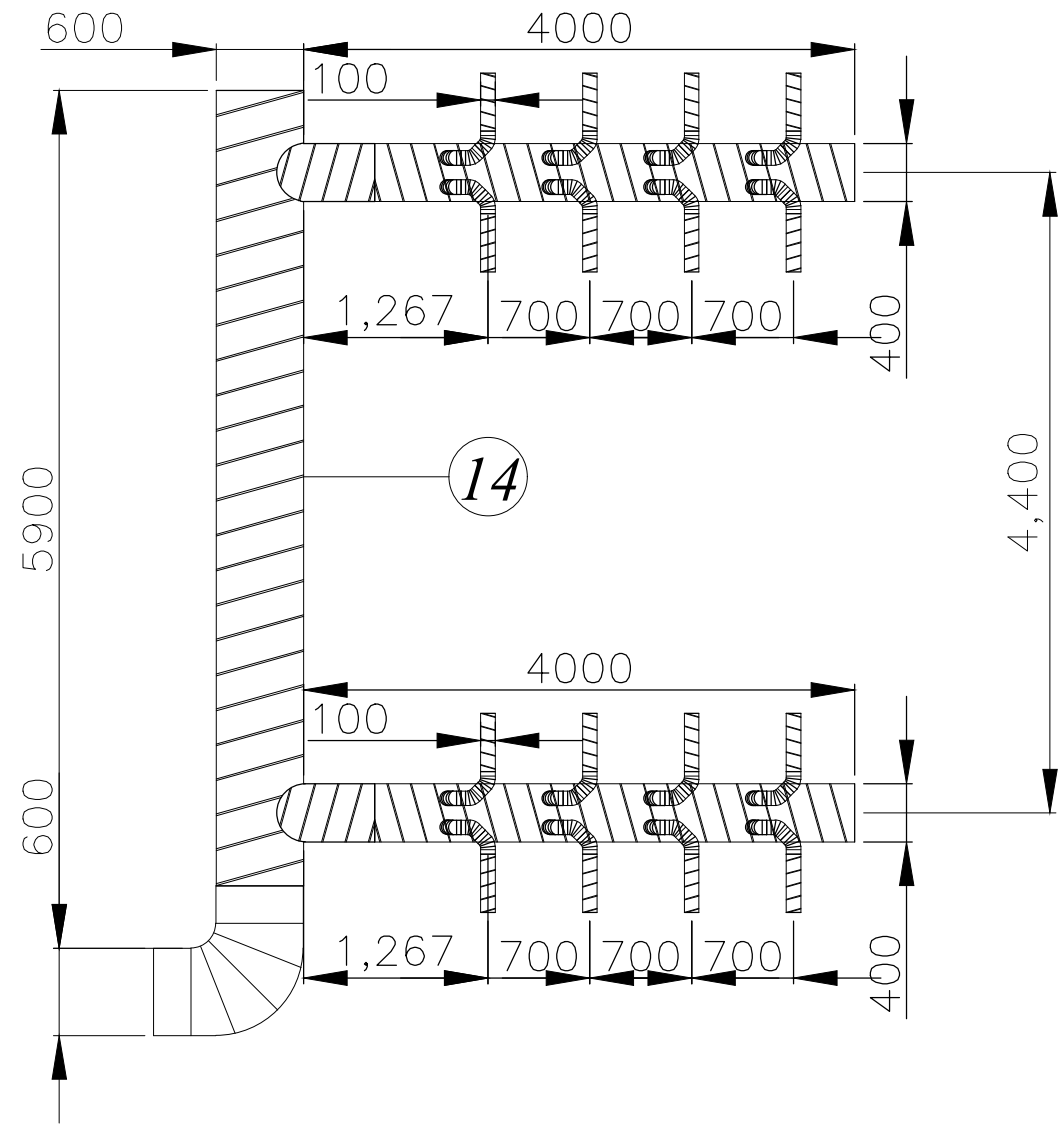
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**MẶT BẰNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI**

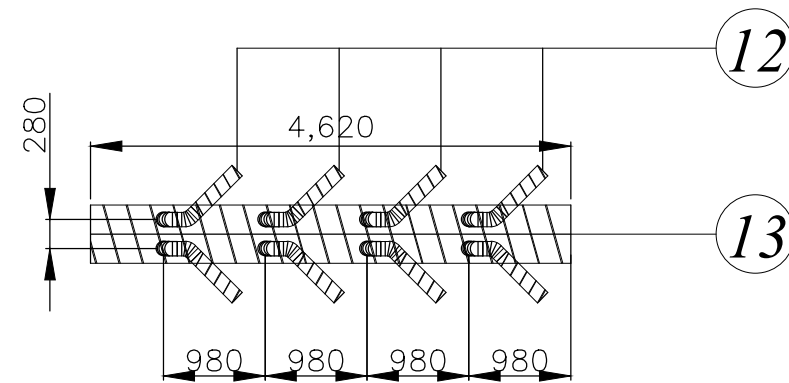
Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 11- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 6 VÀ LINE 7

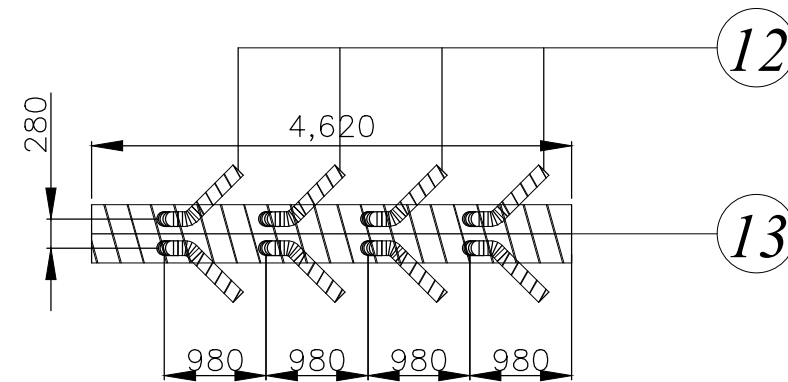
CÔNG SUẤT: 15000M³/H



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM LINE 3, LINE 4, VÀ LINE 5



ĐƯỜNG ỐNG THU GOM
LINE 7



ĐƯỜNG ỐNG THU GOM
LINE 6

CHÚ THÍCH:

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THU GOM BỤI

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5x4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỖ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGẮN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẦY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
Đt: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ MÀI ĐỂ GIẦY LINE 6
VÀ LINE 7
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

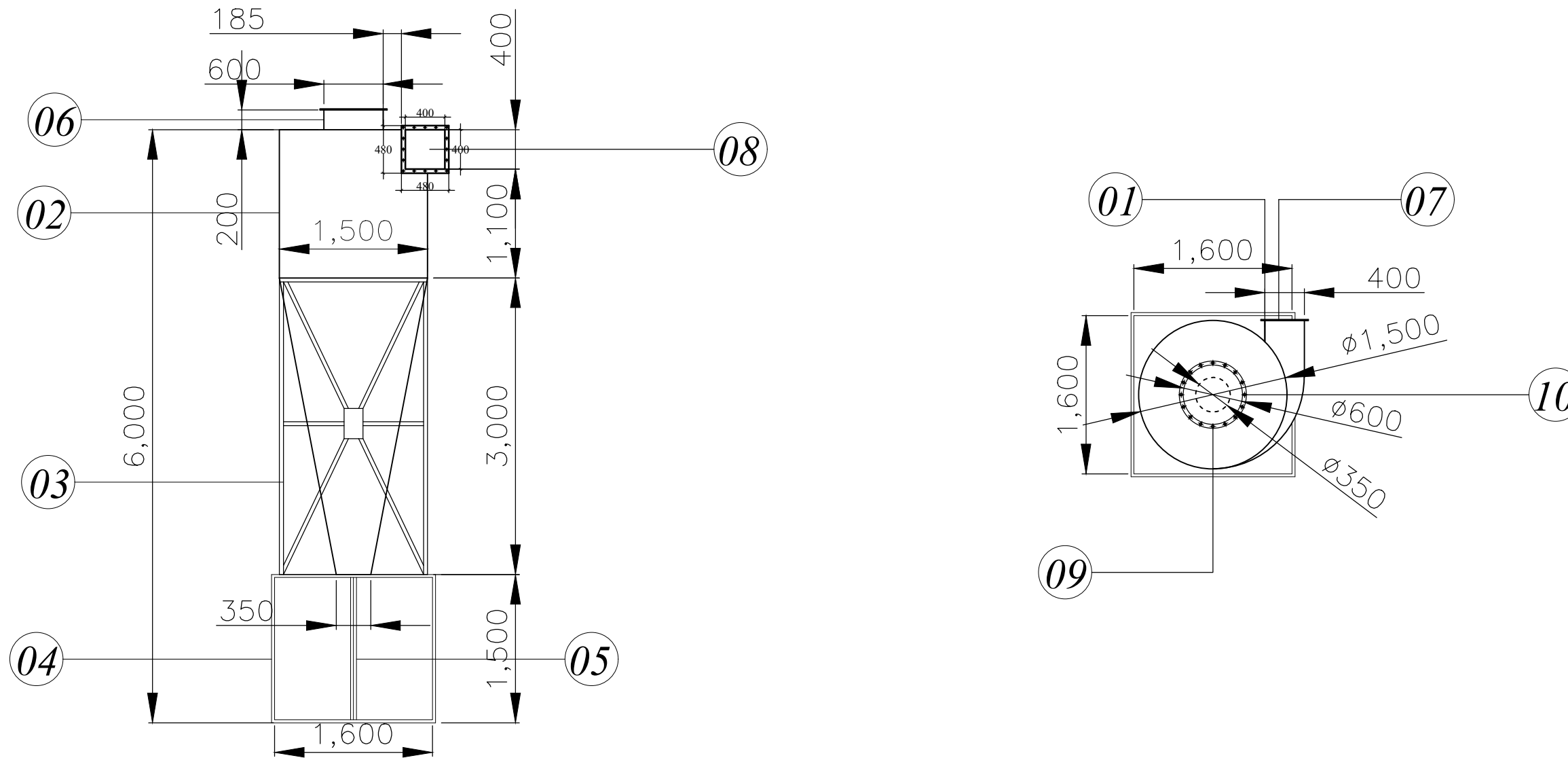
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THU BỤI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 10- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ LINE 6 VÀ LINE 7

CÔNG SUẤT: 15000M³/H



CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI MÀI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	VỊ TRÍ KHÍ ĐI VÀO THÁP XỬ LÝ	LxW= 0.4 x 0.4 m	06	VỊ TRÍ KHÍ ĐI RA KHỎI THÁP	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	QUẠT HÚT BỤI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ
02	THÂN THÁP XỬ LÝ BỤI	KÍCH THƯỚC: DXH = 1,5x4,5M	07	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, DÀY 10MM	12	ỐNG HÚT BỤI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM
03	KHUNG ĐỠ THÁP XỬ LÝ BỤI	GIA CỐ BẰNG V40, DÀY 3MM	08	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÍ VÀO THÁP	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	13	ỐNG DẪN BỤI NHÁNH	ĐƯỜNG KÍNH 400MM
04	NGĂN CHỨA BỤI	KÍCH THƯỚC: LXWXH = 1,6X1,6X1,5M	09	MẶT BÍCH LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3 DÀY 10MM	14	ỐNG DẪN BỤI CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
05	CỬA THÁO BỤI	KÍCH THƯỚC 1,6 X 1,5M	10	BULON LIÊN KẾT ỐNG KHÓI	VẬT LIỆU THÉP CT3, M12X30	15	ỐNG KHÓI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

*CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀI ĐỂ GIÀY LINE 6
VÀ LINE 7
CÔNG SUẤT: 15000M³/H*

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

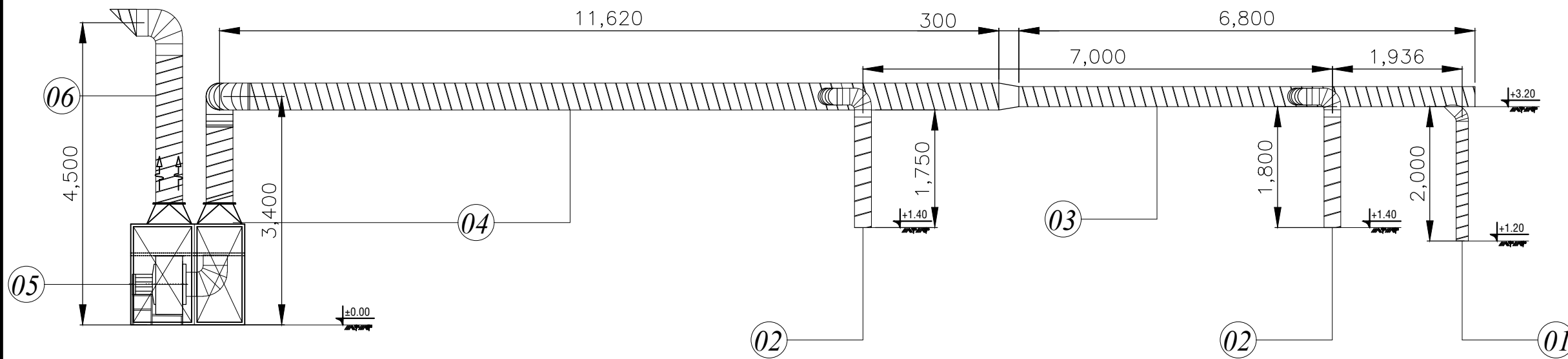
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

CẤU TẠO THÁP XỬ LÝ BỤI MÀI

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 09- BUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYÊN RỬA ĐỀ

CÔNG SUẤT: 12000M3/H



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 180MM	04	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	07	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	05	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 15HP/380V/50HZ	08	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	06	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	09	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 1,7x1,5x1,5MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI RỬA ĐỀ DÀY
CÔNG SUẤT: 12000M3/H**

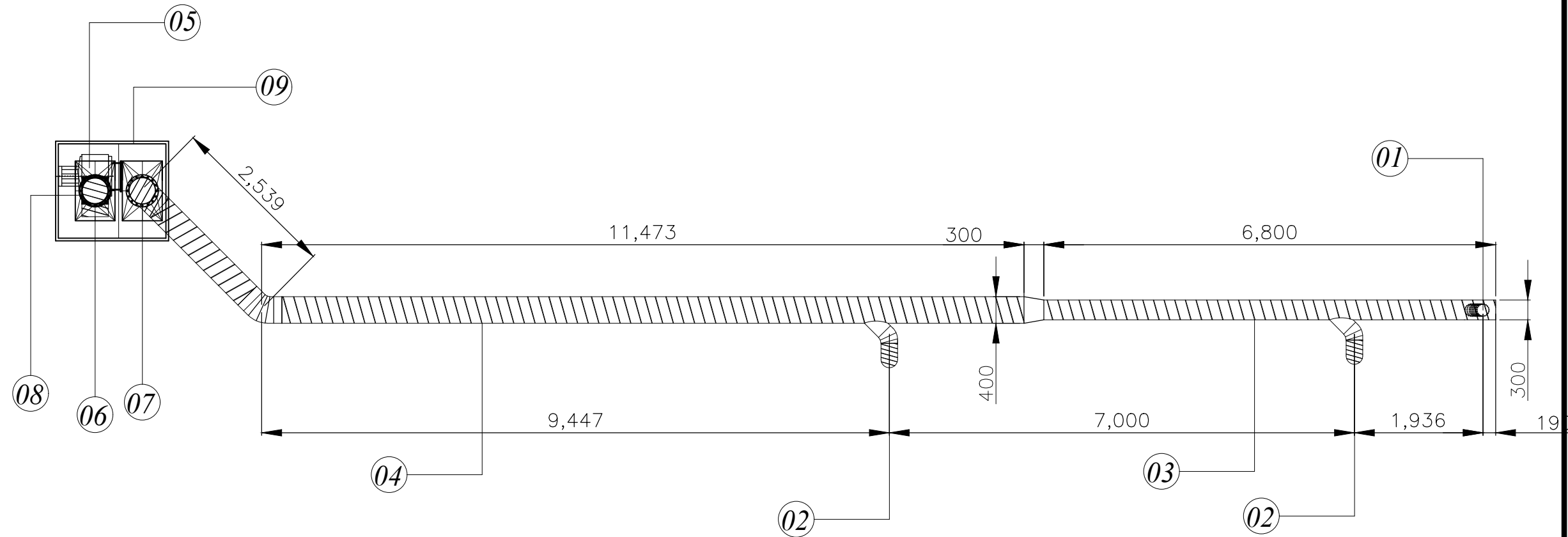
Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ MÙI**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 13- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYÊN RỬA ĐỂ CÔNG SUẤT: 12000M3/H



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 180MM	04	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	07	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	05	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 15HP/380V/50HZ	08	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	06	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	09	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 1,7x1,5x1,5MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○	○
○	○

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI RỬA ĐỂ DÀY
CÔNG SUẤT: 12000M3/H**

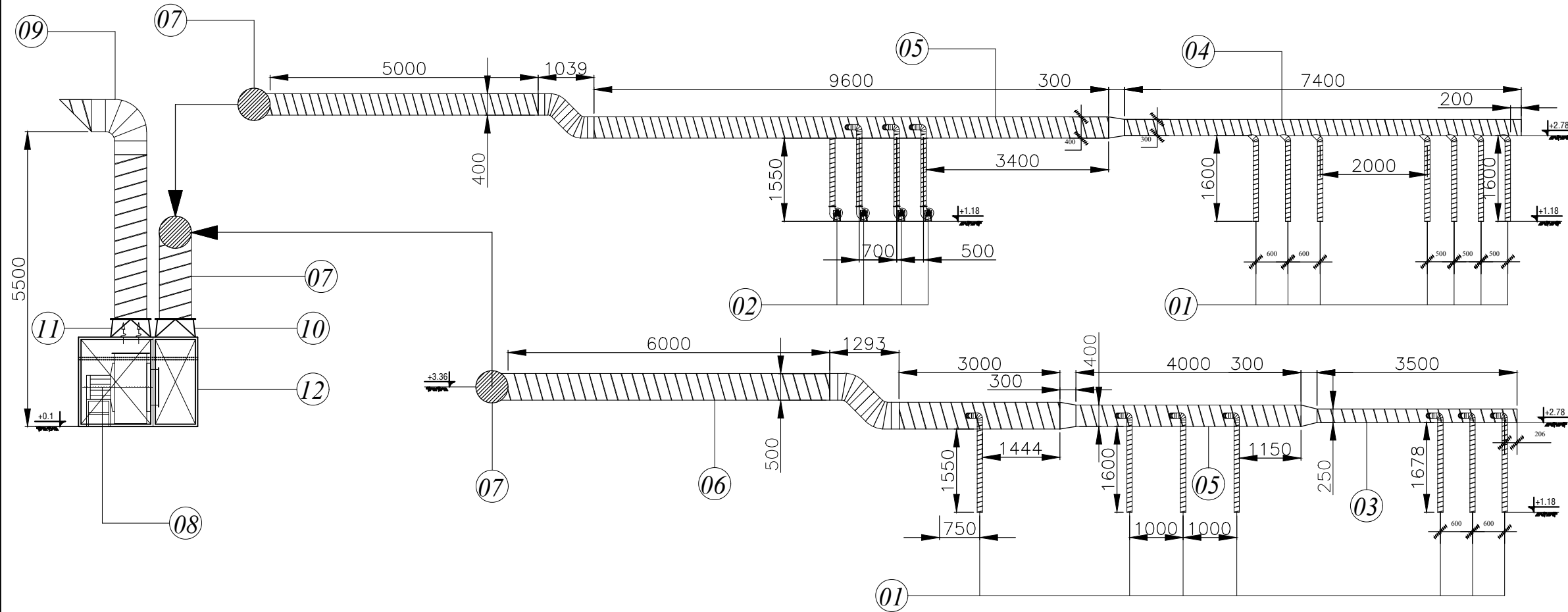
Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 14- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYỂN DÁN ĐỂ GIÀY LINE 1 VÀ LINE 2, CÔNG SUẤT: 12000M3/H



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM	05	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	09	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	QUẠT HÚT MÙI HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 2HP/380V/50HZ	06	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 500MM	10	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	07	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
04	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	08	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ	12	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 2,0x1,5x1,7MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

Trình Duyệt (For Approval)

Tham Khảo (For Reference)

Thi Công (For Construction)

Đấu Thầu (For Tender)

Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director
Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

QL kỹ thuật/ Tech. Manager:
NGUYỄN VĂN BẢO

[Signature]

Chủ trì/ Presided by:

Th.S PHÚ TRẦN LIÊM

[Signature]

Kiểm tra/ Checked by:

TRẦN THỊ NGỌC HẠNH

[Signature]

Thiết kế/ Design by:

Th.S PHẠM HỒNG TUẤN

[Signature]

Vẽ/ Drawn by:

PHẠM THANH PHONG

[Signature]

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KEO DÁN DÂY
LINE 1 VÀ LINE 2
CÔNG SUẤT: 12000M3/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

Ngày phát hành
(Issued Date)

11-2023

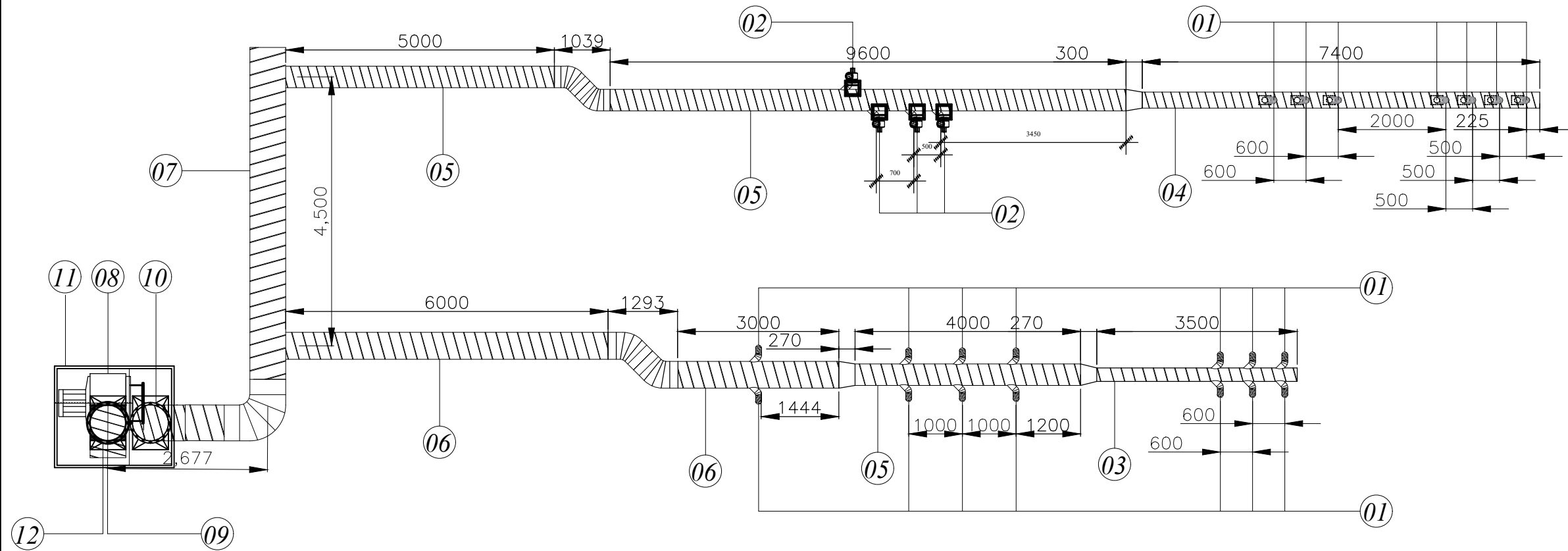
Số hiệu
(Dwg. No.)

Tỷ lệ
(Scale)

BVKT : 16- MUI

1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYỀN DÁN ĐÉ GIÀY LINE 1 VÀ LINE 2, CÔNG SUẤT: 12000M³/H



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 100MM	05	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	09	ỐNG KHỎI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	QUẠT HÚT MÙI HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 2HP/380V/50HZ	06	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 500MM	10	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	07	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	11	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
04	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	08	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 25HP/380V/50HZ	12	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 2,0x1,5x1,7MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIỆN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP.2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KEO DÁN DÀY
LINE 1 VÀ LINE 2
CÔNG SUẤT: 12000M³/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP.2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

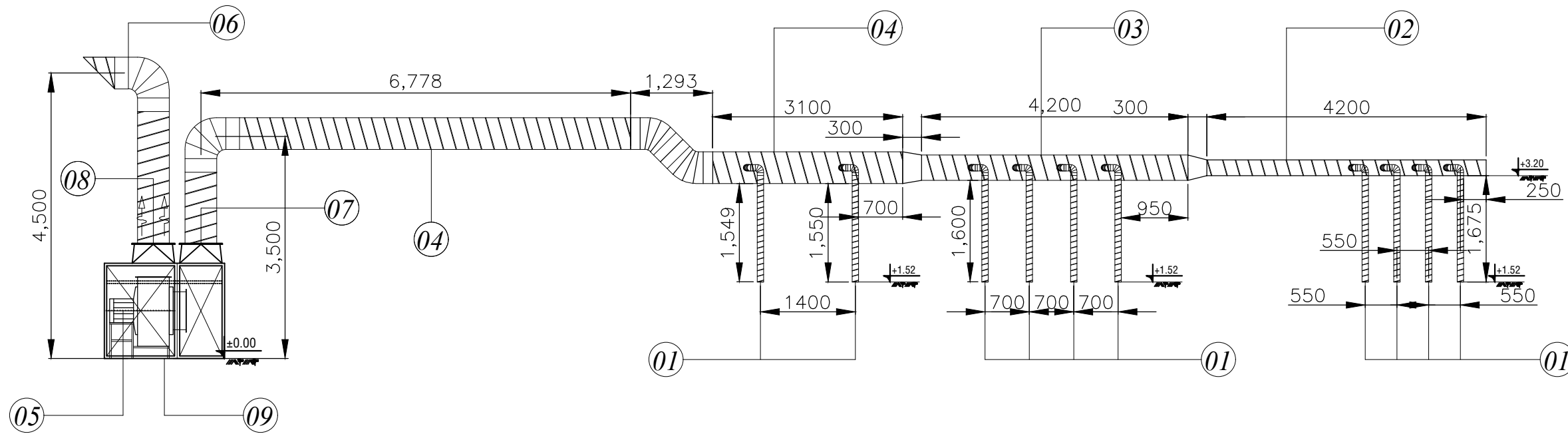
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 17- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYỂN DẪN ĐẾN LINE 3

CÔNG SUẤT: 12000M³/H



SƠ ĐỒ

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 180MM	04	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	07	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	05	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 15HP/380V/50HZ	08	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	06	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	09	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 1,7x1,5x1,5MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẦY
THIÊN LỘC

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KEO DÁN GIẦY
LINE 3
CÔNG SUẤT: 12000M³/H

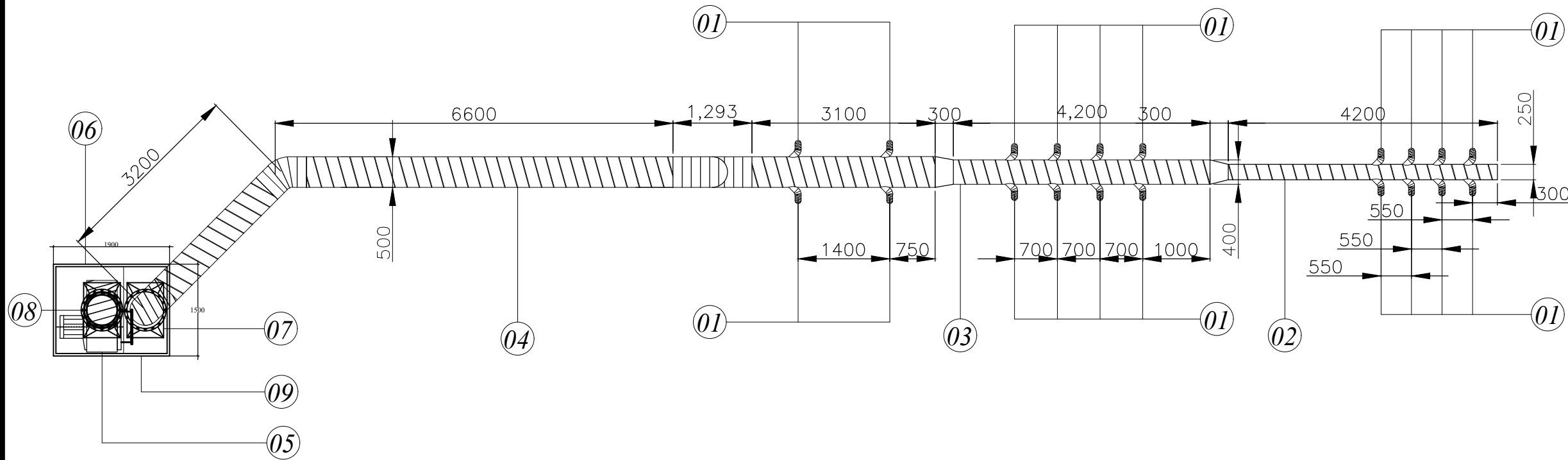
Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 19- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYỂN DẪN ĐẾN LINE 3

CÔNG SUẤT: 12000M3/H



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 180MM	04	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	07	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	05	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 15HP/380V/50HZ	08	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	06	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	09	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 1,7x1,5x1,5MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

○		○	
○		○	

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KEO DÁN GIÀY
LINE 3
CÔNG SUẤT: 12000M3/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

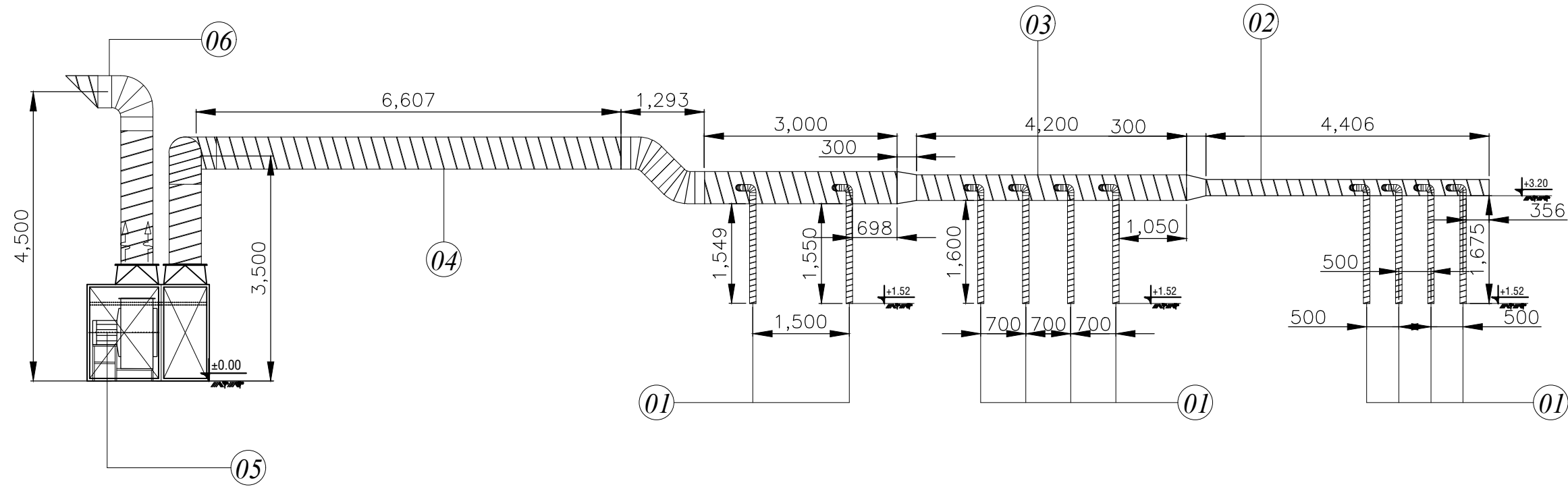
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 20- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100

HỆ THỐNG THU GOM THOÁT HƠI HÓA CHẤT CHUYỂN DÁN ĐỂ LINE 4

CÔNG SUẤT: 12000M3/H



SƠ ĐỒ

CHÚ THÍCH:

KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH	KÝ HIỆU	TÊN	KÍCH THƯỚC / QUY CÁCH
01	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 180MM	04	ĐƯỜNG ỐNG CHÍNH DẪN KHÍ	ĐƯỜNG KÍNH 400MM	07	KHÍ VÀO THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
02	ĐƯỜNG ỐNG NHÁNH HÚT MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 250MM	05	QUẠT HÚT MÙI	CÔNG SUẤT: 15HP/380V/50HZ	08	KHÍ RA KHỎI THÁP XỬ LÝ MÙI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM
03	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ CHÍNH	ĐƯỜNG KÍNH 300MM	06	ỐNG KHÓI XẢ THẢI	ĐƯỜNG KÍNH 600MM	09	THÁP XỬ LÝ MÙI	KÍCH THƯỚC: LxWxH = 1,7x1,5x1,5MM

CHỦ ĐẦU TƯ/ THE OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẦY
THIÊN LỘC**

ĐỊA CHỈ: SỐ 108, NGUYỄN ANH THỦ, KP2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH,
QUẬN 12, TP.HCM.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

<input type="checkbox"/>	Trình Duyệt (For Approval)
<input type="checkbox"/>	Tham Khảo (For Reference)
<input type="checkbox"/>	Thi Công (For Construction)
<input type="checkbox"/>	Đấu Thầu (For Tender)
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoàn Công (As-Built)

HIỆU CHỈNH / REVISION

NHÀ THẦU/ THE CONTACTOR

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
HOÀNG LONG**

Đ/c: 399/2 Nguyễn Đình Chiểu - P.05 - Q.03 - Tp.HCM
ĐT: 028.6250.9967

Giám Đốc/Director Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
QL kỹ thuật/ Tech. Manager: NGUYỄN VĂN BẢO	
Chủ trì/ Presided by: Th.S PHÚ TRẦN LIÊM	
Kiểm tra/ Checked by: TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	
Thiết kế/ Design by: Th.S PHẠM HỒNG TUẤN	
Vẽ/ Drawn by: PHẠM THANH PHONG	

TÊN CÔNG TRÌNH/ PROJECT NAME

**HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KEO DÁN GIẦY
LINE 4
CÔNG SUẤT: 12000M3/H**

Địa chỉ: 108 Nguyễn Anh Thủ, KP2, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ MÙI**

Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	BVKT : 22- MUI
11-2023	Tỷ lệ (Scale)	1/100